VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

TS. TRƯƠNG DUY HÒA
(Chủ biên)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ XU HƯỚNG CHÍNH TRỊ - KINH TẾ Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

TRONG HAI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

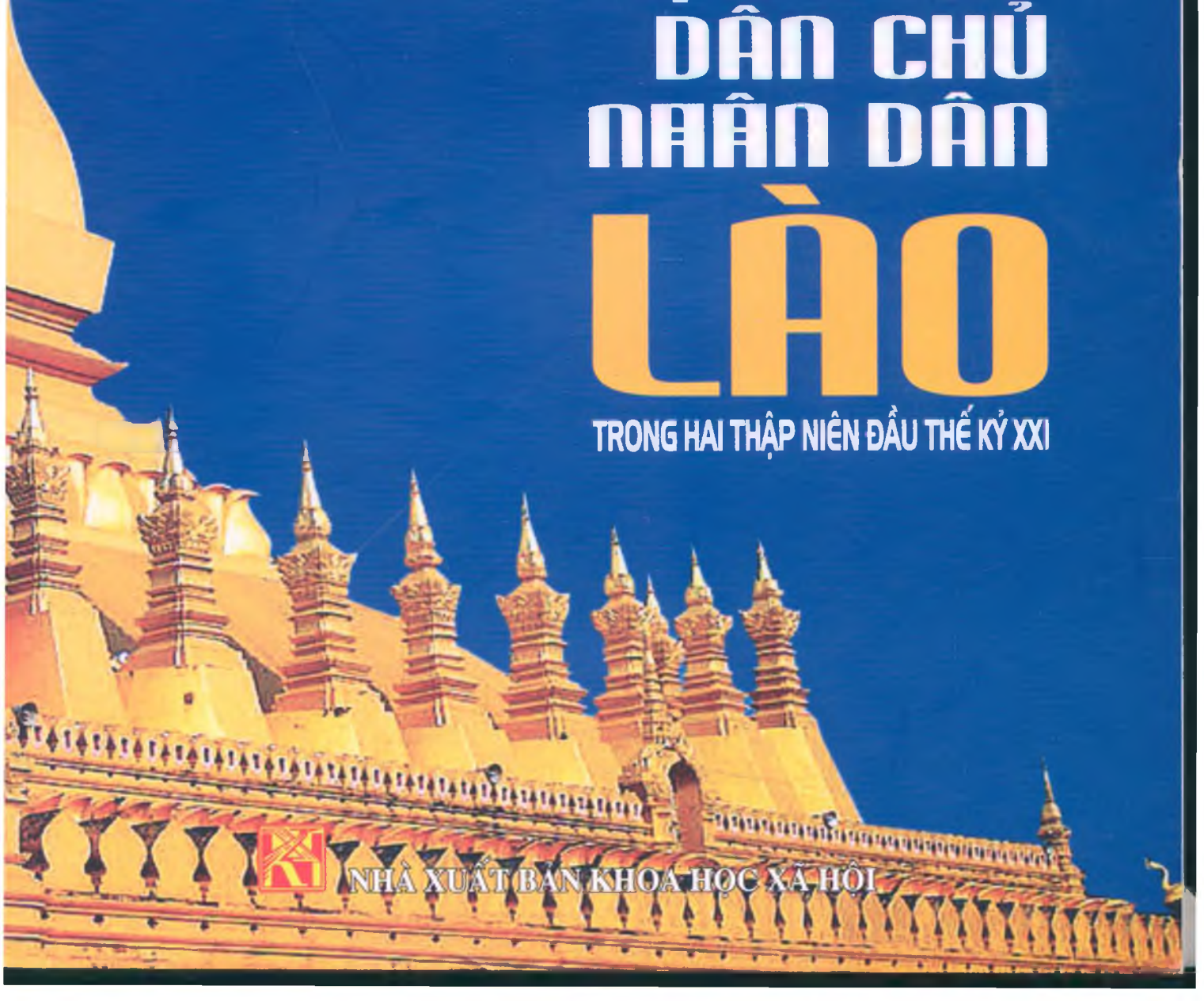

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

TS. TRƯƠNG DUY HÒA
(Chủ biên)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ XU HƯỚNG CHÍNH TRỊ - KINH TẾ Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO TRONG HAI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2012

...NG TIN
...A HỘI
Vt. 50579

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. PGS. TS. Nguyễn Thị Thi
2. Th.S. Nguyễn Hào Hùng
3. CN. Nguyễn Huy Quang
4. CN. Phạm Thị Mùi
5. CN. Trần Thị Minh Giang

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 7

Chương I : CÁC VẤN ĐỀ VÀ XU HƯỚNG CHÍNH TRỊ Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO 13

1.1. Tổng quan bối cảnh quốc tế và khu vực tác động mạnh mẽ đến tiến trình phát triển chính trị ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào 21

1.2. Những vấn đề chính trị đối nội nổi bật ở Lào

1.3. Những vấn đề liên quan đến chính trị đối ngoại 55

1.4. Triển vọng về chính trị đối nội và đối ngoại của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2011 - 2020 95

Chương II: NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ NỔI BẬT CỦA LÀO HIỆN NAY VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020 127

2.1. Tổng quan về hai kỳ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, 2006 - 2010 và một số bài học kinh nghiệm 127

2.2. Dự báo về những triển vọng kinh tế nổi bật của Lào đến năm 2020 152

2.3. Dự báo tổng quan về kinh tế Lào giai đoạn 2011 - 2020 196

Chương III: TÁC ĐỘNG CỦA TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ - KINH TẾ Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO TỚI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011 - 2020 202 2 2

3.1. Điều kiện tự nhiên, địa - quân sự, chính trị, kinh tế chi phối mối quan hệ tương hỗ giữa Việt Nam - Lào và Lào - Việt Nam 202 2 2

3.2. Tác động về chính trị - an ninh, quốc phòng 220) 0

3.3. Tác động về kinh tế 229) 9

3.4. Tác động về văn hóa - xã hội 232 2 2

Kết luận 235 5 5

Tài liệu tham khảo 241 1 1

LỜI NÓI ĐẦU

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Lào là nước nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á lục địa, có diện tích 236.800km^2, dân số hơn 6,47 triệu người, mật độ dân số khoảng 27 người/km^2 (tính đến năm 2011); có biên giới tiếp giáp với năm nước: Thái Lan, Campuchia, Myanmar, Trung Quốc và Việt Nam với chiều dài đường biên khoảng 5.180km[1]. Đây là quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á không có biển.

Nước Lào ngày nay là hậu duệ của vương quốc Lạn Xạng rộng lớn do vua Phà Ngừm thành lập vào giữa thế kỷ XIV (năm 1353). Trong suốt thời gian hơn 300 năm, Lạn Xạng luôn là một quốc gia hùng mạnh có ảnh hưởng lớn vươn tới nhiều vùng đất thuộc Campuchia và Thái Lan ngày nay. Khoảng nửa cuối thế kỷ XVII, Lạn Xạng bắt đầu bước vào giai đoạn suy tàn. Sau khoảng một thế kỷ suy yếu dần, cuối cùng nước Lào đã rơi vào ách đô hộ của phong kiến Xiêm (cuối thế kỷ XVIII). Đến cuối thế kỷ XIX, Lào bị thực dân Pháp xâm chiếm (năm 1893) và trở thành một bộ phận của Đông Dương thuộc Pháp (French Indochina). Hiệp ước Pháp - Xiêm năm 1904 đã phân định biên giới của nước Xiêm lúc đó với xứ Lào thuộc Đông Dương và nó trở thành cơ sở pháp lý cho biên giới giữa nước CHDCND Lào ngày nay với vương quốc Thái Lan, gây nhiều thua thiệt cho Lào về mặt lãnh thổ. Trong suốt hơn 70 năm của thế kỷ XX, Lào có chung số phận với Việt Nam và Campuchia, và đều là nạn nhân của chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

1 Theo cuốn: "*Số liệu thống kê Lào năm 2008*", Cục Thống kê Quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Viêng Chăn, 6/2009; tr. 2 (bản song ngữ tiếng Lào và tiếng Anh).

Sự ra đời của nước CHDCND Lào ngày 02/12/1975 là sự kiện trọng đại đánh dấu một kỷ nguyên mới trong lịch sử hiện đại Lào, đồng thời chấm dứt chế độ quân chủ đã từng tồn tại trên đất Lào suốt hơn 600 năm. Kể từ đó đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng (NDCM) Lào, nhân dân các dân tộc Lào vững vàng tiến bước trên con đường xây dựng một nước Lào mới theo thể chế dân chủ nhân dân, với mục tiêu được lựa chọn rõ ràng: "Hoà bình - Độc lập - Thống nhất - Dân chủ - Thịnh vượng".

Từ sau Đại hội IV (1986) của Đảng NDCM Lào, đặc biệt là sau khi kết thúc Chiến tranh lạnh (1991), Lào tích cực thực hiện chính sách đổi mới toàn diện về kinh tế, cải cách mở cửa thị trường, liên kết và hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Lào thông qua Luật Đầu tư nước ngoài năm 1988, gia nhập ASEAN năm 1997 và đang phấn đấu để tham gia Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trước năm 2015; đồng thời tích cực hội nhập sâu hơn vào các tổ chức khu vực và đa phương. Phía trước Lào là một tương lai rộng mở với nhiều cơ hội và những thách thức khá gay gắt.

Trong bối cảnh lớn của liên kết kinh tế khu vực và quốc tế ngày càng gia tăng, đặc biệt sau khi hành lang kinh tế Đông Tây (East - West Economic Corridor - EWEC) nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương thông qua lãnh thổ bốn nước Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmmar đã trở thành hiện thực (2007) và đường cao tốc chạy từ Côn Minh qua Tây Bắc Lào tới Băng Cốc đã thông xe toàn tuyến vào năm 2010; hành lang kinh tế Bắc Nam nối liền Nam Ninh (Trung Quốc) với Singapore chạy qua lãnh thổ Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan và Malaysia đang được vận hành, Lào thực sự không còn cách trở với các đại dương lớn cả về hướng Đông (phía Việt Nam) lẫn hướng Tây (phía Myanmar) và hướng Nam (phía Thái Lan). Điều này đang giúp Lào trở thành điểm trung chuyển quan trọng giữa các nước Đông Nam Á lục địa với Trung Quốc, đồng thời tạo cơ hội nâng cao vị thế của

Lào với tư cách là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và các nước láng giềng gần gũi của Lào[1].

Dưới con mắt của các nhà hoạch định chính sách của các nước lớn và các nước Đông Nam Á, vị thế địa - chiến lược của Lào ngày càng trở nên quan trọng và hấp dẫn. Thêm vào đó, Lào là một trong số những nước có nguồn tài nguyên rừng tương đối phong phú, nguồn khoáng sản dồi dào, tiềm năng thủy điện to lớn, diện tích đất đai màu mỡ, có nhiều địa điểm du lịch sinh thái, văn hóa - lịch sử hấp dẫn với phong tục tập quán đặc thù của văn hóa tộc người... Trong điều kiện giao thông được kết nối thông thương giữa các địa phương trong nội địa nước Lào và với các nước láng giềng thông ra hai đại dương lớn, thì đây là địa điểm tiềm năng thu hút khách du dịch bốn phương và các nhà đầu tư kinh doanh đến từ các nước trong khu vực và thế giới, nhất là từ các nước láng giềng Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam.

Trong suốt 10 năm đầu của thế kỷ XXI (2001 - 2010), kinh tế Lào liên tục đạt mức tăng trưởng GDP khá cao[2], thu nhập GDP bình quân đầu người tăng từ 369 USD năm 2002 lên khoảng 841 USD năm 2009 và xấp xỉ đạt 1.000 USD năm 2010. Đây là bước tiến đáng kể về kinh tế tại Lào. Ngoài ra, Lào còn được đánh giá là nước có tình hình chính trị - xã hội ổn định, bất chấp một số khó khăn xảy ra bất thường như lũ lụt, hạn hán hay dịch cúm gia cầm, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện đáng kể. Đặc biệt, với sự hỗ trợ về vốn từ nhiều nước và các tổ

---

1 Xem: Trương Duy Hòa (2010): "Vai trò và vị thế của Lào trong cạnh tranh giữa các nước lớn ở Đông Nam Á", Tạp chí *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, Số 3/2010; tr. 3.

2. Theo số liệu thống kê, trong 10 năm qua, GDP của Lào đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 6,5%/năm; cụ thể là: 5,8% năm 2001; 5,9% năm 2002 và năm 2003; 6,9% năm 2004; 7,3% năm 2005; 8,3% năm 2006; 6,0% năm 2007; 7,5% năm 2008; 6,5% năm 2009 và khoảng 7,5% năm 2010.

chức quốc tế, cơ sở hạ tầng giao thông nội địa của Lào đã có những tiến bộ vượt bậc, ở nhiều địa phương nhân dân có thể đi lại thông suốt trong hai mùa khô và mùa mưa, một điều mà trước đây có nằm mơ cũng không thể thực hiện được do khó khăn về tài chính. Tuy nhiên, hiện tại kinh tế - xã hội Lào vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức cam go do nội lực của Lào còn nhiều hạn chế, nhất là về vốn, công nghệ và nguồn nhân lực.

Về chính trị, Lào là nước theo thể chế chính trị một đảng lãnh đạo, thực thi hình thức dân chủ tập trung nên mọi việc đều thống nhất theo chỉ đạo từ trên xuống dưới. Điều này có ưu điểm là tránh được những bất đồng về quan điểm trong việc xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội như ở các thể chế chính trị đa nguyên, đa đảng của phần lớn các nước trong khu vực, nhưng lại vấp phải nhiều hạn chế mang tính chủ quan như: bộ máy quản lý trì trệ, nạn quan liêu, tham nhũng, hối lộ... tương đối phổ biến. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu động lực lao động sáng tạo, thiếu kiểm tra đôn đốc và giám sát,... cũng tạo ra lực cản cho công cuộc phát triển ở Lào.

Trong quan hệ đối ngoại, Lào cố gắng cân bằng ảnh hưởng giữa các cường quốc và các nước láng giềng to lớn của mình, nhưng rõ ràng việc quyết định dựa vào một bên nào đó trong chiến lược phát triển lâu dài của quốc gia đang ngày càng trở thành một sự lựa chọn vô cùng khó khăn. Mặc dù hiện nay tình hình chính trị nội bộ và chính sách đối ngoại của Lào nhìn chung tương đối ổn định, kinh tế Lào đang có chiều hướng phát triển tốt, nhưng Lào đang phải đối mặt với nguy cơ tụt hậu và những nhân tố khách quan tác động mạnh mẽ từ bên ngoài có thể làm chệch hướng phát triển kinh tế - chính trị trong nước. Tương lai chính trị - kinh tế của Lào sẽ ra sao cho đến năm 2020 hoàn toàn phụ thuộc vào việc giải quyết các vấn đề chính trị - kinh tế nổi bật ở Lào trước mắt và lâu dài như thế nào. Trong bối cảnh khu vực và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp và khó lường như hiện nay, cùng với

việc mở rộng dân chủ trong nước và định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền "của dân, do dân, vì dân", thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại, tăng cường thu hút đầu tư trong nước và FDI..., một mặt, có thể làm cho Lào có những thay đổi theo chiều hướng tích cực, nhưng mặt khác lại có thể dẫn Lào tới sự phụ thuộc nặng nề hơn vào các thế lực bên ngoài và sự tàn phá môi trường sinh thái trong nước.

Là nước láng giềng gần gũi và gắn bó thân thiết với Lào nên tình hình phát triển chính trị - kinh tế ở Lào nhất định có tác động to lớn tới Việt Nam. Một nước Lào đoàn kết, thống nhất, ổn định về chính trị đối nội và đối ngoại, đồng thời phát triển giàu có, thịnh vượng và bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường luôn là mục tiêu phát triển lâu dài của nhân dân các dân tộc Lào. Đây cũng chính là điều mà Việt Nam và các nước bạn bè của Lào mong muốn, vì nó phù hợp với lợi ích quốc gia của Việt Nam, phù hợp với xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của cả khu vực và thế giới.

Trong xu thế phát triển chung của khu vực, việc nghiên cứu sâu về mọi mặt liên quan đến đời sống chính trị, kinh tế của Lào hiện nay và sắp tới đang trở thành một nhiệm vụ cấp thiết đối với Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Mục tiêu cuốn sách này là phân tích và dự báo tình hình phát triển chính trị - kinh tế ở Lào giai đoạn 2011 - 2020, dựa trên sự nhìn nhận và đánh giá những vấn đề nổi bật trong phát triển ở Lào cả về chính trị và kinh tế. Trên cơ sở đó giúp bạn đọc hình dung ra diện mạo chính trị - kinh tế Lào trong 10 năm tới; những thuận lợi, khó khăn mà nước Lào sẽ phải đối mặt và tác động của chúng đến Việt Nam ra sao.

Với mục tiêu này, cấu trúc cuốn sách được bố cục thành ba chương: Chương I: *Các vấn đề và xu hướng chính trị ở CHDCND Lào* Trong chương này, các tác giả tập trung phân tích bối cảnh chung của khu vực và thế giới đầu thế kỷ XXI tác động đến tình hình phát

triển chính trị ở Lào như thế nào, những vấn đề chính trị nội bộ, chính trị đối ngoại, cạnh tranh ảnh hưởng của một số nước ở Lào; trên cơ sở đó, đưa ra một số dự báo về chính trị đối nội, đối ngoại và xu hướng phát triển chính trị ở Lào giai đoạn 2011- 2020. Chương II: *Những vấn đề kinh tế nổi bật của Lào hiện nay và tầm nhìn đến năm 2020,* tập trung phân tích một số nét tổng quan và bài học kinh nghiệm rút ra từ hai kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và 2006 - 2010; đề cập đến các vấn đề kinh tế nổi bật mà Lào sẽ phải giải quyết; đưa ra một số dự báo tổng quan về kinh tế Lào trong 10 năm tới. Chương III: *Tác động của tình hình chính trị - kinh tế ở CHDCND Lào tới Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020,* tập trung phân tích các tác động mang tính tương hỗ về mặt chính trị, an ninh - quốc phòng, kinh tế, văn hóa - xã hội giữa hai nước giai đoạn 2011 - 2020. Từ đó, cuốn sách đề cập tới một số suy nghĩ nhằm phát triển bền vững mối quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam - Lào.

Vì tư liệu viết về chính trị - kinh tế Lào không có nhiều và thiếu tính hệ thống, nên chúng tôi cố gắng thu thập tối đa các thông tin từ nhiều nguồn cả tiếng Việt, tiếng Lào, tiếng Anh... như sách, báo, tạp chí, tin trên mạng, các website, các bản tin tham khảo, báo cáo nội bộ của một số bộ, ngành... của Lào, sắp xếp và hệ thống hóa chúng để minh chứng cho những vấn đề đặt ra. Vì thế, một số quan điểm và kết luận có thể còn mang tính chủ quan nên rất mong được các quý bạn đọc chân thành góp ý để công trình hoàn thiện hơn.

Thay mặt tập thể tác giả

TS. Trương Duy Hòa

Chương I

CÁC VẤN ĐỀ VÀ XU HƯỚNG CHÍNH TRỊ Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

1.1. Tổng quan bối cảnh quốc tế và khu vực tác động mạnh mẽ đến tiến trình phát triển chính trị ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Thế giới bước vào thế kỷ XXI với những thay đổi lớn lao chưa từng có: thế đối đầu hai cực Xô - Mỹ trong Chiến tranh lạnh đã trở thành dĩ vãng, xu thế toàn cầu hóa kinh tế do Mỹ và các nước tư bản phát triển hàng đầu thống lĩnh và chi phối đã trở thành xu hướng phát triển chủ đạo của thế giới, trong đó quá trình liên kết và hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế đã trở thành "thời thượng" quyết định mọi đường hướng phát triển của các quốc gia, khu vực.

Cùng với xu thế toàn cầu hóa và liên kết khu vực, trong tiến trình phát triển kinh tế và chính trị thế giới đang diễn ra một cuộc đua tranh mới vô cùng khốc liệt giữa các cường quốc với tâm điểm chính là Mỹ và Trung Quốc nhằm xác lập lại vị trí bá chủ thế giới. Cuộc đua tranh giữa một siêu cường đã được xác lập trong hơn nửa thế kỷ qua là Mỹ với một đại cường quốc đang trên đường tìm kiếm vị trí siêu cường là Trung Quốc xem ra còn nóng bỏng hơn cuộc tranh giành ảnh hưởng chính trị Xô - Mỹ trước đây đã và đang lôi kéo các nước còn lại vào cuộc.

Sau hơn nửa thế kỷ ở vị trí siêu cường, Mỹ trở nên suy yếu một cách tương đối do phải đối mặt cùng một lúc với nạn khủng bố quốc tế và chi phí khổng lồ từ hai cuộc chiến tranh lớn ở Irắc và Apghanistan[1], cộng thêm với tác động lớn chưa từng có của khủng hoảng tài chính từ năm 2008. Tuy nhiên, với ưu thế nổi bật toàn diện về chính trị, kinh tế, khoa học - công nghệ và quân sự của mình, Mỹ đang nhanh chóng điều chỉnh chiến lược toàn cầu mới nhằm đối phó với khủng hoảng tài chính, sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, sự trở mình của Ấn Độ và các cường quốc khác thông qua vai trò tích cực của Mỹ trong NATO, tăng cường các mối liên minh truyền thống của Mỹ với EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó bao gồm cả các cuộc tập trận liên tục gần đây với Nhật Bản, Hàn Quốc và củng cố các mối quan hệ truyền thống với các nước Đông Nam Á qua việc đàm phán và thực hiện một loạt các hiệp định

---

1. Chi phí mà Mỹ phải chịu trong hai cuộc chiến ở Afghanistan và Irắc không dừng ở con số 1.000 tỷ USD như tuyên bố của Tổng thống Mỹ Barack Obama. Theo *Tạp chí Newsweek* ra ngày 30/6/2011, số tiền này thực chất đã lên tới 3.700 tỷ USD và có thể tới ngưỡng 4.400 tỷ USD. Báo cáo mang tên "*Chi phí chiến tranh*" do các chuyên gia nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu các vấn đề quốc tế Watson thuộc Đại học Brown (Mỹ) công bố ngày 29/6/2011 khẳng định, những con số mà Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và cả Nhà Trắng đưa ra trước đó đều không sát với thực tế chi tiêu trong những năm qua.

   Trong 10 năm thực hiện cuộc chiến ở Afghanistan và 7 năm cho cuộc chiến tại Irắc, số tiền mà Mỹ đã tiêu tốn dao động từ 3.700 tỷ USD tới 4.400 USD. Bà Catherine Lutz, một trong những đồng tác giả của cuộc nghiên cứu nói: "Mức phỏng đoán hợp lý là khoảng 4.000 tỷ USD cho hai cuộc chiến".

thương mại tự do (FTA) với nhiều nước ASEAN và đang tích cực tiến hành điều chỉnh chiến lược can dự ở Đông Nam Á thời kỳ hậu chiến tranh Irắc và Apghanistan, thông qua tuyên bố về lợi ích quốc gia quan trọng của Mỹ trong việc duy trì hòa bình và đối thoại trong các tranh chấp ở Biển Đông, v.v... Sự tranh giành ưu thế địa - chính trị mới giữa Mỹ và Trung Quốc trên thế giới nói chung và ở châu Á - Thái Bình Dương nói riêng đang làm tăng thêm tầm quan trọng của các nước ASEAN, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Australia... trong các công việc chung của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, làm nóng lên mối quan hệ đồng minh và an ninh truyền thống của Mỹ với Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và nhiều nước Đông Nam Á khác, làm tăng thêm mâu thuẫn giữa các cặp quan hệ chủ chốt Mỹ - Trung, Trung - Nhật, Nga - Nhật, Trung - Ấn, v.v... đang tạo ra nhiều chuyển biến mới trong môi trường địa - chính trị ở khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương. Tất cả những thay đổi này đều có tác động sâu sắc đến các nước Đông Nam Á nói chung và Lào nói riêng.

Trong bối cảnh lớn của môi trường cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, cùng với toàn cầu hóa kinh tế làm chủ đạo, trong đó trụ lực chính là tự do hóa thương mại và đầu tư, khu vực Đông Nam Á nói chung và Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) nói riêng đã từng bước gia tăng các lộ trình hội nhập trên nhiều phương diện và cấp độ. Trên cơ sở tăng cường và mở rộng khuôn khổ khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), các phương thức hợp tác ASEAN+1, ASEAN+3, Hợp tác Đông Á, Hợp tác APEC, Hợp tác Á - Âu, v.v... đã và đang được các thành viên ASEAN tích cực hưởng ứng nhằm gia tăng khả năng buôn bán và thu hút đầu tư từ các đối tác trong và ngoài khu vực.

Có thể nói, trong xu thế liên kết khu vực và toàn cầu hóa, sau những khó khăn tạm thời của hệ thống thương mại đa phương, nhất là khó khăn trong việc thúc đẩy vòng đàm phán thương mại Đôha[1], các khuynh hướng đẩy mạnh các hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực đang được gia tăng mạnh mẽ tại các nước ASEAN và GMS. Đây cũng chính là xu hướng phát triển nổi trội của khu vực ASEAN trong thập niên đầu của thế kỷ XXI. Các lộ trình hội nhập trên nhiều phương diện, cấp độ và tốc độ ở các nước ASEAN và GMS đã góp phần tạo ra diện mạo mới cho toàn khu vực Đông Nam Á - một vùng đệm năng động và lý tưởng nằm giữa hai nền kinh tế lớn mới nổi là Trung Quốc và Ấn Độ - đã và đang lôi cuốn sự tham gia của hầu hết các nước lớn và vừa vào tiến trình đua tranh ảnh hưởng kinh tế này, trong đó trước hết phải kể tới Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Australia, New Zeland, v.v...

Nhân tố nổi trội nhất trong tiến trình trên là Trung Quốc. Cùng với chủ thuyết "Phát triển hòa bình" nhằm xây dựng "thế giới hài hòa" của Trung Quốc, sự bùng nổ đặc biệt về kinh tế của nước này và bước phát triển mới mang tính đột phá trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN những năm gần đây (như Trung Quốc hưởng ứng tích cực sáng kiến của ASEAN về khắc phục khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997-1998, tham gia sáng lập cơ chế ASEAN+3 (2000), ký Hiệp định khung về

---

1. Vòng đàm phán Đôha (hay còn được gọi là Chương trình nghị sự Đôha về Phát triển - DDA) được khởi động tại Hội nghị Bộ trưởng WTO (MC) lần thứ 4, tổ chức tại Đôha, Quatar tháng 11 năm 2001. Mục tiêu ban đầu mà các Bộ trưởng đề ra là kết thúc Vòng Đôha vào năm 2005 nhưng cho đến nay vẫn chưa thực hiện được.

hợp tác kinh tế toàn diện với ASEAN (11/2002) nhằm mở đường cho Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (CAFTA) hình thành vào năm 2010, ký Hiệp ước TAC với ASEAN (2003) và hàng loạt các Nghị định quan trọng khác tại Viêng Chăn (11/2004) nhằm thực hiện CAFTA, tăng cường viện trợ và đầu tư trực tiếp vào các nước Đông Nam Á, v.v...) đã làm gia tăng vai trò đặc biệt của Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á. Đây cũng chính là một trong các nhân tố chủ đạo góp phần làm thay đổi môi trường địa - chính trị khu vực. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc được thể hiện toàn diện trên các mặt: chính trị - an ninh, kinh tế, quốc phòng, khoa học-công nghệ, văn hóa, giáo dục. Dựa trên trụ cột chính là CAFTA, trong những năm gần đây, Trung Quốc đã và đang triển khai tích cực nhiều dự án mang tầm cỡ chiến lược "một trục, hai cánh", "hai hành lang, một vành đai", v.v... Có thể nói, những cách tiếp cận mới này của Trung Quốc đang và sẽ có tác động rất lớn đến chiều hướng phát triển của toàn bộ các nước ASEAN và GMS[1], vừa là cơ hội vừa là thách thức gay gắt chưa từng có đối với các nước Đông Nam Á.

Với sự trỗi dậy mãnh liệt của Trung Quốc, cùng với Mỹ, các nước lớn khác cũng đã tích cực thực hiện điều chỉnh chiến lược hợp tác với các nước ASEAN và GMS. Nhật Bản đã tăng cường viện trợ cho các nước Đông Nam Á, đặc biệt là các dự án trong khung khổ Tiểu vùng Mê Kông mở rộng như Dự án Hành lang kinh tế Đông - Tây nối thông bốn nước

1 Xem thêm: PGS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, trong bài: "Hợp tác Việt - Lào trong bối cảnh quốc tế mới"; *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào*; Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 598.

VN. 50579

Việt Nam - Lào - Thái Lan - Myanmar, Dự án Tam giác Phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam. EU đã thay đổi cách tiếp cận với ASEAN theo cách hướng tới một quan hệ đối tác năng động và bình đẳng hơn. Nga cũng bắt đầu chuyển hướng để từ một bên đối thoại với ASEAN tiến dần đến hình thành một quan hệ đối tác tích cực với các nước Đông Nam Á thông qua "*Chiến lược Thái Bình Dương*" vừa được soạn thảo[1]. Ấn Độ cũng ngày càng quan hệ chặt chẽ hơn với ASEAN trong tổng thể của "*Chính sách hướng Đông*".

Như vậy, hội nhập khu vực và quốc tế rõ ràng đã tạo ra cho các nước ASEAN nói chung, ASEAN-4 và Lào nói riêng, vị thế địa - chiến lược mới. Các nước lớn quan tâm đến khu vực ASEAN là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng của cả khu vực và từng nước, song đây cũng là tâm điểm cho sự tranh giành quyền lực và ảnh hưởng mà trên mỗi bước tiến của các nước lớn, rất có thể sẽ nảy sinh nhiều mâu thuẫn về lợi ích và nguy cơ phân rã, ly tâm của các nước Đông Nam Á. Đó là chưa kể đến trường hợp vượt ra ngoài những nội dung hội nhập kinh tế, các vấn đề chính trị - an ninh nảy sinh trong sự tương tác về quan hệ lợi ích chiến lược giữa các nước lớn, rất có thể sẽ đẩy khu vực Đông Nam Á tới những bất ổn khó lường. Đặc biệt, các hiệu ứng về khủng hoảng nợ công ở Mỹ và một số nước châu Âu, tình hình bất ổn hiện nay ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi, khó khăn kinh tế do động đất và sóng thần ở Nhật Bản, bế tắc trong đàm phán

---

1. Xem: "Russia's Pacific Strategy" published July 8, 2010. Prepared under the direction of Vyacheslav A. Nikonov, by Georgy Tolorya (ed.), Kirill Barsky, Gennady Chufrin, Yuri Dubinin, Victor Trifonov.

hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên, các vấn đề về xung đột tôn giáo, sắc tộc và biên giới ở một số nước ASEAN, các tranh chấp về biển đảo ở Biển Đông và biển Hoa Đông, v.v... có thể sẽ có tác động khó lường đến tình hình chính trị - an ninh và kinh tế nội bộ bên trong mỗi nước Đông Nam Á. Điều này có nghĩa là, sự ổn định chính trị - xã hội mang tính tương đối và chưa bền vững trong khu vực ASEAN lại tồn tại trong điều kiện có sự hiện diện của các nước lớn, rất có thể sẽ làm cho sự bất ổn ở các nước trong khu vực có nguy cơ gia tăng. Trong các tình huống cụ thể, khả năng can dự từ bên ngoài vào bên trong mỗi nước là rất cao, nếu xung đột nội bộ về các vấn đề phát triển chính trị - kinh tế - xã hội ở bên trong mỗi nước không được kiểm soát và giải quyết ổn thỏa.

Như vậy, trong bối cảnh liên kết khu vực, toàn cầu hóa và cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn, bên cạnh những cơ hội vô cùng to lớn do tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu sắc tạo ra, thì các thách thức và bất lợi cũng nguy hiểm không kém đối với các nước đang phát triển do khả năng và nguồn lực còn nhiều hạn chế. Điều này đòi hỏi các nước ASEAN cần tỉnh táo và khôn ngoan để không bị bất ngờ trước các cú sốc và mối đe dọa có thể xảy ra trong tiến trình phát triển ở bên trong mỗi nước, cũng như trong sự hợp tác giữa các nước Đông Nam Á với nhau và với các đối tác bên ngoài khu vực.

Riêng đối với Lào, với việc gia nhập ASEAN từ tháng 7 năm 1997 và thông qua tiếp cận của toàn ASEAN như là một đầu mối phối hợp chung, cùng với các thành viên ASEAN-4 khác, Lào ngày càng tham gia tích cực hơn vào các chương trình hợp tác ASEAN, ASEAN+1, ASEAN+3, GMS và Hợp

tác Đông Á. Song song với các cải cách kinh tế trong nước, Lào từng bước củng cố quan hệ chính trị và kinh tế với các nước láng giềng, đặc biệt là với các nước ASEAN, Trung Quốc, các nước khu vực Đông Bắc Á và châu Á - Thái Bình Dương (Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia...). Quá trình hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế đã tạo ra sự thay đổi vô cùng sâu sắc tại Lào. Từ vị thế cách biệt với các đại dương lớn và dường như biệt lập với thế giới bên ngoài do hệ thống giao thông đường bộ kém phát triển trước đây, trong mười năm qua (2001 - 2010), Lào từng bước được kết nối thông thương với các quốc gia trong khu vực theo hai trục chủ yếu là Đông Tây và Bắc Nam bằng các dự án phát triển cơ sở hạ tầng với sự trợ giúp về tài chính của các nước và các tổ chức quốc tế. Đây chính là sự thay đổi mang tính chất đột phá chưa từng có đối với nước Lào trong thời đại toàn cầu hóa.

Cùng với xu thế phát triển tất yếu của khu vực và thế giới trong kỷ nguyên thông tin, Lào đã từng bước thực hiện đường lối phát triển kinh tế thị trường khá thành công. Khởi đầu bằng chính sách đổi mới từ sau Đại hội toàn quốc Đảng NDCM Lào lần thứ IV (1986), trải qua 15 năm đầu tiên phát triển kinh tế thị trường với sự điều tiết của nhà nước (1986 - 2001), Lào đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong phát triển kinh tế và rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Tại Đại hội lần thứ VII Đảng NDCM Lào năm 2001, các định hướng chính sách cơ bản của Lào trong thập niên đầu thế kỷ XXI đã được xác định khá rõ ràng. Đến Đại hội VIII (tháng 3/2006) và Đại hội IX (tháng 4/2011), Lào tiếp tục khẳng định các mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Đó là việc kiên định đường lối phát triển kinh tế

thị trường nhiều thành phần, mở cửa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu hơn nhằm đạt được mục tiêu thoát nghèo vào năm 2015 và ra khỏi tình trạng nước kém phát triển vào năm 2020, rồi từng bước tiến tới trên con đường thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Như vậy, bối cảnh phát triển của khu vực và thế giới trong thập niên đầu thế kỷ XXI đã có những tác động to lớn, sâu sắc và toàn diện đến chính sách đối nội, đối ngoại cũng như mục tiêu của các kế hoạch dài hạn trong phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào. Tuy nhiên, trong 10 năm tiếp theo (2011 - 2020) Lào vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức cam go trong việc giải quyết những vấn đề chính trị - kinh tế cơ bản để có thể trở thành một nước có vị thế địa - kinh tế, địa - chiến lược quan trọng ở khu vực Đông Nam Á lục địa và Tiểu vùng Mê Kông mở rộng.

1.2. Những vấn đề chính trị đối nội nổi bật ở Lào

1.2.1. Vấn đề xây dựng bộ máy quyền lực nhà nước và củng cố hệ thống chính trị

Xây dựng bộ máy quyền lực nhà nước và củng cố hệ thống chính quyền là vấn đề chính trị nội bộ cực kỳ quan trọng của mỗi quốc gia. Bộ máy quyền lực nhà nước và hệ thống chính trị của một đất nước phải hợp hiến, hợp pháp và được người dân tôn trọng và ủng hộ thì mới tồn tại vững chắc. Ở CHDCND Lào, bộ máy quyền lực nhà nước và hệ thống chính quyền hiện nay đã được xây dựng từng bước khá thành công trong quá trình phát triển đất nước mấy chục năm vừa qua. Thực tiễn đã chứng minh, bộ máy quyền lực ở Lào là công cụ pháp lý quan trọng đóng vai trò to lớn trong việc duy trì

quyền lực chính trị của Nhà nước Lào, hoạt động khá hiệu quả, phù hợp với tập quán sinh hoạt tôn giáo và văn hóa của nhân dân các bộ tộc Lào, đáp ứng cơ bản các quyền lợi về chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội của nhân dân Lào.

Nghiên cứu vấn đề xây dựng bộ máy quyền lực và củng cố hệ thống chính trị ở Lào cho chúng ta thấy, đây là một trong những vấn đề chính trị rất đặc trưng ở Lào, khác biệt với các vấn đề tương tự ở Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác. Vấn đề hoàn thiện bộ máy quyền lực ở Lào trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI (2011 - 2020) cũng là vấn đề chính trị nổi bật thu hút sự chú ý của đông đảo dư luận trong và ngoài nước Lào, trong đó có Việt Nam.

Năm 1945, nắm bắt thời cơ Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Ai Lao Đảng Cộng sản Đông Dương, nhân dân Lào đã vùng dậy giành chính quyền, tuyên bố độc lập vào ngày 12/10/1945. Lần đầu tiên một chính phủ lâm thời, một dạng của chính phủ liên hiệp được thành lập, bên cạnh sự tồn tại của nhà vua Lào. Nhưng chỉ 5 tháng sau, tháng 2/1946 thực dân Pháp đã nổ súng xâm chiếm Lào lần thứ hai. Cùng với nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào phải tiến hành cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược, với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết (20/7/1954), hòa bình được lập lại ở Đông Dương. Lực lượng cách mạng Lào rút về tập kết ở hai tỉnh là Phôngsalỳ và Sầm Nưa, nước Lào lại rơi vào tay đế quốc Mỹ xâm lược cùng thế lực tư sản mại bản và phong kiến bù nhìn tay sai cai trị. Từ đó, nhân dân các bộ tộc Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng NDCM Lào tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ cho đến ngày 2/12/1975 mới

giành được toàn thắng, lần đầu tiên trong lịch sử đưa chính quyền về tay nhân dân.

+) Chính quyền dân chủ nhân dân ở Lào từ năm 1975 đến nay

Lịch sử xây dựng và phát triển của chính quyền dân chủ nhân dân ở Lào là một quá trình đấu tranh lâu dài, oanh liệt và phức tạp. Chính quyền dân chủ nhân dân Lào có mầm mống từ chính phủ kháng chiến Lào Itxala được hình thành tại Đại hội thành lập Mặt trận Lào Itxala tháng 8/1950 do Hoàng thân Xuphanuvông làm Chủ tịch Mặt trận, kiêm Thủ tướng chính phủ và ông Cayxỏn Phômvihản làm Bộ trưởng Quốc phòng. Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế của nước Lào lúc đó, vấn đề xây dựng một Nhà nước Lào độc lập với đầy đủ các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp chưa được đặt ra. Lúc đó, để vận hành bộ máy của lực lượng kháng chiến Lào, công tác chỉ đạo điều hành hệ thống chính trị chủ yếu được thực hiện bằng đường lối, cơ chế, chính sách và các biện pháp hành chính tạm thời.

Bắt đầu từ tháng 12/1975, chế độ dân chủ và nhà nước cộng hòa ở Lào ra đời, mở ra kỷ nguyên mới cho nhân dân các bộ tộc Lào, đồng thời đánh dấu trang sử mới của chế độ chính trị và thể chế nhà nước hiện đại Lào[1]. Trong Tuyên bố của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc Lào (12/1975) chỉ rõ:

---

1 Báo cáo của Tổng Bí thu Ban chấp hành Trung ương Đảng NDCM Lào Cayxỏn Phômvihản tại Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khai mạc tại thủ đô Viêng Chăn, ngày 1/12/1975. Xem trong Cayxỏn Phômvihản: "*Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*", Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 167.

1) Xóa bỏ chính phủ liên hiệp lâm thời; 2) Xóa bỏ chế độ phong kiến và giai cấp phong kiến; 3) Thành lập nước CHDCND Lào); 4) Thành lập Hội đồng Nhân dân tối cao (Quốc hội) Lào do Hoàng thân Xuphanuvông làm Chủ tịch; 5) Thành lập Chính phủ CHDCND Lào do ông Cayxỏn Phômvihản làm Thủ tướng; 6) Thông qua quốc ca, quốc huy, quốc kỳ của CHDCND Lào; 7) Thông qua cương lĩnh chính trị của Chính phủ CHDCND Lào.

Đại hội trên đây đã bầu ra Hội đồng Nhân dân tối cao (Quốc hội) và xác lập chế độ nguyên thủ quốc gia là Chủ tịch nước, do Hoàng thân Xuphanuvông làm Chủ tịch. Đây là hình thức phù hợp với hoàn cảnh Lào lúc bấy giờ, đồng thời có thể coi đây là tính đặc thù về sự hình thành của Quốc hội nước CHDCND Lào. Cơ cấu cơ quan quyền lực nhà nước đầu tiên của CHDCND Lào được Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc bầu và thông qua ngày 2/12/1975 gồm: 1) Chủ tịch nước CHDCND Lào; 2) Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tối cao (Quốc hội); 3) Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Chính phủ).

Hội đồng Nhân dân tối cao (Quốc hội) đầu tiên của CHDCND Lào do Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc (12/1975) bầu ra gồm 45 thành viên (có 4 thành viên nữ), 1 Chủ tịch và 4 Phó Chủ tịch, 1 Tổng Thư ký thường trực. Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tối cao đồng thời cũng là Chủ tịch nước CHDCND Lào.

Căn cứ vào thực tiễn của Lào, Hội đồng Nhân dân tối cao còn mang tính chất tượng trưng cho khối đại đoàn kết thống nhất các bộ tộc trên toàn quốc để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội mới. Hệ thống tổ chức của Hội đồng Nhân dân đầu tiên của Lào

được thiết lập theo 4 cấp: 1) Hội đồng Nhân dân tối cao (Quốc hội); 2) Hội đồng Nhân dân tỉnh/thành phố; 3) Hội đồng Nhân dân huyện; 4) Hội đồng Nhân dân xã, trong đó, Hội đồng Nhân dân các cấp ở địa phương do nhân dân địa phương bầu cử và bãi miễn.

Hội đồng Bộ trưởng (Chính phủ) đầu tiên của CHDCND Lào cũng do Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc bầu và thông qua gồm 39 thành viên, trong đó có 1 Thủ tướng và 4 Phó Thủ tướng. Người đứng đầu Hội đồng Bộ trưởng đồng thời cũng là Tổng Bí thư Đảng NDCM Lào (ông Cayxỏn Phômvihản). Hội đồng Bộ trưởng với tư cách là cơ quan hành pháp của nước CHDCND Lào được thành lập lần đầu tiên tháng 12/1975 có cơ cấu gồm 12 Bộ và 4 Ủy ban ngang Bộ[1], sau đó đến năm 1982 lại cơ cấu thành 12 Bộ và 6 Ủy ban[2].

1. Bộ máy chính phủ Lào được lập ra vào năm 1975 gồm 12 bộ và 4 cơ quan ngang Bộ, gồm: 1) Bộ Tài chính; 2) Bộ Giáo dục-Văn hóa; 3) Bộ Quốc phòng; 4) Bộ Ngoại giao; 5) Bộ Nội vụ; 6) Bộ Tư pháp; 7) Bộ Thương binh và Xã hội; 8) Bộ Thông tin tuyên truyền, Thể thao và Du lịch; 9) Bộ Giao thông vận tải; 10) Bộ Y tế; 11) Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy lợi; 12) Bộ Công nghiệp, Thương mại và Thư tín; 13) Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; 14) Ủy ban Dân tộc; 15) Ngân hàng quốc gia; 16) Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng.

2 Thời kỳ 1976-1982, bộ máy chính phủ Lào gồm 12 Bộ và 6 Ủy ban: 1) Bộ Quốc phòng; 2) Bộ Nội vụ; 3) Bộ Ngoại giao; 4) Bộ Tư pháp; 5) Bộ Tài chính; 6) Bộ Công nghiệp và Thương mại; 7) Bộ Nông-Lâm, Thủy lợi và Hợp tác xã; 8) Bộ Giao thông vận tải; 9) Bộ Bưu chính Viễn thông; 10) Bộ Giáo dục; 11) Bộ Y tế; 12) Bộ Văn hóa và Du lịch; 13) Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; 14) Ngân hàng Nhà nước; 15) Ủy ban Thông tin báo chí; 16) Ủy ban Thương binh xã hội; 17) Ủy ban Dân tộc; 18) Ủy ban Lào vì Hòa bình thế giới.

Đến những năm 1983 - 1990, bộ máy tổ chức của Chính phủ lại có tới 15 Bộ, 3 Ủy ban nhà nước và 4 Ủy ban trực thuộc độc lập[1]. Đến thời điểm hiện nay (năm 2011), cơ cấu bộ máy chính phủ Lào có sự thay đổi lớn, gồm 17 Bộ, 3 cơ quan tương đương Bộ, trong đó có những bộ mới được thành lập trong nhiệm kỳ Chính phủ 2011 - 2015[2]. Đứng đầu Chính phủ Lào hiện nay là ông Thoongxỉnh Thăммavông và 4 Phó Thủ tướng là các ông Asang Laoli, Thoonglun Xixulít, Xổmxàvạt Lềngxạvắt và Đuôngchay Phichít. Ngoài ra, nội các Lào đương nhiệm còn có 24 Bộ trưởng phụ trách các Bộ, ngành và Bộ trưởng không Bộ.

---

1. Bộ máy chính phủ Lào thời kỳ 1983-1990 gồm 15 Bộ, 3 Ủy ban nhà nước và 4 Ủy ban độc lập, gồm: 1) Bộ Quốc phòng; 2) Bộ Nội vụ; 3) Bộ Ngoại giao; 4) Bộ Hợp tác kinh tế với các nước; 5) Bộ Kinh tế và Tài chính; 6) Bộ Giao thông vận tải, Bưu chính và Xây dựng; 7) Bộ Thương mại và Du lịch; 8) Bộ Nông-Lâm; 9) Bộ Công nghiệp và Thủ công nghiệp; 10) Bộ Khoa học và Công nghệ; 11) Bộ Tư pháp; 12) Bộ Giáo dục và Thể thao; 13) Bộ Thông tin và Văn hóa; 14) Bộ Y tế; 15) Bộ Thương binh xã hội và Cựu binh; 16) Ủy ban Khoa học xã hội; 17) Ngân hàng nhà nước; 18) Ủy ban Lào vì hòa bình thế giới; 19) Văn phòng Chủ tịch nước; 20) Hội Liên minh Lào - Nga; 21) Tòa án nhân dân; 22) Viện Kiểm sát nhân dân.
2. Đến nay, bộ máy chính phủ Lào nhiệm kỳ 2011-2015 gồm có 17 Bộ và 3 cơ quan tương đương: 1) Bộ Quốc phòng, 2) Bộ An ninh, 3) Bộ Ngoại giao, 4) Bộ Nội vụ, 5) Bộ Giáo dục, 6) Bộ Tư pháp, 7) Bộ Y tế, 8) Bộ Lao động và Phúc lợi xã hội, 9) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 10) Bộ Tài chính, 11) Bộ Công thương, 12) Bộ Năng lượng và Mỏ, 13) Bộ Công chính và Vận tải, 14) Bộ Khoa học và Công nghệ, 15) Bộ Tài nguyên và Môi trường, 16) Bộ Thông tin - Văn hoá và Du lịch, 17) Bộ Bưu chính - Viễn thông và Liên lạc, 18) Ngân hàng trung ương Lào, 19) Văn phòng Chính phủ, 20) Ủy ban Kiểm tra và Chống tham nhũng.

Bộ máy hành chính địa phương ở Lào ban đầu được tổ chức theo lãnh thổ trong toàn quốc gồm Ủy ban Nhân dân các cấp. Trong giai đoạn đầu, hệ thống chính quyền ở Lào gồm 5 cấp: trung ương, tỉnh/thành, huyện, xã và bản, trong đó, Chủ tịch chính quyền địa phương các cấp không đo Bí thư cấp ủy đảng các cấp kiêm nhiệm, tức là có Chủ tịch và Bí thư riêng. Do trong thời kỳ này ở Lào quy định tỉnh là đơn vị chiến lược, huyện là đơn vị quy hoạch và có quyền tự quản toàn diện, vì vậy, vai trò của các Bộ/ngành không được triển khai toàn diện đến các địa phương. Về sau, nhận thấy các tổ chức trên đây không còn phù hợp và không hiệu quả, Bộ Chính trị Đảng NDCM Lào đã ra chỉ thị củng cố lại. Hiện nay, bộ máy chính quyền Lào chỉ gồm 4 cấp: trung ương, tỉnh/thành, huyện và bản.

Hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân (Cơ quan tư pháp) được tổ chức theo ngành dọc: Tòa án/Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án/Viện Kiểm sát cấp tỉnh/thành và Tòa án/Viện Kiểm sát cấp quận/huyện, với cơ cấu quyền lực tập trung theo kiểu: địa phương phục tùng trung ương, cấp dưới phục tùng cấp trên. Chánh án Toà án Nhân dân tối cao Lào hiện nay (nhiệm kỳ 2011 - 2015) là ông Khămphăn Xítthịđămpha và Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao là ông Khămxản Xuvông. Ngoài ra, nhiều tổ chức, đoàn thể quần chúng, hội nghề nghiệp cũng được thành lập ở khắp các cấp, các ngành và địa phương như: Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên/Thiếu niên, Công đoàn, Hội Nhà văn, Hội Nhà báo, Hội cựu chiến binh, v.v...

Nhìn chung, trong giai đoạn đầu của Nhà nước Lào từ năm 1975 đến 1986, hệ thống chính trị ở Lào đã có sự phát triển cả

về số lượng lẫn chất lượng, trong đó vai trò hạt nhân tổ chức, tập hợp lực lượng của Đảng NDCM Lào là hết sức to lớn. Tuy nhiên, hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, số lượng cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị lên tới 106.000 người[1], đòi hỏi cần tinh giản để đạt hiệu quả cao hơn. Bởi vậy, thực hiện Nghị quyết Đại hội V (3/1991) của Đảng NDCM Lào về việc củng cố bộ máy hành chính Nhà nước theo phương châm "tinh giản, thỏa đáng và có hiệu quả", bộ máy chính phủ chuyển sang chế độ Hội đồng Bộ trưởng với cơ cấu Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Tổng bí thư Đảng NDCM Lào và 4 Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Bộ máy chính phủ giữ nguyên 4 Bộ làm chức năng cai quản là: Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao và Tư pháp, còn các Bộ khác cải tổ lại theo hướng sáp nhập hoặc giải tán.

Đến cuối năm 1991, Hiến pháp Lào được ban hành bằng Sắc lệnh của Chủ tịch nước ký ngày 15/8/1991 và Lào quyết định tổ chức bầu cử Quốc hội khóa III (1991 - 1995) ngày 20/12/1991 theo tinh thần Hiến pháp 1991 và Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội mới. Đây là một bước tiến quan trọng phát huy quyền làm chủ của nhân dân các bộ tộc Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng NDCM Lào trong quá trình đổi mới toàn diện và có nguyên tắc. Từ đây, Hội đồng Nhân dân tối cao đã chính thức chuyển đổi thành Quốc hội. Kết quả là trong kỳ bầu cử Quốc hội khóa III (1991 - 1995), có 85 đại biểu được bầu lên từ 8 khu vực bầu cử, trong đó có 8 đại biểu nữ.

---

1. Theo tác giả Xổm-lít Pược-kẹo: *"Đổi mới hệ thống chính trị cấp tỉnh ở nước CHDCND Lào trong giai đoạn hiện nay"*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2001, tr. 75.

Để phù hợp với bản chất Nhà nước dân chủ nhân dân như Hiến pháp Lào quy định, Quốc hội Lào khóa III (1991 - 1995) có đủ thành phần đại biểu đại diện cho quyền lợi của tất cả các bộ tộc và các tầng lớp xã hội. Luật Quốc hội Lào quy định 50.000 người dân phải có 1 đại biểu quốc hội. Trường hợp tỉnh nào có dân số dưới 150.000 người thì ít nhất phải có 3 đại biểu Quốc hội, tùy theo đặc điểm chính trị , kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng của từng địa phương. Ở các tỉnh đều có văn phòng làm việc của các đại biểu Quốc hội. Tùy theo điều kiện của mỗi tỉnh mà Văn phòng đó có người giúp về thư ký, tài chính, hành chính, lái xe, đánh máy, v.v...

Trình độ giáo dục của các đại biểu Quốc hội khóa III như sau: cấp I: 3 người, cấp II: 33 người, cấp III: 28 người. Đại học và trên đại học 21 người. Cơ quan lãnh đạo là Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm 7 thành viên, trong đó có 1 Chủ tịch (ông Xamản Vinhạkệt), 2 Phó Chủ tịch và 4 ủy viên. Quốc hội khóa III (1991-1995) có 6 Ủy ban: Ủy ban Thư ký, Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Kinh tế - kế hoạch và ngân sách, Ủy ban Văn hóa - xã hội, Ủy ban Các bộ tộc, Ủy ban Đối ngoại. Bên cạnh đó còn có Liên đoàn nghị viện thế giới của CHDCND Lào; Liên đoàn nghị viện Châu Á - Thái Bình Dương; Liên đoàn nghị viện các nước ASEAN; Hội hữu nghị Quốc hội Lào - Nhật Bản. Ở các khu vực bầu cử (tỉnh/thành phố) có 18 tổ đại biểu Quốc hội (18 đoàn đại biểu) và 18 văn phòng đại biểu Quốc hội. Cũng tại kỳ họp lần thứ nhất ngày 21/2/1993, Quốc hội đã nhất trí bầu ông Nủhắc Phumxavẳn làm Chủ tịch nước và tán thành việc đề cử ông Khămtày Xiphăndon giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ.

Điều 49 của Luật Quốc hội Lào quy định: "*Nghị sĩ Quốc hội không được kiêm chức trong cơ quan hành pháp và cơ quan*

tư pháp, trừ trường hợp cần thiết và có sự đồng ý của Ban thường vụ Quốc hội trên cơ sở đề nghị của cơ quan có liên quan cần thiết". Nhưng đến Quốc hội khóa IV (1996 - 2000), xuất phát từ nhu cầu thực tế khách quan, nghị sĩ Quốc hội có quyền kiêm chức ở cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp. Số đại biểu Quốc hội ở các ngành, các cơ quan ở trung ương có 30 đại biểu, ở các địa phương có 55 đại biểu. Trong số 85 đại biểu Quốc hội có 6 đại biểu là tầng lớp nhân sĩ, 45 đại biểu thuộc tầng lớp trí thức, 3 đại biểu là nhà kinh doanh, 31 đại biểu là các giới chính trị và các nhà chuyên môn.

Một điều đáng lưu ý là, số đại biểu Quốc hội Lào đã tăng lên theo thời gian nhằm đáp ứng các nhu cầu của tình hình đất nước luôn biến đổi. Đến nhiệm kỳ Quốc hội Khóa VI (2006 - 2010), số đại biểu Quốc hội Lào đã tăng lên tới 115, trong đó có 71 đại biểu mới được bầu lần đầu, 29 đại biểu là nữ (khóa V là 25). Trong số 115 đại biểu Quốc hội Lào khoá VI có 92 đại biểu là người Lào Lùm, 17 đại biểu Lào Thơng và 6 đại biểu là Lào Xủng.

Đến kỳ bầu cử Quốc hội khoá VII mới diễn ra gần đây trong nhiệm kỳ 2011-2015 được tiến hành từ 15 đến 24 tháng 6 năm 2011, số đại biểu Quốc hội đã tăng lên tới 132 vị, trong đó có 33 đại biểu nữ. Chủ tịch Quốc hội Lào hiện nay là bà Pani Diathotụ, một phụ nữ người H'mông, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng NDCM Lào và hai Phó Chủ tịch Quốc hội là ông Xayxổmphon Phômvihản và ông Xổmphăn Phengkhăммi. Quốc hội Lào hiện nay có 6 ủy ban chuyên trách gồm: Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Kinh tế - kế hoạch và tài chính, Ủy ban Văn hoá - xã hội, Ủy ban Quốc phòng - an ninh, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban Đối ngoại. Quốc hội Lào Khóa VII đã nhất trí bầu ông

Chumali Xaynhaxỏn làm Chủ tịch nước, ông Bunnhăng Volachít Phó Chủ tịch nước, ông Thoongxỉnh Thămmavông là Thủ tướng Chính phủ.

Cũng bắt đầu từ nhiệm kỳ Quốc hội khóa III, Hội đồng nhân dân ba cấp ở địa phương bị xóa bỏ, lấy cấp cơ sở là làng bản trực thuộc cấp huyện. Đối với cơ quan hành pháp, từ 1992, Lào đổi tên Hội đồng Bộ trưởng thành Chính phủ, thay thế chức danh Chủ tịch Ủy ban Nhân dân bằng chức danh Tỉnh trưởng (hoặc Đô trưởng), Huyện trưởng và Trưởng bản (bỏ cấp xã trong hệ thống chính quyền), biến cơ chế quản lý theo chiều ngang là chủ yếu thành cơ chế quản lý theo chiều dọc, kết hợp với chiều ngang, coi đó là một nguyên tắc quan trọng. Cơ cấu của bộ máy chính phủ đến lúc này chỉ gồm 13 Bộ và cơ quan ngang Bộ. Hiện nay (2010), các đơn vị hành chính ở CHDCND Lào có 16 tỉnh, 1 thủ đô với 140 quận, huyện, 8.805 bản. Trong cơ cấu tổ chức hệ thống chính trị dân chủ nhân dân ở cấp tỉnh của Lào hiện nay gồm: 1) Văn phòng tỉnh (gồm Văn phòng Đảng bộ tỉnh và Văn phòng chính quyền tỉnh gộp lại); 2) Ban Tổ chức tỉnh; 3) Ban kiểm tra tỉnh; 4) Ban Tuyên giáo tỉnh; 5) Mặt trận Lào xây dựng đất nước; 6) Đoàn thanh niên NDCM Lào; 7) Hội Liên hiệp phụ nữ; 8) Hội Liên hiệp công đoàn; 9) Trường lý luận chính trị. Vì 9 cơ quan này là các cơ quan giúp việc cho Đảng bộ tỉnh và chính quyền cấp tỉnh, nên được quản lý theo chiều ngang là chủ yếu (tức là dưới sự lãnh đạo trực tiếp, quản lý toàn diện của Đảng bộ tỉnh). Ngoài ra, các ngành chuyên môn khác còn chịu tác động quản lý theo chiều dọc từ bộ đến tỉnh, huyện và cơ sở.

Điều đặc biệt đáng chú ý ở Lào hiện nay là, người giữ chức vụ cao nhất về Đảng thường kiêm chức người đứng đầu

chính quyền, như Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch nước, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, Bí thư tỉnh ủy kiêm Tỉnh trưởng, Bí thư huyện ủy kiêm Huyện trưởng, Bí thư Đảng địa phương kiêm Trưởng bản..., ở tất cả các cơ cấu chính quyền và đoàn thể khác cũng đều như vậy. Điều này giúp cho công việc tránh chồng chéo, giẫm đạp nhau và tinh giản bộ máy. Đây là một đổi mới rất có ý nghĩa mà các nước có chế độ một đảng lãnh đạo có thể nghiên cứu, tham khảo, học tập.

Đối với cơ quan tư pháp, Lào thành lập hệ thống Tòa án và Viện Kiểm sát theo Luật tổ chức Tòa án và Viện Kiểm sát nhân dân năm 1989 gồm: Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Tòa án và Viện Kiểm sát quân sự trung ương.

Như vậy, từ Quốc hội khóa III (1991 - 1995) đến nay là Quốc hội khóa VII (2011 - 2016) đã chứng kiến nhiều thay đổi trong hoạt động của bộ máy nhà nước Lào. Chủ tịch Quốc hội Lào khóa VII là bà Dia-tho-tụ, một phụ nữ người H'mông, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng NDCM Lào, thay cho ông Thoong-xỉnh Thăm-ma-vông nay chuyển sang đảm nhiệm chức Thủ tướng chính phủ. Trong cơ cấu Quốc hội Lào khóa VII gồm có Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch và 6 Chủ tịch các Ủy ban chuyên trách của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và 17 khu vực bầu cử (trước là 18, do đặc khu Xay-xổm-bun đã được sáp nhập vào tỉnh Viêng Chăn và Xiêng Khoảng).

Qua thực hiện hình thức Quốc hội một cấp, nghị sĩ Quốc hội có quyền kiêm chức, bỏ hình thức Hội đồng Nhân dân và

Ủy ban Nhân dân, hệ thống chính trị ở Lào có các ưu điểm là: 1) Bảo đảm quyền lực chính trị được tập trung thống nhất; 2) Bộ máy gọn nhẹ, phù hợp với ngân sách, trình độ và thực tế của đất nước; đồng thời thích nghi với môi trường quốc tế; 3) Bỏ bớt được khâu trung gian, họp bàn không cần thiết để giải quyết công việc được nhanh chóng, kịp thời hơn; khắc phục bớt sự chồng chéo, trùng lặp; 4) Tránh được một phần tình trạng mất đoàn kết nội bộ, phát huy tốt hơn tinh thần trách nhiệm của người lãnh đạo.

Tóm lại, quá trình hình thành và phát triển của bộ máy quyền lực nhà nước ở Lào là một chặng đường dài trải qua nhiều giai đoạn quanh co, phức tạp khác nhau, các bước đi cũng không thuận lợi một chiều. Có thể nói, đó là một quá trình có nhiều nét khác biệt với các quốc gia khác và cũng vì thế, con đường hình thành và phát triển của bộ máy quyền lực nhà nước ở Lào cũng có những nét đặc thù riêng, phù hợp với tình hình chính trị - xã hội cũng như sự phát triển kinh tế của Lào. Nếu chỉ tiếp cận từ góc độ tìm hiểu về sự hình thành của bộ máy quyền lực nhà nước ở Lào mà tạm lược đi những vấn đề lịch sử, chính trị thì dễ dàng nhận thấy rằng, ở Lào hệ thống quyền lực nhà nước bắt đầu từ chế độ phong kiến phân tán (các lãnh chúa phong kiến) đến chế độ phong kiến tập quyền dưới thời Chậu Phà Ngừm, rồi lại quay về phong kiến cát cứ (chế độ tiểu vương), rồi mới tiến lên được một bước là chế độ quân chủ lập hiến giai đoạn đầu và 35 năm gần đây (từ 1975) mới hình thành thể chế dân chủ nhân dân với chế độ Đại hội Đại biểu nhân dân (Đại biểu Quốc hội) nhưng giai đoạn đầu vẫn chưa ban hành được Hiến pháp. Và cũng chỉ gần 16 năm sau khi thành lập nước CHDCND Lào (1975), bản Hiến pháp Lào lần đầu tiên mới được ra đời (năm 1991).

+) Một số vấn đề đặt ra trong giai đoạn 2011 - 2020

Trong gần 20 năm qua từ khi có Hiến pháp ra đời (1991 - 2010), vấn đề xây dựng bộ máy chính quyền ở Lào theo hướng nhà nước pháp quyền "của dân, do dân và vì dân" đã trở thành vấn đề quan trọng và là mối quan tâm sâu sắc của các tầng lớp nhân dân các bộ tộc Lào. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011 - 2020, vấn đề hoàn thiện bộ máy quyền lực và hệ thống chính trị ở Lào cũng đặt ra cho Đảng và Nhà nước Lào nhiều thách thức.

Thứ nhất, trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập, thế giới không ngừng biến đổi, cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ, các sự kiện chính trị - kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp, khó lường, đòi hỏi bộ máy quyền lực và hệ thống chính trị - xã hội ở CHDCND Lào giai đoạn 2011 - 2020 cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện theo hướng tiến bộ và hiện đại. Đây sẽ là một tất yếu khách quan phù hợp với xu thế lịch sử và thời đại.

Thứ hai, việc tiếp tục đổi mới và hoàn thiện bộ máy quyền lực và hệ thống chính trị ở nước CHDCND Lào phải đặt trong điều kiện thực hiện đường lối đổi mới đang diễn ra một cách sâu rộng, trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Từ đó, xác định đúng đắn những định hướng chính cho việc hoàn thiện và đổi mới hệ thống chính trị trong điều kiện hiện nay. Đó là *không ngừng mở rộng quyền dân chủ của nhân dân*, đồng thời *tăng cường pháp chế và kỷ cương trật tự xã hội*, khẳng định chế độ dân chủ nhân dân là sự lựa chọn đúng đắn của nhân dân Lào, là kết quả đấu tranh lâu dài và gian khổ của nhân dân các bộ tộc Lào dưới sự lãnh đạo của

Đảng NDCM Lào, là hình thức dân chủ tập trung (thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, địa phương phục tùng trung ương) nhằm tiến đến một nền dân chủ đầy đủ và toàn diện hơn.

Dổi mới bộ máy quyền lực và hệ thống chính trị ở Lào không phải chỉ đổi mới về hành chính hoặc tư pháp mà phải tiến hành đồng bộ, toàn diện; không chỉ đổi mới ở một khâu hay ở một số khâu nào đó, mà đổi mới cả hệ thống. Đặc biệt, cần chú trọng đến vấn đề thể chế, cơ chế điều hành, quy chế thực hiện,... nhằm bảo đảm cho Nhà nước quản lý, hoạt động và điều hành ngày càng có hiệu quả.

Thứ ba, trong chức năng đại diện của Quốc hội Lào hiện nay, vấn đề ủy quyền của nhân dân vẫn còn là một thách thức to lớn đối với Lào. Khác với nguyên tắc phân quyền của các nước tư bản, ở CHDCND Lào, chủ quyền quốc gia và chủ quyền nhân dân là thống nhất. Điều này có nghĩa là: nhân dân là chủ nhân của đất nước nên họ là người làm chủ quyền lực Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng NDCM Lào. Nói cách khác, nhân dân ủy quyền cho các đại biểu Quốc hội Lào thực hiện những nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn mà nhân dân giao phó. Điều này đòi hỏi Lào phải không ngừng nâng cao những phẩm chất, năng lực, chất lượng của đội ngũ nghị sĩ cũng như bộ máy giúp việc, cơ chế hoạt động cho các đại biểu Quốc hội hay Đoàn đại biểu Quốc hội ở các địa phương. Vấn đề đặt ra là, cần tăng cường hơn nữa cả về tổ chức, năng lực và phạm vi hoạt động của các Đoàn đại biểu Quốc hội Lào trong điều kiện ở Lào không có tổ chức Hội đồng Nhân dân các cấp, nhằm không ngừng mở rộng quyền dân chủ, khả năng phổ biến luật pháp, đặc biệt là vai trò giám sát của các đại biểu Quốc hội.

Thứ tư, hoạt động lập pháp của Quốc hội Lào cũng còn gặp không ít khó khăn. Có thể nói, hạn chế lớn nhất trong hoạt động lập pháp của Quốc hội Lào hiện nay là việc ban hành các đạo luật chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế đã và đang diễn ra nhanh chóng. Mặt khác, chất lượng của một số văn bản pháp luật chưa cao, còn dừng lại ở các quy định chung chung và muốn thi hành được thì cần phải có thêm các văn bản dưới luật của Chính phủ hướng dẫn. Điều này làm giảm tính hiệu lực của văn bản pháp luật. Việc thảo luận tại các kỳ họp Quốc hội về các dự án luật còn nặng về câu chữ, chưa chú trọng tới nội dung và hiệu lực pháp lý lâu dài của các bộ luật; việc tham gia đóng góp ý kiến của các đại biểu Quốc hội và của đông đảo nhân dân vào các dự án luật, pháp lệnh còn nhiều hạn chế, chưa rộng rãi, chưa sâu sắc, chưa thiết thực,...

Thứ năm, vấn đề vai trò lãnh đạo và cách thức lãnh đạo của Đảng NDCM Lào đối với bộ máy quyền lực nhà nước và hệ thống chính trị (Quốc hội, Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể...) cần có sự đổi mới căn bản để vừa bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với các cơ quan quyền lực nhà nước và hệ thống chính trị, vừa bảo đảm cho các cơ quan Nhà nước và các tổ chức khác làm đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mà Hiến pháp và Luật quy định. Ở đây, cần khẳng định một điều rằng, Đảng NDCM Lào lãnh đạo nhưng không làm thay Nhà nước. Ngược lại, các cơ quan quyền lực của Nhà nước chỉ giới hạn hoạt động trong khuôn khổ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Đối với chế độ nhất thể chức danh Đảng và Nhà nước, cần phải hiểu rằng, nhất thể chức danh toàn bộ cả về tổ chức và

nhân sự. Tuy nhiên, việc nhất thể chức danh Đảng và chức danh Nhà nước trong các cấp không nên làm thành nguyên tắc bất di bất dịch, máy móc, cứng nhắc, mà phải vận dụng cho phù hợp với tình hình thực tế ở từng cấp, từng địa phương và phù hợp với cơ cấu tổ chức và con người cụ thể.

Đối với thể chế chính trị Lào hiện nay, việc xác định một Đảng duy nhất lãnh đạo, một hệ thống quyền lực thống nhất là hoàn toàn đúng đắn, nhưng khi vận hành cả hệ thống chính trị thì việc phân biệt vai trò, chức năng của Đảng và chính quyền ở cấp tỉnh và ở các cơ quan, các ngành còn hết sức phức tạp. Điều này cần có các giải pháp cụ thể để phân biệt ranh giới mối quan hệ giữa vai trò, chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng tổ chức thực hiện của chính quyền. Thực tế ở Lào cho thấy, vẫn còn tình trạng chồng chéo, chờ đợi nhau hoặc va vấp, đụng chạm giữa cấp ủy với chính quyền. Đây có lẽ là thực trạng chung ở một số quốc gia có một đảng duy nhất cầm quyền. Nếu xử lý không nhuần nhuyễn vấn đề này, rất dễ bị dư luận trong và ngoài nước phê phán.

Thứ sáu, thực chất của vấn đề xây dựng bộ máy quyền lực và củng cố hệ thống chính trị ở Lào hiện nay là xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ của nhân dân, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Tuy nhiên, *kinh nghiệm lịch sử cho thấy, dân chủ thực sự bao giờ cũng gắn với pháp luật, pháp chế, gắn với một Nhà nước tuân thủ pháp luật, đặt mình dưới pháp luật, tức là nhà nước pháp quyền; trong đó mọi hoạt động trong xã hội, mọi tổ chức và các cá nhân trong xã hội, bất kể đó là ai, đều phải được quản lý theo pháp luật và bằng pháp luật*. Vì vậy, về lâu dài đối với Lào, cần nhanh chóng xây dựng và ban hành tất cả các bộ luật liên

quan đến mọi hoạt động của xã hội Lào. Trong giai đoạn 2011-2020, chắc chắn Nhà nước Lào sẽ phải ban hành nhiều bộ luật mới nhằm hoàn thiện hệ thống pháp lý phù hợp với những tiến bộ trong quá trình cải cách, đổi mới, mở cửa đất nước và hội nhập quốc tế.

1.2.2. Vấn đề hòa hợp dân tộc

Với tổng số dân khoảng 6,32 triệu người hiện nay[1] và với tốc độ tăng trưởng dân số bình quân 2,4%/năm, dự đoán đến năm 2020 dân số Lào sẽ đạt khoảng 7,823 triệu người. Lào là một trong những nước có đa dạng tộc người nhất ở khu vực Đông Nam Á với 49 dân tộc cùng chung sống trên phạm vi lãnh thổ rộng 236.800km^2. Sự đa dạng này đã tạo nên một bức khảm văn hóa rất đặc sắc ở Lào, nhưng đồng thời cũng đặt ra những vấn đề khá nhạy cảm và phức tạp về hòa hợp dân tộc[2].

Thực tế cho thấy, vấn đề hòa hợp dân tộc ở tầm quốc gia là một vấn đề chiến lược lâu dài có ý nghĩa sống còn, quyết định

---

1. Theo báo Nhân dân (Việt Nam), ngày 3/4/2010.

2. Vào năm 2000, Vụ Dân tộc thuộc Mặt trận Trung ương Lào xây dựng đất nước đã công bố Bảng danh mục gồm 49 dân tộc ở Lào, thuộc 5 nhóm ngôn ngữ; trong đó có 8 dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Lào-Thay, 32 dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme và Việt-Mường, 7 dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến, 2 dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mông-Dao. Tuy nhiên, một tài liệu khác là trang web của CIA dựa trên điều tra dân số ở Lào năm 2005 (xem: https:// www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/ethnic) thì cho rằng, ở Lào có trên 100 dân tộc sinh sống với tỷ lệ được cho là như sau: 55% người Lào, 11% người Khơ mú, 8% người H'mông và 26% là các tộc người khác.

sự thành bại của bất kỳ quốc gia nào dù lớn hay nhỏ, trong thời chiến cũng như thời bình. Các xung đột sắc tộc đẫm máu ở nhiều quốc gia hiện nay ở cả châu Á lẫn châu Âu, châu Phi và Trung Đông cho thấy vấn đề hòa hợp dân tộc là vấn đề không hề đơn giản, đòi hỏi nhà cầm quyền phải có đường lối chính sách đúng đắn và cách tiếp cận phù hợp trong việc giải quyết vấn đề dân tộc.

Lào là một quốc gia có nhiều đặc thù: địa hình núi non hiểm trở, dân cư thưa thớt, các tộc người sống rải rác, trình độ văn hóa và phong tục tập quán có nhiều khác biệt. Nhìn chung, các tộc người ở Lào xưa nay vẫn chung sống hiền hòa, có truyền thống yêu thương, đoàn kết trong nội bộ cộng đồng và chung sống hòa bình với các tộc người láng giềng. Lịch sử cận và hiện đại Lào cho thấy, giữa các tộc người ở Lào chưa bao giờ xảy ra xung đột tự phát để tranh giành lãnh thổ hoặc không gian sinh tồn, ngoại trừ các xung đột mang nặng tính chất ý thức hệ ở thời kỳ hiện đại giữa những người H'mông theo Vàng Pao trước đây với lực lượng cách mạng Lào trong thời gian chiến tranh Đông Dương (1955 - 1975) và xung đột của tộc người H'mông với chính quyền cách mạng Lào kéo dài từ sau năm 1975 đến nay do có sự giật dây, tiếp sức của một số thế lực bên ngoài xuất phát từ những nguyên nhân phức tạp rất khác nhau.

Hiện nay và trong khoảng 10 năm sắp tới (2011 - 2020), dưới chính thể CHDCND Lào, vấn đề hoà hợp dân tộc ở Lào biểu hiện dưới nhiều góc độ và khía cạnh, chịu sự tác động của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, bên trong cũng như bên ngoài. Đó là các vấn đề khách quan về lịch sử, dân số, bản sắc văn hóa, tôn giáo, xã hội và các vấn đề chủ quan về giáo dục,

y tế, địa vị kinh tế, khoảng cách giàu nghèo và sự bất bình đẳng, v.v... Giải quyết vấn đề hòa hợp dân tộc ở Lào thực chất là việc giải quyết hài hòa các vấn đề cơ bản này.

- *Về mặt lịch sử*: Trong nhiều thế kỷ trước đây, khu vực thuộc nước Lào ngày nay được thống trị bởi các tiểu vương quốc Phật giáo tiểu thừa. Cho đến cuối thế kỷ XIX, ý thức về một quốc gia độc lập được hình thành rõ nét hơn trước sức ép từ các thế lực thực dân phương Tây. Chủ nghĩa thực dân Pháp (1893 - 1954) đã mang đến cho Lào mô hình nhà nước hiện đại, đòi hỏi sự kiểm soát chặt chẽ và bao quát toàn thể các công dân sinh sống trên phạm vi lãnh thổ nước Lào. Điều này thường làm rối tung các chuẩn mực truyền thống của người Lào, đôi khi gây khó chịu và là mầm mống của các cuộc nổi dậy chống đối. Người H'mông đến Lào muộn hơn (đầu thế kỷ XIX) và sinh sống chủ yếu ở các vùng cao, cũng là nhân tố gây nhiều bất ổn cho sự hòa hợp dân tộc của nhiều chính quyền ở Lào, thậm chí kéo dài đến tận ngày nay.

- *Về mặt dân số*: Sau nhiều năm chiến tranh kéo dài, cho đến 1975, dân số Lào được Nhà nước công bố chính thức chỉ vẻn vẹn khoảng 3 triệu người. Trong suốt 30 năm sau đó, vào năm 2005 dân số Lào tăng lên gần gấp đôi, khoảng 6 triệu người. Điều đáng chú ý là trong thành phần dân số Lào, nhóm 6 tộc người nói ngôn ngữ Lào - Thay chiếm 66,2%, trong đó người Lào chiếm 52,5%; 27 tộc người nói ngôn ngữ Môn - Khmer chiếm 22,7%; số người nói ngôn ngữ Mông-Dao chiếm 7,4%; số dân nói ngôn ngữ Tạng - Miến khoảng 2,7%; số dân nói ngôn ngữ Việt - Mường khoảng 0,1% và nhóm các tộc người khác khoảng 1%. Như vậy, người Lào chỉ chiếm hơn một nửa dân số. Trong khi đó, ở tất cả các

nước láng giềng của Lào, nhóm tộc người chi phối - người Kinh, người Hán, người Thái, người Khmer, người Miến đều chiếm khoảng 80% dân số hoặc hơn. Như vậy, cán cân giữa các nhóm tộc người ở Lào là không bình thường. Đây là điều đáng quan tâm và là vấn đề quan trọng đối với Chính phủ Lào khi hoạch định chính sách, đặc biệt là chính sách hòa hợp dân tộc.

- *Về bản sắc văn hóa*: Chính phủ Lào hiện nay thường nói về quốc gia Lào "đa tộc người", nhưng khái niệm "tộc người" nhìn chung là để chỉ các nhóm không phải là Lào - Thay, tức là các dân tộc thiểu số. Tuy vậy, so với Chính phủ Hoàng gia Lào trước kia, Chính phủ CHDCND Lào đã nhìn nhận vấn đề dân tộc thiểu số cởi mở hơn nhiều và công nhận chính thức các tộc người với các tên tự gọi và thừa nhận họ đều là "người Lào".

Các dân tộc ở Lào từ lâu đã được phân chia thành ba khối dân cư lớn: *Lào Lùm* (cư dân sống ở vùng đất thấp, vùng đồng bằng) gồm các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Lào-Thay, *Lào Thơng* (cư dân sống ở vùng trung du) gồm các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, và *Lào Xủng* (cư dân sống ở vùng núi cao) gồm các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mông-Dao hoặc Tạng-Miến. Đó là cách phân loại được dựa chủ yếu vào nhóm ngôn ngữ, môi trường sống và phương thức canh tác nông nghiệp truyền thống. Tuy nhiên, cách gọi này đã không được sử dụng trong các văn bản chính thức của Nhà nước Lào từ Hội nghị toàn quốc về các tộc người thiểu số năm 1981, mà thay vào đó, Chính phủ Lào đã phân chia chi tiết hơn tên gọi các tộc người và dùng từ "*xôn xạt*" (dân tộc) để thay cho từ "*phầu*" (tộc người). Lý do chính để thay đổi cách

gọi này là do Chính phủ Lào đang thúc đẩy tình đoàn kết và thống nhất dân tộc trong toàn quốc. Hơn nữa, cách gọi trước đây không phản ánh được những thay đổi lớn đang xảy ra trong đời sống xã hội và sản xuất nông nghiệp. Bắt đầu từ năm 2000, danh mục tên gọi 49 dân tộc ở Lào được ban hành chính thức. Mục đích quan trọng nhất của điều này là giúp các "tộc người" tạo thành dân tộc Lào không cảm thấy họ xuất hiện kém quan trọng bên cạnh nhóm tộc người Lào đang chi phối chiếm đa số, nhằm ngăn ngừa các mâu thuẫn và xung đột sắc tộc tiềm tàng có thể nảy sinh sau này.

- *Về mặt tôn giáo*: Phần lớn người Lào là tín đồ của Phật giáo tiểu thừa, nhưng giờ đây đã không còn là nguyên mẫu của Ấn Độ nữa mà đã mang đậm sắc thái Lào, chấp nhận hòa hợp với tín ngưỡng bản địa và đi vào lòng người một cách tự nhiên. Một người Lào hiện đại có thể vừa theo Phật giáo vừa có thể thực hành tín ngưỡng bản địa (tức là họ vừa là tín đồ Phật giáo, vừa thờ cúng tổ tiên và có tục thờ Phi (ma)). Trong các lễ hội Phật giáo lớn của người Lào, các tộc người khác có thể tham gia một cách tự nhiên mà không có bất cứ sự kỳ thị nào. Ngoài ra, bất kỳ người dân nào, dù không phải là tín đồ đạo Phật, nếu muốn vẫn có thể lễ Phật ở chùa. Điều này khiến cho đạo Phật ở Lào có khả năng hòa đồng và ngày càng được mở rộng, thấm sâu vào đời sống hiện thực của các tộc người khác.

Các hoạt động tôn giáo (Phật giáo) và tín ngưỡng ở Lào nhìn chung được Nhà nước tôn trọng và đây cũng là cách thức nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

- *Về giáo dục và y tế:* Năm 1975, hơn một nửa số dân Lào mù chữ, ngày nay, tỷ lệ biết chữ đã lên tới trên dưới 70% dân cư.

So với các nước trong khu vực, tình trạng giáo dục của Lào vẫn ở mức thấp và có sự bất bình đẳng khá cao. Cùng với tình trạng y tế lạc hậu yếu kém, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng các dân tộc thiểu số, trình độ dân trí thấp có thể sẽ là hiện thực tiềm tàng gây nên các mâu thuẫn về dân tộc ở Lào trong giai đoạn 2011 - 2020. Tăng cường đầu tư cải thiện lĩnh vực giáo dục và y tế cho các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa trong những năm tới đây sẽ là giải pháp hữu hiệu nhất để củng cố khối đoàn kết dân tộc ở Lào.

- *Về chênh lệch kinh tế và sự phân hóa giàu nghèo*: Hiện nay khoảng 80% lực lượng lao động Lào hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, 20% còn lại hoạt động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ. Bên cạnh đó, sự phân bố dân cư ở Lào vẫn còn chênh lệch lớn, chỉ có khoảng 27% dân số sống ở thành thị. Phương thức canh tác nông nghiệp ở Lào còn rất lạc hậu, năng suất thấp. Nhiều nơi, nhất là tại các vùng núi cao, vùng sâu vùng xa, cư dân các dân tộc thiểu số còn canh tác nương rẫy theo lối du canh du cư. Cùng với nhiều tác động khách quan và chủ quan khác, điều này tất yếu dẫn tới thực trạng chênh lệch về kinh tế và sự phân hóa giàu nghèo sâu sắc giữa thành thị và nông thôn; giữa đồng bằng và miền núi; giữa các tầng lớp dân cư với nhau,... Theo số liệu thống kê (năm 2005), thu nhập của khoảng 10% những hộ gia đình nghèo nhất chỉ chiếm khoảng 3,4%; trong khi đó, thu nhập của 10% những hộ giàu nhất chiếm tới 28,5%[1]. Mặc dù trong nhiều năm qua, Chính phủ Lào đã có nhiều chủ trương, chính sách để thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và xóa đói giảm nghèo trong phạm vi cả nước, nhưng cho đến nay tỷ lệ dân số

1. Xem CIA (The World Factbook, Lao Economy, 2009)

sống dưới mức nghèo vẫn còn ở mức 26%[1]. Hiện nay, trong số 140 huyện của Lào, có 47 huyện rất nghèo, phần lớn tập trung ở khu vực Bắc Lào và Nam Lào.

Rõ ràng, đói nghèo và sự bất bình đẳng về kinh tế chắc chắn sẽ là một trong những nhân tố chủ yếu gây nên tình trạng bất bình trong nhân dân và đe dọa chính sách hòa hợp dân tộc của Đảng và Nhà nước Lào trong những thập niên tới.

- *Về sự bất bình đẳng*: Bên cạnh đói nghèo, sự bất bình đẳng dân tộc cũng gây ra nhiều vấn đề mâu thuẫn nội bộ. Bình đẳng dân tộc là cơ sở vững chắc cho hoà hợp và đoàn kết dân tộc. Bình đẳng dân tộc không chỉ gắn liền với giải phóng giai cấp mà còn gắn liền với vấn đề giải phóng con người và các quyền binh đẳng giữa con người với con người. Khi quyền bình đẳng giữa các tộc người trong một quốc gia độc lập như Lào được thực hiện, tức là đáp ứng mọi lợi ích, nhu cầu, nguyện vọng của tất cả các tộc người, ở mọi tầng lớp xã hội, thì đây chính là cơ sở để xoá bỏ mọi chia rẽ, xích mích, thành kiến tộc người để tất cả các dân tộc ở Lào thực sự đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

Khi bất bình đẳng về chính trị, kinh tế và xã hội tăng lên, nhất là bất bình đẳng về vị thế chính trị và địa vị xã hội, nó sẽ làm cho sự gắn kết xã hội yếu đi và chứa đựng những nguy cơ tiềm ẩn của xung đột xã hội, từ đó nảy sinh tội phạm và bạo lực. Những hiện tượng biểu hiện sự bất ổn xã hội là những chỉ báo đo lường sự lỏng lẻo của cố kết xã hội. Thực tế lịch sử hiện đại Lào cho thấy, các vụ phiến loạn, đòi ly khai của một số tộc người thiểu số, đặc biệt là người H'mông trong những

1. Xem: CIA (The World Factbook, Lao Economy, 2009).

năm 80, 90 và những năm đầu của thế kỷ XXI, mà dựa vào đó một số thế lực bên ngoài đột lốt hoạt động tôn giáo mưu toan can thiệp, đã minh chứng cho hậu quả của sự bất bình đẳng. Như vậy, tình trạng bất bình đẳng tộc người là nguồn gốc của xung đột. Bất bình đẳng dân tộc ở Lào hiện nay thể hiện ở nhiều phương diện, cả về chính trị, kinh tế và xã hội. Thực tế là, trong tất cả mọi cơ cấu chính quyền, từ trung ương đến địa phương, trong tất cả các ngành, lĩnh vực, người Lào nắm phần lớn các vị trí lãnh đạo chủ chốt. Đây là điều chưa hợp lý, trong khi đó, về cơ cấu dân số, người Lào chỉ chiếm 52,5%; còn lại là các dân tộc thiểu số khác. Mọi lý giải về tình trạng này đều khập khễnh và mang tính ngụy biện. Hiện nay và trong giai đoạn 2011 - 2020, các mâu thuẫn và xung đột này ở Lào chỉ ở dạng tiềm ẩn, nhưng nếu không có chính sách và giải pháp cụ thể và kịp thời để hóa giải, thì có thể dẫn đến những nguy cơ xung đột xã hội, như kiểu các xung đột với người H'mông đã từng xảy ra trước đây. Giải pháp tối ưu là tăng cường giáo dục và đào tạo cán bộ cho các dân tộc thiểu số để họ có thể đảm đương được các vị trí quản lý và lãnh đạo, từ đó lấp dần hố ngăn cách giữa các dân tộc, tạo ra sự bình đẳng thực sự về mọi phương diện.

Ngoài ra, vấn đề hòa giải dân tộc cũng là nhân tố quan trọng có ảnh hưởng tới hòa hợp dân tộc. Cũng giống như Việt Nam và Campuchia, Lào đã trải qua nhiều năm chiến tranh, trong đó đại đa số người Lào theo cách mạng, nhưng cũng có nhiều người đứng bên kia chiến tuyến và di tản ra nước ngoài khi chiến tranh kết thúc. Hoà bình lập lại, vấn đề đoàn kết các dân tộc trong nước, đoàn kết giữa những người sống trong nước và kiều bào ở nước ngoài để chung tay xây dựng nước CHDCND Lào trở thành một vấn đề chính trị nội

bộ có tầm quan trọng đặc biệt. Thực tế cho thấy, với bản tính hiền lành, độ lượng và bao dung, người Lào đã khá thành công trong việc giải quyết vấn đề này.

Tuy nhiên, vấn đề đáng lo ngại nhất hiện nay đe dọa khối đại đoàn kết dân tộc ở Lào chính là vấn đề quan liêu, tham ô, tham nhũng, cửa quyền của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, công chức; sự mất dân chủ trong đời sống chính trị - kinh tế và sự bất bình đẳng trong việc thụ hưởng các phúc lợi xã hội,... Đây chính là những hố ngăn cách lớn, trở thành các thách thức gay gắt và là lực cản chính trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa hợp dân tộc ở Lào.

Như vậy, giải quyết vấn đề hòa hợp dân tộc ở Lào trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI (2011 - 2020) là vấn đề tổng thể phức tạp gắn bó và liên quan mật thiết với rất nhiều vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội như: giải quyết vấn đề định cư của người H'mông và chính sách đối với các dân tộc thiểu số, vấn đề thực thi quyền bình đẳng thực sự giữa các tộc người, vấn đề phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, vấn đề phát triển văn hóa - giáo dục - y tế và vấn đề đấu tranh chống nạn quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, v.v... Đây là những vấn đề rất lớn, quan trọng và bức xúc không thể giải quyết ngay một lúc mà đòi hỏi nhà nước Lào phải có chiến lược, lộ trình, quyết sách và biện pháp đúng đắn để giải quyết chúng trong thời gian lâu dài.

Để giải quyết vấn đề dân tộc và những vấn đề liên quan đến hòa hợp dân tộc, Quốc hội Lào có Ủy ban Dân tộc do một Bộ trưởng phụ trách. Thực tế cho thấy, cùng với bộ phận chuyên trách về vấn đề dân tộc trong cơ quan Mặt trận trung ương Lào xây dựng đất nước với hệ thống cán bộ chuyên trách

từ Trung ương tới địa phương và các đoàn thể quần chúng, hiệp hội nghề nghiệp khác như Liên hiệp Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nhà văn, Hội Nhà báo..., Ủy ban Dân tộc của Quốc hội Lào đóng vai trò là cơ quan tư vấn quan trọng cho Đảng và Nhà nước trong việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách có liên quan đến vấn đề hòa hợp dân tộc, trước hết là các cơ chế, chính sách nhằm giải quyết những vấn đề thiết thực, bức xúc của đời sống kinh tế - xã hội của các tộc người.

- *Vấn đề người H'mông và chính sách đối với các dân tộc thiểu số:* Vấn đề người H'mông ở Lào là vấn đề lịch sử và là vấn đề hết sức quan trọng trong tiến trình hòa hợp dân tộc ở Lào, là tâm điểm đã từng gây tranh cãi triền miên giữa Lào và Thái Lan cũng như giữa Lào và Mỹ.

H'mông là tộc người chiếm khoảng 8% dân số cả nước Lào, di cư đến Lào muộn hơn so với các tộc người khác (đầu thế kỷ XIX), có bản sắc văn hóa khá độc đáo, giàu lòng trung thực, dũng cảm, sống chủ yếu ở các vùng núi cao thuộc khu vực Bắc Lào và Trung Lào, tập trung nhiều nhất ở các tỉnh Xiêng-khoảng, Luổng-pha-bang, Hủa-phăn, U-đôm-xay, Bo-li-khăm-xay và thủ đô Viêng Chăn. Sự có mặt của người H'mông ở Lào vào thế kỷ XIX với tập quán lấy canh tác nương rẫy và trồng cây thuốc phiện làm phương thức sinh sống chủ yếu đã đòi hỏi việc phân chia lại quyền lực ở vùng cao, những nơi mà sự kiểm soát của thực dân Pháp lúc bấy giờ còn khá lỏng lẻo. Cuộc xung đột ở các vùng cao của Lào dẫn tới hệ quả là một bộ phận người H'mông theo lực lượng cách mạng Lào và bộ phận khác thì theo Chính phủ Hoàng gia Lào với sự bảo trợ của thực dân Pháp và Mỹ sau này. Bộ phận

người H'mông theo Pháp và sau này được Mỹ tiếp quản, đã được Mỹ xây dựng thành "Lực lượng đặc biệt" do tướng Vàng Pao chỉ huy, trở thành lực lượng xung kích tại chiến trường Bắc Lào trong giai đoạn "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ tại Đông Dương trước năm 1975.

Ở đây, cũng cần lưu ý một điều là, khi nhà nước quân chủ hiện đại Lào được thành lập năm 1945 thì yêu cầu thống nhất về mặt hành chính các vùng cao để tập trung nội lực phát triển kinh tế - xã hội đã đặt ra bài toán đầu tiên về hòa hợp dân tộc ở Lào. Thực ra, Chính phủ Hoàng gia Lào trước đây và Chính phủ CHDCND Lào hiện nay đều rất coi trọng chính sách đối với người H'mông và các dân tộc thiểu số. Cả hai chế độ này đều khẳng định Lào là một quốc gia đa dân tộc thống nhất, trong đó mọi người dân dù thuộc bất kỳ thành phần dân tộc nào cũng đều có quyền công dân bình đẳng ngang nhau. Hiến pháp đầu tiên của CHDCND Lào năm 1991 và Hiến pháp Lào sửa đổi năm 2003 đều khẳng định rõ điều đó.

Sự chống đối của người H'mông theo tướng Vàng Pao trong thời gian chiến tranh Đông Dương đã gây không ít khó khăn cho cách mạng Lào, nhưng nó không cản trở được xu thế phát triển tất yếu của lịch sử Lào. Từ sau năm 1975, mặc dù đã sang lưu vong tại Mỹ, Vàng Pao vẫn chưa chịu từ bỏ giấc mơ về thành lập một vương quốc H'mông tự trị tại Bắc Lào (là khu vực trọng yếu tiếp giáp với cả Thái Lan, Myanmar, Trung Quốc và Việt Nam) do ông ta làm thủ lĩnh. Những vụ gây rối của các phần tử H'mông ở Lào khoảng cuối thập niên 70, các thập niên 80, 90 của thế kỷ XX và rải rác sau năm 2000 tại các tỉnh thuộc khu vực Bắc Lào đều có bóng dáng của Vàng Pao và các thế lực trợ giúp ông ta. Tuy nhiên, năm 2007

Vàng Pao bị bắt giữ tại Mỹ với tội danh chống đối Nhà nước Lào và âm mưu khủng bố đã đặt dấu chấm hết cho "sự nghiệp" của ông ta. Hàng ngàn người H'mông theo Vàng Pao chống đối Chính phủ Lào và chạy sang tỵ nạn tại Thái Lan rải rác trong nhiều năm qua đã được Chính phủ Lào khoan hồng đưa dần trở về nước định cư trong những năm gần đây đã chứng minh cho chính sách hòa hợp dân tộc đúng đắn của Chính phủ Lào.

Đối với các dân tộc thiểu số khác, Chính phủ Lào luôn có các chính sách phù hợp nhằm phát huy tiềm năng của họ trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước nhằm đạt tới các mục tiêu cơ bản: 1) Bình đẳng chính trị; 2) Khuyến khích sản xuất; 3) Thúc đẩy văn hóa - giáo dục và phúc lợi xã hội: 4) Đảm bảo an ninh, quốc phòng và 5) Tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với các vấn đề dân tộc. Các mục tiêu này đã được nhà nước Lào cụ thể hóa thành cơ chế, chính sách trong việc thực thi các vấn đề có liên quan đến người H'mông và các dân tộc thiểu số nhằm tạo ra một ý thức thống nhất quốc gia lấy nhóm dân tộc Lào Lùm làm hạt nhân. Sở dĩ như vậy là do người Lào Lùm chiếm số đông trong cơ cấu dân cư Lào, có sự phát triển văn hóa cao nhất, có ngôn ngữ và chữ viết thông dụng làm cầu nối và là cơ sở cho việc trao đổi văn hóa giữa các dân tộc trong cả nước. Tuy nhiên, mỗi dân tộc thiểu số vẫn được Chính phủ Lào khuyến khích duy trì ngôn ngữ nói, phong tục, tập quán của riêng họ.

Về khía cạnh chính trị - kinh tế, việc bảo đảm quyền bình đẳng công dân theo Hiến pháp cho tất cả các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Lào là thành quả to lớn nhất của cách mạng Lào. Bên cạnh các quyền bình đẳng về chính trị đã được ghi

trong các văn bản pháp lý của Nhà nước Lào, người H'mông và các dân tộc thiểu số khác còn luôn được Chính phủ Lào chăm lo phát triển kinh tế thông qua các dự án xóa đói giảm nghèo và tạo điều kiện xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Mặc dù vậy, khó khăn vẫn còn chồng chất và việc giải quyết triệt để và thấu đáo vấn đề người H'mông cũng như những chính sách thích hợp đối với các dân tộc thiểu số khác đang đòi hỏi Nhà nước Lào phải tốn rất nhiều thời gian, công sức và tiền bạc. Đây chắc chắn sẽ là vấn đề chiến lược quan trọng và dài hạn của Chính phủ Lào trong các chương trình nghị sự trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI.

1.2.3. Vấn đề mở rộng dân chủ và nâng cao vai trò của Đảng cầm quyền

Dân chủ là một khái niệm pháp lý quan trọng và phức tạp. Tuỳ theo thể chế chính trị được xây dựng mà vấn đề dân chủ được quan niệm rất khác nhau. Đối với thể chế chính trị đa nguyên, tam quyền phân lập, thì dân chủ là một hình thức tổ chức thiết chế chính trị của xã hội, trong đó thừa nhận nhân dân là nguồn gốc của quyền lực thông qua hệ thống bầu cử tự do. Trong các học thuyết chính trị, dân chủ được dùng để mô tả cho một số hình thức nhà nước và cũng là một loại triết học chính trị. Mặc dù chưa có một định nghĩa thống nhất về dân chủ, nhưng có hai nguyên tắc mà bất kỳ một định nghĩa nào về dân chủ cũng đều đưa vào. Nguyên tắc thứ nhất là, tất cả mọi thành viên của xã hội (công dân) đều có quyền tiếp cận đến quyền lực một cách bình đẳng và nguyên tắc thứ hai là, tất cả mọi công dân đều được hưởng các quyền tự do được công nhận rộng rãi.

Dân chủ dưới chế độ tư bản hiện đại thường được hiểu là "dân chủ tự do". Trong thực tế, dân chủ còn được hiểu là "một hệ thống chính phủ được thành lập và hợp pháp hóa bằng bầu cử". Ngoài ra, những nền dân chủ tư bản hiện đại còn được đặc trưng bởi một loạt những định chế như: 1) Một Hiến pháp để giới hạn các quyền và kiểm soát hoạt động của chính phủ; 2) Bầu các ứng cử viên một cách tự do và công bằng; 3) Quyền bầu cử và ứng cử của người dân; 4) Quyền tự do ngôn luận, tự do lập hội; 5) Quyền tự do báo chí và quyền truy cập thông tin từ nhiều nguồn; 6) Quyền tự do giao thiệp; 7) Quyền công bằng trước pháp luật và xét xử tuân theo quy tắc của pháp luật; 8) Người dân được thông tin về quyền lợi và trách nhiệm dân sự.

Dân chủ nhất thiết có liên quan đến bầu cử. Tuy nhiên, việc bầu cử tự nó không phải là một điều kiện đủ cho một nền dân chủ thực sự tồn tại. Nhiều chế độ độc đoán hay độc tài thường tổ chức bầu cử để giả mạo một chế độ dân chủ. Tuy nhiên, trong các cuộc bầu cử đó, nhiều hạn chế đã được đặt ra như: hạn chế người đủ tiêu chuẩn ra ứng cử; hạn chế quyền hạn của những đại biểu hay những chính sách được lựa chọn; bầu cử không tự do và công bằng; giả mạo kết quả bầu cử. Trong lịch sử, những nền dân chủ giả mạo kiểu đó đầy rẫy mà tiêu biểu là Irắc dưới thời Saddam Hussein hay Philippines dưới thời Ferdinand Marcos.

Các nghiên cứu phổ quát của thế giới về bản chất dân chủ tự do qua thực tiễn cuộc sống cho thấy, càng nhiều dân chủ thì càng ít bạo động nội bộ và diệt chủng và người dân càng ít được hưởng quyền tự do dân chủ thì càng dễ bị giới thống trị đàn áp. Hơn nữa, hệ thống dân chủ cho phép công chúng có

quyền loại bỏ giới cầm quyền mà không cần thay đổi căn bản luật pháp của chính thể; nó làm cho dân chúng tin rằng, họ có thể bất đồng với chính sách hiện thời của chính phủ, nhưng sẽ luôn có cơ hội thay đổi giới cầm quyền, hoặc thay đổi chính sách thông qua bầu cử. Điều này có thể giúp giảm bớt những bất trắc và bất an chính trị hơn là thay đổi chính trị bằng bạo lực. Nơi nào có dân chủ càng nhiều thì càng có điều kiện nâng cao mức sống, chỉ số phát triển nhân sinh (HDI) và chỉ số nghèo càng thấp. Thực tế nền kinh tế chính trị thế giới còn cho thấy, chưa có một chế độ dân chủ thực sự nào đã từng bị nạn đói lớn, kể cả những nước dân chủ vốn không giàu có suốt chiều dài lịch sử như Ấn Độ.

Đối với trường hợp nước Lào, bản chất của vấn đề dân chủ nằm trong bản chất của thể chế chính trị Lào. Cũng giống như Việt Nam và một số nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) khác, Lào không theo chế độ đa nguyên, tam quyền phân lập, mà tuyên bố xây dựng mô hình nhà nước pháp quyền XHCN "của dân, do dân, vì dân" dưới sự lãnh đạo của Đảng NDCM Lào. Đây là mô hình nhà nước kiểu mới chỉ tồn tại ở một số ít nước với bản chất dân chủ hết sức khác biệt so với phương Tây. Với mô hình này, nền dân chủ hiện đại ở Lào được thực hiện theo hình thức *dân chủ tập trung, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, địa phương phục tùng trung ương*; là nguyên tắc "tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách". Từ đây, phát sinh ra mô hình dân chủ rất đặc thù trong quản lý nhà nước ở Lào: "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ".

Ở Lào, chính đảng duy nhất là Đảng NDCM Lào. Theo Hiến pháp Lào thì người dân trực tiếp bầu ra Quốc hội (hiện nay gồm 132 đại biểu) là những người đại diện cho dân để họ

bầu ra Chủ tịch nước và Chính phủ. Người đứng đầu Nhà nước là Chủ tịch nước được Quốc hội bầu ra có nhiệm kỳ 5 năm. Người đứng đầu Chính phủ là Thủ tướng do Chủ tịch nước đề cử và Quốc hội thông qua. Đường lối chính sách của Chính phủ Lào do Đảng NDCM Lào lãnh đạo thông qua 11 Ủy viên Bộ Chính trị và 50 Ủy viên Trung ương Đảng (Đại hội IX, tháng 3/2011)[1]. Các Bộ trưởng, các Trưởng ban/ngành của Đảng, người đứng đầu các ủy ban chuyên trách của Quốc hội, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể, thường là Ủy viên Trung ương Đảng NDCM Lào.

Như vậy, nền dân chủ ở Lào mang đặc trưng của nền dân chủ tập trung. Người dân không có quyền trực tiếp bầu Chủ tịch nước mà thông qua người đại diện của họ là đại biểu Quốc hội. Trong sinh hoạt Đảng, bản chất của nền dân chủ tập trung được duy trì tuyệt đối, ở mọi lúc, mọi nơi. Nhìn chung, dân chúng và các đảng viên ở Lào luôn là những người chấp hành nghiêm chỉnh các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ. Sở dĩ có được điều đó là bởi Lào là nước đất rộng người thưa, dân số ít; không gian sinh tồn và điều kiện sống tuy không giàu sang, phú quý, nhưng luôn có cái ăn, cái mặc; không bị sức ép về dân số, lao động và việc làm đến mức căng thẳng như ở Trung Quốc hay Việt Nam, vốn cũng là những nước có nền dân chủ khá tương đồng. Hơn nữa, người dân Lào phần lớn theo đạo Phật,

1. Đại hội toàn quốc lần thứ IX Đảng NDCM Lào diễn ra từ ngày 17 đến 21 tháng 3/2011 tại thủ đô Viêng Chăn đã bầu chọn ra Ban chấp hành Trung ương gồm 61 ủy viên (có 5 nữ); trong số đó có 11 người là Ủy viên Bộ Chính trị, 9 người là thành viên Ban Bí thư, do ông Chu-ma-li Xay-nha-xỏn làm Tổng Bí thư.

sống hiền lành, tốt bụng và bao dung trong điều kiện nhân quyền khá tốt đẹp và điều kiện vật chất không đến nỗi thiếu thốn, chính là nguồn gốc cơ bản của cuộc sống khá bình yên lâu nay ở Lào và dự báo sự yên ổn này vẫn sẽ được duy trì trong giai đoạn 2011 - 2020.

Tuy nhiên, cùng với xu thế phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh liên kết, hội nhập khu vực và quốc tế, nhiều vấn đề mới nảy sinh với các xu hướng tiêu cực về môi trường sinh thái, khoảng cách giàu nghèo, tình trạng nhập cư bất hợp pháp vào Lào ngày càng gia tăng và tình trạng bất bình đẳng giữa các dân tộc,... đang bắt đầu khiến cho dân chúng Lào phát sinh tâm lý bất bình và sẵn sàng có tiếng nói phản biện. Chẳng hạn, xung quanh quyết định của Chính phủ Lào cho Trung Quốc thuê 1.600ha đất cận kề khu vực Thạt Luổng với thời hạn 50 năm để xây dựng "Phố người Hoa - China Town" đã không nhận được sự đồng thuận từ phía đông đảo người dân Lào, gây nên tình trạng bất bình lớn trong dân chúng, đã khiến cho "quyết sách" đó của Chính phủ bị đổ vỡ hoàn toàn.

Mặt khác, ngày nay người dân Lào có điều kiện giao lưu tiếp xúc với thế giới bên ngoài, trước hết là các nước trong Hiệp hội ASEAN và các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương rộng lớn. Trong điều kiện cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật ngày càng hiện đại như mạng lưới truyền thông, Internet, mạng lưới giao thông và viễn thông đang kết nối nước Lào với thế giới, mở mang kiến thức và hiểu biết cho nhân dân Lào về dân chủ, nhân quyền và giá trị con người nói chung. Chính điều này đòi hỏi nền dân chủ ở Lào cần phải được tăng cường và mở rộng trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội,... Đây là cách thức tốt nhất để chống

lại cái gọi là "diễn biến và tự diễn biến hòa bình" mà một số thế lực chống đối nhà nước Lào đang ra sức hù dọa.

Như vậy, vấn đề mở rộng dân chủ và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng cầm quyền ở Lào đang là một trong những vấn đề có tầm quan trọng sống còn đối với thể chế chính trị và nền dân chủ Lào hiện nay. Ở đây, dân chủ đồng nghĩa với việc lắng nghe và tôn trọng những tiếng nói trái chiều của quần chúng nhân dân trong chính sách đối nội và đối ngoại; dân chủ đồng nghĩa với phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, trình độ dân trí và quyền bình đẳng thực sự cho các công dân; dân chủ cũng có nghĩa là Chính phủ phải kiên quyết tấn công nạn quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, hối lộ và công khai, minh bạch trước nhân dân tất cả những vấn đề tài chính quốc gia thông qua hệ thống kiểm toán độc lập và hiệu quả,... Thực tế, đây là những vấn đề hiện đang nổi cộm ở Lào và khó có thể giải quyết trong một sớm, một chiều. Cùng với tình trạng dân chủ bị bó hẹp trong sinh hoạt chính trị - xã hội ở một số nơi, cộng với sự giật dây của các thế lực chống đối bên trong và bên ngoài có thể sẽ là nguy cơ tiềm ẩn lâu dài cho tâm lý bất mãn, dẫn đến các xung đột chính trị - xã hội khó có thể lường trước.

1.3. Những vấn đề liên quan đến chính trị đối ngoại

1.3.1. Tổng quan về chính trị đối ngoại của CHDCND Lào

Sự ra đời của nước CHDCND Lào ngày 2/12/1975 là một sự kiện lớn trong lịch sử hiện đại Lào. Trải qua 35 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2010), CHDCND Lào luôn kiên trì đường lối chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên cơ sở năm nguyên tắc cùng

tồn tại hòa bình. Năm 1975, Lào chỉ có quan hệ ngoại giao với 44 nước, đến nay (năm 2010) Lào đã có quan hệ ngoại giao với 127 nước, có quan hệ buôn bán với 60 nước và vùng lãnh thổ, ký hiệp định thương mại song phương với 20 nước; 48 nước và vùng lãnh thổ cho Lào hưởng quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập GSP (General System of Preferences) trong đó có Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Australia, New Zealand, Mỹ, EU, Thụy Điển, Canada,... Hiện nay Lào đang tiến hành đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Diễn đàn Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Ngoài ra, Lào là thành viên đầy đủ của nhiều tổ chức khu vực và quốc tế như Liên hợp quốc, ASEAN, AIPO, AFTA, IMF, ADB, Phong trào không liên kết, Hội Pháp ngữ..., đồng thời tham gia một loạt các hiệp định và công ước quốc tế khác. Đây là các cơ hội và diễn đàn để Lào tranh thủ viện trợ của nước ngoài và các tổ chức quốc tế, thu hút ngày càng nhiều vốn FDI, học hỏi kinh nghiệm, kỹ năng quản lý và điều hành nền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa nhằm hội nhập thành công vào kinh tế khu vực và thế giới.

Trong bối cảnh lớn của liên kết, hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng gia tăng, điều kiện giao thông được cải thiện vượt bậc so với trước đây, Lào đang trở thành điểm trung chuyển quan trọng của khu vực Đông Nam Á lục địa, là nơi các nước lớn và các nước láng giềng của Lào đang tìm mọi cách gia tăng ảnh hưởng chính trị và kinh tế nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược lâu dài. Như vậy, từ vị trí tương đối biệt lập vì không có biển, ngày nay Lào trở thành vị trí trung chuyển của khu vực và là vùng đệm lý tưởng của nhiều

nước trong cuộc cạnh tranh địa - kinh tế và địa - chiến lược quan trọng.

Trong khoảng 10 năm tới (2011 - 2020), CHDCND Lào vẫn chủ trương tiếp tục chủ động mở rộng quan hệ ngoại giao và hợp tác kinh tế với tất cả các quốc gia trong khu vực, trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo chiến lược "đa phương hóa, đa dạng hóa"; trong đó, Lào dành ưu tiên quan hệ với các nước ASEAN, các nước láng giềng và các nước lớn. Về thứ tự ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Lào, mặc dù chưa bao giờ tuyên bố chính thức, nhưng xét trên động thái và khía cạnh thực tiễn của các mối quan hệ, có thể thấy trước hết Lào dành ưu tiên đặc biệt cho 5 nước láng giềng của mình là Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia và Myanmar, vì đây không những là các quốc gia có biên giới tiếp giáp với Lào mà còn là các đối tác chủ yếu của Lào trong buôn bán, đầu tư và giao lưu. Các đối tác ưu tiên tiếp theo là các nước còn lại thuộc Hiệp hội ASEAN, khu vực Đông Bắc Á (mà chủ yếu là Nhật Bản và Hàn Quốc), sau đó là Mỹ, Australia, Ấn Độ, Nga, EU.

Với Việt Nam, Lào luôn xác định mối quan hệ giữa hai nước là quan hệ truyền thống lâu đời, hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện. Đối với Lào, đây là mối quan hệ quốc tế đặc biệt có một không hai trên thế giới, mang tính chiến lược dài hạn, vô tư, trong sáng, thủy chung và hiếm có trong lịch sử bang giao giữa các quốc gia. Vì vậy, cùng với Việt Nam, Lào khẳng định quyết tâm không ngừng tăng cường bảo vệ và vun đắp cho mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam nhằm đáp ứng lợi ích thiết thân của hai nước trong tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh, văn hóa - xã hội.

Với Trung Quốc, Lào rất coi trọng mối quan hệ này, vì đây là nước láng giềng khổng lồ và là đối tác hàng đầu trong viện trợ kinh tế, đầu tư và buôn bán với Lào. Về phía Trung Quốc, thông qua mối quan hệ với Lào, Trung Quốc càng có điều kiện mở rộng ảnh hưởng với các nước ASEAN qua hệ thống hành lang kinh tế Bắc Nam nối liền Vân Nam với Đông Nam Á.

Với Thái Lan, Lào có mối quan hệ láng giềng lâu đời với nhiều đặc diểm tương đồng về văn hóa - lịch sử. Trong bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu hóa, mối quan hệ giữa hai nước càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết vì cả hai đều là cửa ngõ của nhau trong mọi hoạt động liên kết và giao lưu.

Với Campuchia và Myanmar, mặc dù tầm cỡ giao thương và đầu tư của Lào với hai nước này không lớn như với ba đối tác trên đây, nhưng với hàng trăm cây số đường biên tiếp giáp với hai nước đó ở những khu vực nhạy cảm như vùng Tam giác vàng (với Myanmar) và khu vực Tam giác phát triển (với Campuchia) không cho phép Lào coi nhẹ mối quan hệ với họ bởi các tác động tương hỗ từ nhiều phía.

Với các đối tác xa hơn trong khu vực như các nước còn lại của Hiệp hội ASEAN và các nước bên ngoài khu vực như Mỹ, Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc, Ấn Độ, Nga, EU,... Lào luôn bày tỏ nguyện vọng mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi. Thực tế, đã có nhiều nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia đang có nhiều dự án viện trợ và hợp tác đầu tư tại Lào, mang lại lợi ích thiết thực cho cả đôi bên, đồng thời không ngừng nâng cao ảnh hưởng chính trị và kinh tế của các nước đó tại Lào.

Với các tổ chức quốc tế, các định chế tài chính quốc tế và các thể chế hợp tác đa phương như Liên hợp quốc, Ngân hàng

Thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng Phát triển châu Á, ASEAN+1, ASEAN+3,... Lào đều có mối quan hệ hợp tác tốt đẹp và tranh thủ được sự ủng hộ của các tổ chức này trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế thị trường.

Có thể nói, trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay, CHDCND Lào ngày càng có vai trò và vị thế quan trọng, không những trở thành điểm trung chuyển của khu vực Đông Nam Á lục địa mà còn là tâm điểm cho các tính toán chiến lược lâu dài của nhiều đối tác, đặc biệt là các cường quốc.

Việc tăng cường hợp tác với các nước láng giềng và các đối tác bên ngoài khu vực, các tổ chức quốc tế, các thể chế hợp tác đa phương,... với định hướng tăng cường mở cửa và hội nhập là đường lối chính sách đúng đắn của CHDCND Lào. Đường lối chính sách này không những đáp ứng được các lợi ích cơ bản, lâu dài về chính trị và kinh tế của Lào, mà còn phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

1.3.2. Cạnh tranh ảnh hưởng chính trị của một số nước tại Lào

Trong suốt chiều dài lịch sử, Đông Nam Á là một khu vực địa lý gắn liền với lợi ích của nhiều nước lớn. Tuy nhiên, các nước lớn quan tâm đến khu vực Đông Nam Á ở những mức độ khác nhau. Từ mối quan tâm chung, sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đối với cả khu vực và đối với từng nước thành viên trong khu vực cũng không giống nhau.

Đối với trường hợp nước Lào, suy cho cùng, sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở đây hiện nay, nếu có, cũng chỉ diễn ra chủ yếu theo hai tuyến: một tuyến đứng đầu là Mỹ và

các nước đồng minh thân cận của Mỹ như: Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và các nước phương Tây khác. Tuyến thứ hai chủ yếu là Trung Quốc và Việt Nam. Còn đối với nước Nga hiện nay, do Nga ở quá xa và đang vướng bận với nhiều vấn đề khó khăn phức tạp trong không gian SNG thời kỳ hậu Xô Viết mà nước Lào lại quá nhỏ bé, nên sự cạnh tranh chiến lược của nước này đối với Lào dường như không đáng kể. Tuy nhiên, trong chuyến thăm Liên bang Nga vào đầu tháng 10/2011 của Tổng Bí thư Đảng NDCM Lào kiêm Chủ tịch nước CHDCND Lào Chu-ma-li Xay-nha-xỏn, hai bên Lào và Nga đã nâng quan hệ lên tầm đối tác chiến lược, chứng tỏ Nga ngày càng quan tâm hơn đối với Lào trong tổng thể chiến lược "hướng về phía Đông" của nước này. Riêng với Ấn Độ, Đông Nam Á là khu vực liền kề có vị chiến lược quan trọng. Tuy nhiên, mối quan tâm chiến lược của nước này đối với Lào cũng không lớn do Lào nằm sâu trong lục địa, còn Ấn Độ thì cũng chưa thừa thãi tiềm lực để có thể bao quát hết mọi nước trong khu vực này. Còn hai đối tác lớn là Nhật Bản và EU thì về cơ bản, họ cũng có lợi ích trùng hợp với lợi ích của Mỹ tại Lào.

Tuy nhiên, đối với Lào, sự cạnh tranh chiến lược còn diễn ra giữa các nước nhỏ hơn có lợi ích quốc gia cốt lõi gắn bó chặt chẽ với Lào như Thái Lan và Việt Nam. Cả hai nước này là láng giềng của Lào và đều xếp Lào ở vị trí thứ tự ưu tiên số một trong mối quan tâm địa - chiến lược. Với Thái Lan, Lào được coi là quốc gia có văn hóa - lịch sử tương đồng, là địa bàn đầu tư, du lịch và buôn bán gần gũi quan trọng. Với Việt Nam, Lào vừa là nước láng giềng có quan hệ

hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện, vừa được coi là đồng minh thể chế thân cận nhất có tầm quan trọng về mặt quốc phòng và an ninh.

Nhìn vào tổng thể, sự cạnh tranh chiến lược ở đây có vẻ mang màu sắc ý thức hệ. Có lẽ thực tế không hoàn toàn như vậy. Nhưng xét theo bản chất các mối quan hệ, do xuất phát từ lợi ích của từng quốc gia cụ thể nên trong thực tế, sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước láng giềng và các nước lớn diễn ra ở Lào rất phức tạp, có nhiều tầng nấc, với những mâu thuẫn và lợi ích đan xen chồng chéo lẫn nhau.

Do đó, khi xem xét sự cạnh tranh địa - chiến lược giữa các nước lớn có liên quan đến vị thế của Lào, thì sự phân tích lồng ghép chủ yếu theo hai tuyến như đã nói ở trên theo chúng tôi là hợp lý, bởi nó cho phép chúng ta tiếp cận một cách khách quan tính thực chất của vấn đề.

a) Cạnh tranh của Thái Lan

Lào và Thái Lan là hai quốc gia láng giềng có nhiều mối duyên nợ lịch sử đặc biệt. Để hiểu được mối quan hệ hiện đại giữa họ với nhau, chúng ta cần hiểu chiều sâu cội nguồn của mối quan hệ lịch sử - văn hóa giữa hai dân tộc.

Theo tư liệu lịch sử thì, người Lào - nhóm dân tộc chính sống tại nước Lào ngày nay là một nhánh của các dân tộc sử dụng hệ ngôn ngữ Thái[1], những người mà cho tới thế kỷ thứ

1. Thái là nhóm ngôn ngữ có nguồn gốc từ Nam Trung Quốc, gồm người Lào, người Xiêm (Thái Lan), người Sán Chay ở Đông Bắc Miến Điện, người Choang ở Quảng Tây (Trung Quốc), người Thổ, người Thái, người Nùng ở phía Bắc Việt Nam.

VIII đã thiết lập vương quốc Nam Chiếu hùng mạnh ở phía Tây Nam Trung Quốc. Từ Nam Chiếu, người Thái đã di cư dần dần về phía Nam, vào sâu trong bán đảo Trung Ấn. Sự di cư của người Thái càng được đẩy mạnh vào thế kỷ XIII khi đế quốc Nguyên Mông xâm chiếm miền Nam Trung Hoa. Cùng với các dân tộc Thái khác, người Lào đã dần dần chiếm lĩnh địa bàn cư trú của các bộ lạc thổ dân bản địa (thường được gọi chung là người Khạ) đã sinh sống từ thế kỷ V tại nơi mà ngày nay là nước Lào, dưới quyền cai trị của đế quốc Khơme.

Lịch sử nước Lào trước thế kỷ XIV không được ghi chép rõ ràng mà chủ yếu là dựa theo truyền thuyết[1]. Theo đó, vào giữa thế kỷ XIV (1353), Phạ Ngừm lên ngôi vua Lào, thống nhất các tiểu vương quốc (Hủa Phăn, Mường Phương, Viêng Chăn, Chămpaxac,...) và đặt tên nước là Lạn Xạng (nghĩa tiếng Lào là Triệu Voi). Lạn Xạng bao gồm toàn bộ diện tích nước Lào ngày nay, vùng Ixản (khu vực Đông Bắc Thái Lan) và một phần tỉnh Stung-streng (Đông Bắc Campuchia). Thế lực vua Phạ Ngừm rất hùng mạnh và ông đã xây dựng chế độ phong kiến tập trung, đó chính là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của lịch sử chế độ phong kiến Lào. Trong các thế kỷ tiếp theo, những người kế tục vua Phạ Ngừm, đặc biệt là vua Setthathilat ở thế kỷ XVI đã giúp đưa Phật giáo tiểu thừa trở thành tôn giáo chính thống ở nước Lạn Xạng và dời đô từ Luang Prabang về Viêng Chăn (năm 1556).

---

1. Theo truyền thuyết, khoảng thế kỷ thứ VII (năm 658), Khún Lo lập nước tại Mường Xoa (Luang Prabang ngày nay). Sáu người em của Khún Lo chia nhau cai trị các Tiểu vương quốc lân cận.

Trong khoảng thời gian này, vương quốc Lạn Xạng đã ba lần dũng cảm chống lại các cuộc xâm lược tàn khốc của phong kiến Miến Điện và giành lại được độc lập vào năm 1581. Trong thế kỷ XVII, Lạn Xạng dần dần rơi vào giai đoạn suy tàn và tới đầu thế kỷ XVIII (năm 1713) bị chia thành ba vương quốc là Luang Prabang, Viêng Chăn và Chămpaxac.

Cuối thế kỷ XVIII (năm 1778), nước Xiêm đưa quân sang đánh Lạn Xạng và năm 1779 phong kiến Xiêm đã thiết lập được quyền kiểm soát lên toàn bộ nước Lào. Lãnh thổ nước Lào lúc đó bị phong kiến Xiêm chia thành ba công quốc phụ thuộc lẫn nhau do Xiêm cai quản với công quốc lớn nhất là Luang Prabang ở phía Bắc, Viêng Chăn ở Trung tâm và Chămpaxac ở phía Nam. Tới những năm 1823 - 1827, vùng Viêng Chăn do Chậu Anụ lãnh đạo đứng lên khởi nghĩa nhưng bị thất bại và vùng này bị sáp nhập vào nước Xiêm.

Lịch sử cho thấy, vào thế kỷ XIX khi nước Xiêm phát triển cơ cấu của một quốc gia hiện đại, thì phần lãnh thổ Lào bị Xiêm cai trị trực tiếp bằng những biện pháp ngày càng chặt chẽ và mang nặng tính đàn áp. Trong mọi trường hợp, người Xiêm đến Lào không phải với tư cách là những người giải phóng mà thường cướp bóc của cải đưa về Băng Cốc và đàn áp mọi sự chống đối, vì vậy đã để lại những ấn tượng nặng nề đối với người Lào. Những năm giữa thế kỷ XIX là khoảng thời gian tồi tệ nhất trong lịch sử nước Lào. Trong số ba công quốc nói trên thì công quốc Luang Prabang vẫn giữ được tính độc lập tương đối bằng cách cống nộp cho cả phong kiến Xiêm, Trung Quốc và Đại Việt. Còn hai công quốc ở khu

vực trung tâm và miền Nam Lào bị Xiêm khống chế và bóc lột thậm tệ. Cuộc khởi nghĩa của Chậu Anụ trong những năm 1823 - 1827 cho thấy tinh thần quật khởi thực sự của người Lào, nhưng cho tới năm 1860, dưới sự áp bức nặng nề của phong kiến Xiêm, nước Lào dường như đã đánh mất hoàn toàn vai trò của một thực thể quốc gia và trở thành một vùng phụ thuộc hoàn toàn vào vương quốc Xiêm.

Sau khi xâm chiếm Việt Nam (1858), thực dân Pháp đã dần đưa Lào vào Liên bang Đông Dương thuộc Pháp thông qua các hiệp ước ký với triều đình Xiêm vào các năm 1893 và 1904. Các hiệp ước này, một mặt giúp Lào thoát khỏi ách nô dịch của phong kiến Xiêm, nhưng mặt khác đã làm cho Lào mất hẳn một phần lãnh thổ rộng lớn vốn trước kia thuộc về nước Lào ở vùng Đông Bắc Thái Lan hiện nay.

Từ thời thuộc Pháp (năm 1893) cho đến khi giành được độc lập hoàn toàn vào năm 1975, nhân dân Lào đã sát cánh cùng nhân dân Việt Nam và nhân dân Campuchia trong cuộc đấu tranh khốc liệt để giành lại chủ quyền và tự do dân tộc từ tay các thế lực thực dân, đế quốc. Từ 1975 đến nay, quan hệ giữa Lào và Thái Lan là quan hệ giữa hai quốc gia láng giềng độc lập, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ theo thông lệ quốc tế. Trong kỷ nguyên "Chiến tranh lạnh", mối quan hệ Lào - Thái có nhiều mối bất hòa do có sự đối đầu về ý thức hệ. Sau khi "Chiến tranh lạnh" kết thúc (1991), dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa và liên kết khu vực, quan hệ hai nước ngày càng đi vào chiều sâu và phát triển tương đối

ổn định, đặc biệt là từ khi Lào chính thức gia nhập Hiệp hội ASEAN vào năm 1997.

Có thể nói, mặc dù trải qua nhiều biến cố thăng trầm, nhưng mối quan hệ giữa hai nước Lào và Thái Lan vẫn là mối quan hệ "đồng chủng, đồng văn" do có nhiều điểm tương đồng về cội nguồn văn hóa và lịch sử. Đây là một thực tế không thể phủ nhận. Điều này lý giải cho vị thế ngày càng gia tăng của Thái Lan tại Lào trong đời sống kinh tế - xã hội hiện đại. Có thể khẳng định, đây chính là những khía cạnh tích cực của mối quan hệ giữa Lào và Thái Lan, trong đó Thái Lan đang ra sức tìm mọi cách nhằm gia tăng ảnh hưởng toàn diện của mình tại đây.

Trước hết về quan hệ chính trị, hiện nay hai nước đang có quan hệ khá tốt đẹp. Mặc dù thể chế chính trị hiện tại ở hai nước hoàn toàn khác biệt nhưng điều này không phải là trở ngại chính cho cả hai bên trong việc thiết lập và thực thi các mối quan hệ hợp tác trên cơ sở song phương và đa phương trong xu thế liên kết và hội nhập khu vực và quốc tế. Hai bên vẫn duy trì thường xuyên việc trao đổi các đoàn đại biểu viếng thăm lẫn nhau ở tất cả các cấp, các địa phương và các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Trong bối cảnh liên kết khu vực và toàn cầu hóa hiện nay với những diễn biến đan xen phức tạp mang tính hợp tác và cạnh tranh ở mọi cấp độ, quan hệ Lào - Thái vẫn tiếp tục có những bước phát triển khá mạnh mẽ. Đối với Thái Lan, Lào chiếm vị trí rất quan trọng trong quan hệ kinh tế, chính trị, an

ninh và văn hóa. Vì vậy, Thái Lan luôn có chiến lược rất rõ ràng trong quan hệ với Lào.

Về mặt chính trị, mục tiêu lâu dài của chiến lược này là nhằm duy trì quan hệ chính trị Thái - Lào luôn ổn định, tăng cường các cuộc tiếp xúc cấp cao để gia tăng sự hiểu biết và ủng hộ lẫn nhau trên các diễn đàn khu vực và quốc tế. Những năm gần đây, hai bên tăng cường trao đổi thường xuyên các đoàn quan chức ở tất cả các cấp, tiến hành việc hợp tác bảo vệ an ninh biên giới, đẩy nhanh tiến độ việc cắm mốc biên giới trên bộ và trên sông, tích cực triển khai hợp tác quốc phòng và kiểm soát ma túy trên toàn bộ tuyến biên giới hai nước. Lào cũng nhận được sự hợp tác chặt chẽ từ phía Thái Lan trong việc tổ chức nhiều hội nghị cấp cao và chuyên ngành của ASEAN tại Viêng Chăn. Rõ ràng sự hợp tác tốt đẹp về chính trị đã làm cho quan hệ hai nước xích lại gần nhau hơn, tạo tiền đề vững chắc cho việc hợp tác trong các lĩnh vực khác.

Về mặt kinh tế, từ trước đến nay Lào luôn là địa bàn đầu tư và là đối tác thương mại quan trọng của Thái Lan. Do vị trí địa lý thuận tiện, việc đi lại dễ dàng, cước phí vận chuyển thấp, thị hiếu người tiêu dùng hai bên không có nhiều khác biệt, nên hàng hóa Thái Lan rất được ưa chuộng tại Lào. Trong quan hệ buôn bán với Thái Lan, tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa của Lào từ Thái luôn chiếm khoảng 60-70% tổng giá trị nhập khẩu và khoảng 30-40% tổng giá trị xuất khẩu. Hàng hóa xuất khẩu của Lào sang Thái Lan bao gồm điện năng, gỗ, khoáng sản, nông sản, các loại nguyên liệu thô,... và nhập khẩu từ Thái hàng tiêu dùng, máy móc, thiết bị, phương tiện

giao thông vận tải,... Hiện nay, Thái Lan tiếp tục ưu tiên đặc biệt về thuế trong khuôn khổ 300 danh mục mặt hàng chung của các nước thành viên ASEAN dành cho nhau. Ngoài ra, từ năm 2004, Thái Lan còn ưu tiên miễn hoàn toàn thuế nhập khẩu cho 10 mặt hàng nông sản có xuất xứ từ Lào với khối lượng không hạn chế. Năm 2008, kim ngạch thương mại hai chiều Lào - Thái đạt 1,6 tỷ USD (so với 435 triệu USD giữa Lào và Việt Nam). Thái Lan đang phấn đấu đưa kim ngạch thương mại hai chiều Thái - Lào lên mức 2 tỷ USD vào năm 2011 (so với mức khoảng 1 tỷ USD kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - Lào vào năm 2010 nhưng có lẽ chỉ đạt khoảng 700 triệu USD, và khoảng 2 tỷ USD vào năm 2015). Như vậy, xét về lĩnh vực thương mại, Thái Lan vẫn sẽ là đối tác lớn nhất của Lào trong bất cứ trường hợp nào.

Trong lĩnh vực đầu tư, Thái Lan vẫn là đối tác chiếm vị trí hàng đầu liên tục trong nhiều năm liền kể từ khi kinh tế Lào tiến hành cải cách mở cửa. Các dự án đầu tư của Thái Lan tại Lào chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực du lịch, khách sạn, thủy điện, khai khoáng, trang trại,... Thái Lan hiện là nhà đầu tư lớn nhất trong số 40 nước và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Lào. Tính đến hết tháng 6/2010, Thái Lan có tới 254 dự án đầu tư tại Lào, với tổng vốn đăng ký hơn 2,666 tỷ USD. Chỉ tính riêng năm 2008, Thái Lan có 14 dự án 100% vốn đầu tư nước ngoài với tổng giá trị đầu tư đạt hơn 133 triệu USD, và 4 dự án liên doanh với số vốn đầu tư đạt khoảng 83 triệu USD.

Đáng chú ý là, trong cơ chế hợp tác kinh tế song phương Thái - Lào, từ lâu hai nước đã thành lập Ủy ban Hợp tác kinh

tế Thái - Lào (Lào - Thái) do cấp Bộ trưởng phụ trách và đã tiến hành được 15 phiên họp chung, trong đó phiên họp gần đây nhất diễn ra trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Thái Lan của Chủ tịch nước CHDCND Lào Chumali Xaynhaxỏn từ ngày 12 đến 14/5/2009[1]. Nội dung các cuộc họp chung của Ủy ban Hợp tác kinh tế Lào - Thái (Thái - Lào) là nhằm kiểm điểm, đánh giá mối quan hệ hợp tác hàng năm và đề ra các biện pháp xây dựng lòng tin đối với hai bên nhằm nâng cao hiệu quả của mối quan hệ.

Trong các lĩnh vực hợp tác kinh tế song phương hiện nay, quan hệ hợp tác lao động ngày càng chiếm vị trí quan trọng. Do không bị hàng rào ngôn ngữ ngăn cản, hàng ngàn lao động người Lào có thể sang Thái Lan tìm kiếm việc làm trong khu vực lao động phổ thông và chế biến, góp phần cải thiện thu nhập cho bản thân và gia đình họ, đồng thời mang lại nguồn thu ngoại tệ không nhỏ cho đất nước. Đây là lĩnh vực hợp tác quan trọng mang lại lợi ích lâu dài cho cả hai bên[2].

Có thể nói, trong quan hệ song phương Thái - Lào, hợp tác thương mại, đầu tư và lao động là ba lĩnh vực có ảnh hưởng quyết định đến quy mô và chất lượng của mối quan hệ. Đây cũng là thế mạnh của Thái Lan trong mối quan hệ với Lào và

---

1. Xem báo Pạ-xa-xôn (Nhân dân) và báo Vientiane Times, ra ngày 15/05/2009.

2. Theo báo Vientiane Times ra ngày 13/11/2008, tính đến hết năm 2006, có khoảng 200.000 người Lào lao động tại Thái Lan. Chỉ riêng năm 2006, người lao động Lào tại Thái Lan gửi về nước 854,4 tỷ kíp (khoảng 100 triệu USD). Kể từ năm 2000 đến nay, số lượng người Lào sang tìm việc tại Thái Lan tăng khoảng 15-20%/năm.

là đòn bẩy quan trọng để Thái Lan ngày càng gia tăng ảnh hưởng của mình tại Lào.

Về mặt văn hóa, hai nước có nhiều điểm tương đồng về quan hệ tộc người và ngôn ngữ nên người Thái và người Lào có thể giao tiếp với nhau không cần phiên dịch. Đây là lợi thế to lớn của hai bên trong quan hệ giao lưu tiếp xúc ở mọi cấp, mọi nơi. Thấu hiểu điều này, Chính phủ Thái Lan ra sức tuyên truyền về mối quan hệ Thái - Lào, coi sự hợp tác về kinh tế và sự hợp tác bảo vệ an ninh biên giới là động lực để thúc đẩy toàn diện mối quan hệ láng giềng và tình hữu nghị giữa hai nước. Một mặt, Chính phủ Thái Lan luôn tạo mọi điều kiện cho các tỉnh Thái Lan giáp biên giới với Lào kết nghĩa, giao lưu văn hóa, thể thao, tổ chức nhiều hội chợ thương mại, lễ hội truyền thống và mời phía Lào sang tham dự. Mặt khác, Thái Lan luôn có các chính sách ưu đãi để khuyến khích các công ty và tập đoàn kinh tế Thái Lan sang đầu tư, kinh doanh, buôn bán tại Lào.

Bên cạnh những ưu thế vượt trội trong cuộc đua tranh giành ảnh hưởng tại Lào với các khía cạnh tích cực trên đây, Thái Lan vẫn còn phải nỗ lực nhiều hơn để xua tan dư chấn của những trang sử nặng nề trong quan hệ Thái - Lào với những dính líu, ràng buộc sâu sắc và toàn diện trong thời kỳ cận đại và hiện đại.

Ở đây, sự dính líu mang tới những hậu quả tiêu cực của Thái Lan đối với Lào bắt nguồn từ lịch sử thăng trầm dài hàng trăm năm giữa hai nhà nước phong kiến Lào và Xiêm trước kia và sự chia chác đất đai phần phía Tây Đông Dương về sau giữa nước Pháp - đế quốc tàn bạo và nước Xiêm - phong kiến

tham lam vào cuối thời kỳ cận đại, để lại những mất mát, thua thiệt to lớn không gì bù đắp được cho đất nước và nhân dân Lào đương đại. Vì vậy, sự dính líu của Thái Lan đối với Lào mang tính lịch sử khá sâu sắc. Đó là sự dính líu với những ảnh hưởng tác động đan xen đa chiều của các yếu tố dân tộc, địa - chính trị, lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa, tín ngưỡng giữa hai dân tộc, hai quốc gia láng giềng. Từ sự dính líu đó, trong con mắt người Lào, Thái Lan được xem là đất nước thù địch trong quá khứ phong kiến.

Vào thế kỷ XX, bản chất của mối quan hệ đó tiếp tục được khẳng định trong "Chiến tranh Việt Nam" khi Thái Lan theo chân Mỹ chống lại lực lượng cách mạng Lào. Với việc thành lập nước CHDCND Lào năm 1975, bên cạnh những khía cạnh tích cực của mối quan hệ hợp tác láng giềng như đã nói trên, sự khác biệt về chế độ chính trị giữa Thái Lan và Lào đã khiến một số thế lực cực hữu trong giới cầm quyền Thái Lan vẫn tiếp tục chính sách thù địch đối với Lào; tiếp tay, nuôi dưỡng và cung cấp đất thánh cho một số thế lực phản động lưu vong Lào tiến hành chống phá Nhà nước CHDCND Lào.

Trong số các hoạt động tiêu biểu của Thái Lan trước đây, phải kể đến việc Thái Lan tập trung các phần tử ngụy quân thuộc phái Hoàng gia Lào và tàn quân Vàng Pao chạy sang Thái Lan sau chiến tranh, đưa họ về định cư dọc đường biên của 6 tỉnh Đông Bắc Thái Lan giáp giới với tỉnh Xay-nhạ-bu-li của Lào, biến một bộ phận dân cư ở đây thành lực lượng bán vũ trang, xây dựng vành đai này thành các trung tâm huấn luyện, tập kết và là căn cứ của lực lượng phản động lưu vong

Lào, rồi đưa về thâm nhập, cài cắm vào nội bộ Lào nhằm chống phá an ninh Lào. Cần nói thêm rằng, Xay-nhạ-bu-li là địa bàn xung yếu của Lào, là nơi trước đây khi chiến tranh sắp kết thúc, Mỹ đã cho xây dựng các cơ sở mới của lực lượng đặc biệt Vàng Pao nhằm thông qua quan hệ Thái - Lào để chuẩn bị cho kế hoạch hậu chiến. Cũng từ lịch sử này, trong thập niên 80 của thế kỷ XX, Thái Lan đã ba lần đưa quân đội gây hấn vũ trang chống Lào nhằm đòi quyền kiểm soát ba bản của Lào ở tỉnh Xay-nhạ-bu-li, nhưng thất bại. Thái Lan hiện vẫn duy trì tại huyện Phết-xa-khum thuộc tỉnh Loi một trại định cư tỵ nạn của người H'mông gốc Lào. Thông qua các đợt trao trả số người này về Lào định cư, Thái Lan tiếp tục cài cắm một số người H'mông đã được Thái Lan huấn luyện và giao nhiệm vụ, rồi phái về Lào hoạt động nhằm các mục đích riêng.

Bên cạnh đó, rải rác trong những năm qua, việc Thái Lan nhiều lần tăng cường lực lượng quân đội và cảnh sát tại một số khu vực tranh chấp biên giới với Lào (ở tỉnh Xay-nhạ-bu-li) đã gây ra nhiều phản ứng tiêu cực. Trong lĩnh vực xây dựng, một số công trình đê điều và thủy điện trên sông Mê Kông do Thái Lan tiến hành mà theo dư luận là có tác động tiêu cực đối với Lào, cũng là các nhân tố gây nhiều tranh cãi. Trong quan hệ lao động, việc một số người lao động Lào ở Thái Lan buộc phải về nước trong những năm gần đây do mất việc làm vì nhiều lý do khác nhau cũng làm cho phía Lào không hài lòng. Vấn đề người H'mông là điểm nóng triền miên trong quan hệ hai nước và chỉ được giải quyết tương đối ổn thỏa vào năm 2007 khi hai chính phủ Thái Lan

và Lào đạt được thỏa thuận cơ bản, theo đó hai nước phối hợp giải quyết cho người H'mông hồi hương hoặc tạo điều kiện cho họ làm ăn sinh sống theo nguyện vọng mà không bị phân biệt đối xử.

Với việc Lào gia nhập ASEAN và dần tham gia vào các cơ chế hợp tác đa phương trong khu vực, quan hệ Thái - Lào từng bước được cải thiện khá vững chắc; giữa hai nước hiện nay không còn xung đột vũ trang biên giới, các căng thẳng về chính trị và lãnh thổ cũng dần dần được giải quyết theo hướng kiên trì đàm phán và thương lượng. Các Ủy ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế và văn hóa, Ủy ban bảo vệ an ninh biên giới giữa hai nước được thành lập. Gần đây, hai chính phủ đã ký nhiều hiệp định và thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại, phòng chống tội phạm, buôn lậu qua biên giới, v.v...

Trong tình hình khủng hoảng chính trị và nội các ở Thái Lan diễn ra liên tục hiện nay, nhưng xuất phát từ lợi ích nhiều mặt, đặc biệt là các lợi ích về kinh tế - thương mại của Thái Lan trong quan hệ với Lào và thông qua Lào với tới Việt Nam, các chính phủ Thái Lan vẫn cơ bản duy trì các thỏa thuận của các nội các tiền nhiệm đã ký về hợp tác kinh tế với Lào, tiếp tục thực hiện các cam kết viện trợ, cho vay tín dụng ưu đãi đối với Lào. Một trong những biểu hiện đó là việc các chính phủ Thái Lan gần đây vẫn tiếp tục thực hiện cam kết của cựu Thủ tướng Thạc-xỉn giúp Lào xây dựng cầu Hữu nghị 3 nối Na-khon-pha-nôm (Thái Lan) với Thà-khẹc (Lào) qua sông Mê Kông trị giá hơn 40 triệu USD.

Đặc biệt trong những năm gần đây, Thái Lan đã có những bước chuyển hướng chiến lược quan trọng trong quan hệ Thái - Lào, theo đó Thái Lan đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực ở Lào vì cho rằng, thông qua đội ngũ cán bộ Lào được Thái Lan đào tạo, Thái Lan có thể tăng cường mạnh mẽ ảnh hưởng của họ trong đời sống chính trị, kinh tế và văn hóa ở Lào[1].

Về phía mình, trong điều kiện kinh tế đất nước còn gặp nhiều khó khăn, tiềm lực quốc gia còn nhiều hạn chế, Lào luôn bày tỏ quan điểm sẵn sàng hợp tác chặt chẽ với Thái Lan nhằm thúc đẩy quan hệ hai nước ngày càng phát triển toàn diện và bền vững, tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp từ Thái Lan và tạo sự ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, Lào vẫn kiên định lập trường nguyên tắc trên các vấn đề có liên quan tới an ninh quốc gia, tăng cường tuần tra bảo vệ biên giới lãnh thổ và đấu tranh không khoan nhượng với Thái Lan về vấn đề người H'mông; đồng thời linh hoạt và uyển chuyển giải quyết các bất đồng và tranh chấp biên giới với Thái Lan thông qua các biện pháp thương lượng và đàm phán hòa bình.

b) Cạnh tranh của Trung Quốc

Trung Quốc là nước láng giềng khổng lồ của Lào. Trong lịch sử xa xưa, ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Lào không mạnh bằng Thái Lan một phần do sự cách biệt về địa hình vì

1. Tính đến năm 2006, có khoảng hơn 200 lưu học sinh Lào học tập tại các trường đại học Thái Lan. Trong cuộc họp chung Ủy ban Hợp tác kinh tế Lào - Thái lần thứ 14 diễn ra tại thành phố Kọ-xạng (tỉnh Tarat, Thái Lan), phía Thái Lan đồng ý tăng suất học bổng đào tạo thạc sĩ cho Lào tới 25 suất mỗi năm, kèm theo 100 suất/ năm cho thực tập chuyên môn trong các lĩnh vực khác

núi non hiểm trở, đi lại khó khăn, phương tiện thông tin, vận tải lạc hậu. Bước vào thời kỳ hiện đại, khi Lào trở thành địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước láng giềng và các nước lớn, thì Trung Quốc trở thành một trong các nhân tố có tác động mạnh mẽ nhất trong cuộc đua tranh tại đây.

Nhìn lại lịch sử hiện đại, chúng ta thấy quan hệ Trung - Lào được đặt nền móng bởi quan hệ giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Nhân dân Lào (về sau đổi thành Đảng Nhân dân Cách mạng Lào) được thiết lập từ những năm 50 của thế kỷ XX. Về mặt nhà nước, quan hệ ngoại giao giữa CHND Trung Hoa và CHDCND Lào được kế thừa từ mối quan hệ ngoại giao được thiết lập ngày 25 tháng 4 năm 1961 giữa Trung Quốc và vương quốc Lào.

Trong những năm từ giữa thập niên 70 đến cuối thập niên 80 của thế kỷ XX của thời kỳ Chiến tranh lạnh, quan hệ giữa Trung Quốc và Lào ngày càng lạnh nhạt. Khi xung đột biên giới giữa Trung Quốc và Việt Nam xảy ra tháng 2/1979, Lào chủ động ngưng quan hệ về Đảng với Trung Quốc. Tuy nhiên, tháng 10 năm 1989, Trung Quốc và Lào quyết định tái nối lại quan hệ thông qua chuyến thăm Bắc Kinh đầu tiên kể từ năm 1977 của Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào kiêm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước CHDCND Lào Cay-xỏn Phôm-vi-hản. Trong chuyến thăm này, hai bên tuyên bố chính thức khôi phục lại hoàn toàn mối quan hệ giữa hai nước về chính trị, kinh tế - thương mại, quân sự, văn hóa, xã hội trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hòa bình. Cùng với đà cải thiện quan hệ Việt - Trung vào đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, quan hệ giữa Trung Quốc và Lào ngày càng được đẩy mạnh theo hướng hữu nghị láng giềng, hợp tác toàn diện ở nhiều

cấp độ và trên nhiều bình diện: chính trị, kinh tế, quốc phòng, giáo dục - đào tạo,...

Từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, các nhà lãnh đạo cấp cao của Trung Quốc và Lào đã qua lại thăm chính thức nhau nhiều lần. Trong đó, đáng chú ý nhất là chuyến thăm Lào từ ngày 15 đến 17 tháng 12/1990 của Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng, với cam kết Trung Quốc cho Lào vay dài hạn không lấy lãi 50 triệu nhân dân tệ (khoảng 10 triệu USD) và xây dựng cho Lào một trạm vệ tinh mặt đất. Tiếp theo đó, từ 22 đến 25/10/1991, Thủ tướng Lào Khăm-tày Xi-phăn-đon thăm Trung Quốc. Hai bên ký nhiều văn bản hợp tác, trong đó có việc cam kết giải quyết vấn đề người H'mông ở Lào. Từ ngày 29/6 đến 6/7/1995, Chủ tịch Lào Nu-hăc Phum-xa-vẳn thăm chính thức Bắc Kinh và được Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân tiếp đón. Hai bên tiếp tục khẳng định quan hệ láng giềng hữu nghị, cùng tồn tại hòa bình. Năm 1999, Thủ tướng Lào Xi-xà-vạt Kẹo-bun-phăn thăm Trung Quốc để ôn lại thành tựu của 10 năm tái lập quan hệ và ký 5 văn kiện hợp tác: (1) Hiệp định Trung - Lào về hỗ trợ tư pháp; (2) Hiệp định tránh đánh thuế hai lần; (3) Hiệp định tài chính giữa Chính phủ Trung Quốc và Lào về các khoản cho vay dài hạn của Trung Quốc đối với Lào; (4) Hiệp định hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật giữa hai chính phủ; (5) Kế hoạch hợp tác về giáo dục từ 1999 đến 2001 giữa hai nước.

Trong chuyến thăm này, cả hai bên trịnh trọng tuyên bố cam kết thúc đẩy quan hệ hai nước hướng tới thế kỷ XXI với phương châm: "dài hạn, ổn định vững chắc, tin tưởng lẫn nhau, láng giềng thân thiện, hữu nghị và hợp tác". Đặc biệt, bước sang năm 2000, hai bên tổ chức hai cuộc gặp gỡ cấp cao

trong một năm. Lần thứ nhất: từ ngày 13/7 đến ngày 15/7, Chủ tịch Lào Khăm-tày Xi-phăn-đon sang thăm Trung Quốc với sự tiếp đón trọng thị của Chủ tịch Giang Trạch Dân và Thủ tướng Lý Bằng. Lần thứ hai: từ ngày 11/11 đến ngày 13/11/2000, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân lần đầu tiên thăm chính thức CHDCND Lào, đặt dấu mốc lịch sử cho quan hệ song phương giữa hai nước. Trong chuyến thăm này, hai bên ra tuyên bố chung khẳng định mối quan hệ toàn diện giữa hai nước dựa trên nền tảng ổn định lâu dài, láng giềng hữu nghị và tin tưởng lẫn nhau.

Ngày 19 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào sang thăm chính thức Lào để thúc đẩy mối quan hệ hai nước đi vào chiều sâu. Trong chuyến thăm này, phía Trung Quốc chủ động nêu ra năm mục tiêu của mối quan hệ song phương. Đó là, thứ nhất, duy trì cơ chế gặp gỡ cấp cao thường xuyên hai bên để thảo luận những vấn đề hai bên cùng quan tâm. Thứ hai, tăng cường trao đổi kinh nghiệm đôi bên. Thứ ba, mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước, theo đó, phía Trung Quốc tăng cường khuyến khích đầu tư vào Lào và tiếp tục viện trợ kinh tế cho Lào. Thứ tư, tăng cường hợp tác bảo đảm an ninh biên giới, đấu tranh chống tội phạm xuyên biên giới, thúc đẩy hợp tác giáo dục, y tế và du lịch giữa hai bên. Thứ năm, tăng cường ủng hộ và phối hợp lẫn nhau trên các diễn đàn khu vực và quốc tế.

Đặc biệt gần đây nhất, Phó Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã sang thăm chính thức Lào hai ngày (15 - 16/6/2010) và tiến hành ký kết với Chính phủ Lào 18 văn kiện hợp tác quan trọng, trong đó có Hiệp định Hợp tác kinh tế kỹ thuật, Hiệp định Hợp tác phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, Hiệp

định khung về việc Chính phủ Trung Quốc cho Lào vay đặc biệt trong một số dự án,... Đáng chú ý là Trung Quốc đã ký với Lào thoả thuận xây dựng hệ thống đường sắt quốc gia, tạo cơ sở pháp lý để hai bên thành lập công ty liên doanh đầu tư cho dự án. Dự án đường sắt này đang được Chính phủ Lào nghiên cứu để đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ VII (2011 - 2015). Hệ thống đường sắt của Lào dự kiến sẽ chạy từ biên giới Lào - Trung Quốc đến thủ đô Viêng Chăn và Thà Khẹc, rồi đi tiếp tới biên giới Lào - Việt Nam. Trung Quốc cam kết tài trợ dài hạn cho dự án này kèm theo hình thức cho vay khoảng 4 tỷ USD.

Về phía mình, Lào chủ trương tranh thủ tiềm lực kinh tế to lớn của Trung Quốc để xây dựng mối quan hệ hợp tác song phương đôi bên cùng có lợi. Theo thời gian, mối quan hệ Trung Quốc - Lào ngày càng trở thành mối quan hệ được cả hai bên xác định là mang tính chiến lược và toàn diện.

Đối với Trung Quốc, sau hơn 30 năm thực hiện cải cách mở cửa (kể từ năm 1978), kinh tế Trung Quốc tăng trưởng liên tục trên 10%/năm đã tạo ra vị thế to lớn cho Trung Quốc trên trường quốc tế. Từ một nước lớn nhưng chưa mạnh, những năm gần đây Trung Quốc đã vươn lên trở thành một trong những cường quốc thế giới lớn mạnh về mọi mặt.

Trở thành cường quốc thế giới, nền chính trị - ngoại giao và kinh tế Trung Quốc ngày càng vươn xa ra ngoài biên đảo của mình và vươn tới tận châu Phi và Mỹ Latinh nhằm tìm kiếm bạn bè, đối tác và nguồn nguyên liệu phục vụ cho tăng trưởng kinh tế trong nước. Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, mặc dù thực chất không xếp các nước Đông Nam Á nói chung và Lào nói riêng vào vị trí thứ tự ưu tiên địa - chiến lược số

một, Trung Quốc vẫn luôn nỗ lực quan hệ với các nước láng giềng ở Đông Nam Á, trong đó có Lào, nhằm mở rộng ảnh hưởng chính trị và kinh tế của mình xuống phương Nam. Trong chiến lược này, Trung Quốc coi Lào là cửa ngõ thông sang các nước ASEAN, cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ, Thái Lan và các nước phương Tây ở một hướng và hướng khác là trực tiếp tranh giành ảnh hưởng với Việt Nam tại Lào. Ở đây, Trung Quốc một mặt có lợi ích trùng hợp với Việt Nam là hợp tác giúp Lào chống lại âm mưu và các hoạt động đối kháng về chính trị của một số nước phương Tây; mặt khác, lại tìm mọi cách để có được ảnh hưởng chính trị mà Việt Nam đang có tại Lào, phấn đấu trở thành nước có vị trí và ảnh hưởng lớn nhất và toàn diện nhất ở Lào.

Trong ván bài cạnh tranh địa - chiến lược quan trọng này với Mỹ, Thái Lan và các nước phương Tây (kể cả với Việt Nam), Trung Quốc sử dụng hai tư cách, vừa là nước lớn, vừa là nước láng giềng và thực thi nhiều biện pháp nhằm đạt hiệu quả cao trong cạnh tranh chiến lược. Ở tầm vĩ mô, Chính phủ Trung Quốc nắm giữ vai trò chi đạo, điều hành thống nhất mọi quan hệ hợp tác với Lào, chịu trách nhiệm đầu tư vào các công trình trọng điểm. Ở tầm vi mô, Nhà nước Trung Quốc đứng ra bảo lãnh và hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp, công ty, kể cả công ty tư nhân trong hoạt động đầu tư kinh doanh tại Lào.

Về phương thức tiếp cận, do nắm được nhu cầu của Lào về xây dựng và phát triển kinh tế, Trung Quốc xác định bước đi đầu tiên bằng con đường kinh tế và thông qua kinh tế; từ hợp tác kinh tế, thương mại thông thường dần tiến tới mở rộng hợp tác đầu tư trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực; từ hợp tác

giữa các ngành kinh tế - xã hội tiến tới hợp tác về kỹ thuật, quốc phòng, an ninh. Thông qua con đường hợp tác đầu tư, buôn bán với chiến lược, chiến thuật khôn khéo, linh hoạt, uyển chuyển, không ồn ào nhưng khẩn trương nhanh chóng, Trung Quốc chủ trương hợp tác và đầu tư toàn diện vào tất cả các ngành nghề và lĩnh vực ở Lào, vào tất cả các vùng và địa phương trên toàn quốc nhằm biến Lào thành thị trường tiêu thụ hàng hóa và cung cấp nguyên vật liệu cho các tỉnh miền Nam Trung Quốc và là cửa ngõ để Trung Quốc tiến sâu vào Đông Nam Á.

Để thực hiện được các mục tiêu trên đây, Trung Quốc đặc biệt coi trọng hợp tác đầu tư phát triển các tuyến đường giao thông kể cả đường bộ, đường không và đường thủy dọc theo sông Mê Kông. Năm 2002, Trung Quốc đã triển khai công tác khai thông dòng chảy sông Mê Kông đoạn chảy từ Vân Nam qua Myanmar và Lào có chiều dài khoảng 331km để tàu thuyền khoảng 350 tấn có thể đi lại dễ dàng và đã bắt đầu khai thác tuyến đường thủy này từ năm 2003. Trung Quốc cũng đầu tư nhiều tiền của để nâng cấp và xây dựng mới nhiều con đường nối Trung Quốc với Lào, trong đó có tuyến đường R3 hiện đại dài 251km nối Trung Quốc qua cửa khẩu Bò-tèn ở tỉnh Luổng-nậm-thà (Bắc Lào) thông sang Thái Lan qua Huội-xài ở phía Tây Bắc Lào. Đây là tuyến đường nối thông Trung Quốc với các nước ASEAN đã đưa vào sử dụng từ cuối năm 2007. Hiện Trung Quốc đang nhanh chóng khảo sát để tiến tới xây dựng tuyến đường sắt nối liền Lào với Trung Quốc. Trung Quốc cũng rất chú trọng thúc đẩy, thuyết phục Lào tham gia vào "tứ giác phát triển" bao gồm

Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar và Lào, đồng thời gắn các chương trình phát triển kinh tế "tứ giác" với các tỉnh miền Nam Trung Quốc.

Như vậy, bằng chiến lược phù hợp và biện pháp thực hiện triệt để, quyết liệt, mặc dù xuất phát muộn hơn so với các nước láng giềng khác trong quan hệ kinh tế với Lào, dường như từ con số không khi hai nước tái nối lại quan hệ ngoại giao vào năm 1989, đến nay quan hệ Trung - Lào đã trải qua hơn 20 năm phát triển với những bước tiến vượt bậc trong mọi lĩnh vực hợp tác. Hai nước thường xuyên trao đổi các đoàn đại biểu các cấp từ trung ương đến địa phương, củng cố quan hệ và thúc đẩy phát triển hợp tác trong mọi lĩnh vực, nhất là lĩnh vực viện trợ không hoàn lại, hợp tác đầu tư và trao đổi thương mại.

- *Về lĩnh vực viện trợ và cho vay:* tính từ năm 1989 đến nay, Trung Quốc đã cấp cho Lào khoản vốn viện trợ không hoàn lại và vốn vay lên tới 2,9 tỷ nhân dân tệ và 643 triệu USD, trong đó, viện trợ không hoàn lại là 733 triệu nhân dân tệ, vốn vay bình thường là 609 triệu nhân dân tệ, vốn vay đặc biệt là 1.642 triệu nhân dân tệ, vốn vay tín dụng là 591 triệu USD, vốn ứng trước cho các dự án là 52 triệu USD. Nếu tính bằng đô la Mỹ, tổng số tiền viện trợ không hoàn lại mà Lào nhận được từ phía Trung Quốc từ năm 1989 đến nay là khoảng 1,17 tỷ USD. Đặc biệt, năm 2006, Trung Quốc tuyên bố xóa nợ cho Lào 250 triệu USD, đồng thời tiếp tục cho Lào vay thêm 280 triệu USD nữa. Trong giai đoạn gần đây (2006 - 2008), viện trợ không hoàn lại và vốn vay mà Trung Quốc dành cho Lào đạt trên 1,3 tỷ nhân dân tệ, trong đó, viện trợ

không hoàn lại là 230 triệu nhân dân tệ, vốn vay đặc biệt là 942 triệu nhân dân tệ, vốn vay không tính lãi là 200 triệu nhân dân tệ. Ngoài ra, các ngành và các địa phương Trung Quốc còn cho các ngành và địa phương Lào vay một khoản vốn tín dụng trị giá hơn 300 triệu USD.

- *Trong lĩnh vực đầu tư*: theo số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, từ năm 2001 đến tháng 6/2010, Trung Quốc đã đầu tư vào Lào 369 dự án với tổng vốn đăng ký đạt trị giá hơn 2,643 tỷ USD, xếp thứ hai sau Thái Lan (với 254 dự án, trị giá đăng ký 2,666 tỷ USD). Riêng trong năm 2009, Trung Quốc đầu tư vào Lào 47 dự án với số vốn đăng ký đạt trị giá 932,8 triệu USD, xếp thứ hai sau Việt Nam (48 dự án, trị giá vốn đăng ký 1,4 tỷ USD), vượt lên trên so với Thái Lan (37 dự án, trị giá vốn đăng ký 908,6 triệu USD). Đây là năm Trung Quốc có số vốn đầu tư vào Lào đạt tốc độ kỷ lục nếu so với 3 triệu USD năm 1996 (gấp 310 lần) và khoảng 100 triệu USD vào năm 2000 (gấp hơn 9 lần). Trong số các dự án đầu tư của Trung Quốc tại Lào từ năm 2001 đến nay, có 108 dự án trong lĩnh vực công nghiệp (bao gồm cả thủy điện và xây dựng), 92 dự án trong lĩnh vực dịch vụ, 54 dự án trong lĩnh vực thăm dò và khai thác khoáng sản, 63 dự án trong lĩnh vực nông nghiệp,...

Về trao đổi thương mại: trong những năm qua, kim ngạch thương mại hai chiều Trung Quốc - Lào cũng không ngừng gia tăng nhanh chóng, từ mức 477,38 triệu USD giai đoạn 2001 - 2005 (trong đó Trung Quốc xuất sang Lào 410,9 triệu USD và nhập khẩu từ Lào 66,48 triệu USD) lên tới mức 523 triệu USD trong một khoảng thời gian ngắn từ năm 2006

đến hết tháng 2/2008 (trong đó Trung Quốc xuất sang Lào 369 triệu USD và nhập khẩu từ Lào 154 triệu USD)[1].

- *Về hợp tác kế hoạch tổng thể:* Theo báo cáo đánh giá của Phân ban Hợp tác Lào - Trung được thực hiện cuối tháng 9 năm 2008, hợp tác giữa hai nước ngày càng được tăng cường cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, cả về số lượng và chất lượng, là sự hợp tác ngày càng hiệu quả, đôi bên cùng có lợi, phù hợp với đường lối, chính sách của hai nước. Trong Thỏa thuận Chiến lược Hợp tác Lào - Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020, hai bên quyết tâm đưa hợp tác phát triển theo hướng "sâu rộng, toàn diện, bền vững, lâu dài, tin cậy lẫn nhau, láng giềng tốt, cùng có lợi" và thỏa thuận rằng, Trung Quốc sẽ huy động tài chính từ ba nguồn là viện trợ không hoàn lại, vốn cho vay và vốn đầu tư để tập trung giúp Lào phát triển nông - lâm nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, năng lượng - mỏ, giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng, du lịch, y tế, văn hóa - giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo tay nghề cho lao động Lào.

Trong các chương trình cụ thể, đáng chú ý là vào giữa năm 2008, theo đề nghị của Lào, Trung Quốc đã giúp Lào xây dựng xong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - công nghiệp 8 tỉnh Bắc Lào, gắn quy hoạch này với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, coi Vân Nam là đầu tàu kéo kinh tế 8 tỉnh Bắc Lào cùng phát triển đi lên. Ngoài ra, hai bên thỏa thuận Trung Quốc sẽ giúp Lào xây dựng các tuyến đường sắt Bắc Nam, Đông Tây và đường cao

---

1. Xem: Thông tấn xã Việt Nam, Bản tin "Kinh tế quốc tế" số 046/2008, tr. 9.

tốc Bắc Nam, Đông Tây, xây mới sân bay quốc tế tại thủ đô Viêng Chăn và ba cây cầu lớn bắc qua sông Mê Kông ở ba tỉnh thuộc Bắc Lào; giúp Lào xây dựng đường dây tải điện Bắc Nam 500KV và các đường dây phục vụ việc bán điện cho nước thứ ba; giúp Lào xây dựng hệ thống thủy lợi trong toàn quốc; lắp đặt hệ thống mạng cáp quang Bắc Nam nhằm kết nối Lào với các nước láng giềng và thế giới; hợp tác phát triển các tuyến đường giao thông nối Vân Nam với 8 tỉnh Bắc Lào và nối Lào với các nước trong Hành lang kinh tế Đông Tây.

- *Về đào tạo nguồn nhân lực:* Trung Quốc cam kết tiếp tục giúp Lào đào tạo cán bộ chính trị cấp huyện, cán bộ nguồn và cán bộ kế cận theo các kế hoạch đào tạo cán bộ lâu dài của Chính phủ Lào. Trong nội dung chiến lược hợp tác Trung - Lào giai đoạn 2011 - 2020, Trung Quốc còn cam kết giúp Lào đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật theo các chuyên ngành, cán bộ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội. Từ năm 2011 đến năm 2020, mỗi năm Trung Quốc sẽ nhận đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho 300 cán bộ Lào hệ sau đại học. Chính phủ Lào cũng đồng ý về nguyên tắc cho Trung Quốc xây dựng Học viện Khổng Tử tại Đại học Quốc gia Lào[1].

Như vậy, thỏa thuận Chiến lược Hợp tác Lào - Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020 trên đây chứa đựng nhiều nội dung hợp tác lớn lao, cho thấy Trung Quốc sẽ bỏ tiền ra xây dựng giúp Lào hầu hết cơ sở hạ tầng thiết yếu đóng vai trò là xương sống cho nền kinh tế Lào, giúp Lào hiện đại hóa đất nước và chuẩn bị cho Lào một đội ngũ cán bộ ngang tầm với sự phát triển

---

1. Xem: *Thỏa thuận Chiến lược Hợp tác Lào - Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020*, Viêng Chăn, 2008 (bản tiếng Lào).

của Lào từ nay đến năm 2020. Theo kế hoạch mà hai bên đã thỏa thuận trong chiến lược hợp tác, đại bộ phận đội ngũ cán bộ cốt cán của Lào trong khoảng 10 - 15 năm tới sẽ được đào tạo, bồi dưỡng tại Trung Quốc. Đổi lại, Trung Quốc sẽ thu được lợi ích kinh tế tại Lào tương ứng với số tiền mà Trung Quốc bỏ ra để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho Lào thông qua việc được cấp phép khai thác tài nguyên đất, rừng và khoáng sản của Lào.

Kế hoạch hợp tác trên đây đã được lãnh đạo Lào và Trung Quốc chấp thuận về tổng thể. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện còn tùy thuộc vào từng lĩnh vực, nhu cầu và khả năng cụ thể từ hai phía.

Hợp tác Lào - Trung Quốc về lĩnh vực quốc phòng cũng có nhiều mặt được mở rộng, triển khai nhanh chóng và đạt được hiệu quả tốt. Từ năm 2006 đến nay, Trung Quốc chấp thuận giúp Lào về trang thiết bị tin học, viễn thông, nâng cấp vũ khí, khí tài và đào tạo cán bộ quân sự.

Rõ ràng, tiềm lực khổng lồ về mọi mặt đã giúp Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng về chính trị và kinh tế tại Lào với tốc độ chóng mặt mà không nước nào sánh kịp. Trung Quốc hiện đã đứng chắc chân tại khu vực Bắc Lào với ảnh hưởng khó có thể bị suy chuyển hay đảo ngược, sẽ tạo đà cho Trung Quốc tiến xuống khu vực Trung Lào và Nam Lào trong tương lai không xa. Từ Trung Lào và Nam Lào, Trung Quốc có thể dễ dàng tiếp cận khu vực miền Trung và Tây Nguyên (Việt Nam) từ hướng Tây, thông sang Campuchia từ hướng Bắc, thông sang Thái Lan và Myanmar từ hướng Đông bằng cả hai hệ thống hành lang kinh tế Đông Tây và Bắc Nam.

Với sự gần gũi về vị trí địa lý, sự cải thiện nhanh chóng về cơ sở hạ tầng giao thông nối liền Trung Quốc với Lào và khu vực ASEAN, cộng thêm ưu thế vượt trội về tiềm lực kinh tế và ảnh hưởng chính trị của nước lớn, có thể nói trong khoảng thời gian từ 15 đến 20 năm nữa, Trung Quốc có thể sẽ có ảnh hưởng lớn nhất tại Lào. Khi có được ảnh hưởng chính trị to lớn, địa vị kinh tế vững chắc và bám sâu vào Lào ở mọi lĩnh vực ngành nghề, cùng với các dự án thắng thầu khai thác bauxite của Trung Quốc ở khu vực Tây Nguyên Việt Nam, các dự án khai thác khoáng sản gồm cả bauxite của Trung Quốc tại Nam Lào, các dự án thuê đất dài hạn của Trung Quốc ở khu vực Đông Bắc Campuchia, Trung Quốc sẽ dễ dàng tăng cường sức mạnh xuống phía Nam bằng cả đường bộ qua khu vực Đông Dương và Thái Lan (thông qua tuyến Hành lang kinh tế Bắc Nam và Hành lanh kinh tế Đông Tây) lẫn đường biển (thông qua vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ trên Biển Đông) và có thể trở thành cường quốc có ảnh hưởng lớn nhất ở Đông Nam Á vào khoảng giữa thế kỷ XXI. Đến lúc đó, các nước Đông Nam Á lục địa (bao gồm Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar) có thể sẽ nằm trong tầm ảnh hưởng của Trung Quốc nếu các bên liên quan không có những nỗ lực lớn để cải thiện tình hình.

c) Cạnh tranh của Mỹ

Từ lâu, Mỹ đã là nước lớn có lợi ích toàn cầu. Vì thế, sự dính líu của Mỹ ở Đông Nam Á cũng có lịch sử lâu dài, trong đó ảnh hưởng của Mỹ có lúc mạnh, lúc yếu nhưng nhìn chung chưa bao giờ Mỹ từ bỏ ý định tăng cường ảnh hưởng mạnh mẽ tại đây. Các nước ở Đông Nam Á cũng có vị thế khác nhau trong mối quan tâm chiến lược của Mỹ, trong đó Singapore,

Philippines, Thái Lan luôn được Mỹ coi là đồng minh thân cận. Các nước ở vị trí thứ hai có lẽ là Brunei, Indonesia và Malaysia. Ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam ở nhóm vị trí thứ ba. Còn lại, Myanmar có lẽ là trường hợp đặc biệt.

Như vậy, đối với Lào, mối quan tâm của Mỹ nằm trong mối quan tâm chung đối với ba nước Đông Dương, trong đó Campuchia theo chế độ đa nguyên đa đảng ngày càng có khả năng xích lại gần Mỹ hơn vì không có sự khác nhau về thể chế chính trị. Còn với Lào và Việt Nam, sự quan tâm của Mỹ cũng có khác nhau do vấn đề và tầm cỡ của hai nước này đối với Mỹ không giống nhau. Vì vậy, khi xem xét vị thế của Lào trong sự cạnh tranh chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á cần xem xét mối quan tâm chung của Mỹ đối với Đông Nam Á và với từng nhóm nước ở đây và đặt nó trong mối tương quan cạnh tranh với các cường quốc khác tại khu vực này, trước hết là với Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ,...

Đối với khu vực Đông Nam Á nói chung, mối quan tâm của Mỹ tại đây gắn liền với lợi ích toàn cầu của Mỹ, vì đây là khu vực mà Mỹ có mối quan hệ chính trị và kinh tế rất chặt chẽ và sâu sắc. Mối quan hệ của Mỹ với các đối tác và đồng minh hàng đầu ở Đông Nam Á có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu và cạnh tranh chiến lược của Mỹ về chính trị, kinh tế và an ninh. Đông Nam Á cũng là nơi có hệ thống đường hàng hải quốc tế nối liền Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương và Địa Trung Hải, là khu vực gắn liền với lợi ích an ninh quốc gia của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương rộng lớn. Hơn nữa, Mỹ tăng cường ảnh hưởng tại Đông Nam Á nói chung, các nước Đông Dương và Lào nói riêng cũng nhằm mục đích

kiềm chế ảnh ưởng của các nước lớn khác tại đây, đặc biệt là Trung Quốc.

Trong khu vực Đông Nam Á, các nước Đông Dương bao gồm cả Lào, từ lâu đã có mối quan hệ lịch sử khá phức tạp với Mỹ thông qua cuộc chiến tranh Việt Nam. Trước năm 1975, Mỹ ủng hộ Chính phủ Hoàng gia Lào và lực lượng Vàng Pao để chống lại lực lượng kháng chiến Pathet Lào do Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hỗ trợ. Sau khi nước CHDCND Lào thành lập ngày 2/12/1975, Lào tuyên bố xây dựng đất nước theo định hướng XHCN với sự trợ giúp chủ yếu của Việt Nam, Liên Xô cũ và khối các nước XHCN Đông Âu. Lúc này, mặc dù vẫn duy trì cơ quan ngoại giao tại Viêng Chăn nhưng ảnh hưởng của Mỹ tại Lào bị giảm sút đáng kể. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1991), Mỹ bắt đầu tăng cường ảnh hưởng tại Lào thông qua các tổ chức của Liên hợp quốc và các định chế tài chính quốc tế đang hoạt động tích cực ở Lào như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và một số tổ chức phi chính phủ (NGO).

Có thể nói rằng, cuộc chiến tranh Đông Dương (1955 - 1975) do Mỹ tiến hành đã để lại cho nước Mỹ nỗi đau quá lớn nhưng cũng thông qua cuộc chiến đó, Mỹ đã hiểu các nước Đông Dương hơn, để từ đó điều chỉnh chính sách và thực thi một cách phù hợp.

Hiện nay, trên cơ sở những tính toán chiến lược của Mỹ ở khu vực này, Mỹ xác định lợi ích quốc gia của mình tại Lào bao gồm năm vấn đề cơ ban, đó là: 1) khuyến khích và hỗ trợ Lào giảm tối đa và tiến tới triệt phá hoàn toàn cây thuốc phiện và thay thế bằng các loại cây lương thực khác, đồng thời hỗ

trợ việc phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; 2) phối hợp với nhà chức trách Lào tìm kiếm hài cốt lính Mỹ và quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh; 3) thúc đẩy việc tôn trọng nhân quyền bao gồm cả việc tôn trọng tự do tôn giáo và tín ngưỡng; 4) khuyến khích Lào xây dựng thành công nền kinh tế thị trường; 5) cùng Lào ngăn chặn chủ nghĩa khủng bố toàn cầu.

Đây là năm vấn đề cho đến nay vẫn được Chính phủ Mỹ coi là những lĩnh vực ưu tiên trong sứ mệnh ngoại giao và tăng cường ảnh hưởng của Mỹ tại Lào.

Có thể nói, thực chất sự quan tâm của Mỹ hiện nay đối với Lào và lợi ích của Mỹ tại đây gắn liền với lợi ích của cả Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và các nước phương Tây khác, vì Mỹ và các nước này là đồng minh thân cận và cũng vì vậy, mối quan tâm của Mỹ và các nước này đối với Lào có nhiều điểm tương đồng.

Điểm chung nhất là cả Mỹ, Thái Lan và các nước phương Tây khác đều có những dính líu chặt chẽ trong quá khứ đối với Lào và từ năm 1975 đến nay, việc Lào lựa chọn chế độ chính trị và định hướng phát triển XHCN là không phù hợp với lợi ích của Mỹ, Thái Lan và các nước phương Tây nói chung. Cả Mỹ, Thái Lan và các nước phương Tây khác đều có chung chủ trương là tăng cường ảnh hưởng chính trị và kinh tế tại Lào, cùng nhau chuyển hóa chế độ chính trị tại Lào, cùng thi hành chính sách hai mặt trong quan hệ với Lào, trong đó vừa viện trợ, đầu tư, buôn bán vừa gây sức ép tổng hợp để chuyển hóa thể chế chính trị Lào từ trong nội bộ. Đây có lẽ là chủ trương lớn và lâu dài của Mỹ và các nước đồng minh.

Có thể thấy rằng, cho đến lúc này, sự quan tâm của Mỹ đối với Lào chủ yếu xuất phát từ yêu cầu chính trị, còn yêu cầu về

kinh tế và lợi ích thương mại còn thể hiện khá mờ nhạt. Mặc dù Mỹ đã ký hiệp định thương mại với Lào và cho Lào hưởng quy chế thương mại bình thường từ năm 2003, nhưng cho đến nay, kim ngạch thương mại Mỹ - Lào vẫn còn hết sức nhỏ bé. Chẳng hạn, năm 2006, tổng khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của Lào với tất cả các nước đạt trên dưới 1 tỷ USD mỗi loại, nhưng trong đó xuất khẩu của Lào sang Mỹ chỉ đạt 8,7 triệu USD (chủ yếu là hàng may mặc) và nhập khẩu từ Mỹ đạt 6,9 triệu USD (phần lớn là đồ điện tử và máy móc). Sau đó, năm 2007, xuất khẩu của Lào sang Mỹ được cải thiện đáng kể, tăng 2,6 lần so với năm 2006 và nhập khẩu từ Mỹ tăng khoảng 87%[1]. Đến năm 2008, kim ngạch thương mại Mỹ - Lào tăng gấp bốn lần năm 2006, từ 15 triệu USD lên tới 60 triệu USD; năm 2009, kim ngạch thương mại hai nước đạt 63,8 triệu USD, tăng gấp khoảng 10 lần so với năm 2004 và Mỹ vươn lên xếp thứ 7 trong số những đối tác thương mại lớn nhất của Lào. Trong khi đó, kim ngạch thương mại Thái Lan - Lào từ năm 2006 đã đạt 1,5 tỷ USD; Việt Nam - Lào đạt 260 triệu USD và Trung Quốc - Lào đạt 217 triệu USD. Để thúc đẩy hơn nữa quan hệ thương mại Mỹ - Lào, tháng 6/2009, Tổng thống Mỹ Barack Obama đã quyết định loại Lào và Campuchia ra khỏi danh sách đen cấm Ngân hàng xuất nhập khẩu của Mỹ (EXIMBANK) cung cấp tài chính cho các công ty Mỹ muốn đầu tư kinh doanh tại Lào[2]. Đây là tín hiệu cho

1 Xem: *Congressional Rerearch Service Prepared for Members and Committees of Congress by Thomas Lum - Specialist in Asian Affairs (Foreign Affairs, Defense, and Trade Division), January 7, 2008: "Laos: Background and U.S. Relations"*.

2 Xem: Thông tấn xã Việt Nam, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 098-TTX, ngày 13/04/2010, tr. 8.

thấy trong những năm sắp tới quan hệ thương mại, đầu tư Mỹ - Lào có thể sẽ được cải thiện đáng kể.

Viện trợ của Mỹ cho Lào cũng rất nhỏ giọt, lại bị chia ra rất mỏng qua những chương trình như: tháo gỡ bom mìn, chống ma túy, cải thiện khả năng mậu dịch, phòng ngừa và điều trị HIV/AIDS, tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh trước kia, giáo dục, huấn luyện quân sự... Tổng viện trợ của Mỹ cho Lào năm 2006 chỉ đạt 4,3 triệu USD, năm 2007 tăng lên 4,8 triệu USD[1], năm 2009 tăng đến 5 triệu USD và năm 2010 tăng thêm chút ít lên 5,15 triệu USD[2]. Số tiền này thậm chí thấp hơn rất nhiều so với 65 triệu USD mà Mỹ viện trợ cho Campuchia năm 2009. Trong khi đó, Nhật Bản viện trợ cho Lào trung bình mỗi năm trên dưới 100 triệu USD để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, trường học, bệnh viện và đào tạo nguồn nhân lực. Việt Nam dù còn nghèo nhưng năm 2009 cũng viện trợ chính thức cho Lào 320 tỷ đồng (tương đương 17,3 triệu USD). Còn Trung Quốc, gần đây mỗi năm viện trợ cho Lào trị giá hàng trăm triệu USD. Các dự án đầu tư của Mỹ tại Lào cũng chưa đạt giá trị lớn và còn kém xa các đối tác khác của Lào như Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam[3].

---

1. Xem: *"Laos: Background and U.S. Relations" (2008).*
2. Xem: Thông tấn xã Việt Nam, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 098-TTX, Thứ ba, ngày 13/04/2010, tr. 7.
3. Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, đầu tư của Mỹ vào Lào trong khoảng thời gian 2001 - 2009 đạt tổng trị giá 35,3 triệu USD, xếp thứ 14 trong số 38 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Lào; so với 2,65 tỷ USD của Thái Lan; 2,24 tỷ USD của Trung Quốc và 2,11 tỷ USD của Việt Nam.

Qua các số liệu thống kê trên đây, có thể thấy ảnh hưởng kinh tế của Mỹ tại Lào chưa tương xứng với vai trò cường quốc và tiềm năng khổng lồ của Mỹ, nhưng xét cho cùng, về mặt kinh tế, các đồng minh thân cận của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương như Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia... có thể đảm nhiệm thay Mỹ và trong một số trường hợp, Mỹ thấy chưa cần phải trực tiếp can dự. Vì vậy, khi xem xét sự cạnh tranh chiến lược của Mỹ tại Lào, cần tính đến ảnh hưởng kinh tế tổng thể của các nước đồng minh của Mỹ tại đây. Trên thực tế, Mỹ, Thái Lan và các nước phương Tây khác đã có động thái hợp tác, sẵn sàng bỏ tiền ra giúp Lào xây dựng, phát triển kinh tế nhưng vì các yêu cầu và điều kiện của Mỹ và các đồng minh có liên quan đến nhân quyền, chế độ chính trị và định hướng phát triển của Lào nên Lào không dễ dàng chấp thuận các điều kiện này. Điều này cho thấy, ảnh hưởng của Mỹ tại Lào vẫn cần vượt qua thử thách thời gian và những mục tiêu Mỹ chưa đạt được tại đây không có nghĩa là Mỹ không có khả năng.

Đáng chú ý là những năm gần đây, Mỹ đã có động thái tích cực trong việc điều chỉnh chiến lược đối với Lào thông qua việc bắt giữ Vàng Pao và đồng bọn (năm 2007) nhằm gây tiếng vang lớn trong cộng đồng thế giới và xây dựng uy tín của Mỹ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố, đồng thời nhằm mục đích cải thiện quan hệ và tạo niềm tin đối với Lào. Tuy nhiên, cùng với việc tích cực tăng cường quan hệ với Lào thông qua các hoạt động hợp tác kinh tế và viện trợ nhằm cải thiện quan hệ hai nước, Mỹ vẫn tiếp tục dung túng cho một số tổ chức người Lào lưu vong tại Mỹ có quan điểm và tiếng nói trái ngược với Chính phủ Lào; đồng thời phối hợp

với Thái Lan trong một số hoạt động nhằm cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội ở Lào theo định hướng XHCN.

Trước những động thái vừa mang tính tích cực lại vừa mang tính tiêu cực của Mỹ, Chính phủ Lào vẫn kiên trì chính sách ngoại giao mềm dẻo đối với Mỹ nhằm tăng cường thu hút các nguồn viện trợ và vốn cho vay của Mỹ để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; tận dụng quan hệ với Mỹ để nâng cao vị thế của Lào trên trường quốc tế và tạo cơ hội thuận lợi cho Lào tiếp tục đàm phán với các nước và các tổ chức quốc tế trong tiến trình gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

d) Ảnh hưởng của Việt Nam

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng có quan hệ truyền thống tốt đẹp từ lâu đời. Quan hệ giữa hai dân tộc càng thêm gắn bó trong thời kỳ lịch sử hiện đại do có chung lịch sử chống thực dân và đế quốc. Sau khi cả hai nước giành được độc lập, tự do và thống nhất hoàn toàn vào năm 1975, hai bên đều bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội với những thành công và hạn chế mang tính lịch sử. Chiến tranh lạnh kết thúc và công cuộc tiến hành đổi mới, cải cách, mở cửa, xây dựng nền kinh tế thị trường trở thành xu hướng tất yếu của thời đại, đã gắn kết hai nước Việt Nam và Lào trong bối cảnh lịch sử hoàn toàn khác với trước đây.

Trong thời đại toàn cầu hóa với những hoạt động liên kết khu vực và quốc tế trở nên sống động, cả Việt Nam và Lào đều chịu những tác động hết sức mạnh mẽ từ bên trong và bên ngoài. Điều này khiến quan hệ hai nước cần phải liên tục điều chỉnh, bổ sung để thích nghi với cơ chế kinh tế thị trường, với

tư cách vừa là bạn bè vừa là đối tác, phù hợp với quy luật cạnh tranh.

Dưới tác động của các nhân tố mới, Lào vẫn luôn bày tỏ quyết tâm duy trì, củng cố và tăng cường mối quan hệ hữu nghị đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam. Về phía mình, Việt Nam cũng luôn coi mối quan hệ với Lào là mối quan hệ ưu tiên đặc biệt, là đối tác chiến lược gần gũi và thân thiết nhất. Trong những năm gần đây, các chuyến thăm cấp cao chính thức qua lại giữa các nhà lãnh đạo Đảng, Quốc hội và Chính phủ; những người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp của nhân dân hai nước càng tạo điều kiện thắt chặt thêm tình hữu nghị đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai bên. Có thể nói, quan hệ Việt Nam - Lào là mối quan hệ mẫu mực, đặc biệt, thủy chung, trong sáng và rất hiếm có, được tôi luyện qua nhiều thử thách khắc nghiệt của thời gian, trong khói lửa chiến tranh khốc liệt cũng như trong thời bình có nhiều tác động của khu vực và quốc tế.

Sau Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI và Đại hội Đảng NDCM Lào lần thứ IX đầu năm 2011, các vị lãnh đạo chủ chốt của hai Đảng và hai nhà nước đều đã tiến hành các chuyến thăm chính thức lẫn nhau để khẳng định tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai nước ở tầm cao mới. Điều đó chứng tỏ sự ưu tiên đặc biệt trong quan hệ đối ngoại mà hai nước tiếp tục giành cho nhau trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều biến động khó lường.

Tuy nhiên, trong bối cảnh liên kết khu vực và toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, sự tác động sâu sắc của nhiều nhân tố mang tính chủ quan và khách quan đang đặt ra trước quan hệ Việt

Nam - Lào nhiều thử thách gay gắt có tính chất sống còn. *Trên thực tế, quan hệ chính trị giữa hai nước chỉ trở nên bền vững khi quan hệ kinh tế giữa hai bên phải đóng vai trò chủ đạo, then chốt.* Quan hệ chính trị được cho là tốt đẹp mà thiếu nhân tố kinh tế chủ đạo làm nền tảng thì sớm muộn mối quan hệ đó cũng trở nên hình thức, mờ nhạt và thiếu sức sống. Điều này đang xảy ra với quan hệ Việt Nam - Lào và cho thấy ảnh hưởng của Việt Nam tại Lào ngày càng có khả năng bị giảm sút khi đặt bên cạnh quan hệ kinh tế Lào với một số nước trong khu vực và quốc tế.

Mặc dù được chính phủ hai nước rất quan tâm, nhưng quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Lào hiện nay vẫn chưa tương xứng với quan hệ chính trị giữa hai nước. Về lĩnh vực viện trợ phát triển cho Lào, Việt Nam không thể sánh được với Nhật Bản[1], càng không thể theo kịp Trung Quốc. Về trao đổi thương mại, kim ngạch hai chiều giữa Việt Nam và Lào chưa bao giờ vượt quá nửa tỷ USD[2] tính tới năm 2010, tức là luôn bị Thái Lan bỏ xa. Còn lĩnh vực đầu tư trực tiếp tại Lào, hiện tại Việt Nam là một trong ba

---

1. Theo báo Pạ-xa-xôn (Nhân dân) của Lào, ra ngày 3/8/2006, liên tục từ năm 1991 đến 2006, Nhật Bản là nước hàng đầu viện trợ và giúp đỡ Lào, với số tiền trung bình mỗi năm khoảng 100 triệu USD. Viện trợ không hoàn lại và trợ giúp của Nhật Bản tập trung vào 4 lĩnh vực lớn: 1) Phát triển nguồn nhân lực; 2) Phát triển nông-lâm nghiệp; 3) Phát triển năng lượng; 4) Xây dựng cơ sở hạ tầng.
2. Theo số liệu của Bộ Công thương Việt Nam, kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - Lào đạt 260 triệu USD năm 2006, 312 triệu USD năm 2007, 423 triệu USD năm 2008 và 490 triệu USD năm 2010.

nước đứng đầu (gồm cả Thái Lan và Trung Quốc)[1] nhưng dự báo trong tương lai gần Việt Nam sẽ khó có thể cạnh tranh với Trung Quốc do các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Lào thiếu chiến lược đầu tư nhất quán, đồng thời chưa được Chính phủ Việt Nam đặc biệt khuyến khích, ưu tiên, hỗ trợ kịp thời cả về vốn, cơ chế lẫn chính sách. Tuy nhiên, điều gây nguy hại nhất đối với Việt Nam, làm mờ nhạt đáng kể hình ảnh của Việt Nam trong con mắt người Lào là lâu nay các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Lào vẫn "mạnh ai nấy làm", thiếu sáng kiến và chiến lược lâu dài. Điều này cho thấy, Việt Nam vẫn chưa thực sự coi trọng vị trí chiến lược của Lào ở cả tầm chiến lược của chính phủ và doanh nghiệp. Đây chắc chắn là vấn đề then chốt mà Việt Nam cần phải xem xét, nhất là trong bối cảnh Trung Quốc đang gia tăng mạnh mẽ viện trợ, đầu tư và buôn bán tại Lào sau chuyến thăm chính thức Lào gần đây của Phó Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình (ngày 15 - 16/6/2010) với kết quả 18 văn kiện hợp tác Lào - Trung Quốc được hai bên ký kết, trong đó đặc biệt có thỏa thuận về việc Trung Quốc sẽ giúp Lào xây dựng tuyến đường sắt Bắc Nam.

1.4. Triển vọng về chính trị đối nội và đối ngoại của CHDCND Lào giai đoạn 2011 - 2020

1.4.1. Triển vọng về chính trị nội bộ

Tình hình chính trị nội bộ có tác động rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của một nước. Như chúng ta đã biết,

1. Theo số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, từ năm 2001 đến 2009, tổng vốn FDI của Việt Nam tại Lào đạt 2,11 tỷ USD, xếp thứ 3 trong số 38 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Lào, so với 2,65 tỷ USD của Thái Lan (xếp thứ 1) và 2,24 tỷ USD của Trung Quốc (xếp thứ 2) trong cùng thời gian trên

Lào là nước có thể chế chính trị một đảng lãnh đạo, vì vậy, sự ổn định chính trị trong nội bộ đảng cầm quyền có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định tới đường hướng phát triển lâu dài của quốc gia. Tuy nhiên, sự ổn định chính trị nội bộ trong Đảng còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, cả bên trong lẫn bên ngoài.

Từ nay đến năm 2020, CHDCND Lào sẽ trải qua hai kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng NDCM Lào và hai kỳ bầu cử Quốc hội mới, đó là nhiệm kỳ 2011 - 2015 và nhiệm kỳ 2016 - 2020. Cũng giống như Việt Nam, Trung Quốc và một số nước XHCN khác, các kỳ Đại hội Đảng và bầu cử Quốc hội mới là những sự kiện cực kỳ quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội Lào, bởi nó quyết định mọi chủ trương, đường lối, chính sách phát triển của đất nước trong thời gian tới.

Từ năm 2011 đến 2020, nước Lào sẽ đứng trước hai mục tiêu lớn phải thực hiện thành công là đưa đất nước thoát nghèo vào năm 2015 và ra khỏi tình trạng lạc hậu, kém phát triển vào năm 2020, rồi vững vàng tiến bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa như đường lối tổng quát đã được đề cập trong các văn kiện của Đảng NDCM Lào. Về hội nhập quốc tế, mục tiêu của Lào đặt ra là phấn đấu gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trong khoảng thời gian thập niên thứ hai của thế kỷ XXI.

Căn cứ vào thực tế, triển vọng và xu hướng phát triển của nước Lào hiện nay, tình hình vận động của khu vực và thế giới trong thập niên thứ hai (2011 – 2020) của thế kỷ XXI, có thể dự báo một cách tổng quát là, về cơ bản, từ năm 2011 đến

năm 2020, tình hình chính trị nội bộ của Lào có thể sẽ vẫn ổn định, Đảng NDCM Lào sẽ vẫn là chính đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo đất nước tiếp tục thực hiện Cương lĩnh Hành động năm 1972 và định hướng phát triển chung của đất nước đến năm 2020 mà các Nghị quyết Đại hội VII (2001) và VIII (2006) đã đề ra nhằm hướng tới các mục tiêu mang tính chất XHCN. Tình hình nước Lào có thể sẽ không có biến động gì lớn trong khoảng thời gian 10 năm tới. Đây là dự báo có cơ sở lý luận và thực tiễn khá thuyết phục dựa trên một số nhân tố căn bản mang tính tích cực sau:

- Uy tín của CHDCND Lào ngày càng được nâng cao

Sau gần 25 năm tiến hành đổi mới, mở cửa, hội nhập và phát triển đất nước (1986 - 2010), Lào đã thu được những thành quả rất quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, đất nước liên tục phát triển về chính trị đối nội và đối ngoại, GDP không ngừng tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước và đạt mức tăng trung bình khoảng 6,5% liên tục trong 10 năm gần đây, đời sống nhân dân được cải thiện, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, vị thế nước Lào ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Đây là thực tiễn sống động không thể chối cãi và là căn cứ vững chắc để phản bác tất cả các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch với nước Lào.

- Vai trò lãnh đạo của Đảng NDCM Lào được bảo đảm vững chắc, tính kế thừa trong ban lãnh đạo tối cao của Đảng được thực hiện nghiêm túc, có bài bản

Trong xu thế phát triển của đất nước, vai trò lãnh đạo của Đảng NDCM Lào và chế độ chính trị của nước CHDCND

Lào được nhân dân Lào hoàn toàn tin tưởng, ủng hộ và bảo vệ. Trong 10 năm tới đây, Đảng NDCM Lào tiếp tục quá trình chuyển giao thế hệ lãnh đạo được bắt đầu từ Đại hội VIII (tháng 3/2006), với hai đợt chuyển giao và bổ sung nhân sự lãnh đạo chủ chốt ứng với hai kỳ Đại hội Đảng lần thứ IX (nhiệm kỳ 2011 - 2015) và lần thứ X (nhiệm kỳ 2016 - 2020). Căn cứ vào truyền thống làm công tác nhân sự của Đảng NDCM Lào, có thể thấy, khoảng 2/3 số lượng Ủy viên Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Khóa VIII hiện nay với tuổi đời trung bình khoảng 67 - 68 vào năm 2011, vẫn tiếp tục tham gia Bộ Chính trị và Ban Bí thư Khóa IX. Đồng thời, khoảng 50% trong số này sẽ tiếp tục tham gia Bộ Chính trị và Ban Bí thư Khóa X, với tuổi đời trung bình khoảng 71 - 72 vào năm 2016. Số các nhà lãnh đạo trẻ hơn được bổ sung mới, và chiếm khoảng 1/3 tại nhiệm kỳ Khóa IX (năm 2011) và chiếm khoảng 2/3 số Ủy viên Bộ Chính trị và Ban Bí thư tại nhiệm kỳ Khóa X (năm 2016). Bắt đầu từ nhiệm kỳ Khóa XI (năm 2021), Ban lãnh đạo chủ chốt của Đảng NDCM Lào khi đó có lẽ sẽ chỉ gồm những nhà lãnh đạo sinh ra và lớn lên vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, không có những đóng góp trực tiếp trong chiến tranh, nhưng họ sẽ được học tập và đào tạo bài bản để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chính trị và học vấn, được rèn luyện, thử thách và thừa nhận trong quá trình đảm trách các cương vị công tác chủ chốt trong bộ máy Đảng, chính quyền ở các tỉnh thành, các Bộ và cơ quan ngang Bộ, đã tham gia Ban chấp hành Trung ương từ 2 đến 3 khóa, bắt đầu từ Khóa VIII (2006).

Như vậy, có thể thấy rằng, các cán bộ lãnh đạo hiện nay của Lào thuộc thế hệ trưởng thành trong chiến tranh giải

phóng dân tộc (đa số trực tiếp chiến đấu trong lực lượng quân đội hoặc công an) đang lãnh đạo đất nước khắc phục hậu quả chiến tranh, khởi xướng công cuộc đổi mới, xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế,... Những cán bộ lãnh đạo này tiếp tục sẽ là những hạt nhân chủ chốt có ảnh hưởng rất lớn (mặc dù có thể không trực tiếp nắm giữ các cương vị Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ) trong 10 năm tới, để hướng dẫn, giám sát và giúp đỡ các thành viên Ban chấp hành Trung ương Khóa IX và Khóa X lãnh đạo việc thực hiện Cương lĩnh Hành động năm 1972 của Đảng NDCM Lào và định hướng phát triển chung của đất nước đến năm 2020. Tuy nhiên, cùng với thời gian và hạn chế về sức khỏe, tuổi tác, vai trò và ảnh hưởng của các hạt nhân lãnh đạo này tất yếu sẽ suy giảm dần, nhất là kể từ nhiệm kỳ Khóa X (2016 - 2020) và cơ bản sẽ không còn nắm giữ các cương vị lãnh đạo chủ chốt từ sau năm 2020.

Là một Đảng cầm quyền có nhiều kinh nghiệm hoạt động, có tinh thần đoàn kết, có đường lối chính trị ổn định, có ban lãnh đạo luôn có tính kế thừa và phát triển ổn định, hội tụ đủ các các yếu tố cần thiết về phẩm chất và năng lực đủ sức lãnh đạo việc thực hiện đường lối chính sách đã đề ra cho giai đoạn 10 năm (2011 - 2020), nhất định Đảng NDCM Lào sẽ thành công trong việc bố trí các Ủy viên Trung ương các Khóa IX và X vào nhân sự lãnh đạo bộ máy Nhà nước và các tổ chức nhân dân thành viên trong Mặt trận Lào Xây dựng đất nước theo đúng với yêu cầu, sự lựa chọn và chuẩn bị cán bộ nguồn của Đảng

Tóm lại, sự ổn định về đường lối chính sách của Đảng NDCM Lào và cơ sở để đường lối đó sẽ tiếp tục được thực

hiện; sự chuyển giao thế hệ lãnh đạo theo nguyên tắc có tính tiệm tiến, kế thừa, hướng tới các mục tiêu đã được xác định, không gây đổ vỡ, chệch hướng từ bên trong mà vẫn bảo đảm được sự phát triển liên tục trong ban lãnh đạo cấp cao của Đảng và rộng hơn là trong Ban Chấp hành trung ương... là thành tựu nổi bật của Đảng NDCM Lào trong sự nghiệp đổi mới đất nước mấy chục năm qua và sẽ được tiếp tục trong các thập niên sắp tới. Điều này đem lại lợi ích thiết thân cho nhân dân Lào, từ đó, nhân dân càng thêm vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào bản chất tốt đẹp của chế độ dân chủ nhân dân. Đây chính là thành tố cơ bản nhất, có tầm quan trọng quyết định sự ổn định vững chắc của tình hình chính trị nội bộ Lào trong 10 năm sắp tới (2011 - 2020).

- Cán bộ, đảng viên Đảng NDCM Lào có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và trình độ đảm bảo cho công cuộc đổi mới được tiếp tục ở Lào

Cán bộ là khâu then chốt trong việc giữ vững sự ổn định chính trị nội bộ ở Lào. Ngay từ những thập niên 60 - 70 của thế kỷ XX, nhất là khi chiến tranh sắp đi vào hồi kết, Đảng NDCM Lào đã biết nhìn xa trông rộng, chăm lo đến việc đào tạo nguồn nhân lực của Đảng bằng việc gửi con em cán bộ đi học ở các hệ phổ thông và đại học ở Việt Nam và các nước XHCN Đông Âu, nhằm chủ động chuẩn bị cán bộ cho nhu cầu xây dựng và phát triển đất nước sau chiến tranh. Từ sau khi nước CHDCND Lào được thành lập tháng 12/1975, số cán bộ trên đây đã lần lượt về nước và đảm nhiệm các cương vị quan trọng trong bộ máy quản lý Đảng và chính quyền từ trung ương đến địa phương. Một số cá nhân ưu tú đã trở thành Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Thứ trưởng từ các

khóa Đại hội Đảng lần thứ IV, V; rồi đảm trách tiếp các cương vị cao hơn như Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ từ Khóa VI và các khóa tiếp theo. Chỉ nói riêng trường hợp Khóa VIII (nhiệm kỳ 2006 - 2010), tuyệt đại đa số lãnh đạo cấp cao của Lào (Ủy viên Bộ Chính và Ban Bí thư) tiếp tục là thế hệ trưởng thành trong chiến tranh, lần lượt nắm trọng trách từ khi đất nước có hòa bình. Số đông Bộ trưởng, Thứ trưởng và các chức vụ tương đương hiện nay có tuổi đời tương đối trẻ, có trình độ học vấn cao, được đào tạo bài bản, sử dụng thông thạo từ một đến hai, ba ngoại ngữ thông dụng ở Lào như: Việt, Thái, Anh, Pháp, Nga. Trong số lãnh đạo cấp cục, vụ, viện ở các cơ quan trung ương, từng được đào tạo đại học ở Việt Nam chiếm khá đông. Đây là nguồn cán bộ quý của Lào. Nhiều người trong số đó tiếp tục được đào tạo sau đại học ở Mỹ, Tây Âu, Australia, Trung Quốc.

Nhìn chung, số cán bộ lãnh đạo trẻ của Lào hiện nay có tư tưởng cấp tiến, có năng lực và trình độ chuyên môn khá cao, có quan hệ quốc tế khá rộng. Qua đào tạo, bồi dưỡng và thử thách, đến giữa Khóa VIII (năm 2009), một số Ủy viên Trung ương trẻ của Đảng NDCM Lào tuy mới tham gia Ban chấp hành Trung ương từ tháng 3/2006 nhưng hiện đã nắm giữ những cương vị cao như: Trưởng ban Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương, Bí thư kiêm Tỉnh trưởng... Đây là những cán bộ lãnh đạo được xếp vào loại xuất sắc, có triển vọng phát triển. Một số người thuộc diện được bồi dưỡng đặc biệt, có thể sẽ phát triển rất nhanh, có khả năng nắm giữ những vị trí then chốt trong số các chức danh lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước Lào bắt đầu từ khóa IX (2011 - 2015) trở đi.

Ở Lào cũng như ở Việt Nam, phẩm chất chính trị và đạo đức cán bộ là những yếu tố rất quan trọng tạo nên cốt cách và vị thế của cán bộ lãnh đạo. Về mặt lý thuyết, cán bộ Lào khi đã được tham gia cấp ủy Đảng, được trải qua đào tạo, bồi dưỡng và thử thách cả về lý luận chính trị lẫn chuyên môn thì sẽ được tin cậy và giữ vị trí lãnh đạo ngày càng cao. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thị trường vô cùng phức tạp, phía Lào đã nhận thức rõ và cho rằng, cần phải hết sức coi trọng mặt đạo đức cán bộ, xem đó là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất khi xem xét, cất nhắc và đề bạt cán bộ lãnh đạo.

- Có sự nhất trí, đồng thuận giữa Đảng và các tổ chức nhân dân

Ở Lào, cách thức tổ chức, tiến hành công tác vận động, quy tụ các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo trong Mặt trận Lào xây dựng đất nước có nhiều đặc điểm và nguyên tắc tương tự như ở Việt Nam. Các tổ chức nhân dân này ở Lào hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng NDCM Lào. Vì vậy, về cơ bản là có sự đồng thuận cao từ phía các tổ chức này với chủ trương, đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng. Ở Lào, không có xung đột giữa chính quyền và tôn giáo. Trong một chừng mực nhất định, công tác vận động tôn giáo ở Lào có nhiều thuận lợi hơn so với ở Việt Nam do ở Lào Phật giáo được xem là quốc đạo; các tôn giáo khác như Thiên chúa giáo, Kitô giáo, Tin lành... đều có lượng tín đồ rất ít, không đáng kể, phạm vi ảnh hưởng rất hạn hẹp. Phật giáo ở Lào thuộc dòng Tiểu thừa với sự hiện diện từ nhiều thế kỷ, bản chất đôn hậu, thuần khiết hơn nhiều so với Phật giáo ở một số nước Đông Nam Á khác.

- Môi trường quốc tế và khu vực Đông Nam Á trong 10 năm sắp tới cơ bản là thuận lợi

Việc giữ gìn ổn định chính trị nhằm tập trung cho xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của những nước nhỏ như Lào phụ thuộc phần lớn vào môi trường chính trị - kinh tế của khu vực và quốc tế. Đối với Lào, có hai điểm đặc biệt quan trọng liên quan, tác động mạnh mẽ đến Lào, đó là: (1) xu thế chủ đạo là hòa bình, hợp tác và phát triển đang và sẽ tiếp tục được duy trì trong sự vận động của quan hệ quốc tế trên thế giới và tại Đông Nam Á từ nay đến năm 2020; (2) Các nước láng giềng là chỗ dựa vững chắc và chủ yếu cho Lào đang trong xu thế sẽ tiếp tục chung sống hòa bình, giữ vững ổn định chính trị và không ngừng lớn mạnh. Đây sẽ là nguồn cổ vũ và là sự hỗ trợ đắc lực nhất cho chế độ chính trị ở Lào tiếp tục phát triển trong 10 năm tới.

Trên đây là năm yếu tố cơ bản và là năm căn cứ thực tiễn cho phép chúng ta có thể tin rằng, tình hình chính trị nội bộ ở Lào trong giai đoạn 2011 - 2020 sẽ cơ bản tiếp tục được giữ vững và phát triển tương đối ổn định. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi lớn, cơ bản như đã phân tích, trong 10 năm tới, Lào cũng vẫn phải đối mặt với bất cứ khó khăn, thách thức hoặc rủi ro tiềm ẩn nào trong việc giữ vững ổn định chính trị nội bộ lâu dài. Ngược lại, những thách thức phía trước sẽ trở nên nghiêm trọng nếu ngay từ bây giờ Chính phủ Lào không nhìn rõ thực chất khó khăn và đề ra các biện pháp để hóa giải. Những *khó khăn, thách thức* đó là:

- Vấn đề dân tộc, chủ yếu là vấn đề người H'Mông

Giải quyết vấn đề dân tộc theo đường lối hòa hợp luôn là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước Lào. Hiện nay,

trên lãnh thổ CHDCND Lào có 49 dân tộc cư trú xen kẽ, rải rác khắp các địa bàn trong nước; trong đó người H'mông chiếm khoảng 6,9% toàn bộ dân số Lào (khoảng hơn 315.465 người), cư trú chủ yếu trên địa bàn các tỉnh thuộc khu vực Bắc Lào.

Trong hai cuộc chiến tranh ở Đông Dương, bên cạnh số đông người H'mông tham gia kháng chiến, có đóng góp nhiều công sức cho cách mạng Lào, thì một bộ phận không nhỏ làm tay sai cho thực dân Pháp và về sau được Mỹ tiếp quản, xây dựng thành "lực lượng đặc biệt" do tướng Vàng Pao chỉ huy. Trên thực tế, lực lượng này đã trở thành lực lượng xung kích của Mỹ tại chiến trường Bắc Lào trong thời kỳ "chiến tranh đặc biệt" ở Đông Dương, nuôi dưỡng dai dẳng âm mưu thành lập "Vương quốc H'mông tự trị" tại khu vực Bắc Lào. Đây chính là mối đe dọa lớn nhất đối với chính sách hòa hợp dân tộc đúng đắn của Chính phủ Lào hiện nay.

Mặc dù đã bị thất bại thảm hại nhưng đến nay, liên tục trong hơn 35 năm sau chiến tranh, một số thế lực phản động nước ngoài vẫn kiên trì đeo bám, hỗ trợ, tiếp tay cho các phần tử xấu người H'mông chống phá Chính phủ Lào bằng các biện pháp vu khống, gây sức ép với Lào về các vấn đề nhân quyền và tự do tôn giáo; yêu cầu được cùng với nước ngoài can thiệp trực tiếp vào tình hình Lào để giải quyết vấn đề "người dân sống trôi nổi trong rừng"; thông qua các hoạt động chống phá của các phần tử H'mông để tìm cách buộc Chính phủ Lào phải thừa nhận rằng ở Lào vẫn tồn tại các lực lượng đối lập chống đối Chính phủ Lào, từ đó, hợp thức hóa sự tồn tại của chúng; khi có cơ hội thì tổ chức bạo loạn lật đổ bằng lực lượng tại chỗ và lực lượng bổ sung từ nước ngoài về dưới sự chỉ đạo của bọn đầu sỏ, nhằm tạo ra một "vùng tự do", lập

chính quyền, buộc Chính phủ Lào phải đàm phán thương lượng và thỏa mãn các yêu sách chính trị của lực lượng phản động Lào, để nước ngoài tham gia giải quyết vấn đề dân tộc ở Lào; tiến tới mục tiêu cuối cùng là làm tan rã Chính phủ cách mạng hợp pháp ở Lào hoặc chuyển hóa nó theo quỹ đạo của các thế lực thù địch.

Đứng trước mối đe dọa tiềm ẩn này, không phải từ bây giờ mà ngay từ những ngày đầu thành lập nước CHDCND Lào, thậm chí ngay cả trong thời kỳ đất nước đang diễn ra chiến tranh, Đảng và Nhà nước Lào luôn luôn coi trọng và đã cơ bản giải quyết đúng đắn cả trên chủ trương, đường lối, chính sách lẫn hành động thực tiễn các vấn đề dân tộc nói chung, đặc biệt là vấn đề người H'mông ở Lào nói riêng. Năm 1979, trong đợt tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang Lào lần thứ nhất, tỷ lệ cá nhân, đơn vị, địa phương người H'mông được tôn vinh khá cao. Nhiều con em người H'mông được chính quyền cách mạng gửi đi đào tạo ở nước ngoài cả trước và sau năm 1975. Hiện nay, nhiều cán bộ người H'mông đảm nhiệm nhiều trọng trách trong bộ máy lãnh đạo Đảng và Nhà nước Lào. Chỉ tính riêng Nhiệm kỳ Đại hội Đảng Khóa VIII (tháng 3/2006), trong thành phần Ban Chấp hành Trung ương Đảng NDCM Lào có bốn Ủy viên Trung ương là người H'mông, trong đó có ba người giữ các chức vụ cao cấp: Ủy viên Bộ Chính trị Đảng NDCM Lào, kiêm Phó Chủ tịch Quốc hội (và hiện là Chủ tịch Quốc hội - bà Pa-ni Dia-tho-tụ), Bí thư Trung ương Đảng, kiêm Bí thư Thành ủy Viêng Chăn (ông Xổm-bắt Dia-pao-hơ) và một Phó Chủ tịch Quốc hội khác. Ngoài ra, có bốn người H'mông là các Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào xây dựng đất nước, ba người là Bí

thư Tỉnh ủy, kiêm Tỉnh trưởng; nhiều người là ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy, sĩ quan quân đội và công an...

Như vậy, trong giải quyết các vấn đề dân tộc, chính sách của Đảng và Nhà nước Lào luôn luôn nhất quán, đúng đắn, không hề có sự kỳ thị, phân biệt giữa các tộc người, thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Sự thù địch dai dẳng của các thế lực bên ngoài và các thế lực phản động trong nước trong việc chống phá Chính phủ Lào không ngoài mục đích, âm mưu nhằm gây tâm lý nghi kỵ, dè chừng, xa lánh trong cán bộ và nhân dân đối với người H'mông, khiến cho người H'mông, kể cả những người H'mông là cán bộ lãnh đạo các cấp thiếu tin tưởng vào đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Lào. Dự báo trong thời gian tới, số lượng cán bộ người H'mông trong hệ thống chính trị các cấp có xu hướng suy giảm. Đây có thể sẽ là cơ hội để các lực lượng thù địch với cách mạng Lào lợi dụng, gây chia rẽ khối đoàn kết giữa các dân tộc ở Lào, tìm cách "thời sự hóa" và "quốc tế hóa" vấn đề người H'mông để họ có cơ hội can thiệp sâu hơn vào tình hình chính trị của CHDCND Lào.

Trong 10 năm tới (2011 - 2020), trên cơ sở kinh nghiệm tiểu phỉ đã được tích lũy trong nhiều năm, Đảng và Nhà nước Lào sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Việt Nam nhằm xây dựng và phát triển ổn định toàn tuyến biên giới Lào – Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ vững chắc an ninh biên giới. Đồng thời, Chính phủ Lào cũng hết sức coi trọng việc uốn nắn tư tưởng sai lệch trong nhận thức của đông đảo cán bộ và nhân dân về người H'mông; xóa bỏ cách gọi quen thuộc "Lào Lùm", "Lào Thơng", "Lào Xủng" mà chỉ gọi đơn giản là "nhân dân Lào gồm 49 dân tộc anh em" để tránh

mọi nguy cơ xung đột và hiểu nhầm. Nhà nước Lào cũng có kế hoạch tăng cường hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực và khả năng hoạt động của Ủy ban Dân tộc của Quốc hội và các cơ quan chức năng nhà nước có liên quan; đưa nhiều cán bộ trung ương về tăng cường cho các địa phương có điểm nóng; coi trọng công tác xây dựng lực lượng chính trị tại chỗ gắn liền với xây dựng và phát triển toàn diện nông nghiệp và nông thôn; làm tốt công tác quốc phòng và an ninh; chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng già làng, trưởng bản; nâng cao trình độ nhận thức và phương pháp công tác dân vận cho cán bộ trung ương và cơ sở; ưu tiên, chú trọng đặc biệt cho công tác giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí nói chung.

Mặt khác, Chính phủ Lào cũng có kế hoạch tập trung làm tốt công tác vận động số dân "sống trôi nổi trong rừng" sớm ra trình diện với chính quyền và hỗ trợ cho họ sớm ổn định đời sống, định canh, định cư; tăng cường bổ sung nguồn tài chính nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng cho các thôn bản, vùng sâu, vùng xa; tăng cường công tác bảo vệ các trục đường giao thông quan trọng; thực hiện tốt công tác phúc lợi xã hội, công tác xóa đói giảm nghèo và các chế độ chính sách khác. Có thể tin rằng, với các chính sách đã thực hiện và các kế hoạch công tác sắp tới, vấn đề người H'mông sẽ dần dần được giải quyết ổn thỏa, phù hợp với chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng và Nhà nước Lào.

Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy một thực tế là, vấn đề người H'mông gắn với quá khứ chiến tranh chưa xa ở Lào, trong khi hiện nay vẫn còn tồn tại các nhóm phi hoạt động lén lút trong rừng và một bộ phận cán bộ và nhân dân Lào vẫn chưa hết mặc cảm, nghi kỵ, dè chừng đối với người H'mông

và "vấn đề người H'mông". Vì vậy, tuy đã có những nỗ lực to lớn nhưng do vấp phải nhiều trở ngại bên trong lẫn bên ngoài nên Chính phủ Lào vẫn sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong việc giải quyết thấu đáo vấn đề này. Do đó, trong những năm tới, nếu một số nước và các thế lực thù địch vẫn tiếp tục giữ thái độ chính trị tiêu cực đối với Lào về vấn đề người H'mông; nếu Đảng và Nhà nước Lào xử lý thiếu nhuần nhuyễn vấn đề người H'mông thì đây vẫn là yếu tố tiềm ẩn, rủi ro gây nguy cơ làm mất ổn định tình hình chính trị nội bộ ở Lào trong giai đoạn 2011- 2020.

- Tệ đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng, móc ngoặc

Sau Đại hội IV Đảng NDCM Lào (1986), đặc biệt là sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1991), Đảng và Nhà nước Lào tiến hành chuyển đổi mạnh mẽ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường hàng hóa nhiều thành phần; đồng thời tăng cường mở cửa, hội nhập, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài nhằm mở rộng sản xuất, khai thác tài nguyên rừng, nước và khoáng sản phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, với mục tiêu xóa nghèo vào năm 2015 và ra khỏi tình trạng kém phát triển vào năm 2020. Công cuộc đổi mới đã thu được nhiều thành tựu quan trọng, nhưng đất nước cũng ngày càng phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức gay gắt. Trong bối cảnh đất nước cải cách, mở cửa, liên kết kinh tế với khu vực và quốc tế, tệ đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng, móc ngoặc của một bộ phận cán bộ chủ chốt các cấp từ trung ương đến địa phương càng có điều kiện nảy sinh, phát triển với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, khó kiểm soát. Mặc dù Lào đã có "Luật Phòng chống tham nhũng" được Quốc hội Lào thông qua năm 2003 nhưng việc thực hiện

nghiêm luật này còn gặp rất nhiều khó khăn do cơ chế giám sát, kiểm soát còn nhiều chồng chéo và tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi" đã làm vô hiệu hóa bộ luật này. Thêm vào đó, trong thể chế chính trị một đảng lãnh đạo như ở Lào, nếu những người đứng đầu đất nước và đứng đầu các cơ quan công quyền, tổ chức, đoàn thể không thực sự gương mẫu, đi đầu trong cuộc chiến chống tham nhũng thì hiệu lực của bộ luật này chỉ mang tính hình thức.

Trong khi đời sống của đại bộ phận nhân dân, đặc biệt là những người làm công ăn lương và phục vụ trong các lực lượng vũ trang còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn thì các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng làm tha hóa cán bộ ở mọi cấp, mọi ngành của Lào có dấu hiệu ngày càng trầm trọng, đang và sẽ làm xói mòn niềm tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước, trở thành nhân tố tiềm ẩn tạo ra nguy cơ gây mất ổn định chính trị - xã hội và đoàn kết nội bộ ở Lào. Điều đặc biệt nguy hiểm là, lợi dụng tình trạng tham nhũng ở Lào, một số thế lực bên ngoài đang dùng tiền bạc để mua chuộc, lôi kéo đội ngũ cán bộ chủ chốt của Lào để trúng thầu các dự án quan trọng và nắm quyền chi phối định hướng chính trị và kinh tế ở Lào trong các thập niên tới.

- Phát triển kinh tế chưa đi đôi với bảo vệ môi trường, chưa gắn liền với việc thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội

Khát vọng sớm xóa đói nghèo, ra khỏi tình trạng kém phát triển của Lào hiện đang mâu thuẫn với điều kiện cán bộ, cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật, trình độ khoa học - công nghệ và các thiết chế pháp lý cần thiết khác của đất nước. Việc Lào chủ trương đổi tài nguyên đất, rừng, nước và khoáng sản, đặc

biệt là cho nước ngoài thuê đất dài hạn (50 năm) để có được các công trình do nước ngoài viện trợ, đầu tư có thể là giải pháp giúp đất nước sớm thay da, đổi thịt nhưng lại tiềm ẩn nguy cơ to lớn làm mất an ninh chính trị - kinh tế đất nước. Đó là chưa nói đến việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững khó có thể đạt được khi rừng bị tàn phá hàng loạt, sông ngòi bị cạn kiệt nguồn nước và có nguy cơ bị ô nhiễm nặng nề. Bên cạnh đó, cho đến nay, trong thực tế Lào vẫn còn chưa đặt vấn đề phát triển kinh tế phải đi đôi với việc thực hiện cho bằng được công bằng và tiến bộ xã hội trong từng bước phát triển; đồng thời cũng chưa có điều kiện quan tâm thường xuyên trong khả năng cho phép đến các vùng sâu, vùng xa. Vì vậy, trong xã hội Lào đang có sự phân hóa sâu sắc, làm doãng khoảng cách ngày càng lớn giữa đời sống nhân dân các đô thị (với thu nhập bình quân khoảng 800 - 900 USD/người/năm) với đời sống của đa số các dân tộc ít người ở xa trung tâm (bình quân thu nhập khoảng 80 - 90 USD/người/năm). Tình trạng này nếu để kéo dài và bị kẻ địch lợi dụng sẽ dễ dẫn đến nguy cơ xung đột xã hội, dân tộc.

- *Mầm mống phe nhóm gây nguy cơ chia rẽ, phân hóa nội bộ*

Trong bối cảnh tiếp tục công cuộc đổi mới, liên kết kinh tế khu vực và quốc tế ngày càng gia tăng, trong môi trường hoạt động ngoại giao và kinh tế sôi động theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, Lào càng có thêm nhiều cơ hội lựa chọn để tìm kiếm đối tác tối ưu có thể đáp ứng tốt nhất cho lợi ích phát triển của đất nước trên từng lĩnh vực hợp tác, phù hợp với yêu

cầu và lợi ích cụ thể của Lào trong từng giai đoạn xây dựng và phát triển đất nước.

Trong sự tìm kiếm đối tác tối ưu đó và quá trình trao đổi ý kiến hoặc thậm chí đấu tranh nội bộ để đi đến "tiếng nói chung" trong việc xác định đối tác tối ưu, đối tác ưu tiên trong làm ăn quốc tế mặc nhiên làm xuất hiện trong nội bộ Lào những tiếng nói cá nhân hoặc tập thể muốn dành lĩnh vực này hoặc dự án nọ cho hợp tác với nước này hay nước khác thay vì tổ chức đấu thầu quốc tế rộng rãi,... Từ tình hình khá phức tạp đó xuất hiện dư luận cho rằng, trong nội bộ Lào đã chớm có phe nhóm hoặc mầm mống phe nhóm thân nước này, nước nọ. Đây là vấn đề thực tế và rất hệ trọng cần được nhìn nhận và phân tích một cách khách quan và xem đó như là một nhân tố "bất khả kháng" trong bối cảnh cực kỳ phức tạp của cơ chế kinh tế thị trường, hội nhập khu vực và toàn cầu hóa. Nhân tố này chỉ có thể chấp nhận được khi nó dựa trên cơ sở đảm bảo tối đa lợi ích nhiều mặt của đất nước Lào, nhưng sẽ là thách thức nghiêm trọng nếu để vấn đề bị chi phối, thậm chí bị thao túng, trục lợi bởi lợi ích của một số cá nhân, gia đình hoặc dòng tộc người này, vị kia trong giới lãnh đạo và trở nên đặc biệt nguy hiểm, gây mất ổn định chính trị nội bộ và lợi ích của Đảng cầm quyền khi nó bị các thế lực chính trị nước ngoài lợi dụng, chi phối.

Mặt khác, với việc thông qua Hiến chương ASEAN và lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, các thành viên của tổ chức này đang chuyển sang một giai đoạn phát triển mới có tính thể chế cao hơn và ràng buộc chặt chẽ hơn về mặt pháp lý. Tuy nhiên, do nội tình của một vài nước không ổn định, trong đó có nước láng giềng trực tiếp của Lào

là Thái Lan sẽ làm gia tăng sự cạnh tranh ảnh hưởng quyết liệt của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản vào tình hình khu vực. Từ đó, khó tránh khỏi việc xuất hiện thêm những tác động phức tạp, đan xen, nhiều chiều vào tình hình chính trị nội bộ ở Lào, làm gia tăng các xu hướng phân hóa trong nội bộ giới lãnh đạo cấp cao Lào.

- Vấn đề "gia đình trị" và "dân sự hóa" lãnh đạo cấp cao

Quan sát việc bố trí nhân sự cấp cao của Lào từ trước đến nay, chúng ta thấy rõ một điều rằng, do đặc điểm của cuộc cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc nên từ khi thành lập nước (tháng 12/1975) cho đến Đại hội Đảng NDCM Lào lần thứ VIII (tháng 3/2006), các vị trí chủ chốt (Chủ tịch Đảng/Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ) đều do các tướng lĩnh quân đội đảm nhiệm hoặc thay nhau đảm nhiệm. Từ nhiệm kỳ Đại hội VIII, vị trí Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ do hai Ủy viên Bộ Chính trị không xuất thân từ lực lượng vũ trang đảm nhiệm. Điều này cho thấy, do quá khứ chiến tranh ngày càng lùi xa nên việc các nhà lãnh đạo chủ chốt lớn tuổi xuất thân từ trong các lực lượng vũ trang dần dần được thay thế bằng số cán bộ kế cận trẻ, không nhất thiết xuất thân từ quân đội, công an là điều hoàn toàn bình thường, phù hợp với quy luật phát triển. Với Đại hội Đảng NDCM Lào lần thứ IX vừa diễn ra (năm 2011), sự chuyển giao quyền lực theo hướng trên đây đã được thể hiện rõ, thậm chí có khả năng đến Đại hội X (2016), nước Lào sẽ có một ban lãnh đạo cấp cao thuần túy "dân sự".

Khả năng xảy ra một sự bố trí nhân sự cấp cao kiểu "gia đình trị" hoặc có tính chất "phe, nhóm" trong các kỳ đại hội sắp tới ở Lào tuy đang manh nha và không dễ gì thực hiện

được trong điều kiện của một Nhà nước Cách mạng đã từng được tôi luyện trong khói lửa đấu tranh như Lào, nhưng điều này tuyệt đối không thể xem nhẹ.

1.4.2. Triển vọng về chính trị đối ngoại

Nghiên cứu tình hình chính trị của Lào, các nhân tố tác động có tính tích cực và tiêu cực cả từ bên trong lẫn bên ngoài, có thể khẳng định, trong khoảng thời gian mười năm tới (từ 2011 đến năm 2020), đường lối chính sách đối ngoại của Lào sẽ không có thay đổi gì lớn; với nội dung định hướng bao trùm vẫn là hòa bình, hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi. Mọi chủ trương, chính sách đối ngoại của Lào vẫn nhằm tập trung cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong nước; theo đó, Lào tiếp tục đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ; tăng cường hội nhập khu vực và quốc tế sâu rộng hơn nữa nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển; tiếp tục củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện trước hết với các nước láng giềng, các nước ASEAN; chú trọng phát triển quan hệ với các nước lớn (Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Nga, EU); tăng cường củng cố, phát triển quan hệ với các nước XHCN trước kia; tiếp tục coi trọng quan hệ với các tổ chức khu vực (chủ yếu là ASEAN và các thiết chế của nó) và quốc tế (WB, IMF, ADB) nhằm tạo môi trường hòa bình, tranh thủ viện trợ cho phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc gia và ổn định chính trị của đất nước; làm cho quan hệ đối ngoại của Lào ngày càng rộng mở, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước về mọi mặt.

Trong 10 năm tới đây, Lào vẫn có thứ tự ưu tiên trong quan hệ đối ngoại. Việc sắp xếp thứ tự ưu tiên giữa các đối tác

đối ngoại có thể dần dần sẽ có sự tách bạch giữa đối tác chính trị đối ngoại và đối tác kinh tế đối ngoại, trước hết và chủ yếu là giữa hai đối tác chiến lược lớn liền kề của Lào là Việt Nam và Trung Quốc. Xử lý mối quan hệ cân bằng, hài hòa giữa Lào với hai đối tác gần gũi đặc biệt này vẫn là bài toán hóc búa trong chính sách đối ngoại của Lào trong nhiều năm tới.

Trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI (2011 - 2020), dự báo Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, ASEAN, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Ấn Độ, EU, Nga,... sẽ vẫn tiếp tục là những đối tác chủ yếu của Lào cả về chính trị và kinh tế, là các nhân tố quan trọng nhất có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành, triển khai và thực hiện trong thực tế chính sách đối ngoại của Lào.

Với Thái Lan: Lào luôn coi trọng quan hệ đối ngoại với Thái Lan về mọi mặt. Sở dĩ như vậy là do Thái Lan là nước láng giềng có biên giới mặt sông và đất liền tiếp giáp thuận tiện nhất với Lào, là nước có chung với Lào về nền tảng ngôn ngữ - văn hóa, là đối tác giao lưu kinh tế, thương mại và đầu tư hàng đầu của Lào từ nhiều năm qua và vẫn sẽ là một trong số các đối tác kinh tế quan trọng nhất của Lào trong nhiều thập kỷ tới.

Trong quan hệ chính trị, Lào vẫn sẽ duy trì thường xuyên các cuộc gặp gỡ cấp cao với Thái Lan để giải quyết nhiều vấn đề song phương và đa phương liên quan đến hợp tác đầu tư, buôn bán, lao động và bảo vệ an ninh biên giới. Đặc biệt, các cuộc tiếp xúc, giao lưu giữa các chính quyền địa phương dọc biên giới, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và các tổ chức nhân dân hai nước sẽ ngày càng được khuyến khích tăng cường và

mở rộng do việc đi lại giữa hai bên hiện nay đã trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Mặc dù hai nước có thể chế chính trị khác nhau, nhưng điều này không ảnh hưởng nhiều đến quan hệ kinh tế giữa hai bên. Bên cạnh đó, Lào hiện có tới hàng trăm ngàn công dân đang lao động tại Thái Lan. Đây chính là một trong các lợi thế to lớn để hai bên ngày càng hiểu nhau và xích lại gần nhau hơn trong các quan hệ chính trị và kinh tế. Cản trở lớn nhất trong quan hệ chính trị giữa hai bên là thái độ của Thái Lan đối với vấn đề người H'mông ở Lào, một vấn đề đã và đang gây tranh cãi triền miên giữa hai bên. Trong những năm tới, nếu Thái Lan vẫn tiếp tục có thái độ chính trị không phù hợp đối với Lào về vấn đề người H'mông thì đây sẽ là một nhân tố gây cản trở chính trong quan hệ chính trị giữa hai nước.

Về quan hệ kinh tế, Lào và Thái Lan có lợi thế to lớn là đi lại thông thương, dễ dàng. Điều này khiến cho hợp tác kinh tế giữa hai bên thuận lợi, giảm thiểu được chi phí vận tải hàng hóa so với nhiều nước khác. Phong tục, tập quán, thị hiếu của nhân dân hai nước khá tương đồng nên người tiêu dùng hai nước cũng ưa thích hàng hóa của nhau, càng làm cho hợp tác kinh tế, thương mại giữa hai nước bền chặt một cách tự nhiên. Đồng bạt của Thái Lan tại Lào có uy lực lớn, được người Lào sử dụng rộng rãi và phổ biến trong mua bán, tiêu dùng chẳng khác nào đồng nội tệ, cũng là nhân tố quan trọng khiến quan hệ giữa hai nước thêm bền chặt. Quan hệ kinh tế quyết định quan hệ chính trị là hợp với quy luật khách quan, cho nên về mặt chính trị, cho dù chính phủ Lào và chính phủ Thái Lan có thể xảy ra bất đồng nhưng người dân hai nước vẫn đi lại làm ăn, buôn bán, giao lưu vì lợi ích sống còn của họ. Điều này lý

giải cho mối quan hệ kinh tế trong quá khứ giữa hai bên chưa bao giờ đứt đoạn, dù cho quan hệ chính trị đã không ít lần gặp phải sóng gió. Trong bối cảnh các nước ASEAN ngày càng liên kết chặt chẽ về nhiều mặt, cùng nhau xây dựng và phấn đấu vì một Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột: cộng đồng an ninh - chính trị, cộng đồng kinh tế và cộng đồng văn hóa - xã hội, thì quan hệ Lào - Thái có nhiều triển vọng gắn kết hơn nữa về nhiều mặt, nhất là về kinh tế và văn hóa - xã hội.

Tuy nhiên, vị trí số một trong nhiều năm liền của Thái Lan với tư cách là đối tác kinh tế của Lào có khả năng sẽ dần bị thay thế bởi Trung Quốc. Còn trong tương lai xa hơn, có thể từ sau năm 2020, Nhật Bản và Hàn Quốc là hai đối tác kinh tế đầy tiềm năng của Lào đang vươn lên mạnh mẽ, sẽ có khả năng thay thế vị trí và ảnh hưởng về kinh tế và đầu tư của cả Thái Lan và Việt Nam tại Lào.

Với Trung Quốc: Lào đứng bên cạnh Trung Quốc chẳng khác nào người tí hon so với người khổng lồ. Thật vậy, đây là mối quan hệ không tương xứng vì tiềm lực giữa hai bên quá khác biệt. Cũng chính vì sự bất đối xứng này mà Trung Quốc luôn tỏ ra cao thượng và hào hiệp đối với Lào. Về phần mình, kể từ khi tái nối lại quan hệ hai nước (năm 1989) đến nay, Lào luôn có chính sách đối ngoại mềm dẻo, cởi mở và thân thiện với Trung Quốc.

Có thể nói, việc cải thiện nhanh chóng quan hệ giữa Lào và Trung Quốc, đặc biệt là từ sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á 1997 - 1998, đã giúp Lào nhanh chóng tiếp nhận những khoản viện trợ kinh tế to lớn từ Trung Quốc.

Liên tục trong nhiều năm qua, Trung Quốc trở thành quốc gia cung cấp viện trợ kinh tế chính cho Lào qua các khoản tiền trợ cấp, tiền vay với lãi suất thấp, tiền đầu tư trực tiếp, các khoản trợ giúp kỹ thuật,...

Lào đã tiếp nhận viện trợ của Trung Quốc một cách vô điều kiện. Về phía mình, Trung Quốc rất chú trọng đến việc tạo nên hình ảnh tích cực của mình ở Lào qua nhiều công trình xây dựng có tầm vóc như Cung Văn hóa Quốc gia tại thủ đô Viêng Chăn, đại lộ Lạn Xạng ở trung tâm thành phố dẫn đến Khải Hoàn Môn nổi tiếng và Công viên Pạ-tu-xay,... Lào cũng cử nhiều quân nhân và cán bộ, sinh viên sang học tập, đào tạo tại Trung Quốc theo các kế hoạch hai bên đã ký kết. Đáng chú ý là viện trợ của Trung Quốc dành cho Lào (cũng như cho Campuchia) không bao giờ đi kèm với bất kỳ điều kiện gì ảnh hưởng tới công việc nội bộ của Lào, khác hẳn với Mỹ và một số nước phương Tây thường kèm theo các điều khoản như cải thiện dân chủ, nhân quyền và bài trừ tham nhũng.

Trong giai đoạn 2011 - 2020, Lào sẽ duy trì và tăng cường quan hệ mọi mặt với Trung Quốc để tranh thủ viện trợ và đầu tư của Trung Quốc nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển xóa đói, giảm nghèo và thoát khỏi tình trạng kém phát triển vào năm 2020. Các cuộc tiếp xúc cấp cao của Lào với Trung Quốc sẽ vẫn được duy trì đều đặn nhằm đảm bảo cho các quan hệ song phương về kinh tế được thực hiện đúng lịch trình. Hiện Trung Quốc đã giúp Lào vạch quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội khu vực Bắc Lào và cam kết cung cấp tài chính để thực hiện các hạng mục công trình tại đây.

Về phía mình, Chính phủ Lào dự định sẽ đưa dự án xây dựng tuyến đường sắt này vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm sắp tới nếu việc đàm phán thương thảo về các điều kiện đi kèm phù hợp với lợi ích của hai bên. Điều đáng quan tâm đặc biệt là cùng với các dự án đầu tư và buôn bán tại Lào, số lượng người Trung Quốc sang Lào làm việc và định cư ngày càng gia tăng đang tác động tới chính sách đối nội và đối ngoại của Lào.

Với Việt Nam: Lào có quan hệ rất đặc biệt với Việt Nam trong suốt thế kỷ XX và thập niên đầu của thế kỷ XXI. Tính chất thân thiện đặc biệt trong quan hệ chính trị quốc tế hiếm có giữa Lào và Việt Nam đảm bảo cho Lào giữ vững ổn định an ninh, chính trị và kinh tế và là nhân tố quan trọng thúc đẩy, duy trì hòa bình và hợp tác trong toàn khu vực.

Hai bên sẽ tiếp tục đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động tiếp cận tối đa với mọi đối tác và các điều kiện bên ngoài để đáp ứng các yêu cầu mới cho công cuộc phát triển kinh tế ở mỗi nước. Đồng thời, cả hai nước vẫn sẽ nỗ lực xây dựng và nhân rộng các quan hệ đối tác chiến lược mới trong khi vẫn coi trọng việc duy trì, bổ sung và phát triển mối quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước và tiếp tục xem đó như là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho an ninh, chủ quyền và phát triển hòa bình của mỗi nước.

Lào có một đội ngũ rất đông đảo cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp từ trung ương đến địa phương được học tập và đào tạo tại Việt Nam trong mấy chục năm qua nên rất gắn bó với Việt Nam. Về mặt chính trị, đây là lợi thế to lớn không gì

sánh nổi, làm tiền đề cho sự hợp tác gắn bó mật thiết giữa hai nước về quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nhưng chỉ khoảng 10 - 15 năm sau, phần lớn lớp cán bộ lãnh đạo đó sẽ lần lượt nghỉ hưu, khi đó, trong giới lãnh đạo kế cận của Lào, những người gắn bó với Việt Nam cả về tư tưởng chính trị, tình cảm và quyền lợi sẽ không còn nhiều như trước.

Còn về lĩnh vực kinh tế, một trong những lĩnh vực có ý nghĩa quyết định đối với hợp tác chính trị hoặc làm tiền đề quan trọng để thúc đẩy hợp tác chặt chẽ trong lĩnh vực này thì xét về mọi mặt, Việt Nam hiện đang ở tốp đầu trong số gần 40 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Lào. Tuy nhiên, việc triển khai các dự án đầu tư của Việt Nam tại Lào còn nhiều phức tạp và kém hiệu quả. Vì vậy, đầu tư của Việt Nam tại Lào hiện chưa hẳn đã được phía Lào tín nhiệm và trông cậy. Một số cán bộ lãnh đạo trẻ của Lào cả ở cấp trung ương đến các bộ, ngành nếu có gắn bó mật thiết với Việt Nam về tư tưởng chính trị và tình cảm thì cũng không hẳn sẽ sẵn sàng ủng hộ và lựa chọn Việt Nam trong những dự án hợp tác lớn về kinh tế khi các dự án đó có nhiều đối tác muốn tham gia đấu thầu.

Từ đó, có thể thấy trước rằng, chính sách đối ngoại của Lào trong hai kỳ Đại hội sắp tới (2011 và 2016) sẽ vẫn dành sự ưu tiên về hợp tác chính trị với Việt Nam. Còn về hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư, nếu Việt Nam không tự nỗ lực vươn lên mạnh mẽ để ngang tầm với hợp tác về chính trị thì vị thế hợp tác kinh tế của Việt Nam với Lào sẽ dần bị tụt hạng so với Trung Quốc, Thái Lan và các đối tác khác.

Với Mỹ và các nước phương Tây khác: Ngoài ba đối tác lớn là Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc mà Lào có quan hệ gần gũi, toàn diện về nhiều mặt, thì Mỹ và các đối tác phương Tây khác (trong đó bao gồm cả Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia...) cũng ngày càng trở thành các đối tác quan trọng về nhiều mặt của Lào. Do nhiều lý do lịch sử nên vai trò của Mỹ hiện nay ở Lào còn khiêm tốn, nhưng có dấu hiệu từ cả hai phía Mỹ và Lào gần đây cho thấy điều này sẽ được thay đổi căn bản trong những năm sắp tới[1]. Việc tăng cường quan hệ với Mỹ và các đồng minh của Mỹ sẽ giúp Lào có được lợi ích vô cùng to lớn về nhiều mặt.

1.4.3. Dự báo vai trò và vị thế của Lào giai đoạn 2011 - 2020

Vị thế của một nước trong hệ thống quan hệ quốc tế với các nước trong khu vực và thế giới phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó vị trí địa lý, sức mạnh tổng hợp quốc gia (bao gồm cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm) có ý nghĩa quyết định.

Có thể nói, thông qua hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cùng với Việt Nam và Campuchia, tên

---

1. Trong khuôn khổ chuyến công du châu Á đầu năm 2010, trợ lý Ngoại trưởng Mỹ phụ trách khu vực Đông Á và Thái Bình Dương Kurt Campbell đã đến thăm Viêng Chăn hai ngày. Ông Campbell đã gặp gỡ Thứ trưởng Ngoại giao Lào Phongsavanh Boupha và chào xã giao Bộ trưởng Ngoại giao Lào Thonglun Xixulit và tham dự cuộc đối thoại song phương lần thứ ba giữa Lào và Mỹ. (Xem: TTXVN: Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 098 - TTX, ngày 13/04/2010; tr. 6.

tuổi của nước Lào nhỏ bé đã nhiều lần xuất hiện trên báo chí thế giới trong suốt thời kỳ lịch sử hiện đại. Trở lại với cuộc sống thời bình từ 1975 đến nay với các lo toan trong xây dựng và phát triển kinh tế, nước Lào trở thành đối tác làm ăn của nhiều nước trong đầu tư, buôn bán và du lịch.

Hiện nay, nếu xét về nhiều mặt, có thể nói Lào đã đạt được vị thế quốc tế cao nhất trong lịch sử phát triển của mình với tư cách là một quốc gia độc lập, có chủ quyền và đang là đối tác quan trọng của nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Hiện Lào đang có quan hệ ngoại giao với 127 quốc gia, có chính sách đối ngoại mềm dẻo, thân thiện và là thành viên bình đẳng của nhiều tổ chức khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó, kinh tế Lào phát triển khá năng động, GDP tăng trưởng ổn định, kim ngạch thương mại ngày càng gia tăng, vốn FDI ngày càng được cải thiện,... là những thành tựu nổi bật nhất của một nước Lào đang trên đường đổi mới và hội nhập.

Nếu xét về sức mạnh tổng hợp quốc gia thì vai trò và vị thế của Lào chưa có gì nổi bật trong 10 năm sắp tới. Với tăng trưởng dân số bình quân khoảng 2,4% - 2,5%/năm và tăng trưởng kinh tế trung bình khoảng 6,5%/năm như hiện nay, dân số của Lào có khoảng 6,32 triệu người vào năm 2010 và tổng lượng GDP đạt gần 6 tỷ USD, bình quân đầu người khoảng 949 USD. Dự báo trong 10 năm tới, dân số Lào sẽ đạt khoảng 7,823 triệu người, GDP khoảng trên dưới 11,43 tỷ USD, bình quân đầu người khoảng 1.461 USD. Với các chỉ số này, đến lúc đó Lào vẫn là quốc gia có thứ hạng thấp ở khu vực và phải

hết sức nỗ lực thì mới có thể thoát khỏi tình trạng kém phát triển so với thế giới.

Tuy nhiên, giá trị lớn nhất của Lào là ở vị trí địa lý và các yếu tố liên quan đến vị thế địa - chiến lược trong các cuộc đua tranh ảnh hưởng chính trị và kinh tế của các nước láng giềng và các cường quốc ngoài khu vực. Như đã phân tích trong các phần trước, Lào là nước nằm ở trung tâm của khu vực Đông Nam Á lục địa, tiếp giáp với năm nước láng giềng xung quanh là Thái Lan, Myanmar, Trung Quốc, Việt Nam và Campuchia. Vị trí trung tâm này khiến Lào có vị thế ngày càng quan trọng trong điều kiện giao thông, giao thương và giao lưu hiện đại. Có thể nói, đây là một nguồn tài nguyên địa - chính trị có giá trị to lớn trong thời đại liên kết khu vực và toàn cầu hóa. Từ vị trí này, Lào có thể phát triển rất tốt nếu biết tận dụng các tiềm năng để thúc đẩy sản xuất, buôn bán, đầu tư và du lịch trên cơ sở bảo vệ tốt môi trường sinh thái nhằm phát triển bền vững.

1.4.4. Dự báo một số khả năng phát triển chính trị ở Lào giai đoạn 2011 - 2020

Trên cơ sở nhìn nhận, phân tích và đánh giá tình hình phát triển chính trị đối nội và đối ngoại hiện nay ở Lào, bối cảnh phát triển của khu vực và các nước có liên quan, có thể dự báo một số khả năng (kịch bản) phát triển chính trị ở Lào giai đoạn 2011 - 2020 như sau:

Khả năng 1: Trong giai đoạn 2011 - 2020, tình hình chính trị đối nội và đối ngoại của Lào nhìn chung vẫn ổn định và

phát triển. *Quan hệ chính trị giữa Lào và Việt Nam sẽ tiếp tục được duy trì, nâng cao và gắn bó hơn so với quan hệ chính trị Lào - Trung Quốc, Lào - Thái Lan. Nhưng quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Lào và Việt Nam không ngang bằng với quan hệ kinh tế của Lào với Trung Quốc và Thái Lan. Trong bối cảnh này, quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam vẫn sẽ được duy trì nhưng tính chất đặc biệt có thể suy giảm dần, dẫn tới một số lĩnh vực then chốt sẽ giảm sút tương đối so với các nước láng giềng khác của Lào.*

Cơ sở thực tế của kịch bản này là sự gia tăng ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ và toàn diện của Trung Quốc tại Lào trong những năm vừa qua và có dấu hiệu sẽ còn mạnh mẽ hơn trong thập niên tới. Trung Quốc thâm nhập vào Lào bằng cả con đường chính trị và kinh tế nhưng chủ yếu là bằng kinh tế, lấy kinh tế làm cú hích cho các mối quan hệ khác. Trung Quốc cung cấp viện trợ hậu hĩnh cho Lào kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á (1997 - 1998) và từ đó, họ đã trở thành nguồn lợi kinh tế chủ yếu cho Lào qua các khoản viện trợ lớn, tiền vay với lãi suất ưu đãi, nguồn đầu tư trực tiếp và các khoản hỗ trợ kỹ thuật. Bằng con đường kinh tế và thông qua kinh tế, Trung Quốc đang có ảnh hưởng mạnh mẽ ở Lào và về lâu dài sẵn sàng thay thế vai trò và vị thế của Việt Nam trong quan hệ đặc biệt với Lào.

Bên cạnh Trung Quốc, trong bối cảnh cạnh tranh hòa bình và cùng phát triển, lợi thế về vị trí địa lý và truyền thống văn hóa - lịch sử sẽ làm cho quan hệ kinh tế Lào và Thái Lan xích lại gần nhau hơn một cách tự nhiên trên cơ sở đôi bên cùng có

lợi, cũng sẽ là lợi điểm cho quan hệ chính trị ngày càng gần gũi hơn giữa hai nước Lào - Thái Lan. Sức mạnh chính trị của Thái Lan đối với Lào sẽ được nâng lên đáng kể khi có sự phối hợp chính sách giữa Thái Lan và Mỹ cùng với các nước đồng minh khác (Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, EU...). Mặc dù hiện nay, kinh tế Thái Lan tăng trưởng chậm lại, xã hội mất ổn định kéo dài do nhiều nguyên nhân phức tạp, nhưng chính sách đối ngoại của Thái Lan đối với Lào vẫn sẽ không thay đổi.

Khả năng 2: Tình hình chính trị ở Lào vẫn diễn ra tốt đẹp với xu thế phát triển chủ đạo là kiên trì đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại truyền thống của Lào trên cơ sở duy trì vững chắc quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện với Việt Nam. *Hai dân tộc Lào và Việt Nam vẫn gắn bó keo sơn, thủy chung trong sáng trong mọi lĩnh vực hợp tác; cả hai nước vẫn đồng tâm, chung sức, chung lòng vì mục tiêu phát triển lâu dài nhằm mục đích "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" và xây dựng thành công cả hai nhà nước pháp quyền "của dân, do dân và vì dân" với các định hướng XHCN tốt đẹp.*

Cơ sở của mối quan hệ chính trị tốt đẹp này là tình đoàn kết gắn bó keo sơn lâu đời giữa hai Đảng, hai Nhà nước và hai dân tộc. Trong bối cảnh quốc tế mới cực kỳ phức tạp và khó lường, cả hai bên vẫn sẽ duy trì thường xuyên các cuộc gặp gỡ cấp cao giữa hai Đảng, hai Chính phủ, các bộ ngành, địa phương và nhân dân hai nước; tận tâm, tận lực hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau với tinh thần xả thân "hạt gạo cắn đôi, cọng rau bẻ nửa", "giúp bạn là tự giúp mình". Kiểu quan hệ quốc tế này

thực sự là mẫu mực và hiếm có trong lịch sử chính trị thế giới. Nó chứng minh cho toàn thế giới thấy tình bạn trong sáng, thủy chung, tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa Lào và Việt Nam đã được thử thách qua khói lửa chiến tranh có tác dụng tích cực như thế nào trong các cuộc đụng độ lịch sử một mất một còn vì mục tiêu giành độc lập và tự do cho mỗi nước. Có cơ sở để tin rằng, hình mẫu của mối quan hệ đặc biệt giữa Lào và Việt Nam đã từng tồn tại và được duy trì trong quá khứ cho tới nay, vẫn sẽ được duy trì trong suốt thập niên thứ hai của thế kỷ XXI.

Chiến tranh đã lùi xa, cuộc sống hòa bình được tái lập, hai dân tộc Lào và Việt Nam lại hòa cùng một nhịp đập trong bối cảnh quốc tế không kém phần phức tạp để tạo dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Thực tế cuộc sống trong 35 năm qua (1975 - 2010) chứng tỏ hai nước vẫn luôn dành cho nhau tình cảm nồng hậu, chân thành, mối quan hệ ưu tiên đặc biệt, sự tin tưởng lẫn nhau và cùng nhau hướng tới những mục tiêu dài hạn.

Những sự kiện diễn ra gần đây trong đời sống chính trị - xã hội của Lào và Việt Nam; các tuyên bố, cam kết của các nhà lãnh đạo hai nước; các chương trình và dự án hợp tác đã được ký kết giữa các bộ, ngành và địa phương hai bên, sự giao lưu tiếp xúc thường xuyên của các tổ chức nhân dân hai nước.... là cơ sở để tin rằng, trong 10 năm tới (2011 - 2020), tình hình chính trị ở Lào vẫn sẽ phát triển tốt đẹp, quan hệ chính trị của Lào dành cho Việt Nam với tư cách là đối tác

đặc biệt mang tầm chiến lược dài hạn vẫn sẽ là hòn đá tảng trong đường lối đối nội và đối ngoại trước sau như một của Đảng và Nhà nước Lào. Quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam sẽ tiếp tục được duy trì và phát triển tốt đẹp như trong quá khứ và hiện tại. Lào vẫn sẽ tin tưởng và trông cậy nhiều vào Việt Nam, duy trì quan hệ chính trị đặc biệt gắn bó với Việt Nam hơn bất kỳ một đối tác nào khác. Từ quan hệ chính trị tốt đẹp, hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư giữa hai nước sẽ ngày càng phát triển và đạt hiệu quả cao, tương đương với quan hệ kinh tế giữa Lào và Trung Quốc, giữa Lào và Thái Lan. Quan hệ chính trị ổn định và phát triển tốt đẹp sẽ tạo tiền đề cho việc tiếp tục mở mang sâu rộng và toàn diện hơn nữa các quan hệ kinh tế và các lĩnh vực khác, và đây sẽ là nền tảng vững bền cho mối quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa Lào và Việt Nam mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững.

Chương II

NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ NỔI BẬT CỦA LÀO HIỆN NAY VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

2.1. Tổng quan về hai kỳ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, 2006 - 2010 và một số bài học kinh nghiệm

2.1.1. Kế hoạch 5 năm lần thứ V (2001 - 2005)

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 của Lào được xây dựng trong bối cảnh được dự báo cơ bản là thuận lợi. Trong nước, nền kinh tế Lào bắt đầu lấy lại được nhịp độ tăng trưởng khá sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á 1997 - 1998 và tạo được đà để phát triển nhanh hơn trong những năm tiếp theo. Năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã tạo ra tiền đề cần thiết cho giai đoạn phát triển mới. Hệ thống luật pháp và cơ chế chính sách của Lào được xây dựng ngày càng phù hợp hơn và phát huy tác dụng tích cực rõ rệt trong phát triển kinh tế và đời sống xã hội. Đến giai đoạn này, thể chế kinh tế thị trường ở Lào đã bước đầu được hình thành và vận hành có hiệu quả. Trên cơ sở đó, chính trị - kinh tế và xã hội tiếp tục được củng cố và ổn định. Quan hệ ngoại giao, kinh tế của Lào đã được mở rộng trên trường quốc tế. Nhìn chung, thế và lực của Lào cho đến lúc này đã mạnh hơn nhiều so với trước. Ngoài nước, bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi. Cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới tiếp tục phát triển như vũ bão. Xu thế liên kết

khu vực và toàn cầu hóa ngày càng được đẩy mạnh tạo cơ sở ổn định và phục hồi đối với các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Tất cả những điều này vừa tạo cơ hội lớn vừa đan xen thách thức đối với Lào.

Trong bối cảnh đó, Đại hội lần thứ VII Đảng NDCM Lào (2001) đã đặt ra mức phấn đấu khá cao cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ V (2001 - 2005) với định hướng tổng quát như sau: Bảo đảm phát triển ổn định và vững chắc về kinh tế - chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đến năm 2005, phấn đấu giảm hơn một nửa số hộ nghèo đói so với khi bắt đầu thực hiện kế hoạch; bảo đảm đầy đủ và vững chắc về lương thực và thực phẩm cho nhân dân trong cả nước; giải quyết cơ bản vấn đề chặt phá rừng làm nương rẫy và chấm dứt việc trồng cây thuốc phiện; thực hiện việc định canh, định cư. Tạo tích lũy ban đầu, củng cố và phát triển các hình thức tổ chức doanh nghiệp, trước hết là doanh nghiệp nhà nước. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành chuyên môn trong nền kinh tế và ở các cấp, các ngành nhằm phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa,...[1]

Mục tiêu tổng quát trên đây được Đại hội VII Đảng NDCM Lào cụ thể hóa thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội như sau: tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 7 - 7,5%; trong đó nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4 - 5%, công nghiệp - xây dựng tăng 11%, dịch vụ tăng 8 - 9%. Phấn đấu đến cuối năm 2005 khu vực nông nghiệp chỉ còn chiếm 47%

---

1. Xem: *Văn kiện Đại hội VII Đảng NDCM Lào "Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương"* do đồng chí Khămtay Xiphăndon trình bày, tháng 3/2001 (bản tiếng Việt).

tổng GDP, công nghiệp và xây dựng chiếm 26%, dịch vụ chiếm 27%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 8,6%; tỷ lệ lạm phát dưới 10%; tỷ giá hối đoái ổn định; hàng năm tạo thêm khoảng 100 ngàn việc làm mới và đào tạo nghề cho khoảng 270 ngàn lượt người lao động.

Mục tiêu đến cuối năm 2005, tổng thu ngân sách đạt 18% GDP; thâm hụt cán cân thanh toán vãng lai khoảng 6% GDP; tiết kiệm nội địa đạt 12% GDP; đầu tư nhà nước chiếm khoảng 12 - 14% GDP; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 50 - 550 USD; dân số cả nước đạt khoảng 5,6 triệu người; tuổi thọ trung bình đạt khoảng 63 tuổi; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn khoảng 20 - 25%; tỷ lệ trẻ em đến tuổi đi học vào học tiểu học đạt khoảng 86%, vào trung học cơ sở đạt 52%, vào trung học phổ thông 26%; tỷ lệ người lớn biết chữ đạt 87%; tỷ lệ sinh viên cao đẳng và đại học đạt 410/100.000 dân; tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi còn khoảng 62/1.000 trẻ; tỷ lệ tử vong của bà mẹ do sinh con còn 350/100.000 ca đẻ; tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi còn 30%; tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi còn 70/1.000 trẻ,...

Kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 rất khả quan. Trong 5 năm đó, nền kinh tế Lào đã duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP khá bền vững, năm sau cao hơn năm trước, đạt bình quân 5 năm khoảng 6,2%/năm; cao hơn bình quân của 5 năm 1996 - 2000 khoảng 0,2%, nhưng thấp hơn 0,9% so với mục tiêu đề ra vào đầu kỳ kế hoạch. Mặc dù tăng trưởng kinh tế chưa đạt được mục tiêu đề ra và chưa tương xứng với tiềm năng, nhưng trong bối cảnh khó khăn ở trong và ngoài nước trong 5 năm đó (lũ lụt, hạn hán, dịch cúm gia cầm, bệnh dịch SARS,...) việc đạt được tốc độ tăng trưởng trung bình cao hơn bình quân của 5 năm trước đó (1996 - 2000) là một cố

gắng lớn của Chính phủ và nhân dân các bộ tộc Lào; đặc biệt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 6,2%/năm của Lào giai đoạn này đều cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của phần lớn các nước trong khu vực trong cùng thời gian tương ứng (Campuchia 7,0%; Indonesia 4,7%; Malaysia 4,5%; Philippines 4,7%; Singapore 4,4%; Thái Lan 5,0; Việt Nam 7,5%).[1]

- *Về nông nghiệp*: Tính chung trong 5 năm của kỳ kế hoạch 2001 - 2005, giá trị gia tăng toàn ngành đạt trung bình 3,2%/năm. Sản lượng nhiều loại cây trồng quan trọng tính đến cuối năm 2005 đã đạt hoặc vượt mức kế hoạch đề ra như: sản lượng lúa đạt 2,65 triệu tấn, bình quân đầu người đạt 465 kg (trong đó, năng suất lúa đã tăng từ 3,06 tấn/ha năm 2000, lên 3,6 tấn/ha vào năm 2005); ngô đạt 156 ngàn tấn, tăng 2,5 lần so với năm 2000; vừng đạt 6.150 tấn, tăng 70%; đậu nành đạt 8,6 ngàn tấn, tăng 59%; đậu xanh đạt 2,1 ngàn tấn, tăng 90%; lạc đạt 15 ngàn tấn, tăng 13,6%; thuốc lá đạt 40 ngàn tấn, tăng 19%,...[2] Chăn nuôi cũng đạt được thành tựu lớn. Tính đến

---

1. Xem: *ASEAN Statistical Pocketbook 2006. Table 16: Rate of Economic Growth; p. 19.*

2. Tất cả các số liệu liên quan trong Kế hoạch 5 năm 2001-2005 được lấy từ Tài liệu tham khảo: *"Kinh tế - xã hội CHDCND Lào giai đoạn 2001 - 2005 và dự báo phát triển giai đoạn 2006 - 2010"*, thủ đô Viêng Chăn, tháng 12 năm 2005, do Cơ quan Tham tán Kinh tế - Văn hóa thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Lào biên soạn, dựa trên việc thu thập, xử lý, tổng hợp các tư liệu, tài liệu, số liệu có được từ các cơ quan quản lý kinh tế, kế hoạch, đầu tư của nước CHDCND Lào, của hai Đoàn Chuyên gia kinh tế cao cấp Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào làm việc trong các năm 2003 - 2005; của các Bộ, ngành và các địa phương Lào, của các Hội thảo quốc tế và trong nước Lào, của báo chí xuất bản ở Lào.

cuối năm 2005, đàn trâu đạt xấp xỉ 1,17 triệu con, tăng 14% so với năm 2000; đàn bò đạt 1,32 triệu con, tăng 20%; đàn lợn đạt 1,8 triệu con, tăng 26%; đàn gia cầm đạt 23,35 triệu con, tăng 78%; đàn dê cừu đạt 151 ngàn con, tăng 36%,...

Ngoài ra, nhìn chung kinh tế nông nghiệp và nông thôn ở Lào đến lúc này đã bắt đầu phát triển đa dạng. Nhiều trang trại được hình thành, nhiều nghề truyền thống được khôi phục. Sự phát triển của nhiều nghề truyền thống trong nông nghiệp đã tạo được nhiều việc làm tại chỗ, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông thôn, nâng cao đời sống nông dân; đồng thời tăng sức mua của dân cư và góp phần xoá đói, giảm nghèo ở khu vực nông thôn.

- *Về công nghiệp*: Kết thúc kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, ngành công nghiệp của Lào đã có bước phát triển khá, tốc độ tăng trưởng hàng năm khá cao và ổn định. Giá trị gia tăng toàn ngành đạt bình quân trong kỳ kế hoạch khoảng 10,9%/năm, tức là xấp xỉ bằng cận trên của mục tiêu nêu trong kế hoạch 5 năm (10 - 11%); trong đó, ngành khai khoáng tăng 30,4%; công nghiệp chế biến nông sản tăng 11,8%; thuốc lá tăng 288,7%; dệt tăng 15,2%, may mặc tăng 10,7%; giày dép tăng 5,4%; chế biến gỗ giảm 6,8%; công nghiệp in và giấy tăng 10,7%; hoá chất tăng 9,4%; đồ nhựa tăng 13,1%; sành sứ, thuỷ tinh tăng 23%; sản phẩm bằng kim loại tăng 15,1%; sản xuất máy công cụ tăng 3,8%; điện tử giảm 2,9%; điện lực giảm 0,8%; công nghiệp nước tăng 5%, v.v.. Đáng chú ý là khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng rất nhanh, tiếp đến là khu vực ngoài quốc doanh, còn khu vực công nghiệp nhà nước tăng trưởng chậm.

Trong 5 năm thực hiện kế hoạch 2001 - 2005, ngành công nghiệp Lào đã hoàn thành nhiều dự án, công trình quan trọng như đưa vào khai thác mỏ vàng ở Sê Pôn (thuộc khu vực Trung Lào); mỏ kẽm, nhà máy sản xuất xi măng Văng Viêng, nhà máy cán thép (đều ở tỉnh Viêng Chăn); một số nhà máy lắp ráp xe máy liên doanh; nhà máy thủy điện Nậm Măng và một số công trình thủy điện khác. Đáng chú ý là Lào đã hoàn thành một số tuyến đường dây tải điện cao thế, tiến hành thử nghiệm xây dựng trạm phát điện dùng năng lượng mặt trời, và đã bắt đầu khởi công một số công trình lớn chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, trong đó có nhà máy thủy điện Nậm Thơn 2 công suất 1.040 MW.

Trong giai đoạn kế hoạch này, một số sản phẩm công nghiệp của Lào có sản lượng tăng cao so với năm 2000 như: than, muối, bia, nước ngọt, thuốc lá, thức ăn gia súc, xà phòng, giày da, thuốc chữa bệnh, đồ nhựa, đồ gỗ dân dụng, quần áo may sẵn, gạch, xi măng, nông cụ cầm tay, một số loại máy móc nông nghiệp... Đặc biệt, mỏ vàng ở Sê Pôn được khai thác vào năm 2003, đến cuối năm 2005 (sau 3 năm) đã khai thác được tổng cộng 18,5 tấn vàng, đóng góp đáng kể vào việc gia tăng ngân sách.

Trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, nhiều sản phẩm công nghiệp quan trọng của Lào đạt mức tăng trưởng khá đã tác động lớn đến nhiều ngành kinh tế trong nước, không những đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, mà còn bước đầu thay thế được hàng nhập khẩu. Một số sản phẩm công nghiệp còn đóng góp đáng kể vào việc gia tăng kim ngạch xuất khẩu như: điện, khoáng sản, đồ may mặc, sản phẩm gỗ,...

Trong ngành công nghiệp, khai thác khoáng sản là ngành có tốc độ phát triển mạnh mẽ nhất, tính đến năm 2005 đã có tới 70 doanh nghiệp đầu tư vào việc khai mỏ, trong đó có 30 doanh nghiệp nước ngoài, 39 doanh nghiệp trong nước và 1 doanh nghiệp liên doanh (mỏ vàng ở Sê Pôn liên doanh giữa Lào và Australia).

Tính đến cuối kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, trên cả nước Lào đã hình thành một số khu công nghiệp ở Thủ đô Viêng Chăn và tỉnh Sa-vẳn-na-khệt (khu công nghiệp Savẳn - Sênô), với nhiều cơ sở sản xuất có công nghệ từ khá đến hiện đại, thu hút được nhiều doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư sản xuất và kinh doanh. Các địa phương có tỷ trọng sản xuất công nghiệp khá trong cơ cấu GDP, đáng kể nhất là: Thủ đô Viêng Chăn, tỉnh Viêng Chăn, Sa-vẳn-na-khệt, Chăm-pa-xắc, Khăm-muộn, Bo-li-khăm-xay, Luổng-nậm-thà, Xay-nhạ-bu-li.

- *Về lĩnh vực dịch vụ*: Lĩnh vực dịch vụ ở đây khá đa dạng, từ ngân hàng, bảo hiểm, thương nghiệp, vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch, khách sạn, nhà hàng,... Tính chung trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng bình quân khoảng 10%/năm. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của khu vực dịch vụ bình quân 5 năm đạt khoảng 6,7%, cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân GDP, nhưng thấp hơn so với mục tiêu kế hoạch đề ra là 8 - 9%/năm. Sở dĩ mục tiêu kế hoạch của ngành dịch vụ chưa đạt được là do trong giai đoạn 5 năm này, ngành dịch vụ đang từng bước chuyển mình sang hoạt động theo cơ chế thị trường dưới sự điều tiết của nhà nước nên còn nhiều bỡ ngỡ, thiếu

kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, dẫn tới hiệu quả chưa đạt như mong muốn.

- *Về cân đối ngân sách*: Tổng thu ngân sách nhà nước trong 5 năm đạt 14.930 tỷ kíp, tăng 16,5%/năm; tổng chi ngân sách nhà nước trong 5 năm đạt 23.461 tỷ kíp, tăng 18,4%. Đến năm 2005, tỷ lệ huy động vào ngân sách đạt 13,1% GDP, thấp đáng kể so với mục tiêu đề ra là 18% GDP. Tỷ lệ chi ngân sách trên GDP trung bình đạt 20,8%, trong đó riêng năm 2005 đạt 20,9%. Tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách nhà nước luôn được duy trì ở mức cao và ổn định, khoảng 60% so với tổng chi. Tuy nhiên, điều đáng chú ý trong kỳ kế hoạch này là trong tổng chi ngân sách cho đầu tư phát triển, nguồn trong nước chỉ chiếm khoảng 1/3 và có xu hướng giảm đi, trong khi nguồn ngoài nước chiếm tới 2/3 và có xu hướng ngày càng tăng thêm.

- *Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế*: Trong 5 năm của kế hoạch 2001 - 2005, các ngành kinh tế đã có sự chuyển dịch đáng kể, trong đó, tỷ trọng của nông nghiệp có xu hướng giảm còn tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ có xu hướng ngày càng tăng lên. Đến năm 2005, tỷ trọng khu vực nông nghiệp trong GDP đã giảm từ 52,1% năm 2000 xuống còn 44,9%; tỷ trọng công nghiệp tăng từ 22,7% năm 2000 lên 28,2% năm 2005; tỷ trọng các ngành dịch vụ tăng từ 24,4% năm 2000 lên 25,9% năm 2005.

Bên cạnh đó, cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, theo đó, tỷ trọng ngành nông nghiệp trong giá trị gia tăng toàn ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã giảm đáng kể, trong khi tỷ trọng ngành thủy sản tăng lên.

Cơ cấu sản xuất công nghiệp đã có bước tiến đáng kể theo hướng phát huy lợi thế của từng ngành, từng sản phẩm, gắn sản xuất với thị trường. Tỷ trọng công nghiệp chế biến tăng dần trong giá trị gia tăng của toàn ngành. Công nghiệp chế tác đã bước đầu khai thác được các lợi thế về nguồn nguyên nhiên liệu sản xuất trong nước để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm xuất khẩu. Cơ cấu của các ngành dịch vụ cũng có bước dịch chuyển tích cực theo hướng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu ngày càng đa dạng về sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống dân cư. Các ngành dịch vụ truyền thống như thương nghiệp, vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch, khách sạn, nhà hàng... phát triển mạnh. Đặc biệt, một số ngành dịch vụ có tỷ lệ giá trị gia tăng trên giá trị sản xuất đạt mức khá cao như ngân hàng, bảo hiểm,... đã bắt đầu phát triển, góp phần làm tăng giá trị gia tăng của toàn ngành dịch vụ và do đó làm tăng tỷ trọng của các ngành này trong nền kinh tế.

- *Về chuyển dịch cơ cấu lao động*: Trong 5 năm 2001 - 2005, số lao động được giải quyết việc làm đạt 505 ngàn người, trung bình hơn 100 ngàn người/năm, vượt mục tiêu Đại hội VII đề ra là 500 ngàn người; trong đó, ngành nông lâm ngư nghiệp đạt 343 ngàn người, công nghiệp và xây dựng đạt 58 ngàn người, các ngành dịch vụ đạt 104 ngàn người. Đến năm 2005, tổng số lao động trên cả nước làm việc trong nền kinh tế đạt 2.714.000 người; trong đó có 2.080 ngàn người làm việc trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp; 210 ngàn người làm việc trong ngành công nghiệp và xây dựng và 424 ngàn người làm việc trong các ngành dịch vụ. Tỷ trọng lao động làm việc trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp trong tổng số lao động toàn xã hội đã giảm từ 78,6% năm 2000 xuống

còn 76,6% năm 2005; tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 6,9% lên 7,7%; tỷ trọng lao động làm việc trong các ngành dịch vụ tăng từ 14,5% lên 15,6% trong các năm tương ứng. Như vậy, qua đó cho thấy, tỷ trọng lao động làm việc trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp ở Lào vẫn còn rất cao, cần tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ hơn trong thời gian tới. Tỷ lệ người cần giải quyết công ăn việc làm nhưng chưa có việc (thất nghiệp) giảm xuống còn 5% năm 2005. Đây là tỷ lệ thất nghiệp khá thấp so với các nước trong khu vực.

- *Về lĩnh vực kinh tế đối ngoại*: Kim ngạch xuất khẩu tính chung 5 năm 2001 - 2005 đạt 1,79 tỷ USD; tốc độ tăng xuất khẩu bình quân 5 năm đạt gần 5,5%/năm, cao hơn trung bình của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 (tốc độ tăng xuất khẩu trong kế hoạch 5 năm này là 1,6%/năm), nhưng vẫn chưa đạt mục tiêu của kế hoạch đề ra là 8,7%/năm. Kim ngạch xuất khẩu bình quân đầu người của Lào năm 2005 đạt khoảng 74 USD, tăng 16,4% so với năm 2000, nhưng vẫn là mức rất thấp so với các nước trong khu vực. Riêng năm 2005, kim ngạch xuất khẩu của Lào đạt khoảng 420 triệu USD (mục tiêu kế hoạch 5 năm đề ra là đạt 500 triệu USD vào năm 2005); trong đó, xuất khẩu hàng nông, lâm sản chiếm 10,2%, hàng công nghiệp nặng (điện, một số mặt hàng điện tử...) chiếm 42,8%, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm 47%. Thị trường xuất khẩu truyền thống của Lào từ chỗ chỉ có một số nước chủ yếu là Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam thì đến cuối kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, Lào đã xuất khẩu sang khoảng 40 thị trường, trong đó có các thị trường lớn như: Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Australia,... Đặc biệt, đến cuối năm 2005, thương mại

qua biên giới của Lào phát triển rất mạnh, thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp FDI đầu tư vào Lào để sản xuất hàng xuất khẩu.

Nhập khẩu: Tính chung trong 5 năm 2001 - 2005, kim ngạch nhập khẩu của Lào đạt 2,82 tỷ USD, tăng bình quân khoảng 3,8%/năm, cao hơn tốc độ tăng bình quân của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, nhưng vẫn thấp hơn so với mục tiêu của kế hoạch đề ra là 8,6%/năm. Tính ra, kim ngạch nhập khẩu bình quân đầu người của Lào năm 2005 đạt khoảng 113,3 USD.

Như vậy, trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, Lào là nước nhập siêu. Cụ thể, trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, Lào nhập siêu 1.027 triệu USD, bằng 57,7% kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm và trung bình hàng năm bằng 9,4% GDP. Tuy nhiên, kim ngạch nhập siêu trên GDP của Lào đã giảm trong thời kỳ kế hoạch 2001 - 2005, từ 11,1% vào đầu kỳ kế hoạch giảm xuống còn khoảng 8% vào cuối năm 2005.

- *Về lĩnh vực thu hút vốn ODA*: Trong giai đoạn kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, do khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu nên nguồn cam kết ODA nói chung của thế giới có xu hướng giảm đáng kể. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, đối với Lào thì tình hình lại hoàn toàn ngược lại, nguồn cam kết ODA dành cho Lào vẫn tiếp tục gia tăng. Tổng vốn ODA cam kết dành cho Lào trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 đạt 1.963,7 triệu USD, tăng khá so với kế hoạch 5 năm trước đó (1,75 tỷ USD). Tổng cộng, vốn ODA thực hiện trong 5 năm 2001 - 2005 đạt 736 triệu USD, bình quân đạt 147 triệu USD/năm. Nhìn chung, hiệu quả sử dụng vốn ODA ở Lào có xu hướng tăng lên. Việc thực hiện các dự án ODA đã góp phần đáng kể vào

phát triển kinh tế - xã hội ở Lào và làm thay đổi rõ rệt bộ mặt tươi đẹp của đất nước Lào.

- *Về thu hút nguồn vốn FDI*: Trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, Lào đã thu hút được 585 dự án FDI với tổng vốn cam kết đạt 2,8 tỷ USD; trong đó khu vực nông, lâm, ngư nghiệp thu hút được 14% số dự án và 7% số vốn cam kết; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng thu hút được 48% số dự án và 79% số vốn cam kết; khu vực dịch vụ thu hút được 38% số dự án và 14% số vốn cam kết.

Kết quả, trong 5 năm 2001 - 2005, tổng vốn thực hiện của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 933 triệu USD; trong đó, số vốn đưa từ nước ngoài vào đạt 855 triệu USD (riêng năm 2005 đạt 326 triệu USD), chiếm 91,6% tổng vốn thực hiện của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, đầu tư vào ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 69% tổng vốn thực hiện; lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 4%; dịch vụ chiếm 27%. Tỷ trọng đầu tư cho khu vực nông, lâm, ngư nghiệp có xu hướng ngày càng tăng lên.

Nhìn chung, đầu tư trực tiếp từ nước ngoài trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 đã có tác động tích cực tới sản xuất hàng hóa ở Lào, góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Lào, làm đa dạng hóa các ngành kinh tế và chủng loại sản phẩm; đồng thời hỗ trợ tích cực cho khu vực kinh tế tư nhân trong nước phát triển mạnh mẽ.

Về phát triển các mặt văn hóa - xã hội: Trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, lĩnh vực giáo dục - đào tạo ở Lào đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tính đến cuối năm 2005, cả nước Lào đã có 687 trường mẫu giáo mầm non, tăng 113 trường so với

năm 2000; 5.529 trường tiểu học, tăng 337 trường; 926 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, tăng 106 trường. Tỷ lệ trẻ em ở độ tuổi vào học mẫu giáo tăng từ 8% năm 2000 lên 8,2% năm 2005; học sinh vào học tiểu học tăng từ 77,3% lên 84,3%; vào học trung học cơ sở tăng từ 51,9% lên 54,4%; vào học trung học phổ thông tăng từ 30% lên 32,4%.

Công tác đào tạo nghề, cao đẳng và đại học cũng được Chính phủ Lào quan tâm phát triển tích cực. Trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, Chính phủ Lào đã mở thêm Đại học Quốc gia tại tỉnh Chăm-pa-xắc và Đại học Xuphanuvông tại tỉnh Luổng-pha-băng. Đào tạo nghề đã được quan tâm củng cố và phát triển; theo đó, Chính phủ Lào đã mở thêm trường kỹ thuật dạy nghề mới ở tỉnh Bo-li-khăm-xay với bốn chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Trồng trọt, Xây dựng và Chế biến gỗ. Trường dạy nghề tại tỉnh Khăm-muộn và Trường kỹ thuật dạy nghề ở Thị xã Pắc-xế (tỉnh Chăm-pa-xắc) cũng được củng cố và mở rộng. Đáng chú ý là năm 2004, Chính phủ Lào đã đưa vào hoạt động Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ kinh tế - kế hoạch tại Thủ đô Viêng Chăn để tăng năng lực đào tạo cán bộ kinh tế - kế hoạch trong nước.

Tính chung trong 5 năm, nhà nước Lào đã gửi đi đào tạo thêm được 51 tiến sĩ, 718 thạc sĩ, 971 cử nhân và 132 cán bộ có trình độ cao đẳng. Công tác bồi dưỡng, đào tạo giáo viên hệ ngắn hạn và dài hạn, gửi giáo viên đi đào tạo ở nước ngoài đều được tăng cường mạnh mẽ hơn so với kế hoạch 5 năm trước đó. Trong 5 năm 2001-2005, riêng các trường ở Việt Nam đã tiếp nhận mới 2.950 cán bộ, học sinh sang học tập; nâng số cán bộ, học sinh Lào thường xuyên có mặt học tập ở Việt Nam lên 1.884 người, tăng 644 người so với kế hoạch

5 năm trước đó. Ngoài ra, còn có 1.046 cán bộ, học sinh Lào theo học tại 12 tỉnh, thành phố tại Việt Nam trong chương trình hợp tác giữa các địa phương hai nước. Nhìn chung, chất lượng cán bộ, học sinh Lào được đào tạo tại Việt Nam ngày càng được nâng cao[1].

- *Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân*: Trong kế hoạch 5 năm 2001-2005, hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân ở Lào đã được tăng cường và phát triển theo hướng Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kết hợp với đóng góp của tư nhân, cộng đồng và hợp tác quốc tế, đặc biệt là hợp tác với Việt Nam. Mạng lưới y tế ở Lào đã phát triển từ trung ương đến tận cơ sở, từng bước được hoàn chỉnh, trở thành nhân tố chủ yếu bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ngày càng tốt hơn. Tính đến cuối năm 2005, ngoài các bệnh viện lớn, cả nước có 484 phòng khám tư nhân, trong đó 244 phòng khám tại Thủ đô Viêng Chăn và 240 phòng khám tại các địa phương, với hàng ngàn túi thuốc y tế tư nhân tại các thôn bản đã góp phần đa dạng hóa các loại hình cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- *Về công tác giảm nghèo*: Đây được xác định là công tác quan trọng và là một nhiệm vụ trọng tâm trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Lào. Trong kế hoạch 5 năm 2001-2005, kế hoạch giảm nghèo của nhà nước Lào đã được triển

---

1. Các số liệu trên đây được tổng hợp từ các báo cáo của các tỉnh, thành ở Lào gửi về Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư Lào trong dịp tổng kết Kế hoạch 5 năm lần thứ V (2001-2005) và xây dựng Kế hoạch 5 năm lần thứ VI (2006-2010).

khai mạnh mẽ tại các địa phương với sự tham gia tích cực của các cộng đồng dân cư, đặc biệt tập trung tại 10 huyện điểm trong số 47 huyện trọng điểm nghèo của toàn quốc (gồm 2.935 bản, với khoảng 1,2 triệu dân). Tính đến cuối năm 2005, cả nước Lào còn 160,1 ngàn hộ nghèo, chiếm khoảng 19,8% số hộ gia đình trong cả nước; công tác giảm nghèo ước đạt 84,8% kế hoạch đề ra.

2.1.2. Kế hoạch 5 năm lần thứ VI (2006 - 2010)

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ VI (2006 - 2010) của CHDCND Lào được tiến hành trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thuận lợi hơn trước.

Về mặt quốc tế, tình hình an ninh chính trị khu vực và thế giới vào giữa thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI mặc dù có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, nhưng nhìn chung, xu thế chủ đạo vẫn là hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Kinh tế thế giới thời gian này sau nhiều tác động bởi khủng hoảng, thiên tai, dịch bệnh đang từng bước phục hồi và phát triển. Tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu bắt đầu khởi sắc. Thị trường quốc tế ngày càng sôi động hơn bởi các quan hệ song phương, đa phương với các luồng vốn ODA, FDI và các khoản đầu tư đa dạng khác, đã tạo cơ hội tốt cho Lào và các nước Đông Nam Á khác vươn lên đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Về tình hình trong nước, sau các thành tựu đạt được trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ V (2001 - 2005), nhìn chung, thế và lực của Lào đã tăng lên đáng kể. Năng lực và trình độ sản xuất của nhiều ngành kinh tế của Lào đã được cải thiện, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực, phát huy được thế mạnh của từng ngành, từng vùng;

chất lượng tăng trưởng trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực đã tăng lên; các doanh nghiệp và toàn nền kinh tế Lào đã thích nghi ngày càng tốt hơn với thị trường quốc tế. Thể chế kinh tế thị trường ở Lào đã bước đầu hình thành và vận hành ngày càng có hiệu quả hơn. Nhiều cơ chế, chính sách mới được ban hành đang dần đi vào cuộc sống, phát huy tốt các mặt tích cực, thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư của toàn xã hội vào mục tiêu phát triển kinh tế.

Nhìn chung, CHDCND Lào bước vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ VI (2006 - 2010) được thế giới nhất trí đánh giá cao về sự ổn định chính trị - xã hội, là một trong những điểm đến an toàn của các nhà đầu tư. Sự ổn định chính trị - xã hội là nền tảng vững chắc, là nhân tố thuận lợi lớn nhất cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở Lào, và đây cũng là thế mạnh mà Chính phủ Lào dựa vào để khai thác, tận dụng.

Đại hội lần thứ VII Đảng NDCM Lào tháng 3/2001 đã xác định mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010; theo đó, Lào chú trọng đặc biệt tới việc cải thiện và xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế đảm bảo cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững; trước hết là phát triển vững chắc và hài hòa sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; đồng thời tập trung ưu tiên cho phát triển nguồn nhân lực với số lượng và chất lượng đảm bảo nhằm phục vụ cho tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát của 10 năm (2001 - 2010), Chính phủ Lào xác định mục tiêu cụ thể của kế hoạch 5 năm (2006 - 2010) là: Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và

cơ cấu lao động theo hướng xây dựng một nền kinh tế sản xuất hàng hóa đa dạng dựa trên tiềm năng phong phú của đất nước kết hợp với hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tiếp tục mở rộng, đi đôi với khai thác có hiệu quả quan hệ kinh tế đối ngoại. Tạo bước chuyển biến đột phá về số lượng và chất lượng của giáo dục - đào tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường sinh thái; đưa nhân tố con người và khoa học công nghệ từng bước trở thành động lực phát triển,...

Căn cứ vào mục tiêu tổng quát, Chính phủ Lào đề ra mục tiêu cụ thể của kế hoạch 5 năm (2006 - 2010), với các nhiệm vụ và định hướng phát triển như sau:

1) Phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 7 - 7,5%; đẩy nhanh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng hiệu quả và phát huy được lợi thế so sánh của các sản phẩm, các ngành và các vùng; trên cơ sở đó, nâng cao rõ rệt chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của từng sản phẩm, từng doanh nghiệp và toàn nền kinh tế.

2) Đẩy mạnh phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó chú trọng khu vực kinh tế nhà nước, lấy kinh tế nhà nước làm chủ đạo, đầu tàu; xây dựng và phát triển mạnh các loại hình kinh tế tập thể, tư nhân trong và ngoài nước; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; tạo môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng và có tính cạnh tranh cao.

3) Phát triển nhanh hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ, từng bước lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp; khắc phục, tiến tới chấn chỉnh vững chắc tình trạng nợ đọng của hệ thống doanh nghiệp.

4) Tăng nhanh vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ cấu đầu tư hợp lý nhằm tạo ra cơ cấu kinh tế có hiệu quả và có sức cạnh tranh cao. Hoàn thiện một bước hệ thống kết cấu hạ tầng, đầu tư thích đáng cho các vùng kinh tế trọng điểm và hỗ trợ đầu tư nhiều hơn cho các vùng còn gặp nhiều khó khăn.

5) Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm tăng nhanh xuất khẩu hàng hóa, thu hút nhiều hơn vốn và công nghệ từ bên ngoài. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình và có hiệu quả; thực hiện các cam kết song phương, đa phương ở tầm quốc gia, địa phương và doanh nghiệp.

6) Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ, tăng tiềm lực và khả năng tài chính quốc gia; thực hành triệt để tiết kiệm; duy trì ổn định các cân đối vĩ mô, kiềm chế hiệu quả lạm phát và bội chi ngân sách; từng bước xây dựng và phát triển thị trường vốn nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

7) Tiếp tục đổi mới toàn diện về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với cơ cấu hợp lý; triển khai thực hiện chương trình phổ cập tiểu học; ứng dụng các công nghệ tiên tiến hiện đại ở những nơi có điều kiện, trước hết là ở các trung tâm kinh tế, thành phố, thị xã, thị trấn lớn.

8) Phát triển kinh tế hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc; tạo nhiều công ăn, việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp; nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân; cải cách

cơ bản chế độ tiền lương, giảm nhanh số hộ nghèo, đãi ngộ và chăm sóc tốt người có công; chống tệ nạn xã hội.

9) Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước; thực hiện công khai, minh bạch trong quan hệ với dân và các doanh nghiệp; tích cực đẩy lùi nạn quan liêu, tham nhũng.

10) Củng cố quốc phòng, anh ninh, chính trị - xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, duy trì hòa bình, ổn định để tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, kế hoạch 5 năm lần thứ VI (2006 - 2010) đã đặt ra các chỉ tiêu phấn đấu sau đây:

Tổng GDP đến năm 2010 theo giá cố định sẽ tăng gấp khoảng 2 lần so với năm 2000. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm trong 5 năm (2006 - 2010) đạt bình quân khoảng 7 - 7,5%; trong đó, nông - lâm - ngư nghiệp tăng 3,2%; công nghiệp và xây dựng tăng 13,2%; dịch vụ tăng 7,6%. Cơ cấu kinh tế trong GDP đến năm 2010 dự kiến đạt: nông-lâm-ngư nghiệp khoảng 35,4%; công nghiệp và xây dựng khoảng 35,6%; dịch vụ khoảng 29%. Dự kiến tổng thu ngân sách nhà nước trong 5 năm 2006 - 2010 đạt khoảng 43,5 ngàn tỷ kíp; tỷ lệ huy động vào ngân sách trên GDP trung bình 5 năm đạt khoảng 14,3%. Tỷ lệ tăng giá tiêu dùng ổn định ở mức 7%/năm. Tổng GDP theo giá hiện hành năm 2010 dự kiến đạt 62 ngàn tỷ kíp, tương đương khoảng 5,2 tỷ USD; GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt khoảng 850 USD.

Tổng thu ngân sách nhà nước dự kiến trong 5 năm 2006 - 2010 đạt 34,5 ngàn tỷ kíp, gấp 3 lần so với tổng thu trong 5 năm 2001 - 2005, tăng 19,9%. Tổng chi ngân sách dự kiến đạt 49,4 ngàn tỷ kíp, gấp khoảng 2,1 lần so với tổng chi 2001 - 2005,

tăng 15,3%. Bội chi ngân sách nhà nước dự kiến trong 5 năm (2006 - 2010) là 15 ngàn tỷ kíp, bằng 6,5% GDP. Phấn đấu đạt tỷ lệ bội chi ngân sách trên GDP giảm từ 7,8% năm 2005 xuống còn 5,1% năm 2010. Bội chi ngân sách dự kiến được bù đắp chủ yếu bằng nguồn vay nước ngoài.

Về xuất khẩu, kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 đặt chỉ tiêu trong 5 năm đạt khoảng 2,89 tỷ USD, tăng 11,8%/năm. Cụ thể năm 2010, kim ngạch xuất khẩu đạt 733 triệu USD, tính bình quân đầu người đạt khoảng 116 USD, gấp 1,58 lần so với năm 2005 và 1,83 lần so với năm 2000.

Về nhập khẩu, chỉ tiêu phấn đấu trong 5 năm 2006 - 2010 sẽ đạt khoảng 4,3 tỷ USD, tăng 10,4%/năm. Cụ thể đến năm 2010, dự kiến kim ngạch nhập khẩu sẽ đạt khoảng 1.060 triệu USD.

Mặc dù cho đến thời điểm hiện nay (tháng 5/2010) kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ VI (2006 - 2010) chưa kết thúc, song những kết quả đạt được trong những năm qua cho thấy, phần lớn các mục tiêu đề ra vào thời điểm triển khai kế hoạch (2006) có khả năng sẽ được hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức. Trong đó, đáng chú ý là tốc độ tăng trưởng GDP của Lào kể từ năm 2000 đến nay đều luôn đạt ở mức cao. Tính trong khoảng thời gian 10 năm từ 1998 đến 2008, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Lào đạt 6,8%; bình quân 5 năm 2003 - 2008 đạt 7,4%[1]. Riêng trong 3 năm gần đây 2007 - 2009, tốc độ tăng GDP của Lào đạt rất cao: 7,5% trong 2 năm liền 2007 và 2008, và 6,4%

---

1. Xem: *The ASEAN Secretariat, Jakarta: "ASEAN Statistical Yearbook 2008" - Table IV.2. Rate of Economic Growth, 2000-2008"*, p. 34.

trong năm 2009. Đây là tốc độ tăng trưởng GDP thuộc loại cao nhất không những ở riêng khu vực Đông Nam Á mà còn trên toàn thế giới.

Nhờ tốc độ tăng trưởng GDP cao liên tục trong nhiều năm liền, giá trị tổng GDP của Lào năm 2009 ước đạt 5,721 tỷ USD, bình quân đầu người đạt 841 USD. Tỷ lệ lạm phát vào cuối kỳ từ năm 2001 đến nay, ngoại trừ hai năm 2002 - 2003 cao ở mức hai con số (15,2%), các năm còn lại đều ở mức dưới 10%/năm[1]. Cơ cấu kinh tế Lào trong tổng GDP cũng có nhiều thay đổi theo hướng tiến bộ: khu vực nông - lâm nghiệp ngày càng giảm, trong khi đó công nghiệp và dịch vụ có xu hướng ngày càng gia tăng. Tính đến hết năm 2009, giá trị khu vực nông - lâm nghiệp trong GDP chỉ còn chiếm khoảng 40,9%; công nghiệp chiếm 33,2% và dịch vụ khoảng 25,9%[2].

Lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Lào cũng đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Xuất khẩu đã tăng mạnh so với các năm trước do có nguồn lợi đóng góp của khu vực khai thác khoáng sản và xuất khẩu điện năng. Tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu trong khoảng thời gian 5 năm 2003 - 2008 thuộc loại cao nhất trong số các nước ASEAN, bình quân khoảng 41,89%/năm (so với Brunei 22,21%; Campuchia 14,97%; Indonesia 17,55%; Malaysia 13,12%; Myanmar 8,20%; Philippines 6,24%; Singapore 8,59%; Thái Lan 16,81%; Việt Nam 24,14%)[3], đạt gần 1 tỷ USD vào năm 2009, tức là gấp khoảng 3 lần so với năm 2003 (340 triệu USD). Trong khoảng thời gian tương

1. Xem Tài liệu đã dẫn: *The ASEAN Secretariat, Jakarta: "ASEAN Statistical Yearbook 2008"*, p. 40.
2. Xem: *Số liệu năm 2009*, nguồn: www.cia.gov/factbook.
3. Xem: Tài liệu đã dẫn: *"ASEAN Statistical Yearbook 2008"*, p. 63

ứng, nhập khẩu tăng 39,76%, đạt khoảng 1,38 tỷ USD vào năm 2009, tức là cũng gấp 3 lần so với 460 triệu USD của năm 2003.

Lĩnh vực thu hút FDI của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 cũng đạt được nhiều thành tựu to lớn; đặc biệt trong năm tài khoá 2008 - 2009, Chính phủ Lào đã phê chuẩn 208 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký đạt hơn 4,3 tỷ USD.

***Bảng 1:* Đầu tư nước ngoài tại Lào, 2001 - 2009**

Năm tài khóa	*Số dự án*	*Tổng vốn đăng ký (triệu USD)*
2001-2002	80	133
2002-2003	178	426
2003-2004	161	533
2004-2005	143	1.245
2005-2006	171	2.699
2006-2007	191	1.136
2007-2008	152	1.215
2008-2009[1]	208	4.312

Nguồn: Vụ Kế hoạch Tổng hợp và Dịch vụ, Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, 2009.

1. Riêng trong năm tài khóa 2008-2009, Việt Nam đứng đầu trong số (Top Three) các nước có vốn FDI tại Lào với 48 dự án, có tổng vốn đăng ký đạt 1,42 tỷ USD; so với Trung Quốc: 47 dự án với 933 triệu USD; Thái Lan: 37 dự án với 908 triệu USD (Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, 2009).

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, đặc biệt là giáo dục - đào tạo và y tế, Lào cũng có khả năng đạt được các chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 với việc hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, nâng nhanh tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường ở tất cả các cấp; giảm tốc độ tăng trưởng dân số xuống còn khoảng 2,08%/năm vào năm 2010; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 10%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 30%; giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ có liên quan đến thai sản xuống 2‰; cung cấp nước sạch cho khoảng 65% dân số nông thôn; nâng tỷ lệ rừng che phủ lên trên 55% diện tích đất tự nhiên (so với 47% năm 2005),...

2.1.3. Một số nhận xét, đánh giá về hai kỳ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và 2006 - 2010

Trong thập niên đầu của thế kỷ XXI (2001 - 2010), kinh tế - xã hội Lào tiếp tục tăng trưởng và phát triển với nhịp độ cao và tương đối ổn định. Nếu tính bình quân trong suốt cả 10 năm (2001 - 2010), tăng trưởng GDP của Lào ước đạt khoảng 7,0%/năm. Đây là tốc độ tăng trưởng rất cao so với khu vực và thế giới, nhất là trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và khu vực lâm vào không ít khó khăn và khủng hoảng dữ dội trong những năm gần đây. Tổng giá trị GDP của Lào từ mức khoảng 1,74 tỷ USD năm 2001, ước tăng lên tới trên 6,3 tỷ USD vào cuối năm 2010; GDP bình quân đầu người từ 365 USD năm 2001, lên tới khoảng 1.000 USD năm 2010. Chỉ số lạm phát bình quân trong 10 năm qua chỉ ở mức một con số. Tình hình thâm hụt ngân sách ngày càng được cải thiện theo hướng tiến bộ. Thâm hụt cán cân thanh toán vãng lai năm 2010 ước tính chỉ ở mức khoảng 189 triệu USD, tức bằng

khoảng 3% GDP. Kim ngạch xuất nhập khẩu không những đạt được kế hoạch, mà còn vượt chỉ tiêu đề ra.

Do kinh tế tăng trưởng cao và ổn định, cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động của CHDCND Lào đều có bước chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiều lợi thế của từng vùng, từng ngành, từng sản phẩm của nền kinh tế Lào đang từng bước được phát huy; hiệu quả và sức cạnh tranh của một số lĩnh vực, một số sản phẩm đã có nhiều cải thiện. Hệ thống tài chính, tiền tệ của quốc gia được hình thành và từng bước phát triển khá vững chắc. Kinh tế đối ngoại tiếp tục được mở rộng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được tăng cường. Các mặt văn hóa - xã hội đều có bước phát triển vượt bậc so với trước đây; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện và nâng cao. Tình hình anh ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo khá vững chắc.

Những kết quả đạt được trên đây, *trước hết*, đã khẳng định cố gắng rất lớn của Đảng, Chính phủ và nhân dân Lào; thể hiện đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng NDCM Lào được đề ra tại các Đại hội VII (2001) và Đại hội VIII (2006); đồng thời cũng thể hiện công tác điều hành, chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương Lào đã có nhiều tiến bộ, chất lượng và kinh nghiệm quản lý của đội ngũ cán bộ công chức Lào đã được nâng lên rõ rệt.

Thứ hai, nó cho thấy môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh ở Lào trong 10 năm qua từng bước được cải thiện; các doanh nghiệp Lào đã từng bước trưởng thành trong cơ chế kinh tế thị trường, ngày càng năng động hơn trong nắm bắt nhu cầu của thị trường và tổ chức sản xuất; các công trình đầu tư trong các kế hoạch 5 năm lần thứ V (2001 - 2005) và 5 năm

lần thứ VI (2006 - 2010) đã được sử dụng có hiệu quả và ngày càng phát huy tác dụng tích cực.

Thứ ba, các thành tựu trong hai kỳ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và 2006 - 2010 còn cho thấy, nhận thức về vai trò của kinh tế đối ngoại ở Lào ngày càng cao và khá nhất quán; quá trình hội nhập kinh tế ở Lào được đẩy mạnh, sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân trong nước và cộng đồng quốc tế đối với Lào ngày càng gia tăng.

Thứ tư, Chính phủ Lào trong quá trình điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã biết kết hợp khá nhuần nhuyễn việc phát triển kinh tế gắn liền với việc giải quyết các vấn đề xã hội, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh. Từ đó, tạo ra sự nhất trí và đồng thuận cao của toàn xã hội hướng vào các mục tiêu lâu dài và cao cả, nhất là xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vì con người Lào, vì đất nước Lào.

Bên cạnh những thành công và các mặt tích cực, nền kinh tế - xã hội Lào qua hai kỳ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và 2006 - 2010 vẫn còn nhiều mặt hạn chế và yếu kém.

Đó là tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt kế hoạch đề ra và chưa tương xứng với tiềm năng. Tỷ suất hàng hóa thấp, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Nền sản xuất hàng hóa nói chung đang ở trình độ thấp, còn mang nặng tính tự cấp, tự túc; năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế chưa cao, sức cạnh tranh còn yếu kém. Các loại thị trường chính đều mới bước đầu hình thành và chậm phát triển, nhất là thị trường vốn.

Thất thu ngân sách còn lớn, bội chi ngân sách quá cao, chi tiêu ngân sách không chặt chẽ. Tình trạng nợ nhà nước còn

quá lớn, bao gồm cả nợ nước ngoài và nợ trong nước; nợ của khu vực doanh nghiệp cũng rất đáng kể. Nhiều vấn đề xã hội còn bức xúc, nhất là tình trạng chậm trả lương và tiền lương còn quá thấp đối với đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước và các đối tượng có thu nhập chính từ ngân sách nhà nước. Chất lượng của ngành y tế và giáo dục - đào tạo còn nhiều hạn chế.

2.2. Dự báo về những triển vọng kinh tế nổi bật của Lào đến năm 2020

2.2.1. Kinh tế tự nhiên, nửa tự nhiên, tự cấp tự túc vẫn còn phổ biến

Mặc dù kể từ ngày thành lập nước (2/12/1975), đặc biệt là trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, CHDCND Lào đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển, nhưng nhìn chung, nền kinh tế hiện đại Lào vẫn còn rất nhiều hạn chế và yếu kém. Bên cạnh cơ chế kinh tế thị trường được vận hành khá phổ biến tại các tỉnh, thành phố của Lào từ đổi mới (1986) đến nay, thì tình trạng kinh tế tự nhiên, nửa tự nhiên, tự cấp tự túc vẫn còn tồn tại, đặc biệt là ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa của cả ba khu vực Bắc Lào, Trung Lào và Nam Lào; những nơi cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém (giao thông chưa phát triển, trình độ dân trí thấp, lạc hậu,...).

Sở dĩ kinh tế tại một số khu vực thuộc Bắc Lào, Trung Lào và Nam Lào mang trong mình đặc trưng điển hình cña nền kinh tế tự nhiên, nửa tự nhiên, tự cung tự cấp là do các khu vực này bị cách biệt quá lâu với những khu vực phát triển khác của đất nước bởi địa hình núi non hiểm trở, đi lại khó khăn,

không có điều kiện giao lưu tiếp xúc với các phương thức sản xuất hàng hóa hiện đại.

Khu vực Bắc Lào hiện nay bao gồm 8 tỉnh (Phông-sa-lỳ, Luổng-nậm-thà, U-đôm-xay, Bò-kẹo, Luổng-pha-bang, Hủa-phăn, Xay-nhạ-bu-li, Xiêng-khoảng) trong tổng số 17 tỉnh, thành của cả nước; với diện tích 113.283km^2, bằng 47,84% tổng diện tích toàn nước Lào nhưng dân cư thưa thớt, chỉ chiếm khoảng 35,4% tổng dân số năm 2008 của Lào (khoảng 2.124.375 người so với 6.000.379 người); mật độ dân số khoảng 18 người/km^2.[1]

Trên địa bàn Bắc Lào, ngoại trừ cố đô Luổng-pha-bang, một số thị xã, thị trấn, thị tứ, nơi có cư dân tương đối đông đúc với hình thức sinh hoạt và sản xuất mang dáng dấp hiện đại; còn lại phần lớn cư dân các bộ tộc ít người vẫn giữ nếp sinh hoạt, kiếm sống theo kiểu tự cung tự cấp, dựa chủ yếu vào thiên nhiên. Theo số liệu thống kê của Lào, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của 8 tỉnh Bắc Lào năm 2008 đạt khoảng 1,022 tỷ USD (so với tổng GDP khoảng 5,28 tỷ USD của cả nước), thu nhập bình quân đầu người khoảng 481 USD (so với bình quân cả nước khoảng 875 USD); trong đó, sản phẩm nông nghiệp chiếm 56,13% GDP. Tại các vùng cao, vùng sâu, vùng xa, phương thức canh tác truyền thống của cư dân Bắc Lào chủ yếu vẫn là chặt phá rừng làm nương rẫy và duy trì tập quán du canh, du cư. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến cuộc sống của đồng bào không ổn định, lạc hậu, nghèo đói và kinh tế chậm phát triển.

---

1. Đây là tính toán riêng của các tác giả dựa trên số liệu trong cuốn *Số liệu thống kê Lào năm 2008*, tr 22.

Theo chuẩn nghèo của Chính phủ Lào, năm 2008 ở Bắc Lào vẫn còn 116.068 hộ nghèo, chiếm 21,7% và 1.930 bản nghèo, chiếm 33,9%. Một số huyện thuộc diện rất nghèo như huyện Nga, huyện Beng thuộc tỉnh U-đôm-xay với tỷ lệ hộ nghèo chiếm tới 97,3% và bản nghèo chiếm tới 95,2%.

Đặc điểm kinh tế tự nhiên, nửa tự nhiên ở khu vực Bắc Lào là canh tác nông nghiệp với trồng trọt và chăn nuôi giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế cơ bản của khu vực, với 90% cư dân làm nông nghiệp, tạo ra 56,13% tổng giá trị sản phẩm GDP năm 2008 của Bắc Lào. Có tỉnh như Luổng-nặm-thà, tỷ trọng nông nghiệp chiếm tới 73,6% tổng GDP toàn tỉnh.

Các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp ở khu vực Bắc Lào còn manh mún, lạc hậu. Công nghiệp và thủ công nghiệp được phát triển chủ yếu dựa trên hình thức kinh doanh nhỏ và hộ gia đình, với máy móc thiết bị lạc hậu; trình độ kỹ thuật sản xuất thô sơ, chất lượng sản phẩm còn thấp kém, chủ yếu là ở dạng thô và bán thành phẩm; trong đó, phần lớn là khoáng sản, hàng hóa nông cụ và thủ công. Năm 2008 tổng giá trị sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp chỉ đạt 21,83% tổng giá trị GDP của toàn khu vực. Trên phạm vi cả nước, tỷ trọng của sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp cũng chỉ đạt 27,8% tổng giá trị GDP trong cùng thời gian. Giá trị thu được chủ yếu từ việc khai thác tài nguyên khoáng sản dưới dạng hàng hóa, nguyên liệu thô như: quặng đồng (10.800 tấn/năm), quặng thiếc (6.240 tấn/năm), quặng vàng (3 tấn/năm), than đá (250 tấn/năm) và đá quý (192kg/năm)...

Một nguyên nhân cơ bản trong số nhiều nguyên nhân của tình trạng kinh tế thị trường kém phát triển ở khu vực Bắc Lào, đó là nền tảng và chất lượng giáo dục ở khu vực này hiện

chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường. Trình độ giáo dục phổ thông, dạy nghề và kỹ thuật thấp hơn rất nhiều so với trình độ trung bình trong toàn quốc. Tỷ lệ người lớn biết chữ ở đây hiện chỉ khoảng 30%. Đây là nguyên nhân dẫn đến nền sản xuất hàng hóa chậm phát triển do thiếu lực lượng lao động có trình độ phù hợp để vận hành sản xuất theo cơ chế kinh tế thị trường, đặc biệt là thiếu nghiêm trọng cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý.

Nhìn chung, người dân ở khu vực Bắc Lào chưa có kiến thức và hiểu biết sâu sắc về kinh tế thị trường do phần lớn cư dân có trình độ học vấn thấp, chưa có điều kiện học tập và tiếp cận trình độ tiên tiến của kinh tế quốc dân, kinh tế khu vực và thế giới. Điều này đặt ra yêu cầu bức thiết đối với chính quyền trung ương và các địa phương của Lào trong việc tăng cường cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cải thiện điều kiện giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí nhằm đáp ứng các yêu cầu chuyển đổi nền kinh tế lạc hậu ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa có tính chất cạnh tranh để từng bước hội nhập với khu vực và thế giới.

Ngoài khu vực Bắc Lào, nền kinh tế tự nhiên, nửa tự nhiên, tự cung tự cấp vẫn còn tồn tại ở một số khu vực xa xôi, hẻo lánh nằm dọc dải phía Tây của dãy núi Trường Sơn thuộc khu vực Trung và Nam Lào với khoảng 10 - 15% số cư dân của khu vực này. Đây là địa bàn cư trú của một số tộc người thiểu số thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme như: Talieng, Tà Ôi, Lamét, Brâu, Katang, Katu. Ôi, Halak, Kriang, Xuồi, Nhahớn, Lavi, Nguồn, Pako. Kri, Cheng, Sadang, Tri, Jru, Bít, Makong...; với phương thức canh tác lạc hậu, tập quán sinh hoạt cổ xưa, rất khó hòa nhập với đời sống xã hội hiện đại.

Trong giai đoạn phát triển 10 năm tới (2011 - 2020) ở CHDCND Lào, việc chuyển đổi nhanh và thành công hình thái kinh tế tự nhiên, nửa tự nhiên, tự cung tự cấp ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa của Lào sang hình thái kinh tế thị trường, sản xuất hàng hóa là vấn đề hoàn toàn không đơn giản. Nó đòi hỏi nỗ lực rất lớn lao của Đảng, nhà nước và nhân dân các dân tộc Lào, trên cơ sở tiếp cận đúng đắn các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dài hạn của quốc gia với định hướng cơ bản là kiên trì cải cách, mở cửa và hội nhập.

2.2.2. Những khó khăn trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường ở Lào

Đối với CHDCND Lào, nền kinh tế quốc dân hiện đang trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường từ nền tảng của một nền kinh tế giản đơn, trong khi đó, nền kinh tế thị trường thế giới đã phát triển ở trình độ cao. Đứng trước thực trạng này, vai trò của nhà nước Lào đối với việc phát triển kinh tế không chỉ xuất phát từ yêu cầu chung của quá trình phát triển kinh tế thị trường bình thường, mà còn xuất phát từ *tính đặc thù* của nền kinh tế thị trường "định hướng XHCN", trong đó, phát triển kinh tế đi đôi với yêu cầu bảo đảm vững chắc tính pháp quyền của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nhân tố sâu xa, bảo đảm định hướng chính trị đối với kinh tế thị trường ở Lào là đường lối, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng NDCM Lào. Song, để đường lối, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng biến thành hiện thực vận động của nền kinh tế, chúng phải được thể chế hóa thành hệ thống pháp luật, thành chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và được triển khai bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước,

dưới sự quản lý, giám sát của Nhà nước do Đảng NDCM Lào lãnh đạo. Xét từ góc độ đó, Nhà nước Lào có tác động trực tiếp nhất tới việc định hướng sự vận động của kinh tế thị trường. Pháp luật, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước chỉ đúng, khi chúng phản ánh chính xác yêu cầu phát triển khách quan của thị trường, *lấy quy luật thị trường làm cơ sở.* Xét ở mặt này, chúng mang tính khách quan nhưng chúng lại là sự thể chế hóa, cụ thể hóa mục tiêu chính trị của Đảng nên cũng có mặt chủ quan.

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Lào, định hướng chủ quan (ý chí của Đảng, Nhà nước và nhân dân) thể hiện ở chỗ, cùng với việc bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nhân, thì việc *ưu tiên bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động* là một vấn đề có tính nguyên tắc. Nhà nước có cơ chế, chính sách để bảo đảm sự ưu tiên đó, thể hiện ở cả ba lĩnh vực kinh tế cơ bản liên quan đến sở hữu, quản lý và phân phối.

Trên lĩnh vực sở hữu: Sự tồn tại của ba chế độ và hình thức sở hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân) là một đòi hỏi khách quan của nền kinh tế thị trường ở Lào hiện nay. Nhà nước Lào thông qua hệ thống chính sách, pháp luật, đòn bẩy kinh tế để định hướng, làm cho kinh tế nhà nước từng bước vươn lên nắm vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể tạo thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Trên lĩnh vực quản lý: Nhà nước xây dựng cơ chế, chính sách ... tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động trực tiếp hay thông qua các khâu trung gian nhất định để tham gia quá trình hoạch định, tổ chức, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch phát triển của các doanh nghiệp.

Trên lĩnh vực phân phối: Nhà nước vừa thông qua hệ thống chính sách kinh tế do mình hoạch định, vừa sử dụng các nguồn lực - trực tiếp là bộ phận kinh tế nhà nước - để định hướng, can thiệp vào lĩnh vực phân phối và phân phối lại theo hướng ưu tiên phân phối theo lao động và qua phúc lợi xã hội; kết hợp tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội; hoạch định các chính sách xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa,...

Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, Nhà nước Lào đóng vai trò quan trọng trong *việc tạo lập môi trường cho thị trường phát triển*, như tạo lập kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho sản xuất, lưu thông, phân phối hàng hóa; tạo lập môi trường pháp lý cho các chủ thể kinh tế hoạt động; tạo lập sự phân công lao động theo ngành, nghề, vùng kinh tế qua việc nhà nước tiến hành quy hoạch phát triển kinh tế theo lợi thế từng vùng, ngành và nhu cầu chung của xã hội, bảo đảm sự *ổn định vĩ mô cho phát triển và tăng trưởng kinh tế*. "Ổn định" ở đây là thể hiện sự cân đối, hài hòa các quan hệ, nhu cầu, lợi ích giữa người và người, tạo ra sự đồng thuận xã hội trong hành động vì mục tiêu phát triển lâu dài của đất nước; gia tăng *phúc lợi xã hội*, có chính sách xã hội hợp lý; bảo đảm phúc lợi ngày một gia tăng nhờ hiệu quả tác động của chính sách kinh tế tiến bộ do Nhà nước hoạch định và tổ chức thực hiện bằng những nỗ lực của nhiều chủ thể kinh tế khác nhau. Đây chính là nhân tố đóng vai trò quyết định hàng đầu trong việc giải quyết những vấn đề liên quan đến kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Lào trong giai đoạn 2011 - 2020.

Khó khăn vướng mắc trong phát triển kinh tế thị trường ở Lào là gì? Xuất phát từ thực tiễn của đất nước, Lào khẳng định

tiếp tục xây dựng đất nước theo định hướng XHCN, Đại hội Đảng NDCM Lào lần thứ VIII (2006) một lần nữa chỉ rõ nhiệm vụ cơ bản, lâu dài của công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở Lào cho tới năm 2020 là: "*Đẩy mạnh xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tiếp tục mở rộng đi đôi với khai thác có hiệu quả cao các quan hệ kinh tế đối ngoại*"[1].

Xét trên góc độ kinh tế hàng hóa, khi nền kinh tế ở nhiều nước trên thế giới và khu vực đã phát triển ở trình độ cao, với trình độ sản xuất của Lào hiện nay, để tiến tới hội nhập với nền kinh tế thị trường thế giới, nền kinh tế Lào sẽ đi từ kinh tế hàng hóa giản đơn của những người sản xuất nhỏ tiến tới hội nhập với nền kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa hiện đại, phát triển. Ở đây, Lào sẽ gặp lại vấn đề từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, nhưng theo mét tư duy hoàn toàn mới, đó là kinh tế thị trường định hướng XHCN. Thực tế cho thấy, trong lĩnh vực kinh tế thị trường, cũng có quy luật phát triển rút ngắn, đi tắt, đón đầu. Kinh tế Lào sẽ đi từ nền kinh tế hàng hóa nhỏ lên nền kinh tế hàng hóa lớn mang bản chất XHCN, được tiếp thu, học tập và sử dụng tối đa các thành tựu của nền kinh tế hàng hóa lớn tư bản chủ nghĩa.

Như vậy, từ một nền kinh tế thị trường còn sơ khai, giản đơn, trong khi nền kinh tế thị trường thế giới đã ở trình độ phát triển cao, đòi hỏi Lào phải nhanh chóng hội nhập vào nền kinh tế thị trường thế giới là điều cần thiết, bởi vì càng hội nhập nhanh chóng bao nhiêu thì việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Lào sẽ càng sớm đạt được mục tiêu đề ra bấy nhiêu.

---

1 Xem: *Văn kiện Đại hội VIII Đảng NDCM Lào.*

Với sự quyết tâm, Đại hội Đảng NDCM Lào lần thứ VIII tháng 3/2006 đã đề ra mục tiêu cho giai đoạn 2006 - 2010 đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế GDP không dưới 7,5%/năm; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo đảm vững chắc an ninh, ổn định chính trị, hội nhập quốc tế mạnh mẽ, đưa đất nước tiếp tục tiến lên theo con đường XHCN. Mục tiêu chung là đến năm 2020, đưa nước Lào thoát khỏi tình trạng kém phát triển, mức sống của nhân dân tăng gấp ba lần hiện nay (khoảng 3.000 USD).

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đề ra, xây dựng thành công nền kinh tế thị trường định hướng XHCN từ một nền kinh tế kém phát triển, còn nhiều tàn tích, dấu tích của kinh tế tự nhiên, nửa tự nhiên, tự cấp tự túc, Lào đang và sẽ gặp không ít các khó khăn thách thức cực kỳ gay gắt đòi hỏi ở Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào một bản lĩnh thép, một ý chí sắt đá và một quyết tâm cao độ.

Mặc dù nền kinh tế Lào trong những năm gần đây luôn có mức tăng trưởng cao, nhưng do xuất phát điểm của nền kinh tế thấp nên cho đến nay, quy mô sản xuất của Lào nhìn chung còn nhỏ bé; GDP bình quân đầu người đang thấp dưới mức nghèo của thế giới (dưới 1.000 USD); thu nhập và tiêu dùng của dân cư chưa đủ sức bật mới đối với sản xuất và phát triển thị trường; hệ thống tài chính và tiền tệ còn nhiều yếu kém, bất cập. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Trình độ khoa học - công nghệ nhìn chung còn lạc hậu khá xa so với các nước trong khu vực. Khả năng hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của các doanh nghiệp Lào còn thấp so với yêu cầu; trong khi đó, lộ trình thực hiện đầy đủ các cam kết AFTA, các cam kết để gia nhập WTO và các hiệp định

quốc tế khác đang và sẽ tạo ra những sức ép cạnh tranh rất lớn đối với các doạnh nghiệp Lào. Tốc độ phát triển các ngành dịch vụ Lào còn chậm. Chất lượng nguồn nhân lực Lào chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Hiệu lực quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế.

Những khó khăn thách thức trên đây được thể hiện rõ nét thông qua một số đặc điểm cơ bản bao trùm như: 1) Kinh tế Lào với xuất phát điểm từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, manh mún. 2) Nền sản xuất Lào chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên, chưa có tính cạnh tranh; sản xuất hàng hóa chưa phát triển; nhập khẩu chủ yếu thông qua tiểu ngạch từ các nước láng giềng, tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa tiêu dùng rất thấp. 3) Điều kiện sống và trình độ học vấn của cư dân thấp, chưa đáp ứng các yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường.

Đứng trước thực trạng các khó khăn, thách thức trên đây, để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN như đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Lào đề ra, trong giai đoạn 10 năm tiếp theo (2011 - 2020), Chính phủ Lào cần thực thi một số giải pháp cơ bản sau:

+ Tiếp tục tăng cường cơ sở lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Lào. Đây là khung lý thuyết, là nguyên tắc lý luận dẫn dắt toàn bộ quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Lào dưới sự lãnh đạo thường xuyên và tuyệt đối của Đảng NDCM Lào. Đảng lãnh đạo nhưng thông qua nhà nước, nên xét về bản chất, nền kinh tế thị trường ở Lào phải được nhà nước quản lý thống nhất bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch,

cơ chế, chính sách và bằng sức mạnh kinh tế của cơ sở vật chất, kỹ thuật và lực lượng của toàn xã hội.

+ Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nhiều thành phần, trong đó chú trọng đặc biệt thành phần kinh tế nhà nước, vì đây là lực lượng nòng cốt, là đầu tàu dẫn dắt toàn bộ nền kinh tế quốc dân Lào phát triển. Đồng thời tăng cường khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tạo ra nhiều công ăn, việc làm cho người lao động.

+ Tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng và có tính cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực và thế giới.

+ Hoàn chỉnh từng bước kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đầu tư thích đáng cho các vùng kinh tế trọng điểm, hỗ trợ đắc lực cho các vùng kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

+ Nhanh chóng mở rộng thị trường ngoài nước và nâng cao hiệu quả của lĩnh vực kinh tế đối ngoại, đi đôi với mở rộng thị trường nội địa. Tạo mọi điều kiện để tăng nhanh xuất khẩu, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến từ bên ngoài. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình thận trọng và có hiệu quả.

+ Từng bước xây dựng và ổn định thị trường vốn, hệ thống tài chính - tiền tệ nhằm đáp ứng lâu dài cho nhu cầu phát triển ngày càng cao của kinh tế - xã hội.

+ Chú trọng đặc biệt đến lĩnh vực giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bằng cách ưu tiên đầu tư lớn cho

lĩnh vực này nhằm đảm bảo cho kinh tế thị trường phát triển có hiệu quả và bền vững.

+ Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội nhằm tạo môi trường ổn định, an toàn và hấp dẫn cho việc thu hút đầu tư kinh doanh trong nước và nước ngoài.

2.2.3. Phát triển nông - lâm nghiệp và trang trại là thế mạnh của Lào nhưng khu vực kinh tế mũi nhọn này vẫn chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến tình trạng phát triển manh mún, năng suất, chất lượng và hiệu quả còn thấp

Nông - lâm nghiệp là ngành kinh tế chủ chốt và chiếm vị trí quan trọng số một ở Lào do đây là ngành kinh tế có lịch sử gắn bó lâu đời trong đời sống của nhân dân các dân tộc Lào, là ngành tạo ra phần lớn nhất trong tổng giá trị GDP của Lào hiện nay (nông - lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 30,1%; công nghiệp chiếm 25,9%; dịch vụ chiếm 37,4%).

Có thể nói, Lào là đất nước nông - lâm nghiệp, có thế mạnh về trồng trọt, chăn nuôi và khai thác lâm sản do diện tích đất, diện tích rừng khá lớn trên bình quân đầu người. Vì vậy, phát triển nông - lâm nghiệp và trang trại ở Lào là một trong những hoạt động kinh tế nổi bật, là ưu tiên chiến lược trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ Lào trong những năm qua.

Theo số liệu thống kê, Lào có 23.080.000ha diện tích mặt đất, 600.000ha diện tích mặt nước. So với các nước ở khu vực Đông Nam Á, Lào là nước có nhiều diện tích rừng rậm, đồi cao và núi đá; diện tích đất có thể canh tác nông nghiệp có khoảng 1.959.000ha, tức vào khoảng 8,5% tổng diện tích đất của cả nước. Trong tổng số diện tích đất nông nghiệp của Lào

(1,959 triệu hécta), chỉ có khoảng 1 triệu hécta là có thể canh tác. Trong số 1 triệu hécta này, hiện nay Lào chỉ mới sử dụng 81 ngàn hécta đất để trồng lúa thường xuyên, 878 ngàn hécta làm bãi chăn thả gia súc; số diện tích đất có thể canh tác còn lại vẫn đang bị bỏ hoang[1]. Những nơi sản xuất lương thực chủ yếu của Lào là vùng đồng bằng Viêng Chăn, đồng bằng Sa-vẳn-na-khệt và đồng bằng Chăm-pa-xắc, với sản lượng thóc đạt khoảng 2,71 triệu tấn năm 2007.

Trong hơn ba thập kỷ vừa qua, lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp của Lào luôn đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 4-5%/năm; trong đó, trồng trọt và chăn nuôi luôn đạt giá trị tăng trưởng cao nhất, sau đó là lâm nghiệp và thứ ba là nuôi bắt thủy sản, với các con số chiếm tỷ lệ tương ứng trong tổng giá trị tăng trưởng của lĩnh vực nông - lâm nghiệp năm 2008 lần lượt là: 22,6%; 4,0% và 3,4%[2]. Để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, Chính phủ Lào rất chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống tưới tiêu. Đến nay, trên cả nước đã có khoảng 24.695 hệ thống thủy lợi phục vụ cho việc tưới tiêu 215.000ha đất canh tác trong mùa khô, so với chỉ có 2.700ha đất canh tác có nước tưới trong năm 1976, tăng 79,6 lần. Từ năm 2000 đến nay, Lào không những đã có thể tự túc được lương thực, mà còn có một phần dư dôi để phục vụ xuất khẩu.

Về chăn nuôi gia súc và phát triển đàn cá, do có nhiều đồng cỏ rộng lớn nên số lượng đàn gia súc tăng trưởng đều đặn

---

1. Xem: *The ASEAN Secretariat, Jakarta: "ASEAN Statistical Yearbook, 2008"*, tr. 190.
2. Xem: *"Số liệu thống kê Lào năm 2008"*, tr. 31.

khoảng 3%/năm và đàn cá tăng trưởng 15%/năm. Vì vậy, về cơ bản Lào đã có thể đáp ứng nhu cầu về thịt và cá cho tiêu dùng trong nước mà không phải nhập khẩu; ngược lại, còn có thể xuất khẩu với giá trị khoảng 70 triệu USD/năm[1].

Lĩnh vực lâm nghiệp là địa hạt được Chính phủ Lào quan tâm đặc biệt do rừng gắn liền với đời sống của cư dân các bộ tộc Lào. Hiện cả nước có tới 167.000ha diện tích rừng được trồng mới. Nhìn chung, diện tích đất và rừng trên cả nước đã được chính quyền Lào phân cấp cho các địa phương chịu trách nhiệm quản lý. Hiện đã có khoảng 6.510 bản chịu trách nhiệm quản lý 1.920.150ha đất nông nghiệp và 3.640.117ha đất rừng. Việc chặt phá rừng làm nương rẫy về cơ bản đã được chấm dứt từ năm 2005. Trên cả nước, có khoảng 10.611.416ha rừng đã được chính quyền khảo sát và quản lý; trong đó có 20 khu rừng được bảo tồn ở cấp quốc gia với diện tích 3.156.100ha, chiếm 25% diện tích rừng cả nước hiện nay; 188 khu rừng được bảo tồn ở cấp tỉnh với diện tích 2.906.580ha; 494 khu rừng được bảo vệ nghiêm ngặt với diện tích 2.164.485ha; 456 khu rừng sản xuất (có thể khai thác theo kế hoạch) với diện tích 2.348.631ha và 164 khu rừng được tháo khoán tạm thời với diện tích 181.920ha.

Rừng là tài nguyên thiên nhiên quý giá của Lào bởi giá trị kinh tế to lớn do nó mang lại. Tuy nhiên, cũng như nhiều nước trong khu vực, Lào đang đứng trước nguy cơ rừng bị suy giảm nghiêm trọng do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có việc chặt phá rừng để lấy gỗ, khai thác khoáng sản và trồng các loại cây công nghiệp (cao su, cà phê,...). Hiện tại, diện tích

1 Xem: http://www.kpl.net.la/english/30 years/Agriculture.htm (14/3/2009).

che phủ của rừng ở Lào chỉ còn khoảng trên dưới 40% so với khoảng 70% vào năm 1940, đang đặt ra nhiều nhiệm vụ nặng nề cho ngành nông - lâm nghiệp ở Lào. Tuy nhiên, do việc tăng trưởng kinh tế ở Lào hiện nay và trong nhiều năm tới chỉ có khả năng hướng theo chiều rộng mà chưa có chiều sâu, nên vấn đề phát triển kinh tế nông lâm nghiệp và trang trại dựa trên yêu cầu kỹ thuật hiện đại và năng suất cao chưa đặt ra những bài toán cấp bách.

Phát triển kinh tế trang trại là mô hình rất khả thi ở Lào, nhưng bản thân người Lào không mấy thích hợp với kiểu canh tác nông nghiệp hiện đại này do đòi hỏi vốn lớn, cần có kỹ thuật và phương tiện sản xuất, đồng thời phải có kinh nghiệm quản lý. Vì thế, phần lớn các trang trại hiện nay ở Lào nằm trong tay người Thái Lan, người Việt Nam hoặc Trung Quốc. Đó là các trang trại trồng cao su của Trung Quốc ở khu vực Bắc Lào, trồng cao su hoặc cà phê của Việt Nam và Thái Lan ở Nam Lào. Để phát triển các trang trại trồng cây ăn quả, rau màu hoặc chăn nuôi, cần chủ động nguồn nước tưới tiêu, nhưng đây lại là vấn đề khó khăn nhất ở Lào.

Trong giai đoạn 2011 - 2020, kinh tế nông - lâm nghiệp của Lào tăng trưởng chủ yếu vẫn dựa trên việc mở rộng diện tích đất đai canh tác cây lương thực và gia tăng diện tích được tưới tiêu, vì đây là hai yếu tố giúp Lào gia tăng sản lượng lương thực bằng con đường ngắn nhất. Lâm nghiệp thì chú trọng trồng rừng và khai thác gỗ. Vấn đề năng suất cây trồng và vật nuôi có thể vẫn chưa được cải thiện nhiều do người nông dân Lào chưa phải chịu sức ép dưới tác động của dân số tăng nhanh trong khi diện tích đất đai canh tác nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp như Việt Nam và một số nước khác đang

phải đối mặt. Vì vậy, giải pháp thâm canh, tăng năng suất, tăng mùa vụ đi kèm với các biện pháp kỹ thuật là cấp thiết đối với Lào nhưng có vẻ vẫn còn chưa được đề cập đến.

2.2.4. Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn ở Lào (xây dựng các nhà máy thủy điện, khai thác khoáng sản): lợi ích to lớn đi liền với thiệt hại không nhỏ

Công nghiệp là một bộ phận của nền kinh tế, là lĩnh vực sản xuất hàng hóa vật chất mà sản phẩm được "chế tạo", "chế biến" cho nhu cầu tiêu dùng hoặc phục vụ hoạt động kinh doanh tiếp theo. Đây là hoạt động kinh tế, sản xuất quy mô lớn, được sự hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ của các tiến bộ công nghệ, khoa học và kỹ thuật. Công nghiệp bao gồm nhiều ngành sản xuất chuyên sâu, từ những ngành đòi hỏi trình độ khoa học và kỹ thuật rất cao như công nghiệp cơ khí, hàng không vũ trụ, chế tạo vũ khí, chế tạo ra phương tiện sản xuất..., cho đến những ngành sản xuất ra những vật dụng thiết yếu cho tiêu dùng hàng ngày như xà phòng, thuốc đánh răng,...

Khái niệm "công nghiệp", do vậy, rất quan trọng khi lấy nó làm tiêu chí để đánh giá trình độ sản xuất của một quốc gia. Các nước có nền công nghiệp phát triển là những nước giàu mạnh, trong đó sản xuất công nghiệp đa dạng chiếm tỷ lệ áp đảo, và cùng với các ngành dịch vụ tạo nên thu nhập chủ yếu của nền kinh tế quốc dân. Ngược lại, những nước nghèo thường có thu nhập từ nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất, còn lĩnh vực sản xuất công nghiệp thường ở trong tình trạng lạc hậu, cả về quy mô lẫn chất lượng công nghệ.

Đối với CHDCND Lào, công nghiệp là ngành sản xuất non trẻ nhất. Lịch sử các ngành sản xuất công nghiệp của Lào

chỉ mới bắt đầu phát triển từ sau khi thành lập nước CHDCND Lào tháng 12 năm 1975, tức là chỉ mới trong vòng 35 năm gần đây, với những thành tựu còn rất khiêm tốn. Nếu như trước năm 1975, cả nước Lào chỉ có khoảng 100 cơ sở sản xuất công nghiệp, thì sau hơn 30 năm phát triển, đến nay đã có trên 26.200 xí nghiệp, nhà máy các loại; trong đó, có 119 xí nghiệp cỡ lớn (sử dụng trên 100 lao động trở lên), 623 xí nghiệp cỡ vừa (sử dụng dưới 100 lao động), còn lại là các xí nghiệp cỡ nhỏ (sử dụng dưới 10 lao động)[1]. Các xí nghiệp cỡ lớn của Lào thường liên quan đến lĩnh vực khai thác khoáng sản, thủy điện, cung cấp nước sạch và một số xí nghiệp chế biến bia, rượu, thuốc lá. Các xí nghiệp cỡ vừa và nhỏ thường hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp hoặc chế biến nông - lâm sản.

Mặc dù cho đến thời điểm năm 2010, trong tổng giá trị GDP của Lào (khoảng 5,721 tỷ USD), công nghiệp vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp nhất, khoảng 25,9% so với 30,1% của nông - lâm nghiệp và 37,4% của ngành dịch vụ[2], nhưng công nghiệp lại là ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, bình quân khoảng 11,46%/năm trong giai đoạn thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ V (2001 - 2005) và dự đoán khoảng trên dưới 10%/năm trong kế hoạch 5 năm lần thứ VI (2006 - 2010). Theo số liệu thống kê của Lào, các lĩnh vực sản xuất công nghiệp có phần đóng góp đáng kể nhất vào

---

1. Xem: Trương Duy Hòa "Một số thành tựu cơ bản trong 30 năm xây dựng và phát triển kinh tế ở nước CHDCND Lào (1975 - 2005)"; *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6/2006, tr. 8.
2. Xem: *Số liệu thống kê Lào năm 2008*, Cục Thống kê Quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Viêng Chăn, 6/2009, tr. 31.

giá trị gia tăng của toàn ngành công nghiệp chủ, yếu là: công nghiệp chế tạo, chế biến, khai thác khoáng sản, điện nước, xây dựng,... Đây cũng là những lĩnh vực sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong nhiều năm qua; trong đó, ngành khai thác khoáng sản tăng trưởng đến 20,6% trong năm 2008; ngành chế biến tăng 9,4%; điện và nước tăng 6,2%; xây dựng tăng 5,1%,...[1]

+ *Khu vực công nghiệp chế tạo, chế biến* ở Lào gồm: sản xuất xi măng, sắt thép, nông cụ, bia, rượu, thuốc lá, nước mắm, đồ hộp, cà phê, hàng may mặc, đồ gỗ, đồ nhựa, hóa chất,... với tỷ trọng chiếm khoảng 67,26% tổng giá trị sản phẩm toàn ngành công nghiệp hiện nay. Trong công nghiệp chế tạo, chế biến, loại hình đầu tư hợp tác kinh doanh chiếm khoảng 2/3 tổng giá trị sản phẩm toàn ngành, với sự tham gia của khoảng 20,4% số doanh nghiệp nhà nước; còn lại là các xí ngiệp tư nhân và liên doanh với nước ngoài. Với thế mạnh của tài nguyên thiên nhiên và yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn, cùng với điều kiện môi trường trong nước và quốc tế khá thuận lợi, sự phát triển của ngành công nghiệp chế tạo, chế biến ở Lào vẫn còn thấp hơn nhiều so với tiềm năng, một phần do cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn yếu kém, thiếu vốn, thiếu công nghệ và kỹ năng quản lý; mặt khác, chất lượng nguồn nhân lực còn rất hạn chế. Đây là nguyên nhân chủ yếu khiến cho ngành chế tạo và chế biến ở Lào vẫn đang trong tình trạng sản xuất lạc hậu. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của khu vực chế tạo là hàng may mặc với giá trị gia tăng không vượt quá 25% của giá trị sản phẩm do nguyên vật liệu cấu thành sản phẩm đều phải

1 Xem: *Số liệu thống kê Lào năm 2008*, sách đã dẫn trên đây, tr. 30.

nhập khẩu. Công nghiệp chế biến đồ gỗ là một thế mạnh nhưng chưa phát huy được hiệu quả do thiếu công nghệ và tay nghề. Nhìn chung, hàng hóa thuộc khu vực chế tạo, chế biến dùng để phân phối và tiêu dùng trong nước phần lớn vẫn phải nhập khẩu từ các nước láng giềng, chẳng hạn, xi măng chỉ đáp ứng được 40% nhu cầu tiêu thụ, sắt thép khoảng 38%, đường ăn khoảng 3%,...

+ *Công nghiệp khai thác khoáng sản* là thế mạnh của Lào với giá trị sản phẩm chiếm khoảng 9,9% tổng giá trị GDP của kinh tế Lào năm 2008[1]. Lào là nước rất giàu có về tài nguyên khoáng sản. Điều đặc biệt đáng lưu ý và cũng là mối lo ngại sâu sắc của nhiều người là do Lào thiếu vốn, thiếu công nghệ - kỹ thuật và nhân lực có trình độ nên phần lớn các loại khoáng sản ở Lào được thăm dò và khai thác bởi các công ty liên doanh với nước ngoài hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, chủ yếu là Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam. Đây là điều bất lợi lớn đối với Lào. Hiện nhiều loại khoáng sản đang được khai thác với quy mô khá lớn như mỏ vàng và đồng đỏ ở Xê-pôn (Sa-vẳn-nạ-khệt), mỏ thiếc và muối ở tỉnh Viêng Chăn, thạch cao ở Khăm-muộn,...

+ *Công nghiệp điện lực, chủ yếu là thủy điện* chiếm khoảng 13,2% tổng giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp Lào và chiếm khoảng 2,5% tổng giá trị GDP của Lào năm 2008[2]. Đây là thế mạnh của Lào và cũng là trọng điểm

---

1. Xem: *Số liệu thống kê Lào năm 2008*, Cục Thống kê Quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Viêng Chăn, 6/2009, Bảng 23, tr. 31.
2. Xem: *Số liệu thống kê Lào năm 2008*, Cục Thống kê Quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Viêng Chăn, 6/2009, tr. 31.

của các kế hoạch phát triển kinh tế của Chính phủ Lào. Sản lượng điện của Lào cũng tăng khá nhanh từ 33MW năm 1975 lên tới 690,2MW năm 2005 và khoảng 800MW hiện nay, tức là tăng khoảng 24,2 lần sau thời gian 35 năm. Tiềm năng thủy điện của Lào được xác định khoảng từ 25.000 đến 27.000MW. Hiện đã có khoảng 75 nhà máy thủy điện trên lãnh thổ Lào được xác định địa điểm, công suất và chủ đầu tư. Nhà máy thủy điện lớn nhất của Lào hiện nay là Nậm-thơn 2 được xây dựng bởi các liên doanh đối tác (Thái, Lào, Pháp, Italia) với công suất thiết kế 1.070MW trị giá 1,25 tỷ USD trên cao nguyên Na-kai thuộc tỉnh Khăm-muộn. Trong kế hoạch của Chính phủ Lào, còn 8 dự án thủy điện trên dòng chính sông Mê Kông đang được nung nấu xây dựng với tổng công suất thiết kế khoảng 9.280MW[1]. Nếu trở thành hiện thực, các dự án thủy điện lớn này có thể làm gia tăng đột biến sản lượng điện của Lào, nhưng cũng sẽ có ảnh hưởng cực kỳ tai hại đến phát triển bền vững của sông Mê Kông.

- *Một số vấn đề đặt ra trong phát triển công nghiệp Lào đến năm 2020*: Có thể nói, trong tiến trình phát triển của một

1. Hiện có 8 dự án thủy điện lòng sông "run-of-river" trên dòng chính sông Mê Kông tại Lào, tính từ thượng nguồn, đã có các chủ đầu tư nước ngoài được cấp phép nghiên cứu xây dựng; trong đó có 1 dự án trên địa bàn tỉnh U-đôm-xay, 1 dự án ở tỉnh Luổng-pha-băng, 2 dự án ở tỉnh Xay-nha-bu-li, 1 dự án ở tỉnh Viêng Chăn và 3 dự án trên địa bàn tỉnh Chăm-pa-xắc; gồm: 1) Dự án Pak Beng (Hongkong): 1.230 MW; 2) Dự án Luangprabang (Việt Nam): 1.410 MW; 3) Dự án Sayabouly (Trung Quốc): 1.260 MW; 4) Dự án Paklay (Trung Quốc): 1.320 MW; 5) Dự án Sanakham (Hongkong): 570 MW, 6) Ban Koum (Thái Lan-Italy): 2.330 MW; 7) Latsua (Thái Lan): 800 MW; 8) Dự án Done Sahong (Malaysia): 360 MW.

quốc gia, sự gia tăng sản xuất công nghiệp được đánh giá rất cao. Nhìn vào thực lực sản xuất công nghiệp của một nước với các sản phẩm có sức cạnh tranh cao hay thấp, người ta có thể đánh giá được năng lực, vị thế và tương lai của nước đó. Đối với đất nước Lào, thực trạng sản xuất công nghiệp lạc hậu hiện nay cho thấy, còn khá lâu nước Lào mới có thể thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển để trở thành một nước có nền sản xuất công nghiệp hiện đại. Các nước láng giềng gần gũi của Lào như Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam hiện đang có nhiều dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công ngiệp của Lào, đặc biệt là ngành khai thác khoáng sản, xây dựng nhà máy thủy điện và chế biến; qua đó, có thể chuyển giao cho Lào các công nghệ và kỹ năng cần thiết.

Sở dĩ sản xuất công nghiệp ở Lào kém phát triển là do Lào thiếu vốn, trình độ khoa học, công nghệ thấp và khả năng tổ chức quản lý sản xuất còn nhiều yếu kém. Phát triển công nghiệp cần rất nhiều vốn, nếu không muốn nói đó là một lượng vốn khổng lồ. Cùng với vốn đầu tư, tri thức khoa học công nghệ và khả năng tổ chức quản lý sản xuất là những yếu tố cơ bản để phát triển công nghiệp. Thiếu những yếu tố nền tảng này, Lào khó có thể tiến nhanh, tiến xa trong sản xuất công nghiệp, ngay cả ở những ngành công nghiệp thông dụng với trình độ công nghệ trung bình, chưa nói tới những ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao. Như vậy, suy cho cùng, nhân tố con người vẫn là khâu có ý nghĩa quan trọng nhất trong quy hoạch và phát triển công nghiệp của Lào.

Dự báo trong giai đoạn 2011 - 2020, nhịp độ gia tăng sản xuất công nghiệp của Lào vẫn ở mức khá cao, trên dưới 10%/năm. Nền sản xuất công nghiệp ở Lào trong thập kỷ tới

về cơ bản vẫn tiếp tục phát triển theo chiều rộng, trên cơ sở khai thác tài nguyên rừng, đất đai, khoáng sản và nguồn nước, với việc sử dụng nhân công tại chỗ kết hợp với lao động nước ngoài với giá rẻ mạt, làm tiền đề để tăng nguồn vốn tích lũy cho nền kinh tế quốc dân. Từ đây có thể thấy, *khai thác tài nguyên khoáng sản, phát triển thuỷ điện và đẩy mạnh công nghiệp chế biến vẫn là ba thế mạnh lớn nhất để phát triển sản xuất công nghiệp ở Lào*, do tài nguyên rừng và khoáng sản là những thứ của cải mà thiên nhiên dành cho Lào còn tương đối phong phú; các dòng sông ở Lào có độ dốc khá lớn phù hợp cho việc xây dựng các nhà máy thủy điện và diện tích đất đai tự nhiên khá rộng so với số dân có thể là điều kiện thuận lợi để Lào mở rộng chăn nuôi và trồng trọt nhằm cung cấp nguyên liệu đầu vào cho phát triển công nghiệp chế biến. Tuy nhiên, đây vừa là thế mạnh, vừa là cái bẫy rất lớn có thể sẽ khiến cho Lào phải trả giá đắt với các hậu quả tai hại do việc tàn phá môi trường sinh thái, nếu không có chiến lược lựa chọn đúng đắn và khôn ngoan, đi kèm với các biện pháp giám sát chặt chẽ.

Các mặt trái của phát triển công nghiệp ở Lào là gì? Trước hết, theo dõi tình hình đầu tư trong nước và nước ngoài ở Lào trong nhiều năm qua cho thấy, phần lớn các dự án có vốn đầu tư lớn đều tập trung vào lĩnh vực khai thác tài nguyên rừng, đất đai và khoáng sản. Hơn 100 công ty, trong đó khoảng 2/3 là các công ty nước ngoài chủ yếu đến từ Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam và một số nước khác đã có trong tay hàng trăm giấy phép thăm dò và khai thác khoáng sản trong nhiều năm qua, đã và đang làm cạn kiệt dần nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng và quý hiếm ở Lào; trong đó,

đáng chú ý nhất là việc khai thác vàng, đồng, chì, than đá, muối mỏ, thạch cao và trong tương lai không xa có thể gồm cả khai thác bô xít ở Nam Lào. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, tính đến nay, chỉ riêng Trung Quốc đã có 112 dự án đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản ở Lào[1].

Khuyến khích đẩy mạnh công nghiệp thăm dò và khai thác khoáng sản ở Lào có hại nhiều hơn là có lợi. Nguồn lợi thu được do việc bán rẻ tài nguyên phần lớn rơi vào tay các đối tác nước ngoài và một số cá nhân người Lào; trong khi ngân sách nhà nước Lào chỉ được hưởng một phần ít ỏi, chủ yếu là từ nguồn thu thuế khai thác tài nguyên, ngay cả số nhân công phục vụ cho các dự án thăm dò khai thác khoáng sản cũng chủ yếu đến từ nước ngoài. Đây là một thực tế. Trong khi đó, môi trường sinh thái của khu vực triển khai dự án bị tổn hại nghiêm trọng do các dự án khai thác khoáng sản đó gây ra hậu quả rừng bị tàn phá, làm cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước ngầm. Các siêu dự án trồng cây công nghiệp đại trà (cao su) của Trung Quốc ở khu vực Bắc Lào đã và đang tạo ra một số thu nhập nhất định cho cư dân bản địa khi họ được nhận giao khoán một số khâu trong công tác chăm sóc diện tích cây cao su từ phía nhà đầu tư; trong khi đó, tác hại thực mà các dự án gây ra lại rất khủng khiếp do hậu quả của nạn chặt phá rừng đầu nguồn, nạn săn bắt thú rừng và làm xói lở đất đai nghiêm trọng.

---

1. Xem: http://www.vitinfo.com.vn, (21/6/2010), trong bài "*Thấy gì trong chuyến thăm Lào của Phó Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình*" (Phó Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình thăm Lào trong hai ngày 15 và 16/6/2010).

Lào cũng là nước có nhiều nhà máy thủy điện và trong các kế hoạch dài hạn, chính phủ Lào còn muốn xây thêm nhiều nhà máy thủy điện khác nữa. Công nghiệp thủy điện ở Lào, một mặt có thể tạo ra nguồn điện nhiều, nhanh, tốt, rẻ nhất đối với Lào trong bối cảnh Lào khó có thể xây dựng các nhà máy nhiệt điện do thiếu nguồn cung ứng than đá hoặc không có khả năng sản xuất điện từ các nguồn khác do thiếu khả năng công nghệ. Hơn nữa, công nghệ thủy điện đơn giản hơn các công nghệ tạo ra nguồn điện khác, vì chỉ cần chọn địa điểm, ngăn dòng chảy để tạo thành hồ nước chạy các máy tua bin phát điện là có thể sản xuất ra điện năng rồi tải đi các nơi trong nước hoặc bán ra nước ngoài. Tuy nhiên, nếu phát triển thủy điện tràn lan có thể đem đến tai họa khôn lường không những cho Lào mà còn cho nhiều nước khác ở hạ nguồn sông Mê Kông, do thủy điện có thể biến đổi dòng chảy tự nhiên của các con sông, gây nên nạn tàn phá rừng do làm ngập tràn các diện tích rộng lớn và làm cạn kiệt các nguồn nước ở vùng hạ lưu của các con sông. Thủy điện có thể góp phần gây ra hậu quả lũ lụt. Đó là chưa kể sức nặng của các hồ chứa nước khổng lồ có thể gây ra những thay đổi địa chấn cực kỳ nguy hiểm dẫn tới động đất.

Tóm lại, khai thác khoáng sản, xây dựng các nhà máy thủy điện và tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến là những địa hạt công nghiệp đang phát triển mạnh ở Lào và là cứu cánh của nền kinh tế Lào trong 10 năm tới, nhưng đây cũng là những thách thức không nhỏ trong chiến lược phát triển bền vững ở Lào và tạo nên những hậu quả tai hại có thể nhìn thấy trước. Từ đó, có thể đưa ra một số kiến nghị như sau: 1) Cần hạn chế đến mức tối đa việc cấp phép thăm dò và

khai thác khoáng sản để tránh làm cạn kiệt tài nguyên và gây tổn hại tới môi trường sinh thái. 2) Cần nghiên cứu kỹ lưỡng và đánh giá khách quan tác động toàn diện của các dự án thủy điện trước khi cấp phép xây dựng. 3) Cần cân nhắc lợi hại của việc chặt phá rừng để trồng cây cao su và các loại cây công nghiệp khác ở Bắc và Nam Lào. Cần tăng cường thúc đẩy công nghiệp chế tạo, chế biến thân thiện với môi trường.

2.2.5. Vấn đề cân bằng cán cân thương mại ở Lào (tăng xuất khẩu, giảm nhập siêu)

Với bất kỳ quốc gia nào, cán cân thương mại cân bằng luôn là điều tốt nhất. Điều đó phản ánh sản xuất và tiêu dùng thường ở mức hợp lý, tỷ giá hối đoái ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát và chính phủ không phải đối mặt với những bất trắc do vấn đề xuất siêu hay nhập siêu gây ra.

CHDCND Lào là nước có tốc độ tăng trưởng thương mại khá cao trong những năm gần đây, trung bình đạt 39,19%/năm trong khoảng thời gian 6 năm 2004 - 2009; thậm chí năm 2008, mức tăng trưởng thương mại đạt 140,71%[1] (xem *Bảng 2.2.5.*). Tuy nhiên, Lào cũng là nước không đạt được cân bằng thương mại mà luôn ở trạng thái thâm hụt, giá trị nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu vì các nguyên nhân khách quan, trong đó chủ yếu là do nền sản xuất hàng hóa chưa phát triển, nguồn cung hàng còn hạn chế. Nhìn vào số liệu thống kê trong *Bảng 2.2.5,* chúng ta thấy, tình hình xuất khẩu của Lào từ năm 2003 đến 2009 đạt kim ngạch khoảng 3.140,7 triệu USD, bình quân mỗi năm đạt 448,67 triệu USD; tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân đạt 41,89%/năm trong các năm 2003-2009; trong đó,

---

1. Xem: *ASEAN Statistical Yearbook*, 2008, tr. 59.

đáng chú ý là năm 2006 xuất khẩu tăng 131,31%; năm 2008 tăng 116,75%[1]; năm 2009 tăng 137,73%; đạt các giá trị tương ứng là: 402,7 triệu USD (năm 2006); 827,7 triệu USD (năm 2008) và 1,104 tỷ USD (năm 2009).[2] Sở dĩ xuất khẩu của Lào những năm gần đây tăng mạnh là do có phần đóng góp đáng kể của lĩnh vực khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, mức chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu nhìn chung vẫn còn ở mức khá cao và tình trạng nhập siêu của Lào luôn ở mức kỷ lục (xem *Bảng 2.2.5.*).

***Bảng 2.2.5.* Kim ngạch thương mại Lào giai đoạn 2003 - 2009 (triệu USD)**

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Chênh lệch	Tăng trưởng (%)
2003*	143,9	338,1	482,0	-194,2	-
2004	106,4	504,7	611,1	-398,3	26,77%
2005	174,1	701,8	875,9	-527,7	43,33%
2006	402,7	587,5	990,2	-184,8	13,04%
2007	381,9	711,1	1 093,0	-329,2	10,38%
2008	827,7	1.803,2	2 630,9	-975,5	140,71%
2009*	1.104,0	1 308,0	2.412,0	-204,0	0,92%

Nguồn: Từ 2003-2008, Xem: *ASEAN Statistical Yearbook*, 2008, tr. 56-63.

- Số liệu 2009, Xem: *CIA (Factbook, 2010)*.

1. Xem: *ASEAN Statistical Yearbook*, 2008, tr. 63.
2. Xem: *CIA, Factbook: Lao Economy 2010*, cập nhật 20/07/2010.

Vấn đề là làm thế nào để giải quyết tình trạng thâm hụt thương mại ở Lào theo hướng tăng xuất khẩu và giảm nhập siêu, đồng thời giữ được trạng thái cân bằng thương mại tương đối bền vững? Đây là bài toán khá phức tạp đối với Lào trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của hai kỳ kế hoạch 5 năm sắp tới: kế hoạch 2011 - 2015 và 2016 - 2020 mà lời giải phụ thuộc vào các giải pháp tích cực nhằm tác động mạnh mẽ tới xuất khẩu và nhập khẩu.

Trước hết, về xuất khẩu. Trong 10 năm tới (2011 - 2020), các mặt hàng xuất khẩu của Lào vẫn sẽ gồm ba nhóm mặt hàng chính: 1) Nông - lâm - thủy sản (sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi, cá nước ngọt, cà phê, hạt ý dĩ, cánh kiến, sa nhân, gỗ và sản phẩm gỗ...); 2) Hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp (chế biến, may mặc, thủ công mỹ nghệ...); 3) Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản (điện năng, vàng, đồng, thiếc, chì, muối mỏ, thạch cao...). Nhiều dự báo cho thấy, ngoài các mặt hàng xuất khẩu truyền thống như điện năng, gỗ và các sản phẩm về gỗ, may mặc,... vẫn tiếp tục giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu xuất khẩu, thì các sản phẩm như: khai khoáng, cà phê, lâm sản... có thể sẽ dần vươn lên giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu xuất khẩu của Lào.

Xét về cơ cấu nhóm mặt hàng xuất khẩu, những năm tới, nhóm mặt hàng gỗ và chế biến gỗ, may mặc và thủ công nghiệp thường có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất trong những năm vừa qua (khoảng 62%) sẽ giảm tỷ trọng đáng kể xuống còn khoảng 47%. Thay vào đó, nhóm mặt hàng điện năng và khoáng sản với tỷ trọng xuất khẩu thường chiếm khoảng 30% trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, sẽ có xu hướng tăng nhanh và đạt tỷ trọng khoảng 43% trong các năm tới. Nhìn

chung, có thể dự đoán trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, tổng lượng xuất khẩu hai nhóm mặt hàng này sẽ chiếm tỷ trọng khoảng 90%; còn 10% là các mặt hàng của nhóm nông - lâm - thủy sản. Các nhân tố có tác động mạnh đến xuất khẩu như tăng vốn đầu tư, mở rộng khả năng sản xuất hàng hóa, cải thiện hệ thống dịch vụ thuế quan, tăng cường thu hút FDI... sẽ đóng vai trò tích cực liên quan đến tăng trưởng xuất khẩu.

Như vậy, có thể thấy rằng, dù có tăng trưởng hơn nữa thì các mặt hàng xuất khẩu của Lào trong thập niên tới cũng chủ yếu là các nguyên liệu thô, giá trị gia tăng thấp như từ trước tới nay. Khác với nhiều nước đang phát triển khác, tăng trưởng theo chiều rộng của Lào vẫn chưa đến mức tới hạn, vì đất đai rộng, dân số ít, tài nguyên phong phú. Chỉ có điều, theo chiều hướng tăng trưởng này, xuất khẩu càng tăng thì tài nguyên Lào càng chóng cạn kiệt, nhất là khi Lào có hệ thống đường sắt do Trung Quốc xây dựng (dự kiến 5 - 10 năm tới) thì khối lượng tài nguyên thất thoát do nước ngoài khai thác sẽ càng lớn. Rõ ràng, với thực lực của Lào, cái giá của cân bằng thương mại nếu có đạt được cũng sẽ rất đắt và không bền vững.

Theo chiều hướng khác, giải pháp tăng cường năng lực sản xuất hàng hóa xuất khẩu có hàm lượng chất xám cao sẽ đòi hỏi Lào phải có nguồn vốn lớn, trình độ khoa học công nghệ cao, nguồn nhân lực được đào tạo bài bản,... có lẽ là giải pháp rất xa vời, khó có khả năng trở thành hiện thực.

Thứ hai, về nhập khẩu. Cũng giống như nhiều nước đang phát triển khác, Lào luôn trong tình trạng nhập siêu. Khi năng lực sản xuất hàng hóa của một quốc gia còn yếu kém thì nhập siêu là tình trạng tương đối phổ biến. Tuy nhiên, mức độ nhập

siêu chỉ nên ở ngưỡng cho phép, tức là không được vượt quá những giới hạn nhất định (vì nhập khẩu phải được tính toán phù hợp với khả năng thanh toán ngoại tệ của đất nước). Theo kinh nghiệm của nhiều nước đang phát triển, nhập siêu cần khống chế ở mức khoảng 20% so với kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, ở Lào nhập siêu luôn ở mức quá lớn trong những năm gần đây. Nhìn vào *Bảng 2.2.5.* trên đây, chúng ta thấy chỉ có năm 2009, mức nhập siêu của Lào là có thể chấp nhận được: khoảng 18% so với kim ngạch xuất khẩu (xuất 1.104 triệu USD, nhập 1.308 triệu USD)[1]. Những năm còn lại, mức nhập siêu của Lào luôn vượt rất xa ngưỡng cho phép, chẳng hạn 134% năm 2003, 374% (2004), 303% (2005), 45% (2006), 86% (2007), 117% (2008). Đây là tình trạng không bình thường. Nếu tính cả nhập lậu thì mức nhập siêu của Lào còn lớn hơn rất nhiều. Có thể nói, trong các nước ASEAN khoảng 5 năm gần đây, cùng với hai nước khác là Việt Nam và Philippines, Lào luôn ở trong tình trạng nhập siêu khá nghiêm trọng.

Vấn đề là Lào có thể giảm nhập siêu được không? Đây là bài toán rất khó do nền sản xuất của Lào đang ở trình độ thấp nên mọi thứ máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên vật liệu chủ yếu, thậm chí hàng tiêu dùng... đều phải nhập khẩu. Từ đó có thể thấy, trong các thập niên tới, nhập siêu ở Lào chỉ có thể giảm bớt phần nào chứ không thể triệt tiêu. Giải pháp tốt nhất để giảm nhập siêu về lâu dài là không ngừng nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa để gia tăng xuất khẩu, giảm tối đa

1. Xem: *CIA, The World Factbook: Lao Economy 2010*, cập nhật ngày 20/7/2010.

việc nhập khẩu những mặt hàng và nguyên liệu mà trong nước có thể sản xuất được, gắn liền với tăng cường giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực nhằm hướng tới gia tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả chung của nền kinh tế quốc dân.

2.2.6. Vấn đề cân đối ngân sách và ổn định lạm phát

Cân đối ngân sách và ổn định lạm phát là hai vấn đề có mối quan hệ ràng buộc chặt chẽ. Đây cũng là hai vấn đề phức tạp và luôn làm cho Chính phủ Lào phải đối phó vất vả trong giải quyết các vấn đề kinh tế vĩ mô.

Ở Lào, ngân sách chưa bao giờ đạt được mức cân bằng, trái lại thường xuyên bị thâm hụt do tình trạng thu ngân sách tăng thấp, bội chi ngân sách lớn. Tình trạng thu không đủ, bỏ sót nguồn thu hay thu mà không nộp ngân sách là tình trạng khá phổ biến ở Lào. Điều này cho thấy, hệ thống thu thuế và kỷ luật ngân sách hiện nay của Lào còn nhiều vấn đề khiếm khuyết. Trong khi đó, bội chi ngân sách lớn do thu không bảo đảm yêu cầu chi quá mức nên ngân sách thường xuyên thâm hụt, buộc phải bù đắp bằng nguồn phát hành tiền và bằng vay nợ, khiến nền kinh tế luôn trong trạng thái căng thẳng. Theo kinh nghiệm quốc tế, nhất là kinh nghiệm của các nước đang phát triển, để tránh tác động xấu tới lạm phát thì bội chi ngân sách không nên vượt quá 5% GDP và đặc biệt không được phép phát hành tiền giấy để bù đắp bội chi ngân sách. Tuy nhiên, bội chi ngân sách ở Lào luôn cao hơn mức cho phép. Chẳng hạn, trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, bội chi ngân sách năm thấp nhất cũng ở mức 7,44% so với GDP, tức khoảng 1.294 tỷ kíp (năm 2002) và cao nhất là 8,54% GDP, tức bằng 2.390 tỷ kíp (năm 2005) và tổng bội chi cả kỳ kế hoạch là 7,88% GDP, bằng khoảng 8.531 tỷ kíp (xem *Bảng 2.2.6.*).

Bảng 2.2.6. **Thu chi ngân sách nhà nước Lào giai đoạn 2001 - 2005 (tỷ kíp)**

		2001	2002	2003	2004	2005	2001-05
1.	Thu ngân sách	2.168	2.473	2.959	3.325	4 005	14.930
2.	Chi ngân sách	3 548	3.767	4.562	5 189	6 395	23.461
3.	Bội chi	1.380	1.294	1.603	1.864	2 390	8.531
4.	GDP	16.800	17.400	21.422	24.600	28 000	108 222
4.1.	Tổng thu NS so với GDP (%)	12,90	14,21	13,81	13,52	14,30	13,80
4.2	Tổng chi NS so với GDP (%)	21,12	21,65	21,30	21,09	22,84	21,68
4.3.	Bội chi NS so với GDP(%)	8,21%	7,44%	7,48%	7,58%	8,54%	7,88%

Nguồn: Bộ Tài chính Lào, Viêng Chăn, tháng 12/2005.

Do bội chi ngân sách dẫn đến sự thâm hụt ngân sách ngày càng trầm trọng, cộng với việc mở rộng các dự án đầu tư quá khả năng cho phép tất yếu làm cho tình trạng bội chi chỉ có khả năng giải quyết bằng việc in tiền giấy hoặc vay nợ nước ngoài đã làm cho lạm phát gia tăng. Trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, lạm phát ở Lào luôn ở mức cao hơn so với các nước ASEAN khác trong cùng thời gian, ở mức 15,2% trong 2 năm 2002 và 2003 và dao động ở mức 6,2% - 8,8% trong các năm còn lại[1].

---

1. Xem: *ASEAN Statistical Yearbook*, 2008, tr. 40.

Sang đến kế hoạch 5 năm lần thứ VI (2006 - 2010), thu chi ngân sách và vấn đề bội chi vẫn là chủ đề nóng bỏng trong chương trình nghị sự của Chính phủ Lào tuy mức độ căng thẳng không còn như trước do nguồn bù đắp sự thiếu hụt (chủ yếu là do viện trợ) đã khá hơn trước. Vì vậy, lạm phát cũng luôn được khống chế ở mức một con số.

Theo số liệu dự báo của Bộ Tài chính Lào, tổng thu ngân sách nhà nước trong 5 năm 2006 - 2010 dự kiến tăng gấp 3 lần tổng thu ngân sách trong 5 năm 2001 - 2005, đạt khoảng 44.790 tỷ kíp, tăng bình quân khoảng 19,5%/năm. So với GDP theo giá hiện hành, dự báo tỷ lệ thu ngân sách trên GDP tăng từ 14,3% năm 2005 lên 16,0% năm 2010, bình quân 5 năm đạt khoảng 14,5%. Trong tổng thu ngân sách nói trên, thu từ thuế dự kiến đạt 36,3%, thu từ hải quan chiếm 29,0%, thu từ đất đai chiếm khoảng 1%, thu từ công sản chiếm khoảng 23%, thu từ viện trợ chiếm khoảng 10,7%.

Tổng chi ngân sách nhà nước trong 5 năm 2006 - 2010 dự kiến đạt gấp 2 lần so với kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và tăng khoảng 15,3%/năm. Tỷ lệ chi ngân sách trên GDP trung bình khoảng 20,9%/năm. Bội chi ngân sách trong kỳ kế hoạch này dự kiến là 15 ngàn tỷ kíp, gấp 1,76 lần so với kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, bằng khoảng 6,5% GDP. Dự báo, tỷ lệ bội chi ngân sách trên GDP sẽ giảm dần từ 8,54% năm 2005 xuống còn 5,1% năm 2010[1] và sẽ được bù đắp chủ yếu bằng nguồn vay hoặc viện trợ nước ngoài.

1. Xin lưu ý, tất cả các con số liên quan đến cân đối ngân sách của kỳ kế hoạch 2006-2010 chỉ là dự báo. Các số liệu chính thức của kỳ kế hoạch này thường sẽ chỉ được Chính phủ Lào công bố vào khoảng giữa năm 2011.

Dự báo trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI (2011 - 2020), thu chi ngân sách của Lào có thể sẽ được cải thiện đáng kể nhưng khó đạt được bước đột phá do cơ cấu thu chi không thay đổi bao nhiêu và quan trọng nhất là nền kinh tế Lào được dự báo là vẫn tiếp tục tăng trưởng theo chiều rộng, chứ chưa có khả năng tăng trưởng theo chiều sâu. Trong tình hình đó, tổng thu ngân sách so với GDP của Lào dự báo có thể sẽ nằm trong khoảng 13% - 18%/năm, tức là chưa thể đạt mức trên dưới 20% như phần lớn các nước trong khu vực. Tổng chi ngân sách dự báo sẽ nằm trong khoảng 21% - 24% so với GDP chứ chưa thể xuống dưới 20% như nhiều người kỳ vọng.

Như vậy, rõ ràng cân đối ngân sách và ổn định lạm phát là vấn đề không dễ dàng, nhất là đối với Lào, trong bối cảnh nền kinh tế quốc dân đang trong quá trình phát triển cả về cơ sở hạ tầng, luật pháp và các nguồn lực khác.

2.2.7. Vấn đề thu hút FDI và hội nhập quốc tế

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và hội nhập quốc tế thành công là mục tiêu phát triển trước mắt cũng như lâu dài của CHDCND Lào. Trong điều kiện nguồn vốn trong nước còn hạn chế, trình độ khoa học và công nghệ chưa phát triển, nguồn nhân lực còn yếu kém thì FDI là một trong những kênh quan trọng nhất giúp Lào từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tiếp thu kiến thức về khoa học công nghệ, hoàn thiện kỹ năng quản lý và góp phần đào tạo nguồn nhân lực.

Lào ban hành Luật Đầu tư nước ngoài đầu tiên vào năm 1988, tức là chỉ sau hai năm khi đất nước quyết định thực hiện đường lối chính sách đổi mới, cải cách và mở cửa (1986).

Trải qua nhiều lần bổ sung, sửa đổi, đến nay Luật Khuyến khích Đầu tư nước ngoài của Lào được dư luận quốc tế đánh giá là một trong những bộ luật cởi mở và hấp dẫn nhất trong số các nước Đông Nam Á. Trước năm 2000, FDI vào Lào rất nhỏ giọt và chủ yếu là đến từ các đối tác gần gũi trong khu vực, nhất là Thái Lan, do cơ sở hạ tầng của Lào khi đó còn yếu kém, hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh. Tuy nhiên, bắt đầu từ sau năm 2000 đến nay, tình hình đã hoàn toàn đổi khác.

Theo số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, tính từ năm tài khóa 2000 - 2001 đến hết tháng 6/2010, có 39 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Lào, với 1.473 dự án có tổng vốn đăng ký đạt giá trị hơn 12,49 tỷ USD; trong đó đứng đầu là Thái Lan với hơn 2,666 tỷ USD; xếp thứ hai là Trung Quốc: hơn 2,643 tỷ USD và thứ ba là Việt Nam: hơn 2,263 tỷ USD[1]. Thứ hạng tiếp theo trong bảng Top Ten theo thứ tự lần lượt là: Hàn Quốc (479,8 triệu USD), Pháp (459,1 triệu USD), Nhật Bản (437,3 triệu USD), Ấn Độ (352,8 triệu USD), Australia (334,7 triệu USD), Na Uy (230,1 triệu USD), Malaysia (156,4 triệu USD). Đầu tư nước ngoài tại Lào bao quát hầu hết các khu vực trọng yếu của nền kinh tế quốc dân như: thủy điện, nông nghiệp, khai khoáng, công nghiệp chế biến và thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại, xây dựng, khách sạn và nhà hàng, chế biến gỗ, ngân hàng, viễn thông, may mặc, tư vấn. Trong tổng vốn đăng ký trên đây, đáng chú ý là 5 lĩnh vực có số vốn cam kết đạt trên 1 tỷ USD, gồm: thủy điện: 4.153 tỷ USD (48 dự án); khai khoáng: 3,152 tỷ

1. Xem: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, Cục Khuyến khích Đầu tư: "*Báo cáo tổng hợp số liệu đầu tư trong nước và nước ngoài 2000-2010 (Jun)*", Viêng Chăn, 2010 (Bản tiếng Lào).

USD (204 dự án); dịch vụ: 1,458 tỷ USD (256 dự án); nông nghiệp: 1,291 tỷ USD (226 dự án)[1].

Bảng 2.2.7. **Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Lào, 2000-2009[2]**

Năm	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)	Vốn thực hiện (triệu USD)	% vốn thực hiện
2000-2001	64	54	75	138,8%
2001-2002	80	133	93	69,9%
2002-2003	178	426	155	36,3%
2003-2004	161	533	299	56,0%
2004-2005	143	1.245	449	36,0%
2005-2006	171	2.699	628	23,2%
2006-2007	191	1.136	770	67,7%
2007-2008	152	1.215	734	60,4%
2008-2009	208	4.312	345	8,0%
2009-2010	125	701	-	-
Tổng cộng	**1.473**	**12.494**	**3.548***	**Bình quân 55,1%****

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, Cục Khuyến khích đầu tư; Thủ đô Viêng Chăn, 2010.

Ghi chú: * và ** Số vốn thực hiện 3.548 triệu USD trong cột thứ tư trên đây và tỷ lệ bình quân vốn thực hiện 55,1% là chưa tính năm 2009 - 2010.

---

1. Xem: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào: Tài liệu đã dẫn.
2. Số liệu ở đây được tính theo năm tài khóa Lào bắt đầu từ ngày 1/10 năm trước đến hết 30/9 năm sau.

Bảng số liệu trên đây về FDI tại Lào cho thấy, tỷ lệ vốn thực hiện hàng năm tuy có khác nhau, thấp nhất là năm 2008 (8,0%) do kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, nhưng tỷ lệ vốn thực hiện vẫn đạt bình quân mỗi năm 55,1%, tức là mức khá cao so với các nước và vùng lãnh thổ khác nhau trên thế giới. Như vậy, qua việc thực hiện FDI tại Lào trong 10 năm qua, có thể thấy rằng, các đối tác nước ngoài chủ yếu quan tâm đến việc khai thác khoáng sản, xây dựng các nhà máy thủy điện, mở mang các loại hình dịch vụ và tận dụng khả năng sinh lời của đất đai ở Lào, những lĩnh vực mà Lào có tiềm năng to lớn nhưng lại thiếu khả năng tự khai thác do thiếu vốn và có thể đem lại lợi nhuận cao cho nhà đầu tư.

Không thể phủ nhận tác động to lớn và tích cực của FDI tại Lào trong thập niên đầu của thế kỷ XXI. Từ một đất nước dường như đóng cửa, biệt lập với thế giới bên ngoài vì không có đường ra biển, cơ cấu kinh tế nghèo nàn lạc hậu, trình độ dân trí thấp, FDI đã góp phần mở mang sản xuất, nâng cao dân trí, đem đến cho Lào những công nghệ và kỹ năng làm việc cần thiết, đồng thời góp phần kết nối thông thương các khu vực nội địa của Lào với nhau và đưa Lào từng bước hội nhập với khu vực và thế giới.

Có thể nói, cùng với kênh hoạt động thương mại và sự tích cực chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và đa phương (WB, IMF, ADB, ASEAN, AFTA, AIPO...), lĩnh vực FDI giúp Lào hội nhập với khu vực và thế giới một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Hiện nay, Lào đang trong quá trình đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đây sẽ là bước quan trọng giúp Lào hội nhập hoàn toàn với thế giới để trở thành một thành viên bình đẳng trong các luật chơi chung.

Tuy nhiên, cùng với lợi thế của một nước đi sau, vấn đề viện trợ ODA, thu hút FDI và hội nhập quốc tế cũng đặt Lào trước những thách thức quyết liệt mang tính chất sống còn. Dự báo, nếu Lào không tự nỗ lực vươn lên, lợi dụng thời cơ và ngoại lực để tự hoàn thiện chính bản thân mình, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, xây dựng nền tảng dân chủ của xã hội phù hợp với xu thế vận động của lịch sử, từ đó có thể giúp Lào đủ sức chủ động đề phòng trước sức mạnh kinh tế và chính trị lấn lướt từ bên ngoài thì Lào sẽ rất dễ rơi vào cạm bẫy của chính cái "bánh" ODA, FDI và hội nhập, và sớm muộn sẽ dần bị phụ thuộc vào các thế lực chính trị và kinh tế bên ngoài, thậm chí có thể dẫn tới họa bị đồng hóa.

2.2.8. Vấn đề đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ở Lào

Ngày nay, các nhà khoa học đều nhất trí cho rằng, trong những ước tính về tổng giá trị của cải bao gồm: giá trị sản xuất, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên con người và giá trị thể chế thì tài nguyên con người và giá trị thế chế (được đo bởi pháp quyền) là những yếu tố cấu thành quan trọng nhất trong tổng giá trị của cải của hầu hết các quốc gia. Điều này có nghĩa là, nguồn nhân lực và thể chế là hai nhân tố quan trọng nhất đối với công cuộc phát triển của bất kỳ nước nào. Nguồn nhân lực ở đây không đơn giản chỉ là những con người cụ thể bằng xương bằng thịt, mà đó là những con người được giáo dục đào tạo, có năng lực trí tuệ và các kỹ năng, kiến thức cần thiết để tham gia vào quá trình lao động sản xuất nhằm tạo ra những giá trị của cải vật chất và tinh thần cho xã hội.

Như vậy, xét dưới góc độ kinh tế học, con người được xem là nguồn vốn đặc biệt, nguồn vốn vô hình; đó là vốn nhân lực,

là nguồn vốn tập hợp kỹ năng, năng lực sản xuất, tức là năng lực kinh tế của con người.

Trong một công trình nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (2008): "*Của cải của các quốc gia ở đâu?*" [1], các ước tính chung về giá trị của cải còn cho thấy, trong khối của cải hữu hình và vô hình thì giá trị của cải vô hình (bao gồm giá trị nguồn nhân lực và chất lượng hệ thống thể chế chính thức và không chính thức,...) chiếm vị trí vượt trội ở tất cả các quốc gia.

Bảng so sánh nguồn lực giữa các nhóm nước

(tính bình quân USD/người và tỷ lệ %)

Nhóm thu nhập	Nguồn lực tự nhiên	Giá trị sản xuất	Nguồn vốn vô hình	Tổng giá trị của cải	Tỷ lệ nguồn lực tự nhiên	Tỷ lệ giá trị sản xuất	Tỷ lệ vốn vô hình
Các nước thu nhập thấp	1 925	1 174	4 434	7 533	25%	16%	59%
Các nước thu nhập trung bình	3 496	5 347	18 773	27 616	13%	19%	68%
Các nước thu nhập cao (OECD)	9 531	76 193	353 339	439 063	2%	17%	81%
Toàn thế giới	4 011	16 850	74 998	95 859	4%	18%	78%

Nguồn: Ngân hàng Thế giới. Ghi chú: Không bao gồm các nước sản xuất dầu mỏ.

---

1 Xem: Ngân hàng Thế giới: "*Của cải của các quốc gia ở đâu ?*", Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

Qua *Bảng so sánh nguồn lực giữa các nhóm nước*, chúng ta thấy rõ sự khác biệt rất lớn về tổng giá trị của cải tính theo đầu người giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Số liệu tính toán đó cho thấy, *phần đóng góp của nguồn lực tự nhiên trong tổng giá trị của cải của các quốc gia có xu hướng giảm dần theo thu nhập, trong khi phần đóng góp của nguồn vốn vô hình lại tăng mạnh.* Đây là một phát hiện rất có ý nghĩa, nó cho thấy một điều chắc chắn rằng, *các nước giàu lên chủ yếu là nhờ kỹ năng, kiến thức của nguồn nhân lực và chất lượng của hệ thống thể chế hỗ trợ cho các hoạt động kinh tế, chứ không phải do nguồn của cải có sẵn trong tự nhiên.* Kinh nghiệm của thế giới cho thấy, các nước châu Phi rất giàu về tài nguyên nhưng đến nay vẫn là các nước rất nghèo và lạc hậu; các nước Trung Đông rất giàu dầu lửa nhưng vẫn chưa được xếp vào hạng các nước phát triển; còn khu vực Tây Âu tài nguyên nghèo nàn, đặc biệt là Nhật Bản và Hàn Quốc ở châu Á hầu như không có tài nguyên gì nhưng lại là những nước giàu có và phát triển hàng đầu thế giới.

Hầu hết tài sản quốc gia là nguồn vốn vô hình. Xét về thành phần cấu tạo, nguồn vốn vô hình bao gồm những tài sản không được tính đến khi ước lượng vốn tự nhiên và vốn sản xuất. Tài sản vô hình bao gồm những kiến thức, kỹ năng và bí quyết của lực lượng lao động. Đó còn là trình độ tổ chức và quản lý, là cơ chế chính sách và hệ thống pháp luật do con người tạo ra trong quá trình hoạt động sản xuất. Khái niệm này cũng bao gồm cả nguồn vốn xã hội, sự tin tưởng lẫn nhau của những người trong cùng một tổ chức và khả năng làm việc cùng nhau vì mục đích chung. Trong các cấu phần của nguồn vốn vô hình, vốn nhân lực là cấu phần quan trọng nhất. Đó là nguồn vốn khá bền vững.

Trong nền sản xuất thị trường hiện đại, ngoài nguồn vốn vật chất hữu hình được sử dụng thường xuyên trong quá trình sản xuất và có biểu hiện dễ thấy như công cụ, máy móc, nhà xưởng, phương tiện vận tải,... người ta còn chú ý đến những dạng phi vật chất của nguồn vốn, trong đó có nguồn vốn của từng cá nhân. Nguồn vốn cá nhân là ưu điểm trong mỗi con người, được bảo vệ bởi xã hội và đem trao đổi để thu về sự tin cậy hoặc tiền bạc. Những khái niệm gần với nó là "tài năng", "sự tháo vát", "khả năng lãnh đạo", "những kiến thức được đào tạo", hoặc "những khả năng bẩm sinh"... Đây là nguồn vốn không dễ tạo ra được bằng cách kết hợp các dạng tư bản vật chất và phi vật chất kể trên.

Nhân tố con người bao giờ cũng được xem là một nguồn vốn bền vững. Tuy nhiên, để có được một sự phát triển bền vững thì nguồn vốn nhân lực còn phải trải qua đào tạo, giáo dục để có được đội ngũ những người quản lý và nguồn lao động có kiến thức, kỹ năng. Làm thế nào để "đầu tư" vào con người một cách có hiệu quả, để từ đó thu được những thành tựu về khoa học, công nghệ phục vụ cho quá trình sản xuất và nâng cao năng suất lao động? Đây luôn là bài toán khó và giải được bài toán này đồng nghĩa với việc sẽ tiết kiệm được nguồn vốn vô cùng to lớn đối với bất kỳ công cuộc phát triển nào. Điều này lại càng đúng và quan trọng đối với Lào nói riêng và các nước đang phát triển nói chung.

Trong số các nước Đông Á, Lào được Liên hợp quốc xác định là một trong số bốn nước "kém phát triển nhất" (ba nước còn lại là Campuchia, Myanmar và Đông Timor). Điều này được biểu hiện chủ yếu bằng mức thu nhập tính theo đầu người thấp, mức phát triển nguồn nhân lực thấp và thiếu sự đa dạng của các ngành kinh tế.

Sau gần 25 năm tiến hành công cuộc cải cách mở cửa (1986 - 2010), CHDCND Lào đang bước sang một giai đoạn phát triển mới, trong đó vị thế kinh kế và năng lực không còn đơn thuần phụ thuộc vào sự sẵn có của các lợi thế cạnh tranh truyền thống dựa trên tài nguyên thiên nhiên và chi phí lao động rẻ. Trong giai đoạn phát triển mới (2011 - 2020), yếu tố nguồn nhân lực chất lượng cao, có đủ tri thức và kỹ năng, sẽ giữ vai trò then chốt đảm bảo cho khả năng phát triển và hội nhập thành công của nền kinh tế Lào vào kinh tế khu vực và thế giới.

Theo số liệu thống kê, GDP theo giá hiện hành năm 2009 của Lào đạt khoảng 5,742 tỷ USD, bình quân đầu người đạt khoảng 968,6 USD. Chi phí của Lào cho giáo dục năm 2009 khoảng 3% GDP. Tuy nhiên, trình độ học vấn của số đông dân cư ở Lào hiện nay còn rất thấp, mới chỉ có khoảng 27% dân số trên 15 tuổi đã hoàn thành giáo dục tiểu học và đối với phụ nữ tỉ lệ này mới chỉ là 22%. Khoảng 77% lực lượng lao động Lào tập trung ở nông thôn và khoảng 60% cơ sở sản xuất nông nghiệp trong toàn quốc vẫn sản xuất chủ yếu là để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng hàng ngày. Điều này cho thấy hệ quả tương hỗ của cái vòng luẩn quẩn: sản xuất ở Lào còn yếu kém và chất lượng nguồn nhân lực của Lào còn nhiều hạn chế.

Theo số liệu thống kê gần đây, hiện nay Lào là một trong những nước có tỷ lệ sinh cao nhất ở châu Á (2,32%) với mức bình quân khoảng 33,96 trẻ sơ sinh/1000 người dân. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là sự tăng tỷ lệ dân số tự nhiên của Lào chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn, nơi cư trú của phần lớn cư dân Lào. Thực tế cho thấy, sự tăng trưởng lực lượng

lao động tập trung hầu hết ở những khu vực nông thôn sẽ đặt ra rất nhiều thách thức: cơ hội tìm kiếm việc làm thêm ở nông thôn bị hạn chế; giáo dục ở khu vực nông thôn kém hiệu quả và có chất lượng thấp hơn so với các khu vực thành thị; hơn 40% trẻ em ở những khu vực nông thôn của Lào bị suy dinh dưỡng và điều này có thể làm giảm khả năng nhận thức của trẻ khi chúng theo học ở trường; các dịch vụ y tế ở nông thôn cũng ở dưới mức tiêu chuẩn thông thường so với các điều kiện này tại các khu vực thành thị... Tất cả những điều này có thể làm cho gánh nặng về chi tiêu ngân sách của Lào cho dân số, y tế và giáo dục sẽ càng nặng thêm trong việc giải quyết bài toán đào tạo nguồn nhân lực.

Trong báo cáo toàn cầu của Tổ chức phát triển Liên hợp quốc (UNDP), chỉ số phát triển con người (HDI) của Lào liên tục được cải thiện trong những năm gần đây và đạt chỉ số 0,601 năm 2005[1], trên cả Campuchia (0,598) và Myanmar (0.583) trong nhóm các nước ASEAN; xếp thứ 133/177 nước được xếp hạng, trên cả một số nước khác như Bangladesh, Nepal, Bhutan và Pakistan, nhưng vẫn nằm trong nhóm nước có chỉ số HDI ở dưới mức trung bình trên thế giới.

Việc chỉ số HDI của Lào được cải thiện phần nào không chỉ được giải thích bằng sự cải thiện mức sống vật chất hoặc trình độ học vấn, mà bằng cả việc tăng lượng học sinh nhập học và mức tăng thu nhập tính trên đầu người theo sức mua tương đương (PPP). Tuy nhiên, với chỉ số HDI còn thấp so với nhiều nước cho thấy nguồn nhân lực của Lào còn rất

1 Xem: *ASEAN Statistical Yearbook 2008* - Table XI.1. *Human Development Index (HDI)*. 1985-2005, p. 247

yếu kém về chất lượng, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước nhằm đưa Lào sớm thoát khỏi tình trạng đói nghèo và kém phát triển.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực có thể được gia tăng mạnh mẽ thông qua việc chi tiêu cho giáo dục, đào tạo tại chỗ và đầu tư vào y tế và dinh dưỡng. Chỉ tiêu cơ bản nhất để đánh giá nguồn nhân lực là số năm được đào tạo bình quân của lực lượng lao động. Các nhà kinh tế luôn coi giáo dục, đào tạo là khoản đầu tư có hiệu quả vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đã phân tích mối quan hệ tương hỗ hiển nhiên giữa các khoản đầu tư vào nguồn nhân lực và thu nhập, và rút ra kết luận rằng, trình độ giáo dục cao lý giải cho mức sản lượng cao. Như vậy, suy cho cùng, nguồn nhân lực tốt là kết quả của việc đầu tư đúng hướng vào việc nâng cao kỹ năng và kiến thức của lực lượng lao động. Hay nói cách khác, giáo dục và đào tạo là chìa khóa cho công cuộc xây dựng và phát triển.

Đối với trường hợp của Lào hiện nay, giáo dục là một yếu tố then chốt có tính quyết định trong việc đáp ứng các mục tiêu của xóa đói giảm nghèo, nâng cao năng lực sản xuất cạnh tranh và tăng cường hội nhập quốc tế. Người Lào phải biết đọc, biết viết và sở hữu các kiến thức về phương pháp canh tác nông nghiệp hiện đại và nhiều kỹ năng khác, mới có thể đáp ứng được yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước.

Giáo dục còn thúc đẩy sự bình đẳng, giúp trang bị kiến thức về văn hóa - xã hội cho tất cả các nhóm tộc người. Một hệ thống giáo dục được cải thiện sẽ đảm bảo được sự bình đẳng về cơ hội thành công cho nam giới và nữ giới. Giáo dục còn là điều kiện cơ bản để củng cố nhân lực làm việc một cách có hiệu quả và giúp họ

mở rộng tầm nhìn và nhận thức. Những cải tiến trong công tác giáo dục và đào tạo nhân lực sẽ là tiền đề cho phát triển các ngành khác trong cơ cấu kinh tế quốc dân và sẽ giúp quản lý đất nước hiệu quả hơn.

Mặc dù đã đạt được nhiều tiến triển quan trọng, nhưng nhìn chung, thực trạng giáo dục ở Lào hiện nay vẫn đang ở mức thấp so với yêu cầu phát triển đất nước, đặc biệt, mặt bằng học vấn của người lao động Lào vẫn ở dưới mức tiêu chuẩn so với quốc tế. Theo các nhà nghiên cứu kinh tế, để đạt được mức sản lượng nông nghiệp bình thường, người lao động phổ thông ở các nước đang phát triển phải có trình độ giáo dục tối thiểu từ 4 - 6 năm và mức trung bình là từ 6 đến 8 năm. Tuy nhiên, ở Lào mới chỉ có khoảng 40% dân số Lào đạt mức giáo dục từ 4 đến 6 năm (trình độ học vấn tối thiểu này còn thấp hơn ở các khu vực nông thôn của Lào). Trình độ học vấn thấp kéo theo năng suất lao động nông nghiệp thấp và dẫn tới đói nghèo.

Mục tiêu của Chính phủ Lào là tới năm 2020, khoảng 98% dân cư có trình độ hoàn thiện giáo dục tiểu học (lớp 5), 85% có trình độ trung học cơ sở (lớp 9), 34% có trình độ giáo dục trung học phổ thông (lớp 12), khoảng 850/100.000 dân có trình độ cao đẳng, đại học hoặc trên đại học và tỷ lệ biết chữ của dân cư ở độ tuổi từ 15 trở lên đạt 90%.

Để đạt được mục tiêu trên, nhiệm vụ của hệ thống giáo dục các cấp của Lào từ nay đến năm 2020 rất nặng nề, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là vừa tăng cường mở rộng hệ thống giáo dục theo chiều rộng, vừa nâng cao chất lượng hoạt động của nó theo chiều sâu, nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực để xây dựng và phát triển kinh tế đất nước.

2.3. Dự báo tổng quan về kinh tế Lào giai đoạn 2011 - 2020

2.3.1. Đánh giá bức tranh tổng quát kinh tế Lào hiện nay

Hiện nay, vai trò và địa vị kinh tế của Lào trong khu vực và trên thế giới còn rất khiêm tốn. Nhìn vào một số chỉ số kinh tế - xã hội Lào trong khoảng 5 năm gần đây (*bảng 2.3.1.*), chúng ta sẽ thấy Lào đang nằm ở vị trí nào trên bản đồ kinh tế khu vực và thế giới.

Bảng 2.3.1. **Một số chỉ số cơ bản của Lào trong 5 năm gần đây (2005 - 2009)**

TT.	Diện tích: 236.800 km^2	2005	2006	2007	2008	2009
1.	Dân số (triệu người)	5,310	5,457	5,608	5,763	6,100
1.1.	Tăng trưởng dân số (%)	2,8	2,8	2,8	2,8	2,5
1.2.	Mật độ dân số (người/km^2)	22	23	24	24	26
1.3.	Dân số đô thị (% tổng dân số)	21,6	22,0	22,0	22,0	22,5
1.4	% dân sống dưới mức nghèo khổ	-	-	-	-	26,0
2.	Lực lượng lao động (triệu người)	-	-	-	-	3,65
2.1.	Lao động nông nghiệp (%)	-	-	-	-	80,0
2.2.	Laođộngcôngnghiệpvàdịchvụ (%)	-	-	-	-	20,0
2.3.	Tỷ lệ thất nghiệp (%)	1,3	3,5	3,0	3,1	2,5
3.	Tổng GDP (tỷ USD)	2,86	3,52	4,12	5,29	5,72
3.1.	Tăng trưởng GDP (%)	7,1	7,5	7,0	8,4	3,0
3.2.	GDP bình quân/người (USD)	539	645	736	918	938
4.	Kim ngạch buôn bán (triệu USD)	875,9	990,2	1 093	2.630	2 412
4.1.	Xuất khẩu (triệu USD)	174,1	402,7	381,9	827,7	1 104
4.2.	Nhập khẩu (triệu USD)	701,8	587,5	711,1	1.803	1.308
4.3.	X/K bình quân/người (USD)	164,9	181,4	194,9	456,3	381,6
4.4.	Chênh lệchthươngmại (triệu USD)	-527	-184	-329	-975	-204

5.	**Thu - chi ngân sách** (triệu USD)	-	-	-	-	2.145
5 1	Thu ngân sách (triệu USD)	-	-	-	-	845
5.2.	Chi ngân sách (triệu USD)	-	-	-	-	1.300
6.	**Tỷ lệ lạm phát** (%)	8,8	-3,7	5,5	8,5	-
7.	**Dự trữ ngoại tệ** (triệu USD)	239	336	540	636	583
8.	**Nợ nước ngoài** (triệu USD)	-	3 179	-	-	3.085
9.	**Sản lượng thóc** (triệu tấn)	2,56	2,60	2,71	-	-
10.	**Chỉ số HDI**	0,601	0,608	-	-	-

Nguồn: Tổng hợp từ các nguồn: 1) *ASEAN Statistical Yearbook 2008.* 2) *Niên giám thống kê 2008,* Nxb Thống kê, Hà Nội, 2009. 3) *Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, Viêng Chăn, 2009.* 4) CIA: *The World Factbook,* 2010.

Trước hết, tính tới thời điểm năm 2010, xét về tương quan dân số và diện tích thì Lào là một nước khá rộng (6,32 triệu người/236.800km^2), bình quân mật độ dân số thuộc loại thấp nhất trong khu vực (25 - 26 người/km^2) (so với 81 người/km^2 của Campuchia, 86 người/km2 của Myanmar, 130 người/km^2 của Thái Lan, 146 người/km^2 của Trung Quốc và 260 người/km^2 của Việt Nam). Điều này cho thấy, không gian phát triển kinh tế của Lào còn rộng lớn. Với phần lớn dân cư sinh sống ở nông thôn (77,5%) và lao động chủ yếu ở khu vực nông nghiệp (80%), Lào hiện vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu với khoảng 26% dân số sống dưới mức nghèo khổ. Ở nhiều nơi vùng cao, vùng sâu, vùng xa, nhiều dân tộc thiểu số vẫn sinh sống và canh tác như ông cha họ hàng ngàn năm trước đây. Mặc dù tăng trưởng GDP của Lào những năm gần đây nhìn chung khá ấn tượng, nhưng mức gia tăng dân số cũng khá cao (2,4 - 2,5%/năm), nên mức độ cải thiện thực chất đời sống người dân chưa được như kỳ vọng.

Thứ hai, nhìn vào *Bảng 2.3.1*, chúng ta dễ dàng nhận ra sự phát triển mất cân đối của Lào ở nhiều lĩnh vực quan trọng của hoạt động kinh tế như: thâm hụt thương mại khá lớn (nhập siêu), thâm thủng ngân sách khá nghiêm trọng (bội chi), nợ nước ngoài so với GDP (năm 2009) ở mức cao (53,9%), dự trữ ngoại tệ còn hạn chế (bình quân khoảng 466,8 triệu USD/năm giai đoạn 2005-2009).

Thứ ba, chỉ số HDI của Lào luôn đứng ở cuối bảng xếp hạng của khu vực và áp chót của thế giới và chưa có dấu hiệu được cải thiện trong khoảng thời gian dài trước mắt, điều đó thể hiện mức sống, trình độ dân trí, mức thụ hưởng các phúc lợi công cộng và chăm sóc y tế của Lào còn thua kém so với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác. Tất cả những điều này sẽ luôn là bài toán dài hạn đặt ra cho Chính phủ Lào và việc giải quyết chúng sẽ không hề đơn giản trong bối cảnh chính trị, kinh tế và xã hội của Lào chưa có những chuyển biến căn bản và sâu sắc.

Theo số liệu dự báo, kết thúc năm 2010, tổng giá trị GDP của Lào đạt gần 6 tỷ USD. Với số dân khoảng 6,3 triệu người, tốc độ gia tăng dân số khoảng 2,5 - 2,6%, GDP bình quân đầu người của Lào cũng chỉ đạt khoảng 950 USD, xếp hạng 146[1] trên 192 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Mặc dù có nhiều tài nguyên thiên nhiên (đất đai, rừng, nước, khoáng sản...), cơ sở hạ tầng giao thông - viễn thông, điện, nước, năng lượng,... đã có nhiều tiến bộ hơn so với

1. Xem: http://en.wikipedia.org/wiki/List of countries by GDP nominal per capita 2010.

trước năm 1975, nhưng quy mô nền kinh tế Lào đến nay vẫn còn rất nhỏ bé, chất lượng của sản xuất hàng hóa và dịch vụ vẫn còn thấp; từ đó dẫn đến mức sống của người dân Lào chưa được cải thiện nhiều, nhất là ở các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nguyên nhân chủ yếu ở đây là do Lào thiếu vốn, thiếu trình độ khoa học và công nghệ, thiếu khả năng tổ chức và quản lý sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực thấp. Để có thể khắc phục được những yếu kém này, một mặt, cần có nhiều thời gian, mặt khác, Nhà nước Lào cần có cơ chế và chính sách đúng đắn, thích hợp, trong đó đặc biệt chú trọng tập trung phát triển nguồn nhân lực.

2.3.2. Triển vọng kinh tế Lào đến năm 2020

Đến năm 2020, diện mạo nền kinh tế Lào sẽ như thế nào? Giả định bối cảnh chính trị và kinh tế khu vực và thế giới phát triển ổn định, không có nhiều biến động lớn tác động tiêu cực đến sự phát triển ở Lào; xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo; với tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trung bình khoảng 7,5 - 8,0%/năm[1], GDP của Lào đến năm 2020 sẽ ước đạt khoảng 11,43 tỷ USD. Với dân số Lào vào thời điểm năm 2010 khoảng 6,32 triệu người, tăng trưởng dân số khoảng 2,4%/năm, đến 2020 dân số Lào sẽ đạt khoảng 7,823 triệu người, đến lúc đó, bình quân GDP/người sẽ đạt khoảng 1.461 USD.

1 Tài liệu phổ biến nội dung Nghị quyết Đại hội lần thứ IX (2011) của Ban Tuyên giáo Trương ương Đảng NDCM Lào (tr.15) có nhấn mạnh mục tiêu tăng trưởng GDP của Lào giai đoạn 2011 - 2015 là 8%/năm

Với xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Lào ngày càng gia tăng và đầu tư trong nước ngày càng được khuyến khích, cơ cấu kinh tế Lào sẽ được cải thiện đáng kể theo hướng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ ngày càng chiếm ưu thế, nhưng có thể thấy trước sẽ không có khả năng cho những đột biến thần kỳ. Tăng trưởng nông - lâm nghiệp của Lào trong 10 năm tới có khả năng sẽ ở mức 4,5 - 5,0%/năm và ngành này sẽ chiếm tỷ trọng khoảng 20% trong cơ cấu GDP vào năm 2020; tăng trưởng công nghiệp sẽ đạt khoảng 10 - 11%/năm và tỷ trọng dự kiến sẽ chiếm khoảng 44% GDP; tăng trưởng dịch vụ dự kiến sẽ ở mức 7- 8%/năm và tỷ trọng ngành này dự kiến có thể sẽ chiếm khoảng 36% GDP.

Đến năm 2020, về cơ bản, Lào vẫn là một nước có thu nhập bình quân ở mức thấp so với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác. Thu ngân sách có khả năng vẫn chưa vượt quá ngưỡng 20% so với GDP và chi ngân sách nằm trong khoảng 20 - 24% GDP. Do đó, thâm hụt ngân sách vẫn là vấn đề nan giải và lâu dài đối với Lào và khó có điều kiện đảo ngược trong giai đoạn 2011 - 2020.

Lào vẫn sẽ là quốc gia thu hút mạnh mẽ FDI từ các nước trong và ngoài khu vực, nhất là các nước láng giềng Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam do tiềm năng khoáng sản, đất đai, gỗ, thủy điện và các nguồn năng lượng khác của Lào còn khá dồi dào, trong khi Lào luôn thiếu nghiêm trọng nguồn vốn, công nghệ và nhân lực có chất lượng cao. Nếu trong khoảng 10 năm tới, dự án đường sắt tại Lào do Trung Quốc khảo sát, thiết kế và xây dựng hoàn thành thì dự báo làn sóng đầu tư vào Lào từ phía Trung Quốc sẽ bùng nổ nhằm khai thác

tối đa nguyên liệu, đất đai và các nguồn tài nguyên khác cho nhu cầu tăng trưởng và phát triển nóng của Trung Quốc. Lúc đó, vị trí thứ nhất về đầu tư nước ngoài tại Lào sẽ thuộc về Trung Quốc, còn Thái Lan và Việt Nam có thể sẽ chiếm vị trí thứ hai và thứ ba với khoảng cách khá xa về lượng vốn so với Trung Quốc.

Chương III

TÁC ĐỘNG CỦA TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ - KINH TẾ Ở CHDCND LÀO TỚI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Giai đoạn 2011 - 2020 là giai đoạn phát triển có ý nghĩa rất sâu sắc đối với toàn bộ đời sống chính trị - an ninh, kinh tế - xã hội của cả Lào và Việt Nam. Trên đại thể, Lào và Việt Nam vẫn phải tiếp tục hoàn thiện các thể chế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vốn không có tiền lệ trong lịch sử.

Về đối nội, nhiệm vụ nặng nề đặt ra đối với Lào là cần gấp rút hoàn thành những tiền đề cơ bản để chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu đến năm 2015, đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng đói nghèo và năm 2020 ra khỏi tình trạng kém phát triển (lạc hậu)[1]. Cụ thể là Lào phải tiếp tục đổi mới trong việc nâng cấp hệ thống pháp lý về kinh tế và hành chính, nâng cao cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm tiếp cận trình độ các nước trong khu vực và thế giới với nhiệm vụ trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực để sẵn sàng đón

---

1. Xem: Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng NDCM Lào: "*Tài liệu phổ biến Nghị quyết Đại hội Đảng NDCM Lào lần thứ IX (2011)*"; chương II: "*Một số phương hướng nhiệm vụ trọng điểm trong 5 năm tới (2011 - 2015)*", tr. 14-15. (Bản tiếng Lào).

nhận cạnh tranh khu vực và quốc tế. Đây là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển của Lào nhằm thoát khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào hàng ngũ các nước có thu nhập trung bình để tiến dần theo các nước phát triển.

Còn Việt Nam thì tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, phấn đấu đạt được trình độ của một nước phát triển ở mức trung bình của thế giới, có nghĩa là đứng vào hàng ngũ các nước công nghiệp mới (NICs)[1] ở giai đoạn đầu. Trên cơ sở duy trì một nền kinh tế mở, cả Lào và Việt Nam đều phải giải quyết nhiệm vụ đối ngoại chung cũng không kém phần cam go, đó là đẩy nhanh tốc độ và quy mô hội nhập sâu rộng và bền vững vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Với tư cách là thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Lào và Việt Nam đều phải hết sức nỗ lực để thực hiện hai cam kết cơ bản, đó là xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 và Tầm nhìn Hà Nội 2020. Trên quy mô toàn cầu, Lào và Việt Nam cũng phải dốc sức hoàn thành cam kết về Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG) vào năm 2015 do Liên hợp quốc khởi xướng.

Trên cơ sở phân tích tiềm năng và thế mạnh của quan hệ Việt Nam - Lào trong cục diện địa - chính trị, địa - kinh tế

---

1. Xem: "*Dự thảo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020*" của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (lưu hành nội bộ), tháng 4/2010 có ghi: "*Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, đồng thuận, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau*", (tr. 23).

khu vực và toàn cầu, chúng ta có thể thấy rõ những tác động tương hỗ khá mạnh mẽ về mặt chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội giữa Lào và Việt Nam giai đoạn 2011- 2020.

3.1. Điều kiện tự nhiên, địa - quân sự, chính trị, kinh tế chi phối mối quan hệ tương hỗ giữa Việt Nam - Lào và Lào - Việt Nam

3.1.1. Điều kiện tự nhiên và địa - quân sự của hai nước

Việt Nam và Lào nằm ở trung tâm bán đảo Ấn - Trung (Indo-China), thuộc vùng Đông Nam Á lục địa. Nếu Việt Nam chỉ có chung đường biên giới với ba nước là Trung Quốc ở phía Bắc (1.400km), CHDCND Lào ở phía Tây (2.069km), vương quốc Campuchia ở phía Tây (1.270km), còn phía Đông và phía Nam giáp biển Đông và phía Tây Nam giáp vịnh Thái Lan,[1] thì Lào lại có đường biên giới chung với cả 5 nước là Việt Nam ở phía Đông (2.069km), Thái Lan ở phía Tây (1.835km), Trung Quốc ở phía Bắc (505km), Myanma ở phía Tây Bắc (236km), Campuchia ở phía Nam (535km)[2].

Trong phạm vi hẹp hơn là bán đảo Đông Dương (Indo-China), Việt Nam nằm ở phía đông dãy Trường Sơn như một bao lơn nhìn ra biển Đông với diện tích 331.212km^2, Lào nằm ở sườn tây dãy Trường Sơn, lọt sâu vào đất liền của bán đảo, với diện tích 236.800km^2. Như vậy, dãy Trường Sơn có thể

---

1. Dữ liệu của Việt Nam được căn cứ theo nguồn *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*, tháng 9/2010.
2. Những số liệu được sử dụng trên đây là theo *Số liệu thống kê CHDCND Lào năm 2008* do Trung tâm Thống kê Quốc gia thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào công bố (song ngữ Lào - Anh), Viêng Chăn, 6/2009.

ví như cột sống của hai nước, tạo thành biên giới tự nhiên trên đất liền giữa Việt Nam và Lào.

Tuy Việt Nam và Lào có diện tích không lớn so với các nước Đông Nam Á khác, nhưng Lào vẫn là một nước đất rộng người thưa (nếu so sánh hơn 86 triệu dân của Việt Nam[1] với hơn 6 triệu dân của Lào), với chỉ số tương đương về mật độ dân số của Việt Nam là khoảng 260 người/km^2 (đứng thứ 46 trên thế giới) và Lào khoảng 26 người/km^2 (đứng thứ 102 trên thế giới)[2].

Lãnh thổ hai nước nằm kề cận bên nhau, hình thể lãnh thổ hai nước có nét giống nhau, chiều ngang không rộng lắm nhưng trải dài hàng nghìn kilômét. Lãnh thổ Việt Nam có chiều dài khoảng 1.650km đường chim bay, vị trí hẹp nhất từ đông sang tây là 50km (ở Quảng Bình), lớn nhất là 600km (tại Bắc Bộ). Lãnh thổ Lào cũng trải dài khoảng trên 1.000km đường chim bay, chiều ngang không rộng lắm, chỉ khoảng hơn 100km là chỗ hẹp nhất (vùng Pạk-cạ-đinh thuộc tỉnh Bo-li-khăm-xay ở Trung Lào) và hơn 500km là nơi rộng nhất (ở Bắc Lào). Địa hình tự nhiên này đã quy định hệ thống giao thông ở Việt Nam và Lào cùng chạy dài theo trục Bắc - Nam: ở Việt Nam là trục quốc lộ 1A và ở Lào là trục quốc lộ 13. Về mặt tự nhiên, bên cạnh con đường 13 nối Pắc-xế (Lào) - Kratié (Campuchia) - Sài Gòn, Lào có thể thông thương ra

1. Các số liệu về Việt Nam đều cập nhật theo nguồn *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*, tháng 9/2010. Theo kết quả cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 1/4/2009, dân số Việt Nam là 85.846.997 người, đứng thứ 3 Đông Nam Á (sau Inđônêxia và Philippin) và thứ 13 trên thế giới.

2. Số liệu năm 2010, dân số Lào là 6,32 triệu người

biển gần nhất bằng hệ thống các đường xương cá chạy ngang trên lãnh thổ hai nước như: đường số 6 nối Sầm Nưa (Lào) - Thanh Hóa, đường số 7 nối Xiêng Khoảng (Lào) - Nghệ An, đường số 8 nối Bo-li-khăm-xay (Lào) - Hà Tĩnh, đường số 9 nối Sa-vẳn-na-khệt (Lào) - Đông Hà, đường số 12 nối Khăm Muộn (Lào) - Quảng Bình, đường 18B nối At-ta-pư - Kon Tum... và hiện nay là hệ thống các con đường mới mở như đường 15, đường 16, đường 42, đường 217...

Cùng nằm trong vùng nhiệt đới châu Á gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều, lượng bức xạ mặt trời lớn, nhưng khí hậu hai nước cũng có điểm khác biệt bởi Việt Nam chịu sự điều tiết của biển nên không khô hanh như khí hậu Lào ở sâu trong đất liền; trong khi địa hình Lào nhờ dãy Trường Sơn che chắn, lại hầu như không bị những cơn bão biển tàn phá. Lãnh thổ Việt Nam trải dài theo chiều dọc của bán đảo, mặt hướng ra biển Đông với bờ biển dài trên 3.400km, tiếp giáp với vịnh Bắc Bộ, biển Đông và vịnh Thái Lan, có nhiều cảng biển lớn, nhất là các cảng nước sâu ở miền Trung.

Hệ sinh thái tự nhiên của hai nước rất thuận lợi cho sự phát triển của các loại động, thực vật vùng nhiệt đới, trong đó có nhiều loài quý hiếm. Đây là điều kiện để Việt Nam và Lào có thể phát triển hợp tác các thế mạnh về nông nghiệp và lâm nghiệp cũng như bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, tạo cơ sở phát triển cơ cấu kinh tế mềm như dịch vụ và du lịch theo hướng phát triển hiện đại.

Việt Nam và Lào đều có hệ thống sông ngòi khá dày và có độ dốc lớn, rất thuận tiện cho việc phát triển thủy điện. Hiện nay, hai nước đang triển khai chương trình hợp tác dài hạn về

năng lượng, đặc biệt là khai thác tiềm năng về thủy điện nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phục vụ việc phát triển kinh tế - xã hội và an sinh của mỗi nước. Mặt khác, việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phát triển môi trường bền vững của lưu vực sông Mê Kông, tránh việc khai thác độc quyền và không công bằng về lợi ích từ những nguồn lợi của sông, gây hủy hoại nguồn sống cho cư dân lưu vực sông... càng đòi hỏi hai nước cần có sự phối hợp và hợp tác chặt chẽ trong việc hoạch định và triển khai các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với các nước trong tiểu vùng và các nước lớn cũng như các tổ chức quốc tế khác, đồng thời bảo đảm thực hiện đúng những cam kết về Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG) của Liên hợp quốc vào năm 2015[1].

Việt Nam và Lào đều là những nước có nền văn hóa và lịch sử phát triển lâu đời, lại có nhiều di sản thiên nhiên và di sản văn hóa được thế giới công nhận như: vịnh Hạ Long, cố đô Huế, động Phong Nha - Kẻ Bàng, tháp Mỹ Sơn, cố đô

1 Tại Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc năm 2000, 189 quốc gia thành viên nhất trí thông qua Tuyên bố Thiên niên kỷ và cam kết đạt được tám Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG) vào năm 2015. Đây là sự đồng thuận chưa từng có của các nhà lãnh đạo trên thế giới về những thách thức quan trọng toàn cầu trong thế kỷ XXI cũng như cam kết chung về việc giải quyết những thách thức này. Tám Mục tiêu đó là: 1) Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói. 2) Đạt phổ cập giáo dục tiểu học. 3) Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao năng lực, vị thế cho phụ nữ 4) Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em. 5) Nâng cao sức khỏe bà mẹ 6) Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác. 7) Đảm bảo bền vững về môi trường. 8) Thiết lập mối quan hệ đối tác toàn cầu vì mục đích phát triển

Luổng Pha Băng, Cánh đồng Chum, đền Vát Phu... là những điểm đến đầy hứa hẹn của các tuyến du lịch khám phá lịch sử, văn hóa và thiên nhiên của ba nước Đông Dương.

Về mặt địa - quân sự, Việt Nam và Lào là hai nước thuộc loại "vừa" và "tương đối nhỏ" sống bên cạnh nhau, nhưng lại là những vị trí có tầm quan trọng chiến lược đặc biệt ở vùng Đông Nam Á. Từ trước đến nay, Việt Nam cũng như Lào thường xuyên là nạn nhân của các thế lực thực dân, đế quốc to lớn bên ngoài dòm ngó, xâm lược. Do bờ biển Việt Nam ở phía đông tương đối dài nhưng phòng thủ về mặt biển lại gặp nhiều khó khăn; trong khi đó, dựa vào địa thế hiểm trở, nhất là với dãy Trường Sơn - một "lá chắn chiến tranh" hùng vĩ, một lợi thế tự nhiên che chở cho cả hai nước nên nhân dân hai nước chẳng những có thể khắc chế được những điểm yếu hở sườn ở phía đông, mà còn phát huy được sự cần thiết phải dựa lưng vào nhau tạo ra nhiều cách đánh của chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân; có thể "lấy ít địch nhiều", "lấy yếu thắng mạnh", giành thắng lợi từng bước, cuối cùng đánh bại mọi kẻ thù xâm lược hung bạo. Những vị trí quân sự như Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (Bắc Lào); cao nguyên Bôlôven (Nam Lào) và Tây Nguyên hay vùng rừng núi Tây Bắc (Việt Nam)... đều là những vị trí chiến lược quan trọng hàng đầu có giá trị đặc biệt nhất ở Đông Dương. Các nhà quân sự thế giới cũng nhất trí cho rằng, ai nắm được những địa bàn trên đây, người đó sẽ làm chủ toàn bộ chiến trường Đông Dương.

Thực tế lịch sử hơn một thế kỷ qua cho thấy, chủ nghĩa thực dân đế quốc luôn coi Đông Dương là một đơn vị chiến lược tập trung và thống nhất, cả về chính trị lẫn quân sự. Mọi âm mưu, thủ đoạn, biện pháp xâm lược Đông Dương của

đối phương đều tiến hành theo một quy luật chiến tranh chung, đó là triệt để chia rẽ ba nước Đông Dương, dùng lãnh thổ của nước này làm bàn đạp để tấn công đánh chiếm nước kia và ngược lại. Việt Nam bị xâm lược thì sớm hay muộn Lào cũng không tránh khỏi bị xâm lược và ngược lại. Trong con mắt các nhà quân sự thế giới, Đông Dương (bao gồm cả ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia) đã thực sự trở thành một chiến trường chung thống nhất. Do đó, tất yếu nảy sinh mối quan hệ ba nước Đông Dương phải đoàn kết hợp tác với nhau, dựa vào nhau cùng chiến đấu và cùng giành thắng lợi.

Về phía hai nước, do đặc điểm hình thành, phát triển cũng như quan điểm, đường lối chính trị, quân sự của cách mạng mỗi nước có những điểm cơ bản giống nhau: Việt Nam và Lào đều tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng và xây dựng các lực lượng vũ trang theo đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, dựa vào sức mạnh nội lực là chính, trên cơ sở đó phát huy cao độ sức mạnh đoàn kết quốc tế; đều vận dụng kết hợp nhuần nhuyễn hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, trong đó đấu tranh vũ trang là xuyên suốt, giữ vai trò làm nòng cốt, xung kích. Các lực lượng vũ trang luôn luôn là công cụ sắc bén nhất của Đảng và Nhà nước mỗi nước để triển khai thắng lợi mọi nhiệm vụ chiến đấu và tổ chức xây dựng lực lượng cách mạng của mình, cũng như triển khai sự nghiệp liên minh đoàn kết chiến đấu chặt chẽ giữa hai nước. Nhờ có sự nhất trí cao về đường lối, quan điểm, chủ trương và biện pháp tiến hành đấu tranh cách mạng nên các lực lượng vũ trang hai nước có thể tham khảo, sử dụng kinh nghiệm của nhau, đoàn kết phối hợp với nhau, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau một cách thuận lợi, có hiệu quả

trong chiến tranh giải phóng dân tộc cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở mỗi nước.

Đánh giá về vị trí chiến lược của chiến trường Lào và mối quan hệ liên minh chiến đấu giữa hai nước, hai Bộ Chính trị Trung ương Đảng của Việt Nam và Lào đã nhất trí nhận định: "*chỉ khi nào địch chịu thất bại ở Việt Nam thì chúng mới chịu từ bỏ Lào*"[1]. Nắm vững quy luật về mối quan hệ tương hỗ có tính chất sống còn đó trong lịch sử, Đảng, Chính phủ Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định: "*Giúp Lào giành thắng lợi cũng chính là tạo điều kiện cho thắng lợi của bản thân mình*". Đảng, Nhà nước và quân đội Việt Nam luôn luôn coi nhiệm vụ đoàn kết, phối hợp chiến đấu và giúp đỡ nhân dân, quân đội Lào anh em là *một nhiệm vụ quốc tế quan trọng nhất*, và đã kiên trì, liên tục thực hiện nhiệm vụ đó ngày càng có hiệu quả, và cuối cùng đã góp phần đưa cách mạng Lào, cũng như cách mạng Việt Nam đến thắng lợi trọn vẹn, triệt để trong năm 1975.

Về phía Lào, Đảng, Nhà nước, các lực lượng vũ trang và nhân dân các bộ tộc Lào cũng đánh giá cao sự đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ của Việt Nam, coi "*liên minh chiến đấu Lào - Việt Nam - Campuchia và quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam là một trong những nhân tố bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng Lào*"[2].

---

1. *Hội đàm giữa Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân Lào, tháng 4/1963.* Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Cayxỏn Phômvihản, "Báo cáo cương lĩnh chính trị" trình bày tại Đại hội lần thứ II Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, ngày 3/2/1972, trong: *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 55.

3.1.2. Điều kiện địa - chính trị, kinh tế của Việt Nam và Lào trong bối cảnh thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc

Ngày nay, nếu có thể hiểu rộng rãi vị thế địa - chính trị như là nguồn tài nguyên địa - chính trị thì vận mệnh của một dân tộc, sự thịnh suy của một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên địa - chính trị của quốc gia ấy, vào khả năng khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên ấy.

Từ sau Chiến tranh lạnh kết thúc vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX, thế giới chuyển từ đối đầu hai cực sang xu thế cạnh tranh đa cực. Nói đúng hơn là thế giới ngày càng bị ảnh hưởng và chi phối bởi các cường quốc. Trong nửa đầu thế kỷ XXI, các cường quốc sẽ vẫn tiếp tục là lực lượng thao túng hệ thống chính trị, kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực biển Đông và toàn bộ Đông Nam Á trở thành một địa bàn chiến lược trên bàn cờ quan hÖ quốc tế, có khả năng ảnh hưởng đến an ninh chính trị và an ninh kinh tế thế giới. Biển Đông nối các nền kinh tế Đông Á với Ấn Độ Dương bằng đường biển, còn Đông Nam Á nối Trung Quốc với Ấn Độ Dương bằng đường bộ.

Trong khi cục diện chính trị khu vực có khuynh hướng phân tán thì cục diện kinh tế lại có xu hướng hội tụ. Các thế lực kinh tế thị trường đang hoạt động rất mạnh tại các nước trong khu vực, tạo ra nhu cầu liên kết và giao thương to lớn giữa các nước, các địa phương. Như vậy, trong một thế giới cạnh tranh đa cực và xu hướng cạnh tranh giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn sẽ ngày càng gay gắt hơn, quyết liệt hơn, đặc biệt trên các địa bàn chiến lược trong đó có biển Đông. Các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng có tầm quan

trọng lớn hơn, chắc chắn sẽ tác động nhiều mặt, cả tích cực lẫn tiêu cực đối với Việt Nam và Lào trong thời gian tới. Sự phát triển của khu vực Đông Nam Á hiện nay lại đang làm nổi bật một đặc trưng cơ bản của thời đại "thống nhất trong sự đa dạng", với nhiều hình thái kinh tế - xã hội và văn hóa đan xen nhau, nhiều trình độ phát triển chính trị - kinh tế - xã hội khác nhau, trong đó xu hướng vừa cạnh tranh vừa hợp tác theo nhiều tầng nấc khác nhau đã và đang diễn ra: từ các nước lớn và các trung tâm quyền lực trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Ôtxtrâylia..., cho đến bản thân giữa các nước trong khu vực.

Theo cách phân tích địa - chính trị thì việc phát huy tài nguyên địa - chính trị của Việt Nam có thể diễn ra theo hai hướng chủ yếu: 1) làm "cửa ngõ" ra biển của nội địa châu Á rộng lớn; 2) làm "đầu cầu" trên đất liền của con đường giao thương - trên biển và trên không - qua biển Đông [1].

Từng phần lãnh thổ Việt Nam có thể đóng vai trò "cửa ngõ" của nội địa châu Á thông ra Thái Bình Dương: miền Bắc Việt Nam làm cửa ngõ ra biển của miền Tây Nam Trung Quốc; miền Trung Việt Nam làm cửa ngõ ra biển của Đông Bắc Thái Lan, Lào, có thể cả Myanmar; miền Nam Việt Nam làm cửa ngõ ra biển của Campuchia. Tuy nhiên, "cửa ngõ" chỉ có thể sầm uất khi nội địa có sức sản xuất mạnh, xét thực lực của các trung tâm sản xuất trong nội địa nói trên, vai trò "cửa ngõ" chưa phải là một "chìa khóa" cho sự đi lên của Việt Nam.

---

1. Tham khảo Vũ Hồng Lâm: "Tài nguyên địa - chính trị của Việt Nam", *Thời báo kinh tế Sài Gòn, ngày* 26/11/2005.

Vì vậy, cách tối ưu là phải kéo được các luồng giao thương qua khu vực biển Đông vào Việt Nam.

Nhìn trên bản đồ, ta thấy Việt Nam có thể hướng tới vai trò "trạm trung chuyển" cho tuyến giao thông biển xuyên khu vực, và vai trò "trục bản lề" miền Đông Nam châu Á (tính cả Nam Trung Quốc, Đài Loan và Đông Ấn Độ). Tuy nhiên, có mấy khó khăn lớn: *Một là*, vai trò "trục bản lề" chỉ có thể phát huy sau khi Việt Nam đã làm tốt vai trò "cửa ngõ" và "trạm trung chuyển"; *Hai là*, trong khu vực đã có Hồng Kông và Singapore đóng vai trò trạm trung chuyển. Với điều kiện kỹ thuật cao và trình độ phát triển hiện nay của thế giới, đây quả là một thách thức rất lớn đối với bất cứ một trung tâm mới nào mong muốn ra đời.

Để Việt Nam có thể bứt phá, trở thành một "đầu mối" của con đường giao thương qua biển Đông, thì cách tốt nhất là phải liên kết với các đầu mối khác trên con đường này, thông qua chiến lược "lan tỏa", hình thành nên một đầu mối nữa trên lãnh thổ Việt Nam. Gần đây, Việt Nam đã có những bước đi ban đầu trong việc kết nối với Nhật Bản và Singapore. Đây là những bước đi hợp quy luật vì sự cần nhau giữa Việt Nam, Nhật Bản và Singapore ở "mức độ khá lý tưởng". Trong viễn tưởng nối kết kinh tế giữa ba nước này, Việt Nam có thể trở thành hậu phương đất liền của Singapore - một trung tâm tài chính, dịch vụ, môi giới, nghiên cứu của khu vực Đông Nam Á nhưng thiếu không gian và nhân lực. Mặt khác, Việt Nam có thể thu hút tư bản, công nghệ và tri thức của Nhật Bản để trở thành một tụ điểm kinh tế hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á và lan tỏa sang châu Á - Ấn Độ Dương.

Trong quá trình phát triển, Việt Nam sẽ phải đối phó với sự chênh lệch tài nguyên địa - chính trị giữa các vùng miền trong nước, dẫn đến phát triển mất cân đối giữa các địa phương. Ngày nay, miền Bắc Việt Nam nằm xa con đường hàng hải chính qua biển Đông, lại bị đảo Hải Nam (Trung Quốc) chặn trước mặt nên khó có thể trở thành vị trí của một "đầu mối" trên con đường biển ấy. Miền Trung Việt Nam tuy có bờ biển như "bao lơn" trên Thái Bình Dương, có nhiều vịnh nước sâu, kín gió nhưng địa hình chia cắt, tính liên thông với các trung tâm sản xuất khác trong nội địa kém nên khó phát huy được lợi thế so với miền Đông Nam bộ. Hạn chế của miền Trung Việt Nam là không gian phát triển manh mún, sức sản xuất yếu, thị trường nhỏ hẹp. Bản thân miền Đông Nam bộ đã là đầu mối của một tiểu khu vực bao gồm cả miền Tây Nam bộ, miền Trung Việt Nam và Campuchia. Do đó, lợi thế của miền Trung Việt Nam (vị trí "bao lơn", các vịnh nước sâu kín gió) chỉ có thể được phát huy một cách hiệu quả nếu hướng tới việc gắn mình vào các luồng giao thương quốc tế, đầu tư nhằm vào xuất khẩu, không nhất thiết phục vụ thị trường nội địa.

Trong môi trường địa - chiến lược Đông Nam Á, biển Đông là một địa bàn chiến lược cạnh tranh quyết liệt giữa các cường quốc chủ chốt trên thế giới (Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ và EU) và là một hướng phát triển chủ yếu của các nền kinh tế châu Á - Thái Bình Dương có sức chi phối sâu sắc kinh tế toàn cầu trong hiện tại và tương lai. Tuy vậy, CHDCND Lào lại là *quốc gia duy nhất không có biển*, đây là một thách thức thường xuyên đối với khả năng giao lưu thương mại với thế giới bên ngoài của Lào. Song, nhờ vào các

yếu tố liên kết thị trường và kết nối kinh tế thì đây lại là cơ hội tiềm tàng để Lào đón đầu những bước phát triển nhảy vọt của thời đại, nếu hội nhập thành công với khu vực và quốc tế.

Trước hết, Lào nắm lợi thế là "trái tim" của Tiểu vùng Mê Kông, nằm giữa các không gian kinh tế - văn hóa đa dạng, có nhiều trình độ phát triển khác nhau, nơi thu hút sự đầu tư của nhiều nước lớn và các tổ chức quốc tế vì nguồn tài nguyên rừng, nguồn thủy năng tiềm tàng và khoáng sản dồi dào, cũng như các tiềm năng xã hội khác vừa có tác dụng bổ sung, vừa có tính cạnh tranh cao so với các nền kinh tế trong khu vực. Vị thế của Lào là không thể thiếu được trong sự hợp tác của các tam giác, tứ giác, ngũ giác khu vực. Điều này có thể cho phép Lào đóng vai trò trung gian của "trạm trung chuyển" hàng hóa và dịch vụ trong khu vực, và là "nước đệm" giữa Trung Quốc và bán đảo Đông Dương với các nước Đông Nam Á lục địa, biến Lào từ một thế bất lợi về vị trí địa lý không có đường ra biển thành lợi thế phát triển của một nước quá cảnh trong tiểu khu vực. Tuy nhiên, Lào vẫn là một nước nhỏ, sức sản xuất còn yếu kém, kinh tế và hạ tầng cơ sở còn chưa phát triển, sức mua nhỏ, không gian phát triển manh mún, phân tán nên khó tránh khỏi bị sức ép cũng như ảnh hưởng lấn lướt từ bên ngoài. Vì vậy, vai trò "trạm trung chuyển" của Lào, theo quan điểm hội nhập và phát triển, cần được nhìn nhận trong điều kiện khai thác có hiệu quả các hiệu ứng với các luồng giao thương quốc tế của Việt Nam và tự mình trở thành một trung tâm sản xuất và dịch vụ nội địa mạnh, gắn với chuỗi giá trị cung ứng toàn cầu.

Trong bối cảnh quan hệ quốc tế diễn biến đa dạng, năng động và phức tạp hiện nay, lợi thế về vị trí địa lý của Việt Nam

và Lào do nằm kề "trục lộ xương sống" của kinh tế khu vực, đặc biệt khu vực miền Nam và miền Trung của hai nước nằm ở vị trí "bản lề" giữa biển và đất liền, ngay tâm của không gian hội nhập và hợp tác Đông Nam Á, hoàn toàn có điều kiện bổ sung cho nhau sẽ là nguồn tài nguyên vô giá, là đòn bẩy chiến lược giúp Việt Nam và Lào cùng phát triển ổn định và phồn thịnh.

Việt Nam chính là con đường ngắn nhất và có chi phí thấp nhất để Lào đi ra biển, nối thông với thế giới, tiếp cận trực tiếp được với các đối tác lớn bên ngoài như Mỹ, Nhật Bản, EU. Lợi thế này ngoài Việt Nam ra, Lào không thể có được trong quan hệ kinh tế - thương mại với bốn nước láng giềng còn lại. Ngược lại, thông qua Lào, Việt Nam có thể tăng cường tiếp cận với các nước trong khu vực bằng các ngả đường bộ. Như vậy, Việt Nam có lợi thế là "cửa ngõ" ra biển của nội địa châu Á. Lợi thế rõ rệt của biển Đông Việt Nam là vừa nằm trên tuyến đường biển chiến lược của quốc tế, vừa là vùng tiềm tàng của các nguồn lợi lớn về khí đốt và dầu mỏ. Mặt khác, Việt Nam còn có lợi thế làm "đầu cầu" trên đất liền của con đường giao thương - trên biển và trên không - qua biển Đông. Nếu Việt Nam đóng được vai trò một "đầu mối" của các con đường giao thương qua biển Đông thì sự tăng trưởng nhanh chóng của kinh tế Việt Nam sẽ có khả năng tạo ra những thay đổi trong liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu. Trong trường hợp ấy, với sức vươn lên và trưởng thành mạnh mẽ của các nền kinh tế nội địa của Lào cũng như Campuchia, thì những thuận lợi do "cửa ngõ" Việt Nam đem lại sẽ phát huy được hiệu quả ngày càng cao.

Hiện nay, giao thương quốc tế của Lào phụ thuộc vào các hải cảng của các nước láng giềng, chủ yếu là Thái Lan, Việt Nam

và Campuchia. Việc hoàn thiện nâng cấp đồng bộ hệ thống đường trục Bắc - Nam và nhất là hệ thống hành lang kinh tế Đông - Tây trong các dự án phát triển Tiểu vùng Mê Kông mở rộng và dự án Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam đang mở ra cơ hội khả thi điều hòa khuynh hướng phát triển mất cân đối theo trục Bắc - Nam cũ trước đây nhờ vào việc bổ sung trục hành lang kinh tế Đông - Tây. Dự án phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây được sự hỗ trợ của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), trước mắt tạo cơ sở vật chất để phát triển hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa giữa các nước trong Tiểu khu vực Mê Kông, cũng như thúc đẩy sự hình thành và gắn kết các vùng lãnh thổ kinh tế quan trọng của Việt Nam, nối liền các tỉnh Tây Nguyên, duyên hải miền Trung, Đông Nam bộ Việt Nam với các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan, Campuchia và Myanmar, thông qua hệ thống các cặp cửa khẩu quốc tế, cặp cửa khẩu quốc gia, cặp cửa khẩu cấp tỉnh Việt Nam - Lào[1].

1 Giữa Việt Nam với Lào hiện mở ra nhiều cặp cửa khẩu: *Cửa khẩu quốc tế*: Tây Trang (Điện Biên) - Sốp Hùn (Phong Xalỳ), Na Mèo (Thanh Hoá) - Nậm Xôi (Hủa Phăn), Nậm Cắn (Nghệ An) - Nậm Căn (Xiêng Khoảng), Cầu Treo (Hà Tĩnh) - Nậm Phao (Bôlikhămxay), Chalo (Quảng Bình) - Na Phàu (Khăm Muộn), Lao Bảo (Quảng Trị) - Đen Xavăn (Savănnàkhẹt), Bờ Y (Kon Tum) - Phu Cưa (Attapư); *Cửa khẩu quốc gia*: Chiềng Khương (Sơn La) - Bản Dán (Hủa Phăn), Lóng Sập (Sơn La) - Pa Háng (Hủa Phăn), La Lay (Thừa Thiên - Huế) - Xa Muôi (Salavăn), Nam Giang (Quảng Nam) - Đắc Tà Oóc (Sê Kông); *Cửa khẩu cấp tỉnh*: Tén Tằn (Thanh Hoá) - Sốm Vắng (Hủa Phăn), Bản Khẹo (Thanh Hoá) - Thà Lầu (Hủa Phăn), Thanh Thuỷ (Nghệ An) - Nậm On (Bôlikhămxay), Sơn Hồng (Hà Tĩnh) - Nậm Xắc (Bôlikhămxay), Kim Quang (Hà Tĩnh) - Nacađốc (Bôlikhămxay), Bản Giàng (Hà Tĩnh) - Mácca (Khăm Muộn), Kà Roòng (Quảng Bình) - Noỏng Mạ (Khăm Muộn).

Sự hình thành và phát triển các cặp cửa khẩu và chợ biên giới thực sự là một động lực quan trọng, chẳng những góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và trao đổi, mua bán hàng hóa qua biên giới Việt Nam – Lào, mà còn tạo điều kiện thu hút đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng nói riêng và kinh tế các vùng biên giới nói chung. Việt Nam là một cửa ngõ xuất, nhập khẩu của Lào với thế giới và là thị trường tiềm năng về vốn, hàng hoá, nguyên liệu, nhiên liệu, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ..., có khả năng điều hòa các sức ép cạnh tranh về kinh tế, văn hóa đối với Lào. Ngược lại, Lào với tư cách là "một trạm trung chuyển" trong nền kinh tế Tiểu vùng Mê Kông mở rộng, lại là thị trường đầu tư đầy triển vọng về tài nguyên, khoáng sản, điện năng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ..., có khả năng điều hòa các sức ép cạnh tranh về kinh tế, văn hóa đối với Việt Nam, giúp Việt Nam mở rộng thị trường sang khu vực Đông Nam Á, châu Á, Ấn Độ Dương và thế giới.

Như vậy, sự liên kết thị trường và mở rộng không gian hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào luôn luôn là một đòi hỏi tất yếu khách quan. Ngoài tư cách thành viên chính thức của Hiệp hội ASEAN, Việt Nam và Lào còn là thành viên của Ủy hội sông Mê Kông (MRC), thành viên của Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS), cùng với ASEAN tham gia hiệp định đối tác toàn diện với Trung Quốc, thành viên của tổ chức chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyarwady - Chao Phraya - Mê Kông (ACMECS), thành viên của tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, thành viên của Hợp tác Campuchia - Lào - Việt Nam với Nhật Bản (CLV + J), thành viên của Hợp tác

Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam (CLMV), thành viên của Hợp tác sông Mê Kông - sông Hằng (MGC) cũng như tham gia nhiều tổ chức và định chế quốc tế quan trọng khác. Từ năm 2007, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và hiện đang tích cực ủng hộ Lào gia nhập WTO và tổ chức Cộng đồng kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

Việt Nam và Lào đều là những nước giàu tiềm năng kinh tế chưa được khai thác, có nhiều khoáng sản, lâm sản, thủy sản và thủy năng; tuy nhiên, Lào lại thiếu nhân lực, nhất là lao động có tay nghề, trong lúc Việt Nam có tiềm lực dầu khí trên biển phong phú và có nguồn nhân lực có khả năng cạnh tranh. Nguồn nhân lực, vốn, thị trường đầu tư và thương mại, khả năng công nghệ đều là những nhân tố cần thiết mà Việt Nam và Lào có thể bổ sung cho nhau để cùng phát triển. Trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu, hai nền kinh tế Việt Nam và Lào đều hướng vào xuất khẩu nên cùng đứng trước nhiều cơ hội và thách thức lớn. Cả thế giới hiện đang đương đầu với cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính và suy thoái lớn nhất trong vòng 70 năm lại đây. Suy thoái trên thế giới có nhiều khả năng còn kéo dài qua năm 2011. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế của Lào và Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn. Điều này đòi hỏi cả hai nước càng phải chủ động liên kết và hợp tác chặt chẽ với nhau hơn nữa.

Do những điều kiện địa lý gần gũi, trình độ phát triển và mô hình phát triển có nhiều nét tương đồng nên hai nước hoàn toàn có thể học hỏi kinh nghiệm của nhau về phát triển và giảm nghèo trong khi vẫn giữ vững được ổn định chính trị - xã hội.

Việt Nam và Lào sẵn có truyền thống đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu lâu dài vì độc lập tự do và ý chí hợp tác chính trị cao giữa lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước, lại có hàng chục vạn cán bộ chủ chốt, học sinh, sinh viên, doanh nhân, người lao động của hai nước am hiểu cặn kẽ tiếng nói và phong tục tập quán của nhau. Vì thế, dù hoàn cảnh thế giới có thay đổi như thế nào chăng nữa thì quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào vẫn là tình cảm cách mạng không thể đổi thay, luôn có sự tin cậy tuyệt đối lẫn nhau, luôn được nhân dân hai nước đồng tình ủng hộ. Đây chính là những ưu thế vượt trội so với các mối quan hệ song phương khác để quan hệ Việt Nam - Lào chuyển sang giai đoạn quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược tin cậy ở tầm cao mới, có chiều sâu, toàn diện và hiệu quả hơn. Điều này thật sự đáp ứng xu hướng phân công lao động và liên kết kinh tế khu vực đang diễn ra sôi nổi ở Đông Nam Á và thế giới hiện nay; cũng phù hợp với đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế mà hai Đảng và hai Nhà nước Việt Nam và Lào đang theo đuổi.

3.2. Tác động về chính trị - an ninh, quốc phòng

Quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là một sản phẩm kết tinh của lịch sử quan hệ lâu dài giữa hai nước, là di sản vô giá của hai dân tộc và được đánh giá là một quy luật tồn tại và phát triển của hai nước. Để duy trì quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện hiếm có này, cả hai nước không ngừng quán triệt sâu sắc nhận thức vốn đã ăn sâu vào tâm khảm của nhiều thế hệ, đó là

ưu tiên cho nhau và coi việc thường xuyên củng cố và nâng tầm các quan hệ chính trị - an ninh, quốc phòng và kinh tế là lợi ích sống còn của hai nước; trong đó, *quan hệ chính trị - an ninh, quốc phòng giữ vai trò là yếu tố quyết định, quan hệ kinh tế là yếu tố nền tảng.*

Mặt khác, bản chất của mối quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là mối quan hệ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Cho nên, mối quan hệ này không thể chỉ dừng lại ở sự nhận thức của các thế hệ lãnh đạo cấp cao, mà phải thực sự trở thành sự nghiệp của quảng đại quần chúng nhân dân hai nước. Sự nhận thức tính tất yếu và tính quy luật của quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào phải hướng tới mục tiêu tất cả vì lợi ích của nhân dân hai nước, phải trở thành tình cảm, bổn phận và trách nhiệm của từng người dân mỗi nước, theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh "*giúp nhân dân nước bạn là tự mình giúp mình*".

Sự ổn định về mặt chính trị, sự thịnh vượng về mặt kinh tế và cuộc sống bình yên hạnh phúc của nhân dân Lào và Việt Nam luôn luôn là mục tiêu phấn đấu không mệt mỏi của cả hai nước. Đây là mục tiêu chiến lược lâu dài của cả hai dân tộc. Vì vậy, bất kỳ sự bất ổn nào về mặt chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội nào của Lào cũng đều có tác động to lớn tới Việt Nam và ngược lại. Đây là sự tác động tương hỗ đối với cả hai nước, nói cách khác, Lào và Việt Nam có mối quan hệ tùy thuộc lẫn nhau (interdependence).

Việc ổn định về chính trị - an ninh ở Lào trước hết có tác động to lớn đến ổn định chính trị - an ninh của chính bản thân

Lào và từ đó có tác động đến chính trị - an ninh Việt Nam. Lịch sử đã chứng minh, Việt Nam không thể có an ninh nếu tình hình chính trị - an ninh của Lào có biến động và ngược lại. Thật vậy, trong suốt quá trình lịch sử lâu dài, lợi ích quốc gia hàng đầu mà Việt Nam có được từ mối quan hệ, hợp tác với Lào là lợi ích về an ninh. Có lẽ trong bối cảnh hiện tại và cả trong tương lai, nhận thức trên vẫn chưa có gì thay đổi.

Trong bối cảnh của thời đại hội nhập khu vực và toàn cầu hóa, khái niệm "an ninh" đã bao gồm cả "an ninh phi truyền thống", nghĩa là bên cạnh việc bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ quốc gia, bảo vệ sự tồn tại của thể chế chính trị - xã hội, an ninh còn hàm nghĩa phải bảo đảm được sự ổn định bền vững của các vấn đề an sinh xã hội và con người. Theo đó, các vấn đề nổi cộm như đói nghèo, bất bình đẳng xã hội, biến đổi khí hậu, môi trường xuống cấp; các vấn đề buôn lậu qua biên giới, nhất là buôn lậu ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, mại dâm; các vấn đề dân tộc, tôn giáo; các quyền lợi tối thiểu của con người..., phải được các nhà nước quan tâm đúng mức.

Hơn nữa, trong bối cảnh của mối quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam và Lào trong thời đại ngày nay, vấn đề "lợi ích an ninh" cần được nhìn nhận như thế nào cho hợp lý? Xung đột dân tộc, xung đột tôn giáo tiềm tàng ở vùng rừng núi Lào có nguy cơ tràn vào Việt Nam bất kỳ lúc nào. Các thế lực thù địch với Việt Nam muốn nhân cơ hội này đẩy sự bất ổn về an ninh chính trị vào sâu trong lãnh thổ Việt Nam, khiến Việt Nam không có môi trường ổn định để phát triển. Việt Nam có bốn vùng "phía tây" là địa bàn địa - chính trị, địa - tộc người

vô cùng nhạy cảm: Tây Bắc, Tây Nghệ An, Tây Nguyên, Tây Nam bộ; trong đó có "ba tây" thuộc địa bàn biên giới Việt Nam - Lào. Một khi tình hình chính trị - xã hội rối loạn, các thế lực thù địch trong và ngoài nước có thể can thiệp vào các công việc nội bộ không chỉ của Lào mà còn cả của Việt Nam thông qua các "cửa ngõ" phía tây này. Cũng thông qua các ngả đường từ vùng rừng núi Lào mà lâu nay, ma túy và các chất gây nghiện nguy hiểm khác cũng được tuồn vào Việt Nam. Có thể nói, đây là những thách thức to lớn và lâu dài đối với tình hình an ninh - chính trị của Việt Nam. Do đó, có thể nói rằng, trong mối quan hệ hợp tác đặc biệt với Lào trong giai đoạn 2011 - 2020, lĩnh vực hợp tác về chính trị - an ninh vẫn cần được coi là lĩnh vực hợp tác có tầm quan trọng hàng đầu.

Để trả lời cho câu hỏi tại sao những biến động về an ninh - chính trị tại Lào lại có tác động đến Việt Nam và đánh giá tác động đó như thế nào, có thể quy vào hai nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Nguyên nhân bên trong là hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội của Lào còn chưa phát triển đang đòi hỏi gay gắt vốn đầu tư và nguồn nhân lực lớn, cùng với hệ thống pháp lý về quản lý kinh tế và hành chính còn yếu kém; đặc biệt là tệ nạn tham nhũng, hối lộ chưa được bài trừ và có nguy cơ ngày càng gia tăng. Các thế lực thù địch với quan hệ đặc biệt Việt - Lào có thể lợi dụng tình trạng này của Lào để thâu tóm nội bộ Lào thông qua các cạm bẫy viện trợ ODA và FDI. Khi đã thao túng được Lào thì nguy cơ mất an ninh đối với Việt Nam chỉ còn là vấn đề thời gian. Thực tế cho thấy, nguy cơ mất an ninh

chính trị từ bên trong Lào (và Việt Nam) còn nguy hiểm và lớn hơn so với nguy cơ phát xuất từ bên ngoài.

Nguyên nhân bên ngoài là các thế lực tư bản thị trường vốn không mặn mà gì đối với "định hướng xã hội chủ nghĩa" của Lào và Việt Nam, và đang tìm mọi cách chống phá, vừa ngấm ngầm vừa công khai, hoặc bằng chiến thuật âm i lâu dài "tự diễn biến hòa bình".

Dưới góc độ an ninh - chính trị, có thể nói, thể chế chính trị CHDCND Lào hiện nay đang đứng trước nhiều thách thức cam go, ít nhất từ nay cho đến năm 2020, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau (cả về chủ quan và khách quan) mà việc hóa giải chúng đòi hỏi sự đồng tâm hiệp lực và quá trình phấn đấu liên tục của cả hệ thống chính trị.

Không thể phủ nhận thực tế là Đảng và Chính phủ Lào đã có những quyết tâm vượt bậc trong việc điều chỉnh đường lối, chính sách cho phù hợp với việc tập hợp lực lượng trong và ngoài nước nhằm phát huy nội lực trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Biểu hiện rõ nhất là Lào đã công khai dựa vào các biểu tượng mang đậm nét chủ nghĩa dân tộc Lào[1] trong các xã hội truyền thống như là một nền tảng mới để củng cố chế chế độ hiện hành. Việc các nhà lãnh đạo Lào thể hiện mình như là những hậu duệ trực tiếp của chế độ quân chủ,

---

1. Kể từ năm 2003, CHDCND Lào lấy ngày 5 tháng Giêng hàng năm là ngày hội lớn nhằm tưởng niệm vua Phà Ngừm, người đã có công thống nhất và thành lập nên Vương quốc Lạn Xạng vào năm 1353. (Tham khảo: Vaudine England, Royal Synbolism Is Embraced Amid Communist Ideology in Laos", *South China Morning Post*, December 19, 2002).

là điều trái ngược hẳn với cách ứng xử trước đây coi chế độ quân chủ là biểu tượng cần phải lật đổ. Điều này hoàn toàn phù hợp với đường lối chính trị của Lào là xây dựng chế độ "dân chủ nhân dân", chứ không phải quá độ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội như một số nước khác[1].

Mặt khác, Lào cũng muốn dùng hình ảnh vua Phà Ngừm trên phương diện đối ngoại nhằm chống lại ảnh hưởng của văn hóa Thái Lan vốn đã từng khơi dậy sự ngưỡng mộ về nhà vua Thái và Hoàng gia Thái Lan trong tâm thức của người dân Lào. Gần đây, những hoạt động của "phe áo đỏ" (lực lượng ủng hộ cựu Thủ tướng Thái Lan Thaksin đang lưu vong ở nước ngoài) mà thủ phủ nằm ở vùng Đông Bắc Thái Lan trong suốt hơn một năm qua (từ 2009) là những nhân tố bất ổn tiềm tàng tác động đến tình hình an ninh - chính trị của Lào.

Như vậy, để giảm thiểu thách thức đối với chế độ, ngoài việc coi trọng văn hóa truyền thống thì về mặt thể chế chính trị, Đảng NDCM Lào đang nỗ lực đồng nhất lợi ích của Đảng

---

1. Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (khóa IV) của Lào tháng 1/1989 đã đưa ra kết luận: "mâu thuẫn cơ bản và cực kỳ gay gắt ở Lào hiện nay là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất quá lạc hậu với yêu cầu sản xuất phát triển, đáp ứng nhu cầu mọi mặt ngày càng tăng của xã hội nên quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội lúc này là sớm, mà phải có thời kỳ chuyển tiếp đó là chế độ dân chủ nhân dân" (Xem: Cayxỏn Phômvihản, Phát biểu tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7, khóa IV, tháng 1/1989. Trích lại trong "*Lào: Đất nước - Con người*" của tác giả Hoài Nguyên, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 165). Thực chất của chế độ dân chủ nhân dân ở Lào là kết thúc xã hội cũ, chuyển từng bước xã hội cũ sang xã hội mới theo hướng xã hội chủ nghĩa.

với lợi ích dân tộc. Để làm được điều này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng NDCM Lào quyết định thực hiện chế độ "nhất nguyên hóa chính trị". Theo đó, từ Đại hội Đảng lần thứ VIII (2006), mô hình thể chế chính trị ở Lào được tổ chức theo bốn cấp: trung ương, tỉnh (thành), huyện và bản, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng nhất nguyên về quyền lực chính trị ở người đứng đầu mỗi cấp (Tổng Bí thư BCHTW Đảng NDCM Lào kiêm Chủ tịch nước; Bí thư tỉnh ủy, Thành ủy kiêm Tỉnh trưởng, Đô trưởng; ngoại trừ chỉ một vài trường hợp vì lý do nhân sự cụ thể mà Bí thư Tỉnh ủy tạm thời không kiêm Tỉnh trưởng như ở các tỉnh Xiêng Khoảng, Chăm-pa-xắc trong nửa nhiệm kỳ đầu 2006 - 2011).[1] Mô hình nhất nguyên hóa chính trị này của Lào làm cho Đảng và Nhà nước tập trung hóa được quyền lực chính trị khiến cho bộ máy công quyền gọn nhẹ, không chồng chéo, dễ điều hành mà Việt Nam có thể học tập nhằm bảo đảm tối đa hiệu năng của nguyên tắc tập trung dân chủ. Như vậy, sẽ xảy ra sự tác động giữa hai mô thức chính trị tương đồng về nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng khác nhau về trình độ phát triển: bản sắc chính trị của Lào là xây dựng chế độ dân chủ nhân dân do một Đảng lãnh đạo, còn bản sắc chính trị của Việt Nam là quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội cũng do một Đảng cầm quyền.

Hiến pháp Lào năm 1991 chính thức thừa nhận: Đảng NDCM Lào là đảng chính trị duy nhất hợp pháp ở Lào, là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị Lào. Tất nhiên, trong

---

1. Tỉnh trưởng tỉnh Xiêng Khoảng kiêm Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Xiêng Khoảng hiện nay là GS. TS. Xổm Cốt Măng Nò Mếc, Ủy viên TW Đảng NDCM Lào, nguyên Bộ trưởng Giáo dục.

hoạt động thực tế không thể tránh khỏi sự bất tương thích giữa vai trò lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của nhà nước và vai trò làm chủ của nhân dân, trong phạm vi xã hội pháp quyền, tức là vai trò thực thi độc lập tương đối của ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tuy nhiên, hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, mất dân chủ ở cơ sở là một thách thức to lớn đối với thể chế chính trị của Lào hiện nay. Điều đáng tiếc là đã có một số không ít cán bộ, đảng viên và công chức nhà nước Lào không còn giữ được phẩm chất của người cách mạng chân chính, thiếu vận động sâu sát với quần chúng và tiếp thu lắng nghe ý kiến của họ. Bệnh quan liêu, xa rời quần chúng trong nội bộ Lào là hiện tượng khá phổ biến; hơn thế nữa, nhiều người trong số đó còn tham nhũng, nhận hối lộ, chèn ép quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến truyền thống đoàn kết nhất trí giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân[1]. Đây chính là căn bệnh trầm kha ở Lào hiện nay, có nguy cơ đe dọa đến sự tồn vong của chế độ chính trị Lào.

Về lĩnh vực quốc phòng, trong kháng chiến chống ngoại xâm trước kia, ba nước Đông Dương luôn là một chiến trường, trong đó Việt Nam thường gánh trách nhiệm là trụ cột của liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương nói chung, và là nòng cốt của liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào nói riêng. Từ ngày hòa bình (1975) đến nay, vấn đề an ninh quốc phòng

1. Tham khảo: Khăm Phiêm Bua La Pha, *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng Nhà nước Dân chủ nhân dân trong thời kỳ đổi mới (1986-1996)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2004, tr. 58.

của Lào vẫn còn nhiều điều đáng lo ngại. Trên thực tế, Việt Nam và Lào đều là hai quốc gia độc lập, có chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và là thành viên của ASEAN, Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế khác. Do vậy, yêu cầu, tính chất của mối quan hệ quân sự cũng đã có sự thay đổi. Các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam đã trở về nước. Việc hợp tác giữa quân đội hai nước giờ đây diễn ra dưới phương thức các đoàn chuyên gia giúp nhau xây dựng tổ chức lực lượng, giúp tổng kết kinh nghiệm chiến đấu, huấn luyện, giữ gìn an ninh, trật tự. Nhiệm vụ phòng thủ của Lào cũng như của Việt Nam hiện nay là phòng thủ theo chiều sâu, vì vấn đề an ninh giữa hai nước là vấn đề an ninh toàn diện và tương thuộc. Do đó, vấn đề hợp tác phòng thủ biên giới theo chiều sâu nhất thiết phải được tính toán một cách sâu sắc, toàn diện và lồng ghép vào các chương trình quốc gia của hai nước về phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình an sinh - xã hội, gắn chặt với mục tiêu xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, do biên giới Việt Nam - Lào chủ yếu là biên giới tự nhiên, trải dài trên 2.069km, với địa hình rừng núi hiểm trở phức tạp nên việc phòng thủ gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, bên cạnh các yếu tố quân sự thuần túy, cần thực hiện tốt hơn nữa quan hệ kết nghĩa gắn bó giữa các tỉnh biên giới của hai nước với những nội dung hợp tác phong phú và có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, giáo dục... Chính điều này sẽ là phương thức hữu hiệu nhất hỗ trợ đắc lực cho việc bảo vệ an ninh biên giới giữa hai nước. Đồng thời, trên bình diện quốc gia, cũng cần thực hiện

tốt hơn nữa việc kết nghĩa và quan hệ công tác chuyên môn sâu rộng giữa các bộ, ngành tương ứng của hai nước. Đây chính là quốc sách để giữ gìn biên cương của Việt Nam và Lào, đảm bảo duy trì bền vững quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện với Lào, cũng như với các nước đối tác láng giềng khác.

3.3. Tác động về kinh tế

Trước hết, tình trạng kinh tế trì trệ và lạc hậu ở Lào hiện nay không có lợi cho Việt Nam, tác động trực tiếp đến lợi ích kinh tế của Việt Nam. Từ năm 1986 đến nay, CHDCND Lào đã và đang tiến hành công cuộc đổi mới có nguyên tắc và từng bước theo đường lối của Đại hội Đảng NDCM Lào lần thứ IV (1986). Trong ba năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ II (1986-1990), kinh tế Lào xuất hiện tình trạng suy giảm tăng trưởng GDP. Sự giảm sút đầu tư công cộng và tác động của nền kinh tế thị trường đã trực tiếp ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, phải có chính sách và biện pháp thích hợp để nâng cao trình độ phát triển công nghệ trong sản xuất, khắc phục và tiến tới xóa bỏ lối quản lý theo kiểu tập trung bao cấp, quản lý hữu hiệu việc đầu tư có trọng tâm, không dàn trải cho các chương trình trọng điểm. Đồng thời, tiến hành xây dựng hành lang pháp lý đồng bộ, mềm dẻo nhằm thu hút có hiệu quả đầu tư nước ngoài.

Trong bối cảnh kinh tế chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, nền kinh tế Lào ngày càng bộc lộ rõ tính chất của một nền sản xuất nhỏ dựa trên nền tảng nông nghiệp lạc hậu mà nội dung cơ bản của nó là chưa tạo ra nội lực

vững chắc để tăng trưởng nhanh theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Vốn ODA và FDI chiếm phần lớn tổng vốn đầu tư xã hội (tới 70%), trong đó ODA chiếm tỷ lệ lớn trong thu nhập ngân sách nhà nước. Điều đó thể hiện kinh tế Lào còn dựa chủ yếu vào nguồn vốn nước ngoài[1].

Bước vào thời kỳ đổi mới, bên cạnh những ưu điểm, Lào vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. *Thứ nhất,* trong xây dựng kinh tế, chưa tập trung vào phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp để tạo nền tảng cho việc phát triển công nghiệp. Nhà nước coi giao thông vận tải là mũi nhọn nhưng chưa thực hiện được chủ trương nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm; mà phần lớn chỉ trông chờ vào trung ương và nhà nước. Thương mại được coi là mắt xích quan trọng nhưng việc lưu thông hàng hóa thông qua mạng lưới thương nghiệp của nhà nước và tập thể chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Do đó, việc chuyển đổi kinh tế tự nhiên, nửa tự nhiên, tự cung tự cấp, sang nền kinh tế thị trường sản xuất hàng hóa là một trong những nhiệm vụ cơ bản của kinh tế Lào hiện nay và giai đoạn 2011 - 2020 mà Việt Nam có thể hỗ trợ Lào đắc lực trên nhiều phương diện.

Thứ hai, Lào là nước đang phát triển, có nền kinh tế với quy mô nhỏ bé, cơ cấu kinh tế lạc hậu, trình độ sản xuất và năng suất lao động còn thấp kém. Tuy nhiên, Lào là quốc gia có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, lại nằm ở vị trí

---

1. Xem: "*Tổng kết 25 năm đổi mới kinh tế ở CHDCND Lào (1986 – 2010)*", Phủ Thủ tướng Lào, Viêng Chăn, 2010, bản dịch tiếng Việt lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, tr. 28.

trung chuyển thuận lợi, tiếp giáp với năm nền kinh tế láng giềng khác, nên "*miếng bánh kinh tế*" ở Lào tạo ra sự hấp dẫn đặc biệt đối với nhiều đối tác. Từ sự hấp dẫn đó, sự cạnh tranh ảnh hưởng kinh tế tại Lào giữa nhiều bên đang và sẽ có tác động trực tiếp và gián tiếp đến lợi ích kinh tế trước mắt và lợi ích chiến lược lâu dài đối với Việt Nam. Do có mối quan hệ gần gũi về địa lý, chính trị, an ninh, quốc phòng với Việt Nam, nên tác động kinh tế từ phía Lào đối với Việt Nam không đơn thuần là tác động trực tiếp do thiệt hại kinh tế mang lại, mà là tác động sâu sắc do có sự chi phối từ cuộc tranh giành ảnh hưởng chính trị - kinh tế tại Lào, dẫn tới những hậu quả khó lường trước; trong đó có hậu quả về việc Việt Nam có thể mất ảnh hưởng chính trị và kinh tế tại Lào nếu không gia tăng tốc độ và phương thức cạnh tranh kinh tế có hiệu quả.

Thứ ba, cùng theo đuổi mô hình kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước nhưng khác với Việt Nam, trong năm thành phần kinh tế ở Lào, kinh tế nhà nước chưa đóng được vai trò chủ đạo. Chính sách của nhà nước CHDCND Lào nhằm mở rộng liên doanh liên kết giữa các thành phần kinh tế với nhau, coi kinh tế hộ nông dân ở khu vực nông thôn là chủ thể, chuyển nền kinh tế tự nhiên, nửa tự nhiên sang kinh tế sản xuất hàng hóa đã khơi dậy tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước và tạo ra các thành tựu bước đầu. Tuy nhiên, qua thực tiễn sản xuất kinh doanh cho thấy, các thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế hiện hành chưa phát huy hết khả năng hiện có để đưa nền kinh tế phát triển theo định hướng chiến lược mà Đảng và nhà nước Lào đã đề ra. Đáng chú ý là vai trò của kinh tế nhà nước vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của Đảng và nhà nước Lào hiện nay. Hiện tượng thua lỗ, thậm chí phá sản của kinh tế quốc doanh trong cơ chế thị trường đang

là một bài toán hóc búa trong công tác quản lý nhà nước đối với loại hình kinh tế này. Xu hướng sát nhập hoặc giải thể các công ty nhà nước ngày càng gia tăng ở Lào cũng là hiện tượng đáng chú ý, sẽ tác động không nhỏ đến quan hệ kinh tế, thương mại Lào - Việt Nam.

Thứ tư, tăng trưởng kinh tế ở Lào hiện nay đang chủ yếu hướng vào chiều rộng mà chưa chú trọng tới chiều sâu, kể cả các doanh nghiệp Lào và doanh nghiệp nước ngoài đang đầu tư kinh doanh tại Lào. Điều này đồng nghĩa với việc môi trường sinh thái tự nhiên phong phú và đa dạng của Lào đang bị hủy hoại có xu hướng ngày càng gia tăng. Là nước kề sát với Việt Nam và lại ở phía đầu nguồn xét theo vị trí địa lý, sự xuống cấp về môi trường ở Lào sẽ gây thiệt hại kinh tế trực tiếp và lâu dài cho cả Việt Nam.

Thứ năm, trong quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, cả hai bên đều đang và sẽ phải đối mặt với nhiều tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, trong đó có nạn tham nhũng vốn được cả hai phía tuyên bố là quốc nạn. Vì vậy, nếu hai Đảng và hai Nhà nước Việt Nam và Lào không kiên quyết loại trừ quốc nạn này thì tác hại lan tỏa của tham nhũng sẽ vô cùng lớn, làm thiệt hại cho kinh tế của hai bên lớn gấp bội và tạo điệu kiện cho "diễn biến hòa bình" có thể trở thành hiện thực.

3.4. Tác động về văn hóa - xã hội

CHDCND Lào nằm giữa năm nước láng giềng hữu hảo, trong đó có ba nền kinh tế phát triển hơn Lào là Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam. Do đó, trong tương lai không xa, khi mạng lưới giao thông vận tải được hoàn thiện thì, quan hệ

kinh tế - văn hóa giữa Lào với các nước sẽ phát triển mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội Lào phát triển và hội nhập với khu vực và thế giới.

Kinh tế - xã hội Lào phát triển sẽ kéo theo nhiều hệ quả tích cực và tiêu cực. Mặt tích cực là người dân Lào sẽ có cơ hội thụ hưởng những thành quả kinh tế và phúc lợi xã hội mà hàng trăm năm dưới chế độ quân chủ họ chưa từng trải qua. Trong thế giới hiện đại ngày nay, các công dân Lào có thể tự lái xe để đi du lịch tới các nước xung quanh. Hệ thống Internet và viễn thông được đầu tư phát triển đang giúp người dân Lào tiếp cận và cập nhật thông tin rất đa dạng, đồng thời có cơ hội giao tiếp với thế giới bên ngoài một cách dễ dàng. Đây chính là những nhân tố tích cực đang từng bước giúp Lào ngày càng hiện đại hóa.

Bên cạnh đó, song song với các làn sóng kinh doanh và đầu tư ồ ạt vào Lào, hiện tượng di dân, di cư đến Lào từ các nước xung quanh đã trở thành sự thật hiển nhiên. Dưới ảnh hưởng của quá trình nhập cư, văn hóa - xã hội truyền thống Lào đang chịu sự tác động mạnh mẽ của những yếu tố ngoại lai và cuối cùng sẽ dần trở nên pha tạp. Những thách thức của kinh tế thị trường trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc Lào trước sức ép của nhiều bên, trong đó có Thái Lan và phương Tây (lối sống phương Tây) vẫn là những thách thức đáng kể nhất. Trong bối cảnh đó, mối đe dọa bào mòn tính bền vững của văn hóa - xã hội truyền thống Lào đang ngày càng lớn dần và khó có thể đảo ngược.

Trong quá trình phát triển kinh tế, vấn đề môi trường sinh thái ở Lào cũng đứng trước sự báo động nghiêm trọng khi làn sóng đầu tư nước ngoài ồ ạt đổ vào Lào, kéo theo những biến

dạng về đời sống văn hóa - xã hội với những tệ nạn nguy hiểm như: ma túy, mại dâm, mê tín dị đoan, buôn lậu, buôn người, tàn phá rừng, di cư tự do, hôn nhân bất hợp pháp,... Tất cả những điều này trước hết đang có tác động mạnh mẽ (cả trực tiếp và gián tiếp) đến đời sống văn hóa - xã hội Lào.

Trong bối cảnh mối giao lưu đa dạng giữa Việt Nam và Lào ngày càng phát triển sâu rộng, các tác động về văn hóa - xã hội từ Lào đối với cư dân và xã hội Việt Nam, nhất là ở các vùng biên giới giữa hai nước là điều khó tránh khỏi. Hiện nay, các tệ nạn về văn hóa - xã hội xuyên biên giới hai nước đang trở thành những vấn đề nóng bỏng có tác động mạnh mẽ đến an ninh - chính trị của Việt Nam và Lào, đòi hỏi các giải pháp phải mang tính toàn diện, triệt để và lâu dài; trong đó, cần lấy biện pháp phát triển kinh tế và giáo dục làm căn bản. Biện pháp giáo dục sẽ làm cho con người trở nên có tri thức để ứng xử nhân văn hơn trong quan hệ với đồng loại; trong khi đó, biện pháp phát triển kinh tế sẽ giúp con người đỡ khó khăn hơn trong cuộc sống vật chất, từ đó góp phần hạn chế họ lao vào những hoạt động bất hợp pháp có hại cho cộng đồng và xã hội.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh lớn của xu thế hội nhập khu vực và toàn cầu hóa, CHDCND Lào ngày càng phát triển nhanh chóng cả về chính trị và kinh tế. Trong mối giao lưu quốc tế đa phương hóa, đa dạng hóa ngày càng rộng mở, sự cạnh tranh ảnh hưởng chính trị của các nước láng giềng đối với Lào và của một số nước lớn tại Lào ngày càng gay gắt, càng làm cho vị thế địa - chiến lược và địa - kinh tế của Lào ngày càng gia tăng đang đặt ra cho Lào cả thuận lợi lẫn thách thức cam go trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020.

Công trình nghiên cứu này chỉ ra những vấn đề chính trị và kinh tế nổi bật của Lào giai đoạn 2011 - 2020 và việc giải quyết ổn thỏa chúng sẽ tạo ra khả năng cho những bước phát triển tiếp theo của Lào trên con đường hướng tới mục tiêu ổn định và thịnh vượng.

Là nước láng giềng gần gũi của Lào nên những thành công và hạn chế của tình hình phát triển chính trị và kinh tế ở Lào đều có tác động mạnh mẽ tới Việt Nam, đòi hỏi hai Đảng, hai Chính phủ và nhân dân hai nước cần tăng cường mối quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt và sự hợp tác toàn diện hơn nữa để cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, thách thức trong tiến trình phát triển.

Lào luôn xác định Việt Nam là đồng minh chiến lược, là người bạn chí cốt, người đồng chí thủy chung. Điều này được

thể hiện nhất quán trong mọi chủ trương và hành động cụ thể của Lào từ trước đến nay. Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là mối quan hệ quốc tế thủy chung, trong sáng, mẫu mực chưa từng có trong lịch sử, đã từng trải qua thử thách hơn 80 năm kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930), sau đó được đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương (10/1930), tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, là hai Đảng lãnh đạo cách mạng hai nước hiện nay. Đây vừa là di sản quý báu, vừa là quy luật phát triển và là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước. Đây cũng chính là lợi thế chính trị vô song của Việt Nam trong quan hệ với Lào so với nhiều nước khác trong khu vực. Ngoài sự hợp tác về chính trị, an ninh, quốc phòng, Lào luôn đặt niềm tin vào sự hợp tác, giúp đỡ của Việt Nam về kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, nhất là trong hoàn cảnh khó khăn, có nhiều sức ép từ trong và ngoài nước như hiện nay.

Trong ba nước láng giềng có ảnh hưởng lớn nhất ở Lào thì Thái Lan là nước có quan hệ khá chặt chẽ, nhưng Lào luôn tìm cách thoát khỏi sự lệ thuộc khá nặng nề về kinh tế đối với Thái Lan. Lào cũng luôn đặt quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện với Trung Quốc để khai thác năng lực vốn đầu tư và công nghệ của Trung Quốc - quốc gia đang có tham vọng vươn lên vị trí siêu cường của thế giới, có khả năng lớn nhất trong việc giúp Lào sớm thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu.

Riêng đối với Việt Nam, Lào nhấn mạnh hơn ở quan hệ đặc biệt, thủy chung, tình nghĩa. Việt Nam là bạn chí cốt, gắn bó mật thiết đặc biệt, hết lòng giúp đỡ, nhưng để giúp Lào

phát triển nhanh thì Việt Nam không có được sức mạnh như Trung Quốc và một số nước khác. Mặt khác, xét ở một khía cạnh nào đó, Lào quan hệ toàn diện với Trung Quốc không chỉ để tận dụng thế mạnh, sự hợp tác, giúp đỡ của người bạn láng giềng khổng lồ này mà còn để gây "áp lực" đối với quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào, từ đó dù "vô tình hay "hữu ý" cũng đòi hỏi quan hệ Việt Nam - Lào phải được điều chỉnh, gia tăng, phát triển hơn nữa. Cho đến nay, người ta đã thấy những biểu hiện tranh giành, lôi kéo của một số nước đối với Lào (như gia tăng viện trợ, đầu tư, thương mại, đào tạo nguồn nhân lực; tăng cường hợp tác văn hóa, khoa học - kỹ thuật, giáo dục; tranh thủ các giới chức lãnh đạo,...).

Về lâu dài, tình hình ở Lào có thể ảnh hưởng đến Việt Nam trên cả hai mặt thuận lợi (tích cực) và không thuận lợi (tiêu cực). Tất nhiên, ranh giới của hai mặt này là không thật rõ ràng mà phải nhìn nhận từ những cơ hội và thách thức. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực hiện nay, mỗi bước tiến lên của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam đều có sự đan xen giữa cơ hội và thách thức. Mất thời cơ thì thuận lợi có khi lại trở thành khó khăn, và ngược lại, khó khăn nhưng nếu có điều kiện tốt vẫn có thể khắc phục để trở thành nhân tố thuận lợi. Miễn sao trong quan hệ giữa Việt Nam và Lào cần xác định thật chắc chắn yếu tố nào bất biến và yếu tố nào là biến thiên. Yếu tố bất biến là quyền lợi quốc gia dân tộc của hai nước, là lợi ích sống còn của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam; yếu tố biến thiên là tài nguyên thiên nhiên của Lào, là quan hệ giữa các nước lớn và các nước láng giềng đối với Lào.

Nhìn vào viễn cảnh của mười năm tới (2011- 2020), hai Đảng và hai Nhà nước Việt Nam và Lào chắc chắn vẫn kiên

định nhận thức đúng đắn về tính tất yếu khách quan và sự cần thiết của quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, nhằm bảo đảm lợi ích trực tiếp về an ninh và phát triển của cả hai nước. Tất nhiên, để thích ứng với những tác động của quá trình hội nhập khu vực và toàn cầu hóa, và các ý đồ chiến lược của các nước lớn; cùng với sự chuyển giao từng bước các thế hệ lãnh đạo Việt Nam và Lào thì sự hợp tác chặt chẽ thường xuyên về chính trị giữa hai nước lại càng quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết. *Hai nước sẽ ổn định vững vàng, phát triển nhanh và ngày càng bền vững hơn khi cả hai bên luôn đạt được sự đồng thuận và thực hiện mối liên kết hợp tác chặt chẽ với nhau cả về mặt chính trị và kinh tế.* Muốn hợp tác chính trị có hiệu quả, điều kiện tiên quyết là cần duy trì thường xuyên cơ chế hội đàm cấp cao định kỳ hàng năm và không định kỳ giữa hai Bộ Chính trị của hai Đảng, thiết lập đường dây nóng giữa hai nguyên thủ quốc gia để trao đổi quan điểm về những vấn đề đối nội và đối ngoại có ảnh hưởng thiết thân đến quan hệ hai nước, cũng như những vấn đề bức xúc nhất trong quan hệ hai nước và quốc tế, đảm bảo được sự đồng thuận về chủ trương chiến lược cũng như chọn lựa các quyết sách và phương thức triển khai chiến lược.

Trên thực tế, kể từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế Lào đã có sự cải thiện căn bản về cơ cấu kinh tế cũng như cung cách quản lý, làm ăn dần dần có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường ở CHDCND Lào hiện nay cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần được khắc phục, như tình trạng phân hóa giàu nghèo, sự chênh lệch về phát triển giữa thành thị và nông thôn, nạn tham

những, cửa quyền, hối lộ,... Từ đó, đặt ra vai trò trung tâm của nhà nước Lào đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có vấn đề vừa mang tính cấp bách và vừa có tính lâu dài là, tăng cường quyền lực của nhà nước pháp quyền trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở CHDCND Lào.

Ở đây, vấn đề cơ bản được đặt ra là, cần quán triệt nguyên tắc về mối quan hệ chặt chẽ giữa kinh tế và chính trị, trong đó quan hệ chính trị tốt đẹp sẽ mở đường cho quan hệ kinh tế phát triển thuận lợi. Ngược lại, quan hệ kinh tế mở rộng là cơ sở để thiết lập và tăng cường không ngừng quan hệ chính trị. Nhưng quan hệ kinh tế có tính độc lập tương đối và trước hết phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm mục tiêu hàng đầu. Kinh nghiệm cho thấy, quan hệ kinh tế chạy theo nhu cầu đơn thuần về mặt chính trị sẽ mang lại hậu quả tiêu cực và sẽ làm tổn thương đến quan hệ chính trị tốt đẹp đã được thiết lập.

Về mặt giáo dục tư tưởng và chính trị, hai bên cần làm rõ cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân của hai nước hiểu cặn kẽ và rõ ràng hơn những nội hàm ngày càng mở rộng của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, đó là hợp tác chặt chẽ toàn diện, giúp nhau cùng phát triển. Thay vì lúc nào xã luận báo chí hai nước cũng tuyên bố "nâng quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào lên một tầm cao mới", hai bên cần nhanh chóng *xây dựng quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam*. Ở đây, cần làm rõ nội hàm của "*quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt*". Đó là mối quan hệ đối tác hoàn toàn bình đẳng. Xây dựng quan hệ đối tác tức là xây dựng quan hệ đồng đẳng, mà có đồng đẳng thì mới có bình đẳng, tức là hai bên cùng ngang hàng, cùng có lợi, cùng tuân thủ tuyệt đối luật chơi. Tuy

nhiên, quan hệ đối tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam phải được xây dựng trên cơ sở chiến lược, dài hạn và luôn phải duy trì tính chất đặc biệt, tức là phải ưu tiên, ưu đãi cho nhau, giành cho nhau những ưu đãi nhất mà không hề tính toán thiệt hơn. "*Quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt*" vì thế cần phải bao hàm sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa quan hệ đặc biệt truyền thống vốn có với thông lệ quốc tế.

Từ lâu nay, hai Đảng và chính phủ hai nước đã nhận ra quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư, văn hóa, khoa học - kỹ thuật... giữa Việt Nam và Lào, giữa Lào và Việt Nam chưa xứng tầm với quan hệ chính trị rất tốt đẹp giữa hai nước. Như vậy, quan hệ chính trị giữa hai bên là hết sức tốt đẹp, có ý nghĩa mở đường và quyết định mọi mối quan hệ khác. Vậy thì tại sao hai nước Việt Nam và Lào lại không quyết tâm xây dựng thực chất *mối quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt với nhau?* Đây có lẽ là nhiệm vụ khó khăn và to lớn đối với cả hai nước trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng NDCM Lào, *Văn kiện các Đại hội IV, V, VII, VII, VIII* (Bản tiếng Việt); Nxb Sự thật và Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1986, 1991, 1996, 2001, 2006.
2. Trần Công Hàm, Nguyễn Hào Hùng, "Ba mươi năm nước CHDCND Lào: Những thành tựu". *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6/2005; tr. 3 - 11.
3. Phạm Đức Thành và Trương Duy Hòa (chủ biên), *Kinh tế các nước Đông Nam Á: Thực trạng và triển vọng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
4. Trương Duy Hòa, "Một số thành tựu cơ bản trong 30 năm xây dựng và phát triển kinh tế ở nước CHDCND Lào (1975-2005)". *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 6/2006; tr. 3 - 15.
5. Trương Duy Hòa (2010), "Vị thế của CHDCND Lào trong cạnh tranh chiến lược hiện nay ở Đông Nam Á giữa các nước lớn". *Tạp chí Kinh tế và Chính trị thế giới*, Số 3/2010; tr. 3 - 14.
6. Nguyễn Thị Phương Nam, "Quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào từ 1991 đến 2005", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 8/2007; tr. 30 - 36.
7. Trần Cao Thành, "Một số suy nghĩ về quan hệ kinh tế Việt Nam - Lào", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 4/2001; tr. 40 - 51.

8. Nhiều tác giả, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.

9. Ôc-xa-kăn (chủ biên), "*Lịch sử Lào (từ cổ đại đến ngày nay)*", Bộ Thông tin - Văn hóa CHDCND Lào, Viêng Chăn, 2000.

10. Keng Lao Blia Yao, "Nông nghiệp Lào 25 năm phát triển 1975 - 2000", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 3/2001; tr. 42 - 49.

11. Nicole Gnesotto & Giovanni Grevi (2008), *Thế giới năm 2025,* (Nguyễn Hữu Chiến và Hữu Nhung dịch), Nxb Tri thức; Hà Nội, 2007.

12. Hoài Nguyên, *Lào: Đất nước - Con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

13. Trung tâm Thống kê Quốc giao, *Niên giám Thống kê 1975 - 2005*. Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Viêng Chăn, 2005.

14. Cục Thống kê Quốc gia, *Số liệu thống kê Lào năm 2008*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Viêng Chăn, 6/2009.

15. Hội Phát triển Hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia (2008), *Hệ thống văn bản pháp quy đầu tư vào CHDCND Lào,* Nxb Thống kê, Hà Nội, 2008.

16. Viện Chiến lược Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, *Dự thảo Báo cáo Tổng hợp Chiến lược Hợp tác Phát triển và Chương trình hợp tác dài hạn giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND Lào từ 2001 đến 2010,* Hà Nội, 4/2000.

17. Vụ Kế hoạch Tổng hợp, *Chiến lược tăng trưởng và xóa nghèo quốc gia*, Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư Lào, (Bản tiếng Lào), Viêng Chăn, 6/2006.

18. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (Nhiều tác giả), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Phát triển vùng Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia: Những vấn đề đặt ra*, Hà Nội, 4/2009.

19. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (Nhiều tác giả), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Thực trạng phát triển Tam giác Phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Vai trò của Việt Nam và Nhật Bản*, Buôn Mê Thuột, 1/2010.

20. Thông tấn xã Việt Nam, *Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng ở Lào và Campuchia* (TLTKĐB, Số 108, 14/05/2008; tr. 1-7).

21. Thông tấn xã Việt Nam, *Lào: Đằng sau tuyến đường R3 mới được khánh thành* (TLTKĐB, Số 093, 24/04/2008, tr. 1-4).

22. Thông tấn xã Việt Nam, *Trung Quốc đang tăng cường ảnh hưởng đối với Lào thông qua con đường kinh tế*, (Kinh tế Quốc tế, số 046/2008).

23. Thông tấn xã Việt Nam, *Trung tâm Mê Kông - Khu vực kinh tế mới của châu Á* (Theo báo Asahi của Nhật Bản), Kinh tế Quốc tế, Số 012/2008, tr. 5-7.

24. Thông tấn xã Việt Nam, *Tuyến đường Bắc - Nam số 3 kết nối các nền kinh tế Trung Quốc, Lào, Thái Lan* (Theo tờ Bưu Điện Băng Cốc), Kinh tế Quốc tế, số 020, 18/05/2008.

25. Thông tấn xã Việt Nam, *Kinh tế và di dân: Bước phát triển mới trong quan hệ Trung Quốc - Đông Nam Á* (TLTK ĐB), 11/05/2009, tr. 13-26.

26. Thông tấn xã Việt Nam: *Lợi ích quốc gia của Trung Quốc trong quan hệ với ASEAN* (TLTK ĐB); 02/05/2009; tr. 19-28.

27. Thông tấn xã Việt Nam, *Việt Nam - Trung Quốc và cuộc tranh giành ảnh hưởng tại Lào*, (TLTK ĐB), 05/09/2008, tr. 1-7.

28. Thông tấn xã Việt Nam, *Lào: Sự ra đời của nút giao thông khu vực*, (TLTK ĐB), 05/09/2009, tr. 7-15.

29. Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, *Kế hoạch Phát triển Kinh tế - xã hội Quốc gia 5 năm lần thứ VI (2006-2010)*, Viêng Chăn, 2006.

30. Cay-xỏn Phôm-vi-hản, *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986.

31. Khăm-phiêm Bua-la-pha, *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng Nhà nước Dân chủ nhân dân trong thời kỳ đổi mới*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2004.

32. En-xô La-thi, *Xây dựng Nhà nước đảm bảo quyền lực của nhân dân lao động ở CHDCND Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2000.

33. Cha-lơn Dia-pao-hơ, *Đổi mới và hoàn thiện Quốc hội nước CHDCND Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2006.

34. http://www.vitinfo.com.vn (21/6/2010), trong bài "*Thấy gì trong chuyến thăm Lào của Phó Chủ tịch Trung Quốc Tập*

Cận Bình" (Phó Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình thăm Lào trong hai ngày 15 và 16/6/2010).

35. Cục Khuyến khích đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào *Báo cáo tổng hợp số liệu đầu tư trong nước và nước ngoài 2000-2010 (Jun)*, (Bản tiếng Lào), Viêng Chăn, 2010.

36. Ngân hàng Thế giới, *Của cải của các quốc gia ở đâu ?* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.

37. Viện Kinh tế Quốc gia, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Lào, *Dự thảo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội CHDCND Lào đến năm 2020*, Viêng Chăn, 1999 (Bản dịch tiếng Việt).

38. Vũ Hồng Lâm, *Tài nguyên địa - chính trị của Việt Nam*, Thời báo kinh tế Sài Gòn, 26/11/2005.

39 Phủ Thủ tướng Lào, *Tổng kết 25 đổi mới kinh tế ở CHDCND Lào (1986 - 2010)*, Viêng Chăn, 2010 (Bản dịch tiếng Việt lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Hà Nội).

40. Khay-kham Van-na-vông, *Mở rộng quan hệ kinh tế giữa CHDCND Lào với các nước láng giềng*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2002.

41. Xổm-lít Pược-kẹo, *Đổi mới hệ thống chính trị cấp tỉnh ở nước CHDCND Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hà Nội, 2001.

42. Geoffrey C. Gum (2007), "*Lao in 2006: Changing of the guard*", Asian Survey. Vol. XLVII, January/February 2007, pp.183-188.

43. Dean Fobzbes and Cecile Cutler (2006), "*Lao in 2005: 30 years of the People's Democratic Republic*", Asian Survey. Vol. XLVI, January/February 2006. pp.175-179.

44. Andrew Burkle, Justine Vaisutis (2007), "*Laos*", Published by Lonely Planet Publications Pty Ltd 2007.

45. Dean Forbes and Cecile Cutler (2005), "*Lao in 2004: Political Stability, Economic Opening (Abstract, Political Development, Economic Social Issues, International Relation)*", Vol. XLV, No. 1, Jan./Feb. 2005, pp.161- 165.

46. http://www.kpl.net.la/english/30 years of Economic Development; 3/2009.

47. http://www.vientianetimes.org.la.

48. Chritian Taillard (1989), "*Le Laos, stratégies d'un État-tampon*", Monpellier, G.I.P. RECLUS.

49. Evans, Grant (ed.) (1993), "*Asia's Cultural Mosaic - An Anthropological Introduction*", Prentice Hall Press.

50. Condominas Georges (1976), "*Essai sur l'évolution des systemes politiques thais*", *Ethnos*, vol. 41, n° 1-4, en hommage à K.G.. Izikowitz, p. 7-67.

51. Condominas Georges (1980), "*Le Laos*" trong G. Condominas, *L'éspace social à propos de l' Asie du Sud-Est*, Paris, Flammarion, p.165-183.

52. Thomas Lum (2008), "*Laos: Background and U.S. Relations*", Congressional Research Service Prepared for Members and Commitees of Congress. Foreign Affairs, Defense and Trade Division, Asian Affairs.

53. ASEAN Statistical Pocketbook, 2006.

54. John Funston (Edited, 2001), "*Government and Politics in Southeast Asia*", Institute of Southeast Asia, Singapore.

55. CIA, "*The World Factbook*", 2010.

56. http://en.wikipedia.org/wiki/List of countries by GDP nominal per capita 2010.

57. *Tạp chí "Asian Survey"* các năm 2000 - 2010.

58. http://www.google.com.vn/China and Laos.

59. Báo Pạ-xa-xôn (Nhân dân), Báo Pạ-thệt-Lao (Đất nước Lào) và Báo Vientiane Times các năm từ 2005 đến nay.

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

36 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.39719073 - Fax: 04.39719071
Website: http://www.vass.gov.vn/nhaxuatban_khxh
Email: nxbkhxh@gmail.com

Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội

57 Sương Nguyệt Ánh - Phường Bến Thành - Quận I - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08.38394948 - Fax: 08.38394948

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ XU HƯỚNG CHÍNH TRỊ - KINH TẾ Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO TRONG HAI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

Chịu trách nhiệm xuất bản
PGS.TS. NGUYỄN XUÂN DŨNG

Biên tập nội dung: PHẠM HÀ - QUẾ HƯƠNG
Kỹ thuật vi tính: DŨNG ĐẠT
Sửa bản in: QUẾ HƯƠNG
Trình bày bìa: NGUYỄN KHẮC CƯỜNG

In 300 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty Cổ phần in và thương mại Đông Bắc
Số đăng ký KHXB: 445 - 2012 / CXB / 21 - 20 / KHXH
Số QĐXB: 11/QĐ-NXB KHXH ngày 04/5/2012
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2012

[illegible]

THƯ VIỆN VTTKHXH
VB00050579

Viện Thông tin
Khoa học xã hội
Vb
50579

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ XU HƯỚNG CHÍNH TRỊ - KINH TẾ Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

TRONG HAI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

Giá: 54.000 đ